

CAO MINH - PHẠM NHỚ - LÊ VĂN YÊN  
(Đồng chủ biên)

# *Dung* *Quất*

TIỀN VÀO THẾ KỶ XXI



**ST**

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA



**THƯƠNG HIỆU SÁCH THÀNH NGHĨA TP HỒ CHÍ MINH  
ĐẠT GIẢI THƯỜNG**

*Dung*  
*Quất*  
TIỀN VÀO THẾ KỶ XXI



337.959 753

D 513 Q

CAO MINH - PHẠM NHỚ - LÊ VĂN YÊN

(Đồng chủ biên)

# *Dung* *Quất*

TIẾN VÀO THẾ KỶ XXI

THƯ VIỆN QUẢNG NGÃI  
745  
ĐỊA CHỈ 464  
605

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Hà Nội - 2006



# MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	11
<i>Lời giới thiệu</i>	13.

## LÊ KHẢ PHIÊU

### *Phần thứ nhất*

ĐẤT VÀ NGƯỜI QUẢNG NGÃI	19
- Lịch sử vùng đất Quảng Ngãi	21
<i>Đại tá CAO MINH</i>	
- Vài nét về tiểu vùng địa lý - văn hóa xứ Quảng	51
PHẠM NHỚ	
- Quảng Ngãi anh hùng và văn hiến từ ngàn xưa cho đến mai sau	87
GS. VŨ KHIÊU	
- Phạm Văn Đồng - nhà văn hóa lớn của dân tộc	97
GS. SONG THÀNH	
- Tướng Nguyễn Chánh - tài và tâm	107
<i>Nhà thơ NGUYỄN VIẾT LÂM</i>	
- Thượng tướng Trần Văn Trà, một người cộng sản kiên trung, một tướng lĩnh có đức độ và tài ba của quân đội ta	115
<i>Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP</i>	

- Đồng chí Trần Kiên, một nhân cách trong sáng, kiên cường và trung thực 122

LÊ KHẢ PHIÊU

*Phần thứ hai*

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH  
KHU KINH TẾ DUNG QUẤT 127

- Vai trò chiến lược của Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất trong mối liên hệ Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và khu vực 129

TS. TRƯƠNG ĐÌNH HIỂN

*Kỹ sư* BÙI QUỐC NGHĨA

- Bối cảnh lịch sử và sự ra đời Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất, Chân Mây, Nhơn Hội 136

TS. TRƯƠNG ĐÌNH HIỂN

- Vai trò của Cảng biển nước sâu và các Khu công nghiệp Dung Quất, Chân Mây, Nhơn Hội trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của miền Trung, Tây Nguyên và tiểu vùng sông Mê Kông 166

TS. TRƯƠNG ĐÌNH HIỂN

- Xây dựng Khu kinh tế Dung Quất trở thành Khu kinh tế trọng điểm miền Trung 177

TRƯƠNG TẤN SANG

- Dung Quất trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước 183

HỒ NGHĨA DŨNG

- Giới thiệu dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất 188

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

NHÀ MÁY LỌC DẦU DUNG QUẤT



- Tác giả của ba công trình Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất, Chân Mây, Nhơn Hội  
*Đại tá CAO MINH* 206

- Ngọn hải đăng dẫn đường  
TS. TRƯƠNG ĐÌNH HIỂN 224

*Phần thứ ba*

THÀNH TÍCH VÀ KẾT QUẢ XÂY DỰNG  
KHU KINH TẾ DUNG QUẤT 237

- Phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung 239

TRƯƠNG TẤN SANG

- Đoàn kết một lòng, quyết tâm xây dựng Khu kinh tế Dung Quất phát triển nhanh hơn, mạnh hơn 250

NGUYỄN KIM HIỆU

- Mười năm Khu kinh tế Dung Quất - một chặng đường phát triển 256

TRẦN LÊ TRUNG

- Nàng tiên Dung Quất được đánh thức 270

*Đại tá CAO MINH*

- Nếu được xem xét lại, tôi vẫn chọn Dung Quất làm địa điểm xây dựng Nhà máy lọc dầu như nhận định ban đầu 282

VÕ VĂN KIẾT

- Vài cảm nghĩ về Khu công nghiệp Dung Quất 288

HUYỀN NGỌC PHIÊN

- Vùng đất tỏa hào quang 297

NGUYỄN TRƯƠNG ĐÀN

- Bến số 1 cảng Dung Quất - cửa ngõ đầu tiên của Khu kinh tế Dung Quất 308  
*Kỹ sư* PHAN ĐÔNG HẢI
- Nhà máy lọc dầu Dung Quất - chiến lược lựa chọn địa điểm 313  
GS, TS. HỒ SĨ THOẢNG
- Trường Đào tạo nghề Dung Quất - trung tâm cung cấp nhân lực chất lượng cao cho Khu kinh tế Dung Quất 324  
TRẦN NGỌC CHÂU
- Tổng quan về công tác đào tạo trong sự ảnh hưởng của Dự án Nhà máy lọc dầu và Khu công nghiệp Dung Quất 329  
PGS, TS. PHAN KỲ PHÙNG
- Đánh thức Vạn Tường, thành phố tương lai 343  
PHẠM ANH  
TRẦN ĐĂNG
- Hướng mở cho Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung 357  
TRẦN DANH LÂN  
PHAN LỢI
- Dung Quất - điểm đột phá chiến lược để miền Trung cất cánh trong thế kỷ XXI 367  
*Đại tá* CAO MINH  
TS. LÊ VĂN YÊN
- Phần thứ tư*
- PHỤ LỤC 385
- I- CÁC QUYẾT ĐỊNH 387
- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, số 207/TTg, ngày 11 tháng 4 năm 1996, về việc phê duyệt Quy hoạch chung Khu công nghiệp Dung Quất 387

- Nghị quyết của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X kỳ họp thứ 2 (từ ngày 21 tháng 11 năm 1997 đến ngày 12 tháng 12 năm 1997), số 07/1997/QH10, về dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất	391
- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, số 148/2004/QĐ-TTg, ngày 13 tháng 8 năm 2004, về phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020	394
- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, số 50/2005/QĐ-TTg, ngày 11 tháng 3 năm 2005, về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi	415
- Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Dung Quất (Ban hành kèm theo Quyết định số 50/2005/QĐ-TTg, ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ)	417
- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 139/2006/QĐ-TTg, ngày 16 tháng 6 năm 2006, về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Khu kinh tế Dung Quất đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020	452
- Phụ lục danh mục các công trình quan trọng và các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư (Ban hành kèm theo Quyết định số 139/2006/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)	476
II- NHẬN XÉT VÀ NHỮNG DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC CẤP PHÉP	486
- NHẬN XÉT CHUNG VỀ ĐẦU TƯ VÀO KHU KINH TẾ DUNG QUẤT	486

- CÁC DỰ ÁN	489
1. Những dự án đã được cấp phép đầu tư	489
2. Những dự án đã đàm phán và đã được chấp thuận đầu tư	493
3. Dự kiến những dự án lớn sắp đến	496
- NHÀ MÁY ĐÓNG TÀU DUNG QUẤT	497
- DUNG QUẤT - ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG TỔ HỢP LỘC - HÓA DẦU, PHƯƠNG ÁN KINH TẾ VÀ LỢI THẾ CẠNH TRANH	499
III- MỘT SỐ CA KHÚC	513
- Quảng Ngãi đất mẹ ngoan cường	
<i>Nhạc và lời</i> TRƯƠNG QUANG LỤC	
- Nụ cười Dung Quất	
<i>Nhạc:</i> TRƯƠNG QUANG LỤC	
<i>Lời:</i> NGUYỄN TRUNG HIẾU	
- Vạn Tường thành phố biển	
<i>Nhạc:</i> TRƯƠNG QUANG LỤC	
<i>Thơ:</i> NGUYỄN TRUNG HIẾU	
IV- PHỤ LỤC ẢNH	515

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Dung Quất (Vũng Quít), một địa danh thuộc tỉnh Quảng Ngãi, nằm giữa hai trung tâm lớn nhất của đất nước là Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, tiếp giáp với đường hành lang Đông - Tây, có khả năng trở thành cửa ngõ thông thương với các nước Lào, Thái Lan, Campuchia, Mianma. Dung Quất có nguồn nước phong phú, tiếp cận với đường giao thông xuyên Việt, xuyên Á của đất nước và trong khu vực; có nhiều thuận lợi để xây dựng một cảng biển nước sâu, một khu công nghiệp phức hợp. Dung Quất nói riêng, Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nói chung là vùng có vị trí rất quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Với những ưu thế vốn có của nó, Đảng và Nhà nước ta chọn Dung Quất để xây dựng cảng biển nước sâu và xây dựng khu công nghiệp. Đây là một quyết định sáng suốt, dũng cảm, đầy tính cách mạng và khoa học của Đảng và Nhà nước ta, được nhân dân miền Trung phấn khởi, nhân dân cả nước đồng tình, bạn bè quốc tế ủng hộ. Việc xây dựng Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất tạo nên một sự liên kết giữa Việt Nam với các nước trong khu vực, đó là bước đi thích hợp trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

miền Trung để đuổi kịp sự phát triển hai đầu của đất nước, tạo nên sự phát triển ổn định trên toàn lãnh thổ Việt Nam và thúc đẩy sự hội nhập có hiệu quả của nền kinh tế Việt Nam với thế giới bên ngoài.

Dung Quất là khu lọc và hóa dầu đầu tiên của cả nước, là khu tập trung nhiều ngành công nghiệp có quy mô lớn, gắn với Cảng biển nước sâu Dung Quất và sân bay quốc tế Chu Lai, trung tâm kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có ý nghĩa quan trọng về kinh tế, quốc phòng. Khu công nghiệp Dung Quất, nay là Khu kinh tế Dung Quất đã và đang từng bước trở thành hạt nhân tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nhân dịp kỷ niệm 10 năm ngày Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 207/TTg về việc phê duyệt Quy hoạch chung Khu công nghiệp Dung Quất (1996 - 2006), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia giới thiệu cuốn sách *Dung Quất tiến vào thế kỷ XXI*, do Cao Minh, Phạm Nhó và Lê Văn Yên đồng Chủ biên.

Do biên soạn lần đầu nên nội dung cuốn sách không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để lần xuất bản sau được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách quý cùng bạn đọc.

*Tháng 7 năm 2006*

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA**

## LỜI GIỚI THIỆU

Dung Quất là một địa danh thuộc tỉnh Quảng Ngãi, nằm ở trung điểm trên đường thiên lý Bắc - Nam. Từ đây ra Thủ đô Hà Nội hay vào thành phố Hồ Chí Minh cũng cùng một khoảng cách 860 km. Bên cạnh Dung Quất là những thành phố miền Trung sôi động và giao lưu thuận lợi: Đà Nẵng, Nha Trang và Quy Nhơn. Dung Quất là điểm thuận tiện lên vùng Tây Nguyên rộng lớn và là điểm đầu của con đường xuyên Á, nối Lào, Campuchia và Đông Bắc Thái Lan. Từ Cảng biển nước sâu Dung Quất, những con tàu có trọng tải lớn có thể ra khơi, ra đại dương đến tất cả các bến cảng lớn trên thế giới và ở đây cũng đón những con tàu lớn từ xa khơi cập bến. Kế bên Dung Quất là sân bay Chu Lai đang hồi sinh và sẽ trở thành một trong sáu sân bay trọng điểm của đất nước, sẽ đưa du khách và hàng hóa từ đây đi và đến nhiều nơi trong nước và quốc tế.

Nhìn lại lịch sử nhân dân miền Trung, ta càng thấy rõ miền Trung không chỉ là vùng chiến lược quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đóng góp sức người, sức của to lớn và cả xương máu cho sự

nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, mà còn có vị trí quan trọng trong xây dựng kinh tế - xã hội ngày nay. Vùng này có ưu thế về địa hình: vùng núi phía tây và vùng biển phía đông gần nhau. Phía tây có các cửa khẩu quốc tế gắn với Lào và Thái Lan, phía đông gắn với các cảng biển và sân bay lớn nhỏ, thuận tiện cho việc lưu thông hàng hóa. Từ thực tế này có thể làm thay đổi những quan điểm mà khi nói đến kinh tế hay phát triển kinh tế vùng này, chúng ta thường chỉ thấy một vùng khó khăn. Khu vực miền Trung nói chung và khu Dung Quất (Quảng Ngãi) nói riêng là một trong những khu vực trọng điểm kinh tế của cả nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Quảng Ngãi, vùng đất ẩn chứa nhiều điều huyền bí của nền văn hóa Sa Huỳnh xưa và còn in đậm dấu ấn của cha ông đi mở đất từ thời Lê Thánh Tông năm Hồng Đức thứ hai. Những trang sử hào hùng năm xưa với du kích Ba Tơ, khởi nghĩa Trà Bồng, với trận đánh Vạn Tường, trận đánh mở ra cục diện góp phần trên con đường đi đến thắng lợi và giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước; với sự dũng cảm, kiên cường của nhân dân Sơn Mỹ vẫn còn vang vọng mãi. Với sự giao lưu thuận tiện, là tâm điểm đi về các hướng đông - tây - nam - bắc, đã tạo ra thế chiến lược kinh tế, quốc phòng của vùng đất này, có vị trí đặc biệt quan trọng đối với cả nước. Địa hình ở đây còn tạo ra cho chúng ta



những điểm du lịch sinh thái biển, các khu lâm viên tự nhiên, nơi nghỉ mát với các bãi biển trải dài Mỹ Khê, Sa Huỳnh...

Quảng Ngãi - miền Trung - miền Nam, thực tế mới có hòa bình xây dựng 31 năm kể từ năm 1975 đến nay, sự phát triển kinh tế - xã hội của miền Trung nói chung và Quảng Ngãi nói riêng còn chậm so với hai đầu của đất nước. Do vậy, phát triển Khu kinh tế Dung Quất là một chiến lược đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, đáp ứng đòi hỏi cấp bách về phát triển và an dân hiện nay và sự bền vững lâu dài của đất nước. Phát triển Khu kinh tế Dung Quất không chỉ tạo đà để kinh tế - xã hội của miền Trung đi lên, mà còn tạo thế cho Tây Nguyên và cả nước trong xây dựng phát triển kinh tế và an ninh, quốc phòng.

Từ năm 1992, Nhà nước ta đã có chủ trương nghiên cứu hình thành Khu công nghiệp Dung Quất. Đến ngày 11-4-1996, sau khi có ý kiến của Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 207/TTg về việc phê duyệt Quy hoạch chung Khu công nghiệp Dung Quất là Khu công nghiệp lọc - hóa dầu đầu tiên của cả nước với nhiều ngành công nghiệp quy mô lớn, có cảng biển Dung Quất và sân bay quốc tế Chu Lai, thành phố Vạn Tường, là trung tâm kinh tế của Quảng Ngãi và Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Ngày 11-3-2005, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 50/2005/QĐ-TTg

về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi. Khu kinh tế Dung Quất là khu vực có môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi và bình đẳng với nhiều khu vực chức năng, nhiều công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội, công trình dịch vụ và tiện ích công cộng. Chính sách ở đây có nhiều ưu đãi, khuyến khích, ổn định lâu dài với cơ chế quản lý thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài yên tâm đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong khung pháp lý hiện hành và ngày càng hoàn thiện.

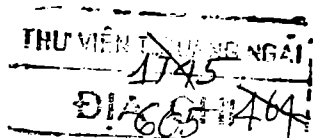
Định hướng phát triển Khu kinh tế Dung Quất trở thành khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực với trọng tâm là phát triển công nghiệp lọc dầu - hóa dầu - hóa chất, các ngành công nghiệp có quy mô lớn bao gồm: công nghiệp cơ khí, đóng và sửa chữa tàu biển, luyện cán thép, sản xuất xi măng, sản xuất container và các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến và xuất khẩu; gắn với việc phát triển và khai thác có hiệu quả Cảng biển nước sâu Dung Quất, sân bay quốc tế Chu Lai và đô thị công nghiệp - dịch vụ Vạn Tường, đô thị Dốc Sỏi.

Với định hướng trên, đòi hỏi phải đẩy nhanh tốc độ đầu tư xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất cùng với Khu kinh tế mở Chu Lai, để sau năm 2010 các khu kinh tế này từng bước trở thành những hạt nhân

tăng trưởng, trung tâm đô thị - công nghiệp - dịch vụ của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, làm động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa khu vực miền Trung và cả nước; là một đầu mối giao lưu quốc tế quan trọng, góp phần mở rộng thị trường khu vực miền Trung và Tây Nguyên và trở thành cầu nối với thị trường Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan. Phát triển Khu kinh tế Dung Quất là tạo việc làm, thúc đẩy đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong vùng; góp phần tạo ra những sản phẩm có thương hiệu, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao. Hơn nữa, phát triển Khu kinh tế Dung Quất còn giúp khai thác có hiệu quả các lợi thế về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý kinh tế và chính trị trong giao thương, dịch vụ quốc tế và trong nước để thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực, tạo sự lan tỏa ra các vùng xung quanh, tiến tới thu hẹp khoảng cách phát triển với các vùng khác trong cả nước.

Nhìn về tương lai, có thể tin tưởng Dung Quất nói riêng và Quảng Ngãi nói chung sẽ phát triển mạnh mẽ và sẽ là một trung tâm kinh tế - xã hội trù phú của miền Trung và của cả nước. Trong thời gian qua, sự phát triển của Dung Quất và Quảng Ngãi đã được các tác giả trình bày trong các phần của cuốn sách này như:

- Đất và người Quảng Ngãi;
- Thành tích và kết quả xây dựng Khu kinh tế Dung Quất;



- Dung Quát trong tổng thể phát triển Khu kinh tế trọng điểm miền Trung;

- Nhân vật có liên quan đến Dung Quát.

Tuy nhiên, viết về sự phát triển của Dung Quát là một đề tài lớn mà trong các phần của cuốn sách mới đề cập tới một số nội dung, do vậy không tránh khỏi những khiếm khuyết nhất định, cần bổ sung và hoàn thiện sau này. Mặc dù vậy, đây là cuốn sách tốt, có giá trị tham khảo cao và chắc chắn có thể đáp ứng được nhu cầu hiện nay của nhiều độc giả.

Trên tinh thần ấy, xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

*Hà Nội, tháng 6 năm 2006*

**LÊ KHẢ PHIÊU**

**NGUYỄN TỔNG BÍ THƯ BAN CHẤP HÀNH  
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*Phần thứ nhất*

# ĐẤT VÀ NGƯỜI QUẢNG NGÃI



# LỊCH SỬ VÙNG ĐẤT QUẢNG NGÃI

*Đại tá Cao Minh*

## I- THEO DÒNG LỊCH SỬ

Lịch sử vùng đất Quảng Ngãi gắn liền với lịch sử của hai vùng Thuận - Quảng, với quá trình hình thành vùng đất Trung Bộ qua các thời kỳ lịch sử, trong quá trình mở mang bờ cõi của Đại Việt.

Trước thế kỷ thứ X, lãnh thổ Việt Nam chỉ từ bắc Hoàng Sơn và từ trung du sông Hồng, sông Mã, sông Lam trở xuống, nhưng đã có sự chuẩn bị tiến về phía Nam.

Từ năm 992, Lê Hoàn đã cho binh lính làm một con đường từ cửa Sốt (Hà Tĩnh) tới vùng Hoàng Sơn, đây là con đường bộ đầu tiên được mở của nước ta; trước đó vào năm 983 đã đào một con kênh ở vùng Thanh Hóa.

Từ thế kỷ thứ X, thời nhà Lý (1010 - 1225), sau khi giành lại độc lập tự chủ, quốc gia Đại Việt bắt đầu phát triển và cường thịnh. Sự mở rộng cương vực về phía Nam mở đầu bằng cuộc chiến năm 1609 do

Lý Thánh Tông và Lý Thường Kiệt chỉ huy mà các châu: Bố Chính, Đại Lý, Ma Linh (Quảng Bình, Quảng Trị) sáp nhập vào Đại Việt. Từ đó, quá trình mở rộng ranh giới của Đại Việt vào phía Nam tiếp diễn suốt nhiều thế kỷ.

Nhà Trần (1225 - 1400) mở mang bờ cõi đến đèo Hải Vân (ranh giới tỉnh Thừa Thiên - Huế và Đà Nẵng ngày nay). Năm 1307, vua Chiêm dâng hai châu: Châu Ô, Châu Lý (từ bắc Hải Vân trở ra) làm lễ cưới Huyền Trân công chúa cho Chế Mân (vua Chiêm Thành). Vua Trần Anh Tông đổi làm Thuận Châu và Hóa Châu, sau nhập lại làm một châu gọi là Thuận Hóa. Năm 1376, vua Trần Duệ Tông (1372 - 1377) cho làm một con đường từ Cửu Chân (Thanh Hóa) tới Hạ Hòa (Kỳ Anh, Hà Tĩnh) và phía bắc tới dãy Hoành Sơn - một đoạn con đường này nằm trên con đường cũ được làm từ năm 992.

Nhà Hồ (1400 - 1407). Tháng 3-1402, Hồ Hán Thương lên ngôi phong Đỗ Mãn làm Đô tướng đem đại quân đánh Chiêm Thành. Quân Chiêm chống cự bị thua đem phẩm vật xin dâng Chiêm Động (phần Nam Quảng Nam ngày nay), nhà Hồ ép sứ giả buộc Chiêm Thành nộp cả động Cổ Lũy (phần phía Bắc Quảng Ngãi ngày nay). Họ Hồ chia đất Chiêm Động và Cổ Lũy động làm bốn châu: Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa. Năm 1406, quân Minh sang đánh, Hồ Hán Thương thua chạy, Chiêm Thành đem quân chiếm lại Chiêm Động.



Đầu nhà Lê (1428), hai châu Tư, Nghĩa tuy thuộc nhà vua, nhưng chỉ trên danh nghĩa, không bị trực tiếp cai trị, vẫn ở ngoài vòng pháp chế.

Để ngăn chặn những vụ cướp phá và đánh chiếm của người Chiêm, triều Lê phải nghĩ đến việc đem đại binh chinh phạt. Năm 1467 và năm 1470, vua Chiêm hai lần đem quân đánh Hóa Châu, quân ta chống cự không nổi cấp báo về triều đình. Vua Lê Thánh Tông quyết định thân chinh, trưng 26 vạn tinh binh, ban 24 điều quân lệnh, sai Thái sư Đinh Liệt, Thái bảo Lê Niệm làm Chánh lộ tướng quân, lãnh thủy binh đi trước. Ngày Tân Tỵ vua cáo Thái Miếu xuất đại quân đi theo, đến miền Thiết Sơn (Nghệ An) gặp nhau. Năm 1471, vua đóng quân ở Thuận Hóa. Ngày 5 tháng 2, vua Chiêm là Trà Toàn, sai em đem 6 viên tướng và 5.000 quân, 100 voi bí mật đến bực dinh trại. Vua Lê mật sai các tướng lĩnh đem hơn 500 chiến thuyền, 3 vạn tinh binh ban đêm vượt biển vào cửa Sa Kỳ (thuộc huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi) lập đồn lũy để chặn đường về của quân Chiêm. Ngày hôm sau, vua đem 1.000 chiến thuyền và 7 vạn quân ra biển gióng cờ, đánh trống hò reo tiến tới; mặt khác, tướng quân bộ binh Nguyễn Đức Trung đã đem quân chiếm các đường ven núi.

Quân Chiêm chống cự không nổi giày xéo lên nhau, tan vỡ bỏ chạy về Trà Bàn, gặp quân của Lê Hy Cát chặn đánh, quân Chiêm hốt hoảng chạy ngang lên núi,

bỏ lại người, ngựa, lương thực đầy đồng. Bấy giờ vua Lê Thánh Tông đến Thử Càn (của Sơn Trà ngày nay - Đông Bắc huyện Bình Sơn) cho binh tiến đánh, giết và bắt sống 360 tên. Ngày 27, vua thân xuất đại quân đánh Thị Nại; ngày 28, vua tiến binh đến Trà Bàn; ngày 29 đến dưới thành, vây mấy vòng, sai làm thang leo lên. Ngày 1 tháng 3, hãm thành Trà Bàn, sai quân leo thang vào phía cửa Đông, diệt và bắt sống gần 7 vạn quân địch. Vua Trà Toàn cũng bị quân ta bắt.

Chiếm được Chiêm đô Trà Bàn, vua Lê Thánh Tông tổ chức lại việc cai trị các châu: Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa từng lọt vào tay Chiêm Thành từ thời Minh thuộc.

Năm Hồng Đức thứ hai (1471) tháng 6, vua Lê Thánh Tông lấy đất Chiêm Thành vừa chiếm lại đặt làm đạo Thừa Tuyên Quảng Nam. Đạo Thừa Tuyên này là một trong số 13 đạo Thừa Tuyên trong nước, thống lĩnh ba phủ, chín huyện, trong đó có phủ Tư Nghĩa gồm ba huyện: Bình Sơn, Mộ Hoa (đời Thiệu Trị đổi là Mộ Đức) và Nghĩa Giang (năm Thành Thái chia đất Nghĩa Giang nhập vào huyện Nghĩa Hành và phủ Tư Nghĩa).

Năm Hồng Đức thứ 21 (1490), vua Lê Thánh Tông cải chia nước thành 13 xứ, đổi đạo Thừa Tuyên làm xứ, mỗi xứ đặt Sở thủ ngữ kinh lược sứ.

Xứ Quảng Nam lãnh 3 phủ, 9 huyện, trong đó có phủ Tư Nghĩa gồm ba huyện: Nghĩa Giang có 12 tổng, 93 xã; Bình Sơn có 6 tổng, 70 xã; Mộ Hoa có 6 tổng, 5 xã.

Tháng 10 năm Mậu Ngọ (1558) đời vua Anh Tông, Đoan quận công Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa, năm 1570 kiêm lãnh trấn Quảng Nam.

Năm Hồng Định thứ 5 (1604), cải đặt và đổi tên các khu vực hành chính Thuận Quảng, đổi phủ Tư Nghĩa thành Quảng Nghĩa phủ, đặt chức Tuần Vũ, Khâm Lý nhưng cũng thuộc Quảng Nam dinh.

Đời Nguyễn Tây Sơn (1788 - 1802), cải Quảng Nghĩa phủ thành Hòa Nghĩa phủ.

Năm 1802, đời Nguyễn Gia Long khôi phục Hòa Nghĩa phủ, đặt tên là Quảng Nghĩa dinh.

Năm Minh Mạng thứ 10 (1829), một bộ phận của xứ Quảng (bao gồm Quảng Nam và Quảng Ngãi, từ thời Lê hai tỉnh này đã được đặt dưới cái tên chung là Thừa Tuyên Quảng Nam, sau đó là dinh Quảng Nam và tỉnh Quảng Nam tách ra lập thành tỉnh Quảng Ngãi (Nghĩa).

Năm Thành Thái thứ 2 (1890), đặt ba châu: Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Mộ Đức thuộc Nghĩa Định Sơn Phòng; năm 1900 triệt bãi Sơn Phòng đổi ba châu ấy làm ba huyện do tỉnh kiêm quản đặt chức Tuần Vũ, bổ chức Bố Chánh cai trị một phủ: phủ Tư Nghĩa và sáu huyện: Chương Nghĩa, Bình Sơn, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Sơn Tịnh, Đức Phổ gồm tất cả 24 tổng, 426 xã, thôn, ấp, trại.

Từ năm 1909 đến cuối triều Nguyễn (1945), miền trung châu Quảng Ngãi được chia thành bốn phủ: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức; hai huyện: Nghĩa

Hành, Đức Phổ gồm 21 tổng, 403 làng. Miền thượng được chia thành bốn nha: Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long với 27 tổng, 199 "nóc", miền duyên hải có nha Lý Sơn hai làng.

Từ ngày 9-3-1945 đến ngày 19-8-1945, Nhật đảo chính Pháp, nhưng tổ chức hành chính không đổi mấy, chỉ thay trên danh từ: Tuần Vũ gọi là Tỉnh Trưởng, ở huyện gọi là Huyện Trưởng, chức Chánh, Phó Sứ thời Pháp do một cơ quan hiến binh Nhật đảm trách.

Thời kỳ đầu của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, tỉnh Quảng Ngãi được đổi tên là tỉnh Lê Trung đình, huyện, xã cũng đổi tên lấy tên những nhà yêu nước và cách mạng làm tên huyện, xã. Nhưng sau một thời gian, danh hiệu tỉnh, huyện, xã đều lấy lại tên cũ. Các phủ, huyện đều gọi tên thống nhất là huyện, gồm tất cả 10 huyện, 124 liên xã (vì sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 nhập nhiều thôn, xã thành một xã lớn). Đảo Lý Sơn nhập vào huyện Bình Sơn, nhưng năm 1952 bị quân Pháp chiếm đóng nên nhập hải đảo Lý Sơn vào thị xã Đà Nẵng. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng 30-4-1975, tỉnh Quảng Ngãi nhập với tỉnh Bình Định thành tỉnh Nghĩa Bình từ tháng 11-1975 cho đến tháng 6-1987; và từ tháng 6-1987 thì tách ra thành hai tỉnh riêng biệt như cũ.

Cùng với quá trình hình thành tỉnh Quảng Ngãi, từ sau khi vua Lê Thánh Tông đánh chiếm thành

Trà Bàn (tức Kinh đô Vijaya) và đất Đại Chiêm nay là Bình Định.

Các chúa Nguyễn và nhà Nguyễn tiếp tục sự nghiệp của nhà Lê, trong quá trình mở mang lãnh thổ vào phía nam, đồng thời bắt đầu kinh dinh miền cao nguyên phía tây.

Đặc biệt từ khi Nguyễn Hoàng vào Thuận Quảng (từ Đèo Ngang đến Cù Mông) từ năm 1558, thì chỉ hơn một thế kỷ sau các chúa Nguyễn và nhà Nguyễn tiếp tục mở rộng đến hết miền Trung và toàn Nam Bộ.

- Nguyễn Hoàng từ năm 1558 đến năm 1611 mở thêm từ đèo Cù Mông đến Phú Yên;

- Nguyễn Phước Lan tổ chức cai trị và khai khẩn núi Đá Bia đến sông Phan Rang hồi năm 1653;

- Nguyễn Phước Tần cho người Minh Hương đến khẩn hoang ở Mỹ Tho và Biên Hòa năm 1679;

- Nguyễn Phước Chu đặt phủ Bình Thuận hồi năm 1697 (nhưng để vua Chiêm cai trị người Chiêm như cũ);

- Năm 1697, Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý miền Nam đặt phủ Gia Định và Phước Long;

- Năm 1708, chia cho Mạc Cửu làm Tổng binh trấn Hà Tiên và đến những năm 1725 - 1738 đặt chức Điều Khiển để cai quản việc quân dân toàn miền Nam.

Quá trình mở đất, tổ chức quản lý cai trị bao gồm cả phía nam lẫn phía tây và cả phía Biển Đông, cả quần đảo xa xôi như Hoàng Sa, Trường Sa...

Như vậy, quá trình mở đất vào phía nam, trên bản

đồ địa dư nước ta, đã hình thành ba miền Bắc, Trung, Nam. Trong bài thơ của Nguyễn Ái Quốc được lưu truyền tại Cao Bằng từ năm 1941, nói về Trung Kỳ như sau:

*"Trung Kỳ một dải đất dài  
Bên Đông biển rộng, bên Đoài rừng xanh.  
Thanh Hóa quang cảnh đẹp xinh.  
Nghệ An, Hà Tĩnh tục danh Lam Hồng  
Quảng Bình, Quảng Trị vào trong  
Thừa Thiên có Huế cũng không xa gì.  
Quảng Nam, Quảng Ngãi gần kề.  
Muốn vào Bình Định đi về cũng mau  
Phú Yên trước, Khánh Hòa sau  
Người ta thường gọi sông Cầu Nha Trang  
Ninh Thuận tỉnh lỵ Phan Rang  
Bình Thuận, Phan Thiết gọi thường sử nhau  
Mười ba tỉnh ấy Trung Châu  
Lại còn năm tỉnh thượng du cũng gần  
Đi từ cửa bể Quy Nhơn  
Bảy mươi cây số tới phần Gia Lai  
Công Tum<sup>1</sup> tiếp giáp tỉnh này  
Qua Buôn Ma Thuột một ngày tới nơi.  
Muốn tìm mát mẻ thành thơ  
Thì qua Đà Lạt mà chơi cũng gần  
Đường theo sườn núi xoay vần  
Di Linh đi xuống nóng dần tăng lên.*

---

1. Nay gọi là Kon Tum (BT).

*Ấy mười tám tỉnh dưới trên  
Còn ba hải cảng kể tên sau này:  
Quy Nhơn, Đà Nẵng là hai,  
Nhưng mà tốt nhất mai ngày Cam Ranh.  
Nước non, non nước hữu tình  
Trung Kỳ sáu triệu dân sinh còn thừa.*

.....

## II- ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN

### 1. Vị trí địa lý

Quảng Ngãi là một tỉnh thuộc duyên hải miền Trung Việt Nam, nằm giữa miền Trung trung phần. Phía bắc giáp Quảng Nam - Đà Nẵng, phía nam giáp Bình Định, phía tây giáp dãy Trường Sơn và Kon Tum, phía đông giáp Biển Đông. Diện tích khoảng 5.856 km<sup>2</sup>, có hình thể đa giác gây nhiều cạnh, bề dài từ bắc vào nam khoảng 98 km, bề rộng từ đông sang tây từ 40 đến 60 km.

### 2. Khí hậu

Quảng Ngãi nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới ẩm có gió mùa. Quảng Ngãi có hai mùa rõ rệt (mùa khô từ tháng 1 đến tháng 8, mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12), nhiệt độ trung bình 26<sup>o</sup>C/năm, lượng mưa bình quân 2.052 mm/năm.

### 3. Về hình thể thiên nhiên

Tỉnh Quảng Ngãi được chia làm ba miền riêng biệt: miền thượng du, miền trung châu, miền duyên hải và hải đảo.

*Miền thượng du:* Rộng bằng 2/3 diện tích toàn tỉnh, miền này thuộc loại đất núi, có nhiều đá, khả năng khai thác kém. Núi cao hiểm trở, rừng rậm bao la, chiếm một diện tích khoảng 500 ha, có nhiều lâm sản, đặc biệt có quế Trà Bồng, một lâm sản quan trọng.

Quảng Ngãi có nhiều núi cao như núi Cà Đam tục gọi là "Hòn Ông, Hòn Bà" cao khoảng 1.600m ở hai xã Hà Long và Hà Tây, ngăn cách Sơn Hà và Trà Bồng; về phía tây - bắc có núi Đá Vách (Thạch Bích) cao khoảng 1.500m ở xã Hà Thạch, ngăn cách Sơn Hà và Minh Long; núi U Bò ở hai xã Lò, Hà Khê (Sơn Hà) cao khoảng 1.200m. Ngoài ra, có núi cao trung bình 700m như núi Cao Môn ở ngoài trường lũy phía tây huyện Đức Phổ.

Ngoài ra, có nhiều núi thấp ở vùng trung châu các huyện như: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ... Có một số núi được liệt vào hạng danh sơn, được vịnh làm thắng cảnh như: Thiên Ấn, Thiên Bút, Thạch Bích... Có một số núi còn ghi chứng tích lịch sử như Mộ Nộ ở phía tây cửa Sa Kỳ (Bình Sơn) nơi quân của Lê Hy Cát đại thắng Chiêm Thành; núi Truyền Trung (Sơn Tịnh) chiến khu của phong trào



Cần Vương (1885). Quân Cần Vương của Lê Trung Đình, Nguyễn Suý từng xuất phát ở núi này kéo về chiếm thành Quảng Ngãi.

*Miền trung châu:* Đất đai phần lớn là phù sa do các sông bồi lên. Dựa vào thành phần cát khá cao của đất với sự xói mòn phá hủy do thời tiết mưa nắng đặc biệt ở Quảng Ngãi, nên chất đất ở đây tương đối nghèo, sự thoát nước lại quá nhanh, thêm vào đó mùa khô hạn kéo dài, nên có sự thiếu nước trong nhiều tháng của năm, bề mặt đất có sự thiếu chất mùn. Tuy nhiên, cũng có nhiều vùng đất rộng, nhờ thế nước của các sông lớn phát nguyên từ dãy Trường Sơn chảy xuyên qua đồng bằng rồi ra biển, nên thích hợp cho việc canh tác.

*Miền duyên hải và hải đảo:* Với bờ biển dài khoảng 98 km, có nhiều bãi cát dài, có nhiều đoạn núi nhô ra sát biển. Dọc theo bờ biển có rừng dương, biển mênh mông, bãi cát trắng, vàng, hoặc những mỏm đá, tạo ra nhiều cảnh đẹp như mũi Batangan, bãi Mỹ Khê, Sa Huỳnh..., có nước trong xanh, phong cảnh nên thơ.

Riêng Sa Huỳnh giáp ranh Bình Định đẹp hơn cả, giao thông thuận tiện, cát trắng, biển xanh, đồng muối mênh mông... Cũng tại Sa Huỳnh, người ta đã tìm thấy những cổ vật đời tiền sử trước khi có Chiêm Thành (những đồ cổ nói trên và những di tích Chiêm Thành tìm được ở Quảng Ngãi hiện còn trưng bày ở Viện Bảo tàng thành phố Hồ Chí Minh).

Biển và bờ biển Quảng Ngãi có nhiều tài nguyên, hải sản phong phú, nhân dân có thể khai thác quanh năm. Ở một số nơi, nhân dân tổ chức nuôi tôm trên cát có hiệu quả.

Đặc biệt, các nhà khoa học đã phát hiện vịnh Dung Quất, đưa đến việc Chính phủ đã quyết định xây dựng Cảng biển nước sâu Dung Quất và sự ra đời Khu công nghiệp - Khu kinh tế Dung Quất với việc xây dựng nhà máy lọc dầu đầu tiên của cả nước, lấy công nghiệp lọc, hóa dầu làm trọng tâm, làm động lực thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của toàn Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, góp phần rút ngắn khoảng cách so với hai đầu của đất nước, tạo điều kiện thuận lợi cho xây dựng và phát triển vùng Tây Nguyên chiến lược quan trọng của Tổ quốc.

Ngoài ra, Quảng Ngãi còn có năm cửa biển:

- *Cửa Sơn Trà*, tục gọi là cửa Kẽm, Thề Cầm, ở phía đông - bắc huyện Bình Sơn, có hai gành đá gọi là gành Ông và gành Bà. Phía bắc có cảng rộng, nước sâu, ghe thuyền thông thương được từ cửa biển đến sâu trong sông Trà Bồng, đến thị trấn Châu Ô và có thể vào sâu hơn nữa.

- *Cửa Sa Kỳ* ở phía đông - nam huyện Bình Sơn, rộng 560m, tàu nhỏ trọng tải từ 100 tấn trở xuống có thể đậu tại Sa Kỳ. Có gành đá nhô lên trên mặt nước hình như người đứng. Gành đá này được vịnh là thắng cảnh của địa phương mang tên "Thạch cơ điệu tầu".

- *Cửa Đại Cổ Lũy* ở phía đông - bắc huyện Tư Nghĩa, cửa rộng 1.520m. Phía nam là Đại hải khẩu, phía bắc là Tiểu hải khẩu. Ghe thuyền ra vào đều đi theo Đại hải khẩu. Nơi đây có thôn Cổ Lũy, có hai ngọn nước của sông Trà Khúc và sông Vệ đổ dồn về đó, nên đây cũng là một trong 12 cảnh đẹp được vịnh là "Cổ Lũy cô thôn" của Quảng Ngãi.

- *Cửa Mỹ Ý* (tục gọi là Mỹ Á) ở phía đông huyện Đức Phổ, cửa biển rộng 32m, miệng cạn hẹp, ghe thuyền khó đậu.

- *Cửa Sa Hoàng* (Sa Huỳnh) ở phía đông - nam huyện Đức Phổ, cửa biển rộng 40m.

*Hải đảo Lý Sơn*: Ở về phía đông - bắc Quảng Ngãi, cách đất liền 24 km, vĩ độ bắc  $15^{\circ},40$  và kinh độ  $109^{\circ}$  có hải đảo Lý Sơn tục gọi là Cù lao Ré, vì trước kia có nhiều cây ré dùng làm dây rất dai và bền.

Hải đảo này hình đa giác không đều cạnh, ở giữa trung thấp, có đồi rẫy nằm vào khoảng giữa núi. Có năm quả núi gọi là Ngũ Linh: Hòn Tai, Hòn Tiên, Hòn Vung, Hòn Sỏi, núi Thái Lối. Núi Thái Lối cao khoảng 100m, đêm đêm có ánh đèn pha của hải đăng rọi thành chữ X sáng cả một vùng chân núi.

Đảo Lý Sơn còn có hai hòn đảo nhỏ gọi là hòn Bé (cách đảo khoảng 7 km, về phía tây - bắc), hòn Mù Cu rất nhỏ cách đảo khoảng 1 km. Hòn Bé thuộc xã Bình Vĩnh

được coi như một áp của xã này, có đất trồng trọt (tỏi, hành, đậu phộng). Dân cư thưa thớt, ở hòn Bé thiếu nước ngọt, phải xây hồ chứa nước mưa, thường phải dùng ghe vào Lý Sơn chở nước về dùng.

Phía đông - bắc đảo Lý Sơn có miệng động giống như miệng cá sấu ăn sâu vào lòng núi Thái Lới dài khoảng 20m, rộng khoảng 15 - 18m, phía dưới bằng phẳng, mặt trước xây ra biển. Trong động có thờ Phật, có nhà sư trụ trì, bốn mùa hơi đá tỏa ra lạnh mát, có ánh sáng. Động thiên nhiên này ở xã Bình Yến, dân địa phương gọi là Chùa Hang. Ngoài ra, còn có một động nhân tạo, đục sâu vào Hòn Tiên (Bình Vĩnh) từ 4 đến 8m, trong động có thờ Phật gọi là Chùa Đục.

Ở hải đảo Lý Sơn còn có một giếng nước đặc biệt tại ấp Vĩnh Hải (Bình Vĩnh) gọi là giếng Xó La. Giếng được xây sát bờ biển bằng đá đen, sâu khoảng 4m, nước ngọt và trong nhất ở đảo, mặc dù hằng ngày sóng vỗ gùn sát thành giếng. Tương truyền giếng xây đời Gia Long, mạch giếng có lẽ thông với đất liền. Bãi biển hẹp, phía nam có bến ghé cho tàu thuyền, có hải đăng xây từ hồi Pháp thuộc, kiến trúc quy mô. Đường lên đỉnh hải đăng có 336 bậc, bên trong có 2 thang, ngoài 1 thang, cao 55m, đêm đêm soi sáng hải trình cho ghe tàu thông thương.

Xưa kia, Lý Sơn là một hòn đảo hoang vu. Vào đời

vua Lê Kinh Tông (1600 - 1619), năm 1604 mới có người ở đất liền ra khai khẩn đất đai, định cư lập hai phường Vĩnh An và An Hải, hiện nay xã Bình Vĩnh với hai ấp: Hải Yến Đông, Hải Yến Tây, dân số 17.000 người.

Hiện nay, dân làng Bình Vĩnh còn thờ tám vị tiền hiền có công khai khẩn đất đai thường gọi là Bát Tổ, làng Bình Yến còn thờ bảy vị gọi là Thất Lộc.

Hằng năm vào dịp tháng 7 âm lịch là ngày giỗ Tổ, dân làng cúng tế trang nghiêm, mở hội đua thuyền như những ngày hội lớn để nhớ ơn công đức người xưa.

#### **4. Về sông ngòi**

Quảng Ngãi có bốn sông chính:

- *Sông Trà Bồng* dài khoảng 50 km, ở phía bắc huyện Bình Sơn, phát nguyên từ nguồn Thanh Bồng chảy qua huyện Bình Sơn xuống hướng đông đến thôn Giao Thủy, lại chảy về đông - bắc đến thôn Mỹ Huệ và chảy ra cửa biển Thế Căn (Sơn Trà).

- *Sông Trà Khúc* dài khoảng 120 km, ở phía bắc huyện Tư Nghĩa, tả ngạn con sông về phía bắc là huyện Sơn Tịnh, phát nguyên từ vùng Thượng (tục danh mọi Hré đọc Re) chảy qua hai huyện Tư Nghĩa và Sơn Tịnh. Sông Trà Khúc tập hợp các nguồn nước của ba con sông: sông Di Lãng thuộc xã Hà Tây (Sơn Hà), sông Dakselo (tức Xà Lò) bắt nguồn từ Komplong, sông Hré thuộc xã

Hà Thượng bắt nguồn từ Ba Tơ. Năm Tự Đức thứ ba (1849), được liệt vào hạng đại xuyên. Lưu lượng nước vào mùa nắng của sông là  $35\text{m}^3$  (giây).

- *Sông Vệ* dài khoảng 80 km, ở phía tây huyện Mộ Đức. Phía bắc con sông là ranh giới huyện Tư Nghĩa. Sông này có ba ngã nguồn, chảy xuyên qua huyện Nghĩa Hành, Mộ Đức, Tư Nghĩa.

- *Sông Trà* (Trà Câu) dài khoảng 40 km, ở phía nam huyện Đức Phổ, phát nguyên từ núi Bàn Thạch thuộc mán Làng Lộ. Ngoài trường lũ chảy đến mán Na Âm hợp lưu với khe Thiết Liêm gọi là sông Liêm, chảy khuất khúc về phía đông - bắc, quanh qua đông - nam gọi là sông Trà Câu. Đến đây quẹo xuống phía đông hợp lưu với Thốc Giang rồi chảy ra cửa biển Mỹ Ý (tục gọi là Mỹ Á).

Sông Quảng Ngãi, đặc biệt sông Trà và sông Vệ không có lưu lượng nước lớn như sông Mã, cũng không chảy lờ đờ như sông Hương, cũng không quá mạnh nên rất thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp.

Trên các con sông này, nông dân dựng nhiều bờ xe nước tự động, đào nhiều kênh, mương, máy bơm nước, tận dụng nước sông trong mùa nắng hạn tưới cho đồng ruộng lúa, màu.

Quảng Ngãi còn có các hệ thống thủy nông:

- Hệ thống tận dụng nước sông Vệ. Có nhiều kênh

đập, triệt để dùng và chi phối nước sông này trong mùa nắng về các đồng ruộng ở các huyện Nghĩa Hành, Tư Nghĩa và Mộ Đức.

- Hệ thống sông Giảng (Nghĩa Hành). Có nhiều đập ngăn sông để làm bầu chứa tưới cho những vùng ruộng cao ở Nghĩa Hành. Công trình then chốt cho hệ thống này là đập Hồ Đá, xây bằng xi măng cốt sắt, hoàn thành năm 1958, dài 78m, tưới cho 2.130 ha.

- Hệ thống dẫn thủy Tư Nghĩa: gồm nhiều mương, đập, như một màng nhện lấy nước sông Trà về tưới cho 2.000 ha ruộng các xã trong huyện. Kênh chính dài 6 km 500, hai khẩu ở xã Tư Quang, nếu kể các công trình chi nhánh có thể dài đến 30 km. Công trình kỹ thuật là đập Ba La và đập Cây Bứa đúc bằng xi măng cốt sắt.

- Hệ thống chi thủy Sơn Tịnh. Quy mô như hệ thống kênh Tư Nghĩa, cũng lấy nước sông Trà về tưới ruộng các xã miền đông Sơn Tịnh và miền nam huyện Bình Sơn. Công trình kỹ thuật là đập Tư Cung Nam hoàn thành cuối năm 1962.

- Công trình thủy lợi Thạch Nham là công trình thủy lợi lớn của tỉnh, tưới cho hàng ngàn ha.

Ngoài ra, Quảng Ngãi có gần 400 km kênh, đập, bờ cừ quan trọng như: đập Bến Thóc (Mộ Đức), đập Hồ Đá (Nghĩa Hành), suối Tó (Tư Nghĩa), đập ngăn nước mặn Đồng Phó (Đức Phổ). Hệ thống đê gồm các đê: Cầu Bi, Châu Me Đông; bờ cừ quan trọng có bờ cừ Mộ Đức, Tư

Nghĩa, kênh Núi Sứa (Sơn Tịnh) dài 13.300m, tưới cho 600 ha, kênh Sơn Tịnh dài 7.000m, tưới cho 1.000 ha.

Tuy ở trên những con sông khác nhau, nhưng về kỹ thuật, các hệ thống dẫn thủy trên đều liên hệ mật thiết với nhau, tưới cho gần 10.000 ha ruộng, chưa kể công trình dẫn thủy của các bờ xe nước trên bờ sông Trà, sông Vệ.

## **5. Tài nguyên và lợi thế của Quảng Ngãi**

### *a) Về tài nguyên khoáng sản*

Tài nguyên khoáng sản của Quảng Ngãi tương đối đa dạng với các loại: graphít (trữ lượng 2,5 triệu tấn, với 70 - 80% graphít), cao lanh (4,1 triệu tấn), bôxít (1,5 triệu tấn), latcrít (15 triệu tấn), silimanít, cát trắng, san hô đỏ... Có 11 suối nước khoáng có hàm lượng các chất khoáng cần thiết cho giải khát và chữa bệnh mà hầu hết chưa được khai thác hoặc khai thác thô, chưa có cơ sở tinh luyện, chế biến.

### *b) Về lâm nghiệp*

Rừng Quảng Ngãi chiếm 2/3 diện tích toàn tỉnh (3.900 km), có trữ lượng gỗ khoảng 9,3 triệu m<sup>3</sup>, gồm nhiều loại gỗ quý: trắc, hương, cà chít... và các loại đặc sản dưới tán rừng: song, mây, trầm kỳ, các loại dược liệu và thú. Quảng Ngãi cũng thích hợp cho việc trồng trọt các loại cây công nghiệp, đặc biệt có quế là sản



phẩm nổi tiếng, có mặt tại nhiều nước trên thế giới, với diện tích khoảng 4.000 ha (hiện khai thác 500 tấn/năm). Quảng Ngãi cũng có khả năng phát triển chăn nuôi: bò, dê, trâu, lợn... để chế biến xuất khẩu.

Quảng Ngãi cũng là xứ sở của đường mía với tổng diện tích đất trồng mía trên 7.000 ha (có khả năng phát triển lên 9.000 ha), sản xuất được các loại đường nổi tiếng như đường phèn, đường phỉ, v.v.. Các loại cây công nghiệp khác như dâu tằm, cây dứa và cây tỏi... cũng có khả năng phát triển.

### *c) Về hải sản*

Bờ biển Quảng Ngãi dài gần 100 km, vùng lãnh hải rộng 2.800 km<sup>2</sup> với nhiều loại hải sản có giá trị xuất khẩu cao: tôm, cua, mực, các loại cá (sản lượng 24.000 tấn hải sản/năm). Quảng Ngãi còn có 38 km<sup>2</sup> diện tích nước lợ, nước ngọt có khả năng nuôi trồng các loại thủy, hải sản: tôm, cua, rau câu...

### *d) Về tiềm năng du lịch*

Quảng Ngãi có 12 thắng cảnh: Thiên Ấn Niệm Hà, Thiên Bút Phê Vân, Long Đầu Lý Thủy, La Hà Thạch Trận, Cổ Lũy Cô Thôn, Thạch Bích Tà Dương, Hà Nhai Văn Độ, An Hải Sa Bàn, Liên Trì Dục Nguyệt, Thạch Cơ Diệu Tẩu, Vu Sơn Lộc Trường, Vân Phong Túc Võ... với các thắng cảnh nổi tiếng như núi Thiên Ấn, bãi biển

Sa Huỳnh, khu du lịch Châu Me... cùng với các suối nước khoáng có khả năng chữa bệnh, có thể tổ chức du lịch sinh thái tốt. Quảng Ngãi còn có những di tích lịch sử như:

Cẩm Thành được xây dựng từ năm Gia Long (1807) đến năm 1815 mới xong, bị tàn phá năm 1949 trong cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp, nay còn di tích mô đất cao ở phía đông nam;

Tổ Đình Thiên Ấn, năm 1676 đời Lê Hy Tông chỉ là một thảo am, năm 1727 Lê Dụ Tông mới phong sắc cho chùa này, hiện vẫn còn bảng đề "Sắc tứ Thiên Ấn tự";

Văn Miếu được xây dựng từ năm Gia Long (1817) thờ Khổng Tử;

Phế thành Châu Sa (ở xã Sơn Thành, huyện Sơn Tịnh), có người bảo đây là thành Đại La của Chiêm Thành, có người cho là vệ thành đời Lê. Đời Lê quân đội đã từng đóng ở đây. Tỉnh Man Trường lũy, do tá quân Lê Văn Duyệt xây đắp năm 1819. Trường lũy chạy dọc theo ranh giới tây Trấn Man đặt tên là lũy Sơn Phòng dài hơn 90 km (117 dặm xưa) chạy suốt từ Trà Bồng qua Sơn Hà, phía đông Ba Tơ tới vùng nước Giao, gò Bù thuộc An Lão (Bình Định);

Ngoài ra có mộ Bùi Tá Hán, mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng là những di tích lịch sử đáng quý.

Quảng Ngãi còn có những di tích cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ

như: cuộc khởi nghĩa Ba Tơ; cuộc khởi nghĩa Trà Bồng; chiến thắng Ba Gia; chiến thắng Vạn Tường, v.v. là những di tích có tác dụng giáo dục truyền thống cách mạng và kháng chiến cho các thế hệ trẻ về truyền thống yêu nước, cách mạng và kháng chiến của nhân dân Quảng Ngãi.

Với tiềm năng như vậy, nhưng thực tế chưa được sử dụng và khai thác được bao nhiêu. Với Khu kinh tế Dung Quất ra đời, với Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất, trái tim của khu kinh tế sẽ được xây dựng hoàn thành vào năm 2008, đưa vào vận hành đầu năm 2009 sẽ là động lực mạnh mẽ thúc đẩy Quảng Ngãi và toàn bộ khu kinh tế trọng điểm miền Trung phát triển mạnh mẽ, toàn diện trong những thập kỷ đầu thế kỷ XXI.

### III. CON NGƯỜI QUẢNG NGÃI

Quá trình phát triển dân cư ở Quảng Ngãi nói riêng và Trung Bộ nói chung, nằm trong quá trình mở mang bờ cõi của Đại Việt, bắt đầu từ thời nhà Lý thực sự có tác động tới quá trình lịch sử, bức tranh dân cư và quá trình văn hóa của Quảng Ngãi và miền Trung.

Năm 1403, thời Hồ Quý Ly, sau khi nhận đất Chiêm Động và Cổ Luỹ (nay thuộc Quảng Nam, Quảng Ngãi) cho Đại Việt, thì dân Chiêm còn lại miền này rất thưa thớt, nhà Hồ đã phân chia vùng này thành bốn châu:

Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa, cử các quan đến trông coi việc bình định và khai khẩn. Nhà Hồ đã nghĩ đến việc di dân, ra lệnh cho dân Nghệ An, Hà Tĩnh, Thuận Hóa đem gia đình vợ con vào khai khẩn, thu những trâu, bò cấp cho dân cày đi khai phá vùng đất mới. Sang thời Lê, Lê Nhân Tông đã sắp đặt lại nền hành chính trong các vùng kể trên và lập ra đạo Thừa Tuyên Quảng Nam, trong đó bao gồm cả Quảng Ngãi. Tới thời Minh Mạng thứ 10, Quảng Ngãi mới tách ra thành một tỉnh riêng<sup>1</sup>. Việc di dân người Việt vào xứ Quảng diễn ra nhiều đợt, bắt đầu từ thời Trần và kéo dài tới tận ngày nay. Có thể phân chia các đợt di dân của người Việt vào Quảng Nam, Quảng Ngãi thành các đợt: di dân theo Huyền Trân công chúa; di dân theo cuộc viễn chinh của vua Lê Thánh Tông; di dân cùng Nguyễn Hoàng vào trấn thủ xứ Thuận Quảng; di dân từ Quy Nhơn và miền Nam ra dưới thời Nguyễn Huệ và đầu vương triều Nguyễn; di dân từ miền Bắc vào thời kỳ 1954 - 1955; và di dân vào thời kỳ sau giải phóng miền Nam 1975. Phương thức di dân vào Quảng Ngãi và miền Trung có những đặc thù như: phần lớn có gốc từ vùng Thanh - Nghệ; họ thường di dân theo cộng đồng làng xã và dòng họ, do vậy khi vào vùng đất mới trong quá trình khai hoang, lập ấp, họ vẫn duy trì được ở mức độ nào đó cộng

---

1. Theo: *Quốc sử quán triều Nguyễn*, 1971.

đồng cũ nơi quê hương xứ sở. Căn cứ vào sự kiện lịch sử trên, có thể đoán rằng dân Nam - Ngãi, phần lớn là hậu duệ của đồng bào Nghệ - Tĩnh cách đây 500 - 600 năm. Quá trình di dân vào khai phá vùng đất mới, phải chinh phục những khó khăn mới: thiên nhiên khắc nghiệt, rừng thiêng, nước độc, thú dữ, đất đai khô cằn, chia cắt bởi núi, đồi, sông, suối và sự áp bức của quan lại, sự cướp phá của kẻ gian, v.v. buộc cộng đồng dân cư mới phải cố kết cộng đồng với nhau trong lao động, chinh phục những khó khăn mới để lao động sản xuất và xây dựng cuộc sống mới.

Vẫn mang dòng máu con Lạc cháu Hồng, con cháu các vua Hùng và dòng máu của Nghệ - Tĩnh, được phát triển trong điều kiện môi trường lao động mới, trải qua bao biến cố lịch sử, nhân dân Quảng Ngãi đã hun đúc nên tinh thần lao động cần cù, chăm chỉ, sáng tạo và cần kiệm, đảm đang, nhẫn nại, chịu đựng, nêu gương phấn đấu bất khuất, tiết tháo, kiên cường, dũng cảm, đoàn kết cộng đồng với một tinh thần dân tộc chân chính sâu đậm. Nhưng có nhược điểm thể hiện trong câu "Quảng Nam hay cai, Quảng Ngãi hay co", phản ánh tính cố hữu của người dân Quảng Ngãi.

Nhận xét về người Quảng Ngãi, ba ông Cao Xuân Dục, Lưu Đức Xứng, Trần Xáng đã viết trong *Đại Nam nhất thống chí*, quyển 6 (năm 1909) như sau:

... "Đất xấu, dân nghèo nhưng tính kiệm ước. Địa thế tuy hẹp mà khí mạch rất hậu cho nên đời nào cũng sản sinh ra những danh nhân, nhiều người trường thọ, nhiều sĩ phu đỉnh ngộ, tuấn tú..."<sup>1</sup>.

#### IV- VĂN HÓA VÀ TRUYỀN THỐNG

Quảng Ngãi nằm trong phạm vi hẹp là Quảng Nam và Quảng Ngãi tồn tại với tư cách là một tiểu vùng văn hóa xứ Quảng của Trung Trung Bộ, tiểu vùng văn hóa này vừa mang tính chung của cả vùng Trung Bộ, lại vừa mang các sắc thái địa phương về cả tự nhiên, con người, xã hội và văn hóa. Do tính chất đa dạng của các yếu tố địa hình và khí hậu đã tạo nên các sinh thái khác nhau như: hệ sinh thái núi, trung du, đồng bằng, đầm phá, bãi cát ven biển, biển và hải đảo...

Với hệ sinh thái đa dạng nên con người Quảng Ngãi từ xa xưa đã biết khai thác đa dạng các tài nguyên thiên nhiên: làm nông nghiệp, lâm nghiệp, đánh bắt cá và nuôi trồng thủy sản, phát triển các ngành nghề thủ công. Cách khai thác các tài nguyên trên thường không tách biệt mà con người biết kết hợp, đan xen nhau, tạo nên một truyền thống khai thác đa dạng, kết hợp nhiều nghề trong một cộng đồng dân cư, thậm chí trong một

---

1. Xem bản dịch của Cử nhân Tu Trai, Nguyên Tạo, 1964.

gia đình, trong đó trồng trọt và đánh bắt thủy sản là hướng khai thác và kết hợp chính. Do đô thị và cảng thị ở Quảng Ngãi chưa phát triển, nên sự phát triển kinh tế mang tính thuần nông và thuần ngư hơn.

Trong sự nối tiếp và phát triển văn hóa xứ Quảng, nhìn từ góc độ môi trường tự nhiên và phát triển kinh tế, chúng ta chú ý tới sự hình thành và phát triển của các trung tâm chính trị - kinh tế ở vùng này thời hiện đại, đã và đang hình thành trục Huế - Đà Nẵng - Dung Quất trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Với tính chất là những trung tâm kinh tế đại công nghiệp, trung tâm du lịch, giao lưu quốc tế cả về đường không, đường biển... sẽ tạo động lực và những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển văn hóa thời công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Quảng Ngãi và xứ Quảng.

Quảng Ngãi, xứ Quảng nói riêng và miền Trung Trung Bộ nói chung, trải qua quá trình lịch sử lâu đời hàng mấy nghìn năm, cũng giống như vùng châu thổ Bắc Bộ và Nam Bộ bước vào thế giới văn minh, hình thành nhà nước, hình thành tộc người và tạo nên các truyền thống văn hóa rạch rỡ. Nơi đây, đã diễn ra quá trình gặp gỡ và hòa đồng chủng tộc, hòa đồng văn hóa vô cùng sống động, trong đó văn hóa của người Sa Huỳnh - tiền Chăm là nền tảng và được tiếp nối ba dòng văn hóa lớn: Sa Huỳnh, Chăm Pa, Đại Việt và còn được giao lưu với văn hóa Ấn Độ và Trung Hoa, tạo nên vùng đất đa

văn hóa và đa dân tộc, nằm trong lòng nền văn hóa thống nhất và đa dạng của dân tộc Việt Nam.

Người ta nói nhiều tới con người xứ Quảng cả về thể chất, năng lực và tính cách. Khi nói tới sự tác động giữa môi trường và con người, Quảng Ngãi cũng là vùng đất "địa linh nhân kiệt" thời nào cũng sản sinh ra những danh nhân cho đất nước. Những bậc hiền tài, những danh nhân, những nhà khoa học, nhà văn hóa, những anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động xuất hiện trong thời kỳ kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, cả trong thời kỳ xây dựng đất nước... Quảng Ngãi thật xứng đáng "một vùng văn hiến tỏ mặt với non sông".

Trong quá trình lao động mở đất, giữ đất, quá trình bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam, quá trình lịch sử oai hùng của dân tộc ta, nhân dân Quảng Ngãi cùng với nhân dân cả nước xây dựng nên những truyền thống tốt đẹp, mà điểm nổi bật là truyền thống yêu nước đã trở thành chủ nghĩa yêu nước xuyên suốt lịch sử dân tộc Việt Nam. Ở Quảng Ngãi, truyền thống yêu nước được tiêu biểu là:

- Truyền thuyết vua Nam Chiếu đánh Cao Biên của nhà Đường (Trung Quốc) ở vùng sông Trà - Quảng Ngãi, khiến ta liên hệ với truyền thuyết Thánh Gióng đánh giặc Ân ở vùng đất tổ Hùng Vương - Phong Châu xa xưa.



Truyền thống yêu nước và dũng cảm đã ăn sâu vào tâm thức của con người Quảng Ngãi và thêm điều kiện để phát huy trước các thử thách của trường kỳ lịch sử. Đó là những phong trào nông dân tham gia các cuộc hành quân của vua Lê Thánh Tông, tham gia vào cuộc khởi nghĩa Tây Sơn. Từ các bậc sĩ phu yêu nước đến các tướng lĩnh chỉ huy nghĩa quân ở các mặt trận và lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Cần Vương kháng Pháp, v.v. đến sớm ra đời tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Ngãi (1927).

- Có con người yêu nước tiên phong mới làm nên các phong trào yêu nước tiên phong, dẫn đến sớm thành lập Đảng bộ Cộng sản Việt Nam ở Quảng Ngãi. Sau hai ngày Nhật đảo chính Pháp, ngày 11-3-1945 đã nổ ra cuộc khởi nghĩa của các chiến sĩ cách mạng Quảng Ngãi ở Căng an trí Ba Tơ, như Bác Hồ đã nhận định: "Đây là cuộc khởi nghĩa thắng lợi đầu tiên do Đảng lãnh đạo, kể từ khi Đảng thành lập". Tiếp đến, Quảng Ngãi cùng các địa phương đầu tiên trong toàn quốc sớm giành chính quyền về tay nhân dân (14 tháng 8) trong Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

Cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, dân tộc Việt Nam bước vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Nhân dân ta vừa giành thắng lợi lịch sử trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chưa

được bao lâu lại phải bước vào cuộc kháng chiến do thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta một lần nữa. Nhân dân Quảng Ngãi hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, liền tổ chức các chi đội quân Nam tiến để sát cánh cùng quân và dân cực Nam Trung Bộ và Nam Bộ chiến đấu đập tan âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp. Sau đó, quân, dân Quảng Ngãi cùng quân, dân Khu V và quân, dân cả nước tiến hành cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp. Quảng Ngãi cùng với các tỉnh Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên là căn cứ kháng chiến của Khu V. Quảng Ngãi đã đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến, thanh niên vào bộ đội, phụ nữ đi dân công, nhân dân thực hiện tốt chính sách thuế nông nghiệp, chính sách giảm tô, bồi dưỡng sức dân, thực hiện tổng động viên nhân, tài, vật lực phục vụ kháng chiến, bảo vệ vững chắc vùng tự do, tăng cường cán bộ cho chiến trường cực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, phối hợp với chiến trường Điện Biên Phủ, mở cuộc tiến công lên Tây Nguyên tiêu diệt nhiều địch và giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn... góp phần giành thắng lợi to lớn trong chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954.

Tiếp theo là cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kéo dài 21 năm, quân và dân Quảng Ngãi cùng 13 tỉnh của Liên khu V với tinh thần kiên cường, bất khuất và tài trí đã lập nên những chiến công mới trong sự nghiệp

giải phóng dân tộc trên quê hương Quảng Ngãi. Mở đầu là cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây (28-8-1959); tiếp đến là chiến thắng Ba Gia lịch sử (tháng 8-1965) đánh dấu sự thất bại của chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ; chiến thắng Vạn Tường (tháng 8-1965) đã khẳng định quân và dân Việt Nam có đủ khả năng đánh thắng quân viễn chinh Mỹ trang bị bằng vũ khí hiện đại.

Quân và dân Quảng Ngãi cùng với quân và dân cả nước nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, liên tiếp đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ "chiến tranh cục bộ", "Việt Nam hóa chiến tranh"; tiến hành cuộc tiến công chiến lược năm 1972, tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, mở đầu bằng trận tấn công Buôn Ma Thuột giải phóng Tây Nguyên, tranh thủ thời cơ thuận lợi đã giải phóng tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 24-3-1975. Cùng với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, quân và dân ta đã giành toàn thắng. Hơn một triệu quân ngụy và cả bộ máy chính quyền Sài Gòn bị đập tan. Chế độ thực dân mới được đế quốc Mỹ dốc sức xây dựng đã hoàn toàn bị sụp đổ. Nhân dân ta, cả dân tộc ta, trong đó có nhân dân Quảng Ngãi đã kết thúc vẻ vang cuộc chiến tranh cách mạng kéo dài suốt 30 năm, đánh thắng hoàn toàn các cuộc chiến tranh xâm lược của hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Thắng lợi vĩ đại của cuộc chiến tranh cách mạng 1945 - 1975 đã vĩnh viễn chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc hơn một thế kỷ trên đất nước ta, làm cho Tổ quốc ta vĩnh viễn độc lập, thống nhất, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước, bảo vệ những thành quả bước đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đưa cả nước bước vào kỷ nguyên mới - *kỷ nguyên độc lập, tự do, thống nhất và chủ nghĩa xã hội; đưa dân tộc ta đứng vào hàng ngũ các quốc gia, dân tộc tiến bộ trên thế giới.* Thắng lợi vĩ đại đó có phần đóng góp của vùng đất và con người Quảng Ngãi.

# VÀI NÉT VỀ TIỂU VÙNG ĐỊA LÝ - VĂN HÓA XỨ QUẢNG

Phạm Nhó

## I- ĐỊA LÝ VÀ VĂN HÓA XỨ QUẢNG

Dung Quất nằm trong vùng tiểu địa lý - văn hóa xứ Quảng. Vì vậy, muốn hiểu vùng đất, con người Dung Quất phải hiểu địa lý, văn hóa xứ Quảng. Sau đây, xin giới thiệu mấy nét sơ lược:

### 1. Đặc điểm địa lý tự nhiên

Xứ Quảng bao gồm Quảng Nam, Quảng Ngãi và Đà Nẵng. Ngay từ thời nhà Lê, hai tỉnh này đã được đặt dưới cái tên chung là Thừa Tuyên Quảng Nam, sau đó là dinh Quảng Nam và tỉnh Quảng Nam. Mãi đến năm Minh Mạng thứ 10, một bộ phận tách ra lập thành tỉnh Quảng Ngãi (Nghĩa). Đây cũng là một bộ phận của cái gọi là Ngũ Quảng, như cách gọi dân gian, gồm năm tỉnh: Quảng Ngãi, Quảng Nam, Quảng Đức (tức Thuận Hóa), Quảng Trị và Quảng Bình. Xứ Quảng với phạm vi

hẹp là Quảng Nam và Quảng Ngãi tồn tại với tư cách là một tiểu vùng văn hóa của vùng văn hóa Trung Trung Bộ.

Về mặt địa lý, miền Trung Bộ kéo dài từ Thanh Hóa (cũng có khi Thanh Hóa được tính vào Bắc Bộ) tới Phan Thiết. Trong vùng lãnh thổ Trung Bộ này lại bao gồm nhiều tiểu vùng văn hóa như: xứ Thanh, xứ Nghệ, xứ Huế (Bình Trị Thiên), xứ Quảng... Các tiểu vùng văn hóa này vừa mang những nét chung của cả vùng Trung Bộ, lại vừa có các sắc thái địa phương về cả tự nhiên, con người, xã hội và văn hóa.

Xứ Quảng (bao gồm Quảng Ngãi) có Khu kinh tế Dung Quất, nằm về phía đông - bắc huyện Bình Sơn, cũng như các tỉnh miền Trung khác trải dài theo hướng bắc - nam, chiều ngang lãnh thổ thường hẹp. Vùng này từ bắc xuống nam kéo dài gần 300 km, nhưng nơi rộng nhất chỉ khoảng 100 km (như ở Quảng Ngãi). Hình thế này được bao bọc bằng dãy Trường Sơn ở phía tây (địa phận tỉnh Kon Tum) và Biển Đông ở phía đông. Phía bắc xứ Quảng giáp với vùng Bắc Trung Bộ, phía nam giáp với Bình Định bằng đèo Bình Đê. Địa thế trải dài như trên cùng với đặc trưng về địa hình đã chia cắt lãnh thổ thành các vùng tiểu địa lý khác nhau, ảnh hưởng không nhỏ tới các sắc thái văn hóa mang tính địa phương. Ngoài ra, miền Trung - nơi mà nhiều người đã ví như chiếc đòn gánh hai đầu vựa lúa đồng bằng

châu thổ Bắc Bộ và Nam Bộ, thì xứ Quảng nằm ở điểm giữa, cùng cách Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh khoảng trên 800 km, một vị trí trung chuyển giữa hai đầu đất nước.

Địa hình xứ Quảng mang nhiều nét đặc thù so với các vùng khác trong cả nước. Đó là địa hình rừng núi, đồng bằng và biển đan cài vào nhau trong một không gian địa lý nhỏ hẹp. Cả dãy miền Trung, đặc trưng nhất là Trung Trung Bộ, nằm ở địa thế kẹp giữa núi và sơn nguyên ở phía tây và biển ở phía đông, nhiều nơi, núi nhô lên lẻ loi giữa đồng bằng, núi chạy ra tận biển tạo ra các đảo ngoài khơi, núi chia cắt đồng bằng hẹp thành các khúc, mà muốn qua đó phải vượt qua các đèo như: Hải Vân, Đèo Cả, Cù Mông, Bình Đê... Ngược lại, biển lại ăn sâu vào nội địa, cùng với núi tạo ra các vịnh nhỏ, các đầm phá, thuận lợi cho việc neo đậu tàu thuyền, cho việc khai thác và nuôi trồng thủy sản.

Đồng bằng xứ Quảng thường là những dãy đồng bằng nhỏ hẹp vừa mang tính chất cận duyên lại vừa mang tính thung lũng núi, hệ thống sông ngòi bắt nguồn từ rừng núi phía tây chảy theo hướng đông ra biển. Sông thường ngắn và dốc, cửa sông thường bị chế ngự bởi các cồn cát chạy dài dọc bờ biển, luôn uy hiếp đồng bằng ven biển bởi nạn cát lấn sâu vào nội địa.

Để bù lại sự ngăn cách của các dãy núi xuyên ngang chia cắt đất liền, biển ôm sát mặt đông của xứ này, là

môi trường thuận lợi nhiều mặt, nhất là tạo nên thế mạnh của các nguồn thủy sản và cho nghề đánh bắt cá. Các dãy đảo Trường Sa, Hoàng Sa ở ngoài khơi xa hay các đảo nhỏ như Lý Sơn, Cù Lao Chàm... gần đất liền cũng tạo cho vùng này những sắc thái tự nhiên, kinh tế và văn hóa giàu chất biển hơn các vùng khác của đất nước. Tuy nhiên, cũng như các vùng khác trong nước, biển của nước ta trong xã hội cổ truyền vẫn chỉ dừng lại ở mức khai thác biển cận duyên, con người vẫn "đứng trước biển" chứ chưa phải là vượt ra đại dương với việc đánh bắt cá xa bờ, buôn bán trên biển, khai thác các nguồn tài nguyên ở thềm lục địa.

Đèo Hải Vân không chỉ là ranh giới địa lý, mà còn là ranh giới về khí hậu. Đó là cái mốc đánh dấu sự thay đổi của khí hậu nhiệt đới chí tuyến ở phía bắc sang khí hậu á xích đạo ở phía nam. Đó cũng là nơi mà ảnh hưởng của chế độ gió mùa đông - bắc ở phía bắc kết thúc và giới hạn cuối cùng của chế độ gió mùa tây - nam ở phía nam. Chính vị trí trung gian chuyển tiếp của các vùng khí hậu này của xứ Quảng cũng đã tạo ra không ít các biến thể khí hậu mang tính địa phương.

Tính chất đa dạng của các yếu tố địa hình và khí hậu đã tạo nên các hệ sinh thái khác nhau của xứ Quảng, như hệ sinh thái núi, trung du, đồng bằng, đầm phá, bãi cát ven biển và hải đảo... Trước nhất, rừng núi chiếm diện tích khoảng 2/3 lãnh thổ, ôm gọn mặt phía



tây của xứ Quảng, nhiều nơi núi còn nhô ra sát biển bao lấy cả ba mặt đồng bằng. Dãy núi phía tây này nằm trong hệ thống núi nam Trường Sơn. Ngay ở đồng bằng người ta cũng thấy nổi lên những khối núi đơn độc như núi Đồng Tranh, Trà Quân, Thình Thình ở huyện Bình Sơn... Ở những vùng đồi núi này, do tác động của con người nên diện tích đồi núi trọc lớn hơn đồi núi có rừng bao phủ.

Hệ sinh thái đồi núi này đã tạo nên những định hướng đa dạng cho hoạt động sinh tồn của con người xứ Quảng như: khai thác đất bằng, đất thung lũng để làm lúa nước, canh tác nương rẫy trồng lúa khô và các loại hoa màu, trồng rừng và khai thác tài nguyên rừng, trồng các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao... Hoạt động sản xuất và khai thác vùng này gồm các tộc người thiểu số và cả người Kinh cũng khai thác đa dạng hơn các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Hệ sinh thái vùng trung du (hay trước núi) ở Quảng Ngãi, vùng trung du chiếm 2/3 diện tích của cả tỉnh. Đó là những gò đồi thấp, bị bào mòn do những tác động xâm thực, tầng đất canh tác mỏng, có nhiều sỏi đá. Đất ở đây thường là đất xám, đất bạc màu, đất đen, có thể trồng cây lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày.

Đồng bằng ở xứ Quảng nói chung và Quảng Ngãi nói riêng thường là nhỏ hẹp, càng về phía nam đồng bằng càng hẹp, chỉ còn một rẻo ven biển. Theo các nhà

địa lý, địa chất, đồng bằng ở đây có nguồn gốc khác nhau. Loại đồng bằng phù sa mới chỉ kéo dài ven thung lũng sông, thường bị thu hẹp về phía biển bởi các thành tạo hỗn hợp sông, biển, dưới các dạng cồn cát, trảng cát rộng. Đất phù sa sông thường nghèo hơn phù sa châu thổ, hay bị ngập mặn do nước biển thâm nhập vào. Đất đồng bằng ở đây thích hợp với các loại cây lương thực, cây công nghiệp, đặc biệt là mía. Do vậy, xứ Quảng từ lâu đã nổi tiếng sản xuất các loại đường mía, như đường phổi, đường phèn... đem bán và trao đổi khắp các địa phương trong nước và nước ngoài.

Cửa sông và bãi cát ven biển tạo thành một hệ thống sinh thái khá đặc biệt của xứ Quảng. Bãi cát chạy dài trên 200 km cùng với hệ thống sông ngòi chằng chịt, tính ra cứ 20 km bờ biển lại có một cửa sông lớn nhỏ, nhất là hệ thống các sông: Thu Bồn, Vu Gia (Quảng Nam), Trà Bồng, Trà Khúc, Vệ, Trà Câu (Quảng Ngãi)... Các cửa sông nổi tiếng như cửa sông Hàn (Đà Nẵng), Sa Cần, Sa Kỳ, Cổ Luỹ, Sa Huỳnh (Quảng Ngãi). Ở Dung Quất có cửa Sa Cần từ vịnh Dung Quất chảy vào sông Trà Bồng, cửa sông Câu từ cửa cảng Dung Quất chảy vào hồ Cá Cái (dân thường gọi là đầm Thuận Phước)... Hệ sinh thái nước lợ này bao gồm vùng cửa sông, bãi triều, bãi bồi, các bãi sù vẹt ngập mặn, nơi giàu các nguồn thức ăn, nhất là các sinh vật phù du, nơi có chế độ nhiệt, muối, dinh dưỡng thích hợp. Đây là những bãi

sinh trưởng của các loài thủy sản như tôm, cua, cá các loại. Đây cũng là hệ sinh thái góp phần quan trọng vào việc tái tạo tự nhiên, nguồn lợi thủy sản... Hiện tại, hệ sinh thái này đang bị suy giảm đáng kể do con người khai thác nó một cách bừa bãi, không có quy hoạch, làm giảm diện tích của quá trình sinh sản và sinh trưởng của các loại tôm, cá...

Hệ sinh thái này không chỉ tạo ra nguồn thủy sản phong phú ở dưới nước lợi, mà trên bờ biển còn tạo ra vùng đất cát hay cát pha, mà nếu con người biết cải tạo và sử dụng hợp lý thì sẽ mang lại nguồn lợi to lớn. Từ xa xưa, trên diện tích hàng mấy nghìn ha đất ven biển (ở Quảng Ngãi vùng đất ven biển là 1.200 ha), người Việt và người Chăm đã tận dụng trồng các loại cây có củ, đặc biệt là khoai lang và đây cũng là nguồn lương thực quan trọng của cư dân ven biển. Bột của các loại củ và đạm thủy sản đã trở thành cơ cấu dinh dưỡng bữa ăn truyền thống của cư dân ven biển; bột gạo và đạm thực vật (đậu tương) là đặc trưng cơ cấu bữa ăn của cư dân vùng núi và trung du.

Hệ sinh thái đa dạng như trên đã khiến con người xứ Quảng từ xa xưa đã biết khai thác đa dạng các nguồn tài nguyên thiên nhiên: làm nông nghiệp, lâm nghiệp, đánh bắt cá và nuôi trồng thủy sản, phát triển các ngành nghề thủ công... Đặc biệt, các hướng khai thác tài nguyên trên thường không tách biệt, mà con

người xứ Quảng biết kết hợp, đan xen nhau, tạo nên một truyền thống khai thác đa dạng, kết hợp nhiều nghề trong một cộng đồng dân cư, thậm chí trong một gia đình, trong đó trồng trọt và đánh bắt thủy sản là hướng khai thác và kết hợp chính.

Trong sự nối tiếp và phát triển của xứ Quảng, nhìn từ góc độ môi trường tự nhiên và phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, chúng ta không thể không chú ý tới sự hình thành và phát triển các trung tâm chính trị - kinh tế ở vùng này thời hiện đại, đó là trục Huế - Đà Nẵng - Dung Quất. Với tính chất là những trung tâm du lịch, kinh tế, giao lưu quốc tế cả về đường không và đường biển... sẽ tạo những điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của xứ Quảng.

## **2. Về văn hóa**

Với những hiểu biết hiện nay, theo các nhà khảo cổ học đã có thể nói tới những dấu hiệu đầu tiên của con người ở vùng đất này từ thời đá cũ, với di chỉ Gò Trá (Sơn Tịnh, Quảng Ngãi) tương đương với niên đại của văn hóa Núi Đọ (Thanh Hóa) hay Hang Gòn, Gia Tân (Đồng Nai). Kế tiếp, một số di tích thuộc văn hóa Hòa Bình muộn, như Bầu Dũ (Quảng Nam). Tuy nhiên, phải tới hậu kỳ đá mới và sơ kỳ đồ đồng với các di tích văn hóa Sa Huỳnh (các lớp tiền Sa Huỳnh, trung kỳ và hậu Sa Huỳnh) thì dấu tích con người ở vùng này mới thực

sự trở nên phổ biến. Chính cái tên văn hóa Sa Huỳnh, một địa danh ở phía nam tỉnh Quảng Ngãi, nơi phát hiện các di tích văn hóa hậu kỳ đá mới - sơ kỳ kim khí, gần đồng thời với văn hóa Đông Sơn ở phía bắc và Đồng Nai ở phía nam, đã trở thành nổi tiếng, phân bố suốt từ Huế ở phía bắc tới cực Nam Trung Bộ và mối quan hệ của nó vươn tới các vùng đảo ở Philipin, Indônêxia... Giới nghiên cứu đã nói nhiều tới chủ nhân của văn hóa Sa Huỳnh là cư dân nói ngôn ngữ Nam Đảo, họ sinh sống ở ven biển nước ta vào thời sơ kỳ kim khí. Người ta cũng đã nói tới những người Nam Đảo sớm hơn, thuộc hậu kỳ đá mới ở ven biển phía bắc văn hóa Sa Huỳnh, như Hạ Long (Quảng Ninh), Hoa Lộc (Thanh Hóa), Bàu Tró (Quảng Bình). Và hình như có một dòng "chảy" của cư dân Nam Đảo này từ duyên hải đông - nam Trung Quốc xuống dọc ven biển nước ta suốt thời kỳ đá mới đến sơ kỳ kim khí, mà cái điểm tụ lại có lẽ là Sa Huỳnh, trước khi họ bước vào ngưỡng cửa của nhà nước và văn minh. Điều này cũng phù hợp với ý kiến của nhiều nhà nghiên cứu nước ngoài khi bàn đến quê hương của người Nam Đảo ở duyên hải đông - nam Trung Quốc và các cuộc thiên di của họ xuống các nước Đông Nam Á, đặc biệt là Đông Nam Á hải đảo.

Vào các thế kỷ trước và sau công nguyên, cũng như nhiều vùng khác ở Đông Nam Á, cư dân Sa Huỳnh ở

duyên hải Trung Trung Bộ đã tiếp thu khá sâu sắc những ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ thông qua con đường buôn bán và truyền bá Ấn Độ giáo. Tuy nhiên, sự tiếp thu văn hóa Ấn Độ cũng khác nhau. Các nhóm cư dân Sa Huỳnh nói ngôn ngữ Nam Đảo dọc biển Trung và Nam Trung Bộ đã bản địa văn hóa Ấn Độ (hay như người ta thường nói là Ấn Độ hóa) chính người Chăm với nền văn minh Chămpa nổi tiếng; còn các nhóm cư dân Sa Huỳnh sinh sống ở rìa núi, vùng trung du bán sơn địa hay đã vượt lên Tây Nguyên, ít hay không chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ thì con cháu của họ sau này là người Êđê, Giarai, Raglai, Churu.

Vào khoảng thế kỷ II, người Chăm ở Trung và Nam Trung Bộ hình thành nên các vương quốc với những tên gọi khác nhau, như Lâm Ấp, Hoàn Vương, Chiêm Thành..., trong đó có tiểu vương hùng mạnh nhất ở vùng Amaravati, tức xứ Quảng ngày nay. Vương quốc này đã xây dựng nên khu thánh địa Mỹ Sơn từ thế kỷ IV đến thế kỷ XIII, kinh đô của vương quốc này ở Trà Kiệu (Sinhhapura - kinh thành Sư Tử). Kinh thành của vương quốc này đã đạt tới sự cường thịnh với hệ thống đền tháp, bia ký, nơi trung tâm thờ Phật giáo Đại thừa lớn nhất của Chămpa và cũng là trung tâm Phật giáo Đại thừa quan trọng của Đông Nam Á thời đó. Như vậy là trung tâm sớm và hùng mạnh của các tiểu vương Chămpa

đã hình thành, tồn tại gần 10 thế kỷ (thế kỷ IV - XIII) trên đất xứ Quảng ngày nay.

Bên cạnh những ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đối với các tiểu vương Chămpa, chúng ta cũng không thể không đề cập tới những ảnh hưởng của văn hóa Hán từ khá sớm đối với miền Trung nói chung và xứ Quảng nói riêng. Trước khi người Chăm thành lập các tiểu vương ở miền Trung, thì một phần vùng này đã bị nhà Hán đô hộ. Thế kỷ II, lợi dụng địa thế xa Trung Hoa, người Chăm ở Tượng Lâm (có lẽ là vùng đất nằm giữa Hải Vân và Cù Mông, bao gồm toàn bộ xứ Quảng hiện nay) đã nổi dậy đánh đuổi nhà Hán, thành lập nước Lâm Ấp, tiền thân của Chămpa. Trụ sở của Lâm Ấp nằm trên đất Quảng Nam, trên bờ sông Thu Bồn. Sau này, thông qua thương mại, di dân từ Trung Quốc đến miền này vào các thời kỳ lịch sử khác nhau, hình thành nên các nhóm Minh Hương.

Có lẽ những ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa tới vùng đất miền Trung và xứ Quảng mạnh mẽ nhất kể từ sau những đợt di dân người Hoa vào xứ này thời Minh và Thanh. Các nhóm Minh Hương đã di cư đến vùng này, mang theo văn hóa Hán và trực tiếp truyền bá nó, trong đó tiêu biểu là người Hoa ở Hội An (Quảng Nam), Thu Xà, Cổ Luỹ (Quảng Ngãi).

Quá trình mở mang bờ cõi của Đại Việt bắt đầu từ thời nhà Lý đã thực sự tác động tới quá trình lịch sử,

bức tranh dân cư và quá trình văn hóa của miền Trung, trong đó có xứ Quảng. Có lẽ đối với Trung Bộ và Nam Bộ, quá trình mở mang bờ cõi của Đại Việt cũng cần phân biệt giữa việc di dân khẩn hoang tìm đất sinh sống của người dân và sự hợp thức hóa của Nhà nước về mặt lãnh thổ. Nói chung, ở đây quá trình di dân của nhân dân thường diễn ra trước khi có sự hợp thức hóa về mặt lãnh thổ của Nhà nước.

Năm 1403, vua Chăm giao nộp đất Chiêm Động và Cổ Lũy nay thuộc Quảng Nam và Quảng Ngãi cho Đại Việt. Nhà Hồ đã phân chia vùng đất này thành bốn châu: Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa; cử các quan đến trông coi việc bình định và khai khẩn. Nhà Hồ cũng lệnh cho dân Nghệ An, Hà Tĩnh, Thuận Hóa đem gia đình, vợ con vào khai khẩn, thu những trâu, bò cấp cho dân cày đi khai phá vùng đất mới. Sang thời Lê, Lê Nhân Tông đã sắp đặt lại nền hành chính trong các vùng kể trên và lập ra đạo Thừa Tuyên Quảng Nam, trong đó bao gồm cả Quảng Ngãi. Và tới năm Minh Mạng thứ 10, Quảng Ngãi mới tách ra thành một tỉnh riêng.

Việc di dân người Việt vào xứ Quảng diễn ra nhiều đợt, bắt đầu từ thời Trần và kéo dài tới tận ngày nay. Nguyễn Xuân Hồng đã phân chia các đợt di dân của người Việt vào xứ Quảng thành các đợt: 1. Di dân theo Huyền Trân công chúa; 2. Di dân theo cuộc viễn chinh của Lê Thánh Tông; 3. Di dân cùng Nguyễn Hoàng vào



trấn thủ xứ Thuận, Quảng; 4. Di dân từ Quy Nhơn và miền Nam ra dưới thời Nguyễn Huệ và đầu vương triều Nguyễn; 5. Di dân từ miền Bắc vào thời kỳ 1954 - 1955; 6. Di dân từ Huế vào thời kỳ sau giải phóng miền Nam năm 1975.

Phương thức di dân của người Việt vào miền Trung, trong đó có xứ Quảng, có nhiều nét đặc thù: *thứ nhất*, phần lớn cư dân này có gốc từ vùng Thanh, Nghệ; *thứ hai*, họ thường di dân theo cộng đồng làng, xã và dòng họ, do vậy khi vào vùng đất mới Trung Bộ, trong quá trình khai hoang, lập ấp, họ vẫn duy trì được ở mức nào đó cộng đồng cũ nơi quê hương xứ sở, khác với người di dân vào Nam Bộ thường theo quy mô gia đình nhỏ, hay cá nhân.

Hệ quả của việc di dân người Việt vào xứ Quảng nói riêng và Trung Bộ nói chung là rất to lớn, sâu sắc và diễn ra trên nhiều lĩnh vực. Trước nhất, cùng với quá trình mở mang bờ cõi của Đại Việt, vương quốc Chăm-pa ngày một thu hẹp dần về phía Nam và tới thế kỷ XVI thì vương quốc cuối cùng bị tan rã, chấm dứt 14 thế kỷ hình thành và tồn tại của các vương quốc Chăm-pa.

Di sản văn hóa của người Chăm để lại về phương diện vật thể và phi vật thể trên đất xứ Quảng nói riêng và Trung Bộ nói chung thật là to lớn và phong phú. Các hiện vật như đền tháp, thành quách, bia ký, các phế tích khác trên mặt đất hay còn nằm trong lòng đất đã đủ chứng tỏ nền văn minh rực rỡ của người Chăm suốt

gần 1.500 năm, mà ngày nay chúng ta đang ra sức bảo tồn, khôi phục. Ngoài ra, văn hóa phi vật thể, như tín ngưỡng, phong tục, sinh hoạt văn hóa nghệ thuật, tri thức dân gian... vẫn tàng ẩn trong tâm thức, trí nhớ của người dân nơi đây, góp phần không nhỏ trong việc tạo nên các sắc thái văn hóa độc đáo của người Việt ở xứ Quảng.

Như vậy là miền Trung Trung Bộ nói chung và xứ Quảng cũng như vùng Dung Quất nói riêng, đã trải qua quá trình lịch sử lâu đời hàng mấy nghìn năm, cũng giống như vùng châu thổ Bắc Bộ và Nam Bộ bước vào thế giới văn minh, hình thành nhà nước, hình thành tộc người và xây nên các truyền thống văn hóa rục rờ. Nơi đây đã diễn ra quá trình gặp gỡ và hòa đồng chủng tộc, hòa đồng văn hóa vô cùng sống động, trong đó văn hóa Sa Huỳnh - tiền Chăm là tảng nền, sau đó được làm phong phú hơn bởi những giao lưu, ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ, Việt, Trung Hoa... Tất cả những gì gọi là bản sắc, sắc thái văn hóa độc đáo của vùng này đều xuất phát từ tính đa văn hóa, đa chủng tộc nói trên.

Tính pha tạp và đan xen của các hệ sinh thái ở xứ Quảng là nhân tố quyết định những thế ứng xử trong việc khai thác đa dạng các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Canh tác nương rẫy, trồng lúa khô, các loại hoa màu và khai thác nguồn lâm sản ở rừng núi, trồng trọt cây lương thực và cây công nghiệp trên đất đồi ở trung

du; trồng lúa nước ở rẻo đồng bằng hẹp ven sông, trồng các loại cây củ, đặc biệt là khoai trên các dải đất cát chạy dọc bờ biển; thu nhặt và nuôi trồng thủy, hải sản ven biển và đầm phá; đánh bắt cả trong lộng, ngoài khơi, khai thác các nguồn tài nguyên biển. Đặc điểm này của xứ Quảng đã hình thành nên truyền thống rất lâu đời, trong đó có sự kết hợp nông nghiệp với ngư nghiệp được coi là định hướng chính trong khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Trong các vùng biển ở nước ta thì biển miền Trung, nhất là biển xứ Quảng, nơi mà nghề đánh bắt cá trên biển, đầm phá nước lợ và trên sông rất phát triển. Đặc biệt nơi đây ra đời loại ghe bầu, một sản phẩm đặc sắc của nghề biển Việt Nam, được *Từ điển hàng hải thế giới* ghi nhận. Đây là loại thuyền mà mũi và lái đều nhọn, bụng bầu, độ ngấn nước sâu, nên thuyền có khả năng ra khơi xa. Bánh lái (kiểu lái cối, lái ống, lái âm dương...) đều có cấu tạo là xỏ lái xuyên trực tiếp vào bánh lái. Thuyền dùng loại buồm hình tứ giác hay cánh dơi. Mất thuyền khắc hình dài, trước tròn, đuôi mất dài nhọn... Chính nhờ loại ghe bầu này mà ngư dân xứ Quảng có thể vươn ra khơi xa để đánh bắt cá, đặc biệt là việc tổ chức đội lính Hoàng Sa có thể dùng thuyền ra đóng giữ và canh phòng đảo cách xa đất liền gần 300 km. Xứ Quảng cũng là nơi có nhiều nguyên liệu để đóng thuyền; như các loại gỗ trên rừng: kên kên, sao, chò, lim, giẻ...

mà ngay từ thế kỷ XVIII Lê Quý Đôn đã ghi lại trong sách *Phủ biên tạp lục*. Ngoài ra, nơi đây còn có sản vật cần dùng cho nghề đóng thuyền là dầu rái, lá buông, vỏ tràm, mây song...

Những hoạt động của con người liên quan tới biển của xứ Quảng còn thể hiện trên lĩnh vực thương mại trên biển, với sự xuất hiện và tồn tại các cảng thị khá nổi tiếng, như Chiêm cảng của vương quốc Chăm-pa, cảng thị Hội An thời Đại Việt và cảng thị Đà Nẵng thời cận hiện đại.

Văn hóa xứ Quảng thể hiện một cách sinh động cả về phương diện vật thể và phi vật thể. Trên mặt đất và trong lòng đất vùng này còn ẩn chứa nhiều hiện vật văn hóa của nhiều lớp văn hóa khác nhau: văn hóa Sa Huỳnh, văn hóa Chăm-pa, văn hóa Việt... Các di tích thánh địa Mỹ Sơn, tháp Trà Kiệu (Quảng Nam), thành Cổ Luỹ (Quảng Ngãi) cùng vô vàn các di tích bia ký, giếng nước, các tác phẩm điêu khắc, phù điêu, tượng đá... là chứng tích của nền văn hóa Chăm-pa rục rờ trên đất xứ Quảng. Tuy chiếc ghe bầu, chiếc cày Khu V đã chuyển sang tay người Việt sử dụng, nhưng vẫn còn hiển hiện sự khởi nguồn sáng tạo của người Chăm.

Ngoài những chứng tích văn hóa cổ truyền ẩn chứa trong lòng đất thì còn biết bao hiện tượng văn hóa phi vật thể còn ẩn tàng trong tâm trí con người xứ Quảng, trong đó phải kể đến các hiện tượng tín ngưỡng, phong tục, lễ hội. Trên vùng đất xứ Quảng, nhân dân thường

lập miếu và thờ phụng nữ thần gọi chung là thờ Bà. Bà ở đây gồm cả Thiên Hậu, Tống Hậu, Cửu Thiên Huyền Nữ, Ngũ Hành, Bà Thủy Long... Tuy nhiên, trong đó Thiên Ya Na là tiêu biểu nhất. Thánh mẫu Thiên Ya Na, một vị nữ thần thể hiện sự hỗn dung văn hóa Chăm - Việt.

Đặc trưng và điển hình nhất cho tín ngưỡng dân gian vùng ven biển xứ Quảng là tục thờ Cá Ông (Cá Voi). Cá Ông được tôn xưng với các tước hiệu khác nhau: Nam Hải Đại Tướng Quân, Cự Tộc Ngọc Lân Tôn Thân và các danh xưng dân gian khác như: Ông Khơi, Ông Lớn, Ông Sanh, Ông Lộng, Ông Chưởng, Ông Cậu... Trong các làng nghề chài lưới trên biển, đều có lăng thờ Cá Ông, trong đó có chứa cốt cá voi to nhỏ khác nhau. Hằng năm vào những tuần tiết nhất định liên quan tới nghề đánh cá, người dân tổ chức lễ "nghinh ông" từ ngoài biển về để tế lễ và múa hát Bá Trạo - một hình thức diễn xướng nghi lễ tôn thờ Cá Ông.

Sắc bùa là hình thức hát nghi lễ chúc phúc vào dịp Tết Nguyên đán kéo dài từ 23 tháng Chạp đến đầu tháng Giêng. Hát sắc bùa khá phổ biến, từ người Mường ở miền Bắc tới cư dân miền Trung và Nam Bộ. Tuy nhiên, có thể nói ở xứ Quảng, đặc biệt là Quảng Ngãi mang những sắc thái độc đáo hơn cả. Ở đây, người ta tổ chức những người hát sắc bùa thành phường, thành đội, thường có từ 11 đến 12 người, trong đó có 5 nam và 6 nữ. Nhạc cụ gồm có trống con, đàn cò, phách, sinh tiền.

Hát sắc bùa chủ yếu là hát chúc phúc, trừ tà trong gia đình, nhưng cũng có thể họ được mời trong nghi lễ chung của vạn chài hay hát ở đình trong các dịp lễ hội.

### 3. Về thể chất, năng lực và con người xứ Quảng

Có sự khác nhau giữa phía bắc và phía nam đèo Hải Vân. Rõ ràng đèo Hải Vân là ranh giới thiên nhiên và văn hóa giữa phần phía bắc và phía nam. Nhìn từ phương diện thể chất, những đặc tính nhân chủng của con người phía nam đèo Hải Vân mang dòng máu Chăm đậm hơn, đó là vì một bộ phận người Chăm đã Việt hóa về văn hóa và nhân chủng.

Hiện tại, khi nói tới sự tác động giữa môi trường và con người, người ta thường cho vùng này là "địa linh nhân kiệt". Một điều khiến mọi người dễ nhận thấy xứ Quảng là đất học. Tinh thần ưa học hỏi của con người xứ Quảng, xuất phát từ nhiều căn nguyên. Có thể là vùng đất tương đối khô cằn, luôn chịu thiên tai mà trong *Đại Nam nhất thống chí* là vùng "đất bạc". Đất bạc thì để tồn tại con người phải chăm làm, chăm học. Cũng còn có cái lẽ khác là xứ Quảng, nhất là ở Quảng Nam, vốn xưa là nơi giao lưu chứ không phải là nơi ứ đọng, tù túng, do vậy con người cởi mở, dễ tiếp thu, học hỏi, chứ không bảo thủ. Bằng chứng là trong lịch sử, vào cuối thời phong kiến chuyên chế, không ít con người xứ Quảng đề xướng các tư tưởng cách tân như phong trào duy tân với các tên tuổi như: Phan Châu Trinh,

Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp... Cũng còn vì Quảng Nam ngay sát Kinh thành Huế, trung tâm đầu não của thể chế quân chủ triều Nguyễn, nơi đã từng mở 48 cuộc thi Hương, 39 cuộc thi Hội, thi Đình đã thu hút số đông các thí sinh xứ Quảng. Hiện tượng này đã từng được khắc họa trong câu ca dao:

*"Học trò xứ Quảng ra thi,  
Thấy cô gái Huế bỏ đi không đành".*

Cũng chính là đất học, nhiều người là trí thức, nên được mệnh danh là "Quảng Nam hay cãi", nên hiểu đó là tính thích tranh luận, đặt lại vấn đề, một "thuộc tính" của giới trí thức của mọi thời đại.

Theo thống kê của Ngô Văn Minh, trong tổng số 32 khoa thi Hương ở Thừa Thiên từ năm 1817 đến năm 1918 có 991 người đăng khoa thì Quảng Nam có 252 người đỗ liên tiếp cả 32 khoa, chiếm tỷ lệ 27,7% tổng số người thi đỗ, bằng 5,9% người thi đỗ cả nước. Về đại khoa, Quảng Nam có 14 tiến sĩ và 25 phó bảng trong tổng số 558 vị trong cả nước. Nếu so với cả nước, hàng đại khoa của Quảng Nam đứng hàng thứ sáu.

Quảng Nam có nhiều danh nhân trên nhiều lĩnh vực: đỗ đạt cao trong các kỳ thi như Phạm Phú Thứ, Trần Quý Cáp, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng...; các danh thần như: Tham nghị Lê Cảnh, Phạm Hữu Kính, Nguyễn Tường Vân, Thoại Ngọc Hầu, Phan Văn Thuật...; các chí sĩ hy sinh vì dân, vì nước như: Hoàng

Diệu, Ông Ích Khiêm, Trần Cao Vân, Phan Châu Trinh...; ngoài ra, còn có các danh nhân trên các lĩnh vực văn học, ngoại giao, giáo dục, khoa học.

Trong xứ Quảng, Quảng Ngãi cũng là vùng đất "địa linh nhân kiệt" thời nào cũng sản sinh ra những danh nhân cho đất nước. Sách *Quảng Ngãi, đất nước, con người, văn hóa* đã thống kê 139 các nhà khoa bảng, trong đó có 5 tiến sĩ, 6 phó bảng, có 45 nhân vật tiêu biểu, trong đó có những người đã từng nổi tiếng cả nước như: Bùi Tá Hán (1496 - 1568), Trần Quang Diệu (1746 - 1802), Trương Định (1820 - 1864), Trương Đăng Quế (1793 - 1865), Trần Kỳ Phong (1872 - 1941), Phạm Văn Đồng (1906 - 2000), Nguyễn Nghiêm (1904 - 1931), Nguyễn Chánh (1914 - 1957)...

Người xứ Quảng vừa trí tuệ, vừa cứng cỏi, kiên cường, bất khuất, sẵn sàng hy sinh vì nghĩa lớn. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, nhất là trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, xứ Quảng là địa phương có nhiều liệt sĩ và Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Người xứ Quảng cũng trí tuệ, kiên cường trước thách thức thiên nhiên và xã hội, tính cộng đồng làng xã, vùng miền khá cao. Xứ Quảng bao gồm phần lãnh thổ chính của Quảng Nam và Quảng Ngãi. Quảng Nam là đất cố đô của vương quốc Chăm-pa, đặc biệt là vùng đất lưu vực sông Thu Bồn, có thánh địa Mỹ Sơn, kinh đô



Đồng Dương - Trà Kiệu, cảng thị Đại Chiêm..., nên so với Quảng Ngãi các dấu tích và văn hóa Chăm đậm đặc hơn. Sau thời Đại Việt, Quảng Nam vừa gần kinh thành Huế, vừa là đầu mối giao lưu với cảng thị Hội An, sau này là Đà Nẵng, đặc biệt là sự xuất hiện thành phố Đà Nẵng (cũng là một thứ cảng thị hiện đại) nên giao lưu, sầm uất hơn, vai trò đô thị là đầu tàu thúc đẩy sự phát triển xã hội mạnh mẽ hơn. Đặc tính tự nhiên và xã hội này cũng đã tác động tới con người, đặc điểm văn hóa, lối sống. Còn Quảng Ngãi thì chừng mực nào đó thuần nông, thuần ngư hơn, vai trò cảng thị và đô thị tác động chưa nhiều tới sự phát triển xã hội, nhất là đối với nông thôn. Hy vọng trong tương lai gần, với sự xuất hiện cảng Dung Quất và hình thành Khu công nghiệp lọc, hóa dầu Dung Quất, sự phát triển của Quảng Ngãi cũng sẽ sống động hơn<sup>1</sup>.

## II- DUNG QUẤT - CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG

Con người ở vùng Dung Quất là một bộ phận của người Việt ở Quảng Ngãi, có gốc tích chủ yếu từ các

---

1. Phần sơ lược tiểu vùng địa lý - văn hóa xứ Quảng này, chủ yếu dựa vào nội dung của Chương 10: Tiểu vùng văn hóa xứ Quảng, in trong sách *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam* của Ngô Đức Thịnh - Viện Nghiên cứu văn hóa dân gian, Nxb. Trẻ, tháng 4-2004.

vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh vào định cư, khai khẩn xây dựng quê hương từ thế kỷ XV, XVI. Kế thừa và phát huy truyền thống của dân tộc Đại Việt, cũng như truyền thống nơi phát tích, người Việt đã đoàn kết với cộng đồng dân cư ở bản địa trong quá trình sản xuất và chiến đấu. Trải qua gần sáu thế kỷ khai mở, xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, nhân dân vùng Dung Quất cũng như nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, đã ra sức lao động chinh phục thiên nhiên, đoàn kết cùng nhau chống áp bức bóc lột, chống bất công, chống mọi kẻ thù xâm lược để xây dựng quê hương, xóm làng ngày càng tươi đẹp và giành quyền sống cho con người.

Từ vùng đất do cát biển bồi tụ và hoang vu, nhân dân lao động ở đây, từ thế hệ này đến thế hệ khác đã đem mồ hôi, sức lao động bền bỉ cải tạo để sản xuất lương thực, thực phẩm nuôi sống con người và xây dựng thành những xóm làng tươi đẹp. Sách *Đại Nam nhất thống chí* đã nhận xét về đất đai và con người vùng này: "Đất bạc, dân chăm, tính tần tiện, không xa hoa, thích việc nghĩa, giữ khí tiết"...

Ngoài một bộ phận làm nông nghiệp, còn một bộ phận làm nghề đánh bắt cá và khai thác hải sản, lao động cực nhọc, thường xuyên phải đương đầu với sóng gió trên biển, nên họ chú trọng sức khỏe và sự mưu trí để nhận biết những luồng cá và cả thời tiết như gió, bão, v.v. để chủ động đối phó. Do đó, người dân làm

nghề biển rất khỏe mạnh và có tính phóng khoáng, cương trực.

Đi đôi với chinh phục thiên nhiên, khai khẩn đất đai, phát triển ngành nghề lao động sản xuất, làm ra của cải để nuôi sống gia đình và xã hội, người dân vùng Dung Quất đã kề vai sát cánh cùng đồng bào của huyện Bình Sơn (tỉnh Quảng Ngãi) đoàn kết chiến đấu chống áp bức, bất công và kẻ thù xâm lược để bảo vệ quê hương, bảo vệ Tổ quốc..., đã từng tham gia vào chiến công của vua Lê Thánh Tông (1471), tham gia khởi nghĩa Tây Sơn mà Quảng Ngãi là Tây Sơn tả đạo...

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta, triều đình Huế thừa nhận sự đô hộ của thực dân Pháp đối với nước ta. Nhân dân Dung Quất đã cùng với nhân dân các địa phương trong huyện, trong tỉnh và cả nước, liên tục tham gia các phong trào kháng Pháp và những cuộc khởi nghĩa do các cụ Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân lãnh đạo (tháng 7-1895), các cuộc vận động Duy Tân, hưởng ứng chiếu Cần Vương và phong trào chống sưu thuế vào những năm đầu thế kỷ XX. Nhưng tất cả các cuộc vận động, các cuộc khởi nghĩa ấy, tuy dũng khí có thừa nhưng đều không thành công.

Đến khi Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, tiếp thu tinh hoa văn hóa của thời đại mà đỉnh cao là chủ nghĩa Mác - Lênin, dẫn đến việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam với ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã

hội đã nắm quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Từ khi có Đảng, vùng Dung Quất cũng như nhiều nơi khác trong huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã có cơ sở và tổ chức đảng, đã lãnh đạo nhân dân, chủ yếu là nông dân hưởng ứng và tham gia các phong trào cách mạng như: Xô viết Nghệ Tĩnh (1930 - 1931), phong trào dân chủ (1936 - 1939) và cuộc vận động cứu quốc (1941 - 1945), cùng với cả nước nổi dậy lật đổ ách thống trị của thực dân, phong kiến trong cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tiếp đó là ra sức xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ. Thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Dung Quất đã hăng hái tiến công vào ba mặt trận: chống giặc đói, chống giặc dốt và chống giặc ngoại xâm, đồng thời ra sức xây dựng cuộc sống mới, đạt nhiều kết quả.

Để chống ngoại xâm, đồng bào Dung Quất đã kiên quyết ủng hộ cuộc kháng chiến anh dũng của đồng bào Nam Bộ, thanh niên hăng hái xung phong vào bộ đội để giết giặc và ủng hộ tiền tuyến về mọi mặt, đồng thời ra sức xây dựng hậu phương, sẵn sàng cùng đồng bào cả nước tiến hành cuộc kháng chiến toàn dân toàn diện và trường kỳ để đánh bại thực dân Pháp xâm lược. Trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), vùng Dung Quất nằm trong bốn tỉnh vùng tự do Liên khu V (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên), là căn cứ địa của Liên khu V và là hậu phương trực tiếp

của các chiến trường: Đà Nẵng, Tây Nguyên và cực Nam Trung Bộ.

Đồng bào Dung Quất đã làm tốt nhiệm vụ của hậu phương, đẩy mạnh sản xuất phát triển kinh tế và văn hóa, cung cấp nhân, tài, vật lực cho các vùng tạm bị chiếm, xây dựng hậu phương vững mạnh về mọi mặt, phát triển chiến tranh du kích, chống địch càn quét, đánh phá, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân và bảo vệ vững chắc vùng tự do. Nhờ đó, nhân dân vùng Dung Quất đã bẻ gãy các cuộc càn quét, đánh phá của địch vào các xã ven biển trong các năm 1950 - 1954, du kích của các xã Bình Hải, Bình Trị, Bình Đông, Bình Chánh, đã làm tiêu hao và tiêu diệt nhiều sinh lực địch khi chúng tới càn quét, hạn chế sự thiệt hại của đồng bào, tổ chức canh gác phát hiện tàu địch, bảo đảm cho đồng bào đánh cá trên biển được an toàn... Đặc biệt, nhân dân Dung Quất đã đoàn kết tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau vượt qua nạn đói khủng khiếp trong những năm 1951 - 1952 do địch càn quét, đánh phá, phá hoại sản xuất và do thiên tai gây ra.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, các xã thuộc vùng Dung Quất là vùng tự do. Khi Hiệp định Giơnevơ (tháng 7-1954) được ký kết, các xã ở Dung Quất, cũng như toàn thể huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, thuộc vùng tạm thời quản lý và kiểm soát của Mỹ - ngụy. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, với truyền

thống yêu nước và cách mạng, nhân dân Dung Quất đã vượt qua nhiều gian khổ, hy sinh, kiên trì và liên tục đấu tranh góp phần cùng quân dân miền Nam làm thất bại các chiến lược "Tố cộng, diệt cộng", "chiến tranh đặc biệt", "chiến tranh cục bộ" và "Việt Nam hóa chiến tranh" tiến lên thực hiện cuộc "Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975". Kịp thời tranh thủ thời cơ, các xã đã tiến công và nổi dậy giải phóng vùng Dung Quất trong những ngày tháng 3-1975.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, vùng Dung Quất đã nổi lên một số xã tiêu biểu như: xã Bình Đông đã bẻ gãy nhiều cuộc càn quét, tiêu hao, tiêu diệt nhiều địch trong kháng chiến chống Pháp nên được nêu danh là "Bình Đông có tiếng đánh Tây" và có chiến sĩ du kích Phan Phi đã dũng cảm chiến đấu với quân địch đi càn quét, sau rút vào hang đá, bị giặc giết hại. Phan Phi đã trở thành Chiến sĩ thi đua giết giặc lập công xuất sắc của tỉnh Quảng Ngãi. Các xã Bình Chánh, Bình Hải, Bình Trị đã nhiều lần bẻ gãy các cuộc càn quét của địch vào các thôn ven biển. Xóm Cổ Ngựa (ở vực 1 và vực 2), thôn Tuyết Diêm, thuộc xã Bình Đông ghi sâu căm thù tội ác giặc Pháp đã tàn sát trên 40 người trong cuộc càn quét năm 1951 - 1952.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân và du kích ấp Thượng Hòa, ấp Tân Hy thuộc xã Bình Đông đã mưu trí, dũng cảm đánh phủ đầu giặc Mỹ

từ căn cứ Chu Lai đến càn quét đánh phá, đã tiêu diệt nhiều lính Mỹ. Đặc biệt, nữ du kích Nguyễn Thị Hồng cùng tổ du kích nữ, đã mưu trí bắt sống lính Mỹ đi càn vào ấp Thượng Hòa. Bình Đông là xã đi đầu trong phong trào diệt Mỹ của huyện Bình Sơn và tỉnh Quảng Ngãi, từ đây xuất hiện câu ca dao:

*"Bình Đông có tiếng đánh Tây*

*Có gan diệt Mỹ bao vây mấy lân".*

Học tập và thi đua đánh Mỹ với Bình Đông, du kích và nhân dân các xã Bình Thuận, Bình Chánh, Bình Trung, Bình Mỹ, Bình Nguyên... đều có những trận đánh Mỹ táo bạo và thông minh, hình thành vành đai bao vây, diệt Mỹ làm cho quân xâm lược Mỹ bị động đối phó.

Đêm 17 rạng sáng ngày 18-8-1965, quân Mỹ đã mở cuộc hành quân càn quét lớn lấy tên là "Ánh sáng sao", đánh vào ấp Vạn Tường, thuộc xã ven biển Bình Hải, huyện Bình Sơn, nhằm tiêu diệt trung đoàn chủ lực của ta về đóng tại đây (19-7-1965) và thực hiện âm mưu lấn chiếm vùng giải phóng để mở rộng khu vực bảo đảm an toàn cho căn cứ quân sự Chu Lai. Đây là trận càn với quy mô lớn của sư đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ với lực lượng 4 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ, 1 tiểu đoàn xe tăng thiết giáp, 2 tiểu đoàn bộ binh ngụy, có 6 tàu đổ bộ, 5 tàu chiến đấu, 100 máy bay lên thẳng và nhiều pháo hạng nặng... tham gia càn quét quy mô này.

Về phía ta, chỉ có một trung đoàn chủ lực, trung đoàn 1, sư đoàn 2, Quân khu V đóng ở Vạn Tường trong tư thế sẵn sàng chiến đấu cao, cùng với bộ đội địa phương và dân quân du kích đã kiên quyết phản công đánh bại cuộc hành quân "Ánh sáng sao" của lính thủy đánh bộ Mỹ và bộ binh ngụy. Suốt một ngày chiến đấu quyết liệt, ta đã đánh bại các đợt và các mũi tấn công của địch, quân Mỹ không thực hiện được kế hoạch hợp điểm tại Vạn Tường. Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 900 tên Mỹ, bắn hỏng và phá hủy 22 xe tăng - xe bọc thép, 13 máy bay lên thẳng và lực lượng ta rút khỏi Vạn Tường an toàn. Đây là đòn đánh phủ đầu oanh liệt giáng vào lính thủy đánh bộ Mỹ - một binh chủng vốn được xem là ưu tú nhất của quân đội Mỹ. Trong bài phát biểu ở Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 12 (27-12-1965), đồng chí Lê Duẩn đánh giá: "Nếu trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của Liên Xô, trận Xtalingrát là một bước ngoặt chứng tỏ rằng quân phátxít Hítle không phải không đánh được, thì chúng ta cũng có thể coi trận Vạn Tường là một bước ngoặt chứng minh một cách hùng hồn rằng quân giải phóng miền Nam hoàn toàn có khả năng đánh bại được quân đội Mỹ trong điều kiện chúng có một ưu thế tuyệt đối về binh khí hỏa lực so với quân giải phóng. Thật vậy, trận Vạn Tường ngày 18-8-1965 chẳng khác nào trận Ấp Bắc đối với quân ngụy đầu năm 1963 và rõ ràng sau trận Vạn Tường đã có một



loạt trận quân giải phóng miền Nam chiến thắng quân đội Mỹ một cách hết sức oanh liệt"<sup>1</sup>.

Vui mừng với những chiến thắng vang dội ở Núi Thành, Vạn Tường, nhân dân vùng Dung Quất còn khắc sâu mối thù mà lính Nam Triều Tiên, dưới sự chỉ huy của Mỹ đã gây ra vụ thảm sát cực kỳ dã man ở xã Bình Hòa. Trong các ngày 3, 5 và 6 tháng 12-1966, tại 5 điểm ở xã Bình Hòa, quân Nam Triều Tiên đã sát hại 307 đồng bào ta (ở vùng đất nhà ông Tráp có 15 người, hố bom Truong Đình có 36 người, đốc Rừng có 59 người, đồng Chồi giữa có 66 người, đám ruộng giếng xóm Cầu có 131 người). Sau đó, chúng còn liên tiếp càn quét, đốt phá, chém giết, hủy diệt màu xanh làm cho vùng đông huyện Bình Sơn thành một vùng trắng, chìm đắm trong cảnh máu lửa.

Trong buổi lễ phát động lòng căm thù và quyết tâm trả thù vụ thảm sát của địch ở Bình Hòa, đồng chí Trịnh Thị Huyền, Chủ tịch Hội Phụ nữ xã đã chích máu viết trên khăn tang kêu gọi du kích, bộ đội thể chiến đấu trả thù cho bà con xã Bình Hòa với khẩu hiệu "*Xé xác rồng xanh, phanh thây giặc Mỹ*"<sup>2</sup>. Tại đây, nhân dân địa phương đã xây dựng một tấm bia căm thù để ghi tội ác tày trời của đế quốc Mỹ và quân chư hầu.

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bình Sơn: *Lịch sử Đảng bộ huyện Bình Sơn 1930 - 1975*, Nxb. Tổng hợp, Nghĩa Bình, 1988, tr. 140 - 141.

2. Rồng xanh là tên gọi quân Nam Triều Tiên.

Qua quá trình chinh phục thiên nhiên, lao động sản xuất, xây dựng quê hương và chiến đấu chống các thế lực xâm lược từ bên ngoài và bọn bán nước bên trong, nhân dân Dung Quất - một bộ phận của nhân dân Quảng Ngãi, đã kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam trong dựng nước và giữ nước, *đã tô đậm thêm những truyền thống quý báu:*

- Đó là truyền thống yêu nước nồng nàn, yêu chủ nghĩa xã hội, nêu cao tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì Tổ quốc. Truyền thống này đã xuất hiện khá sớm, đặc biệt từ khi có Đảng Cộng sản ra đời lãnh đạo cách mạng Việt Nam, nhân dân Dung Quất luôn kề vai sát cánh cùng đồng bào trong tỉnh và cả nước kiên cường vượt qua mọi gian khổ hy sinh, lần lượt đánh bại mọi kẻ thù xâm lược cùng bè lũ tay sai của chúng như: phát xít Nhật, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, để giành độc lập, tự do cho dân tộc. Trong các cuộc chiến đấu ấy, trên vùng Dung Quất, ở mỗi cánh đồng, khúc sông, ngọn núi, bãi cát... đều ghi sâu tội ác dã man của kẻ thù và cũng ghi đậm những hy sinh anh dũng, những chiến công hiển hách, những sự kiện anh hùng của đồng bào, chiến sĩ. Với trên 10.000 dân của 12 xã, thị trấn (chủ yếu nằm trong khu quy hoạch, khu công nghiệp) của Dung Quất đã có 2.399 liệt sĩ, 652 thương binh, 237 gia đình có công, 127

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng và 3 xã được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân...<sup>1</sup>.

Biết bao mồ hôi, nước mắt, xương máu của các thế hệ đồng bào, cán bộ, chiến sĩ thấm sâu xuống vùng đất Dung Quất khô cằn đã làm giàu và rạng rỡ thêm truyền thống anh hùng, bất khuất của dân tộc, và để cho chân lý *"Không có gì quý hơn độc lập, tự do"* của dân tộc mãi mãi ngời sáng trên mảnh đất Dung Quất anh hùng.

- Đó là truyền thống cần cù lao động, cần kiệm, trí thông minh, sáng tạo, kiên cường bám ruộng vườn, bám biển khơi, thôn xóm để sản xuất và chiến đấu, xây dựng và bảo vệ quê hương, bất chấp sự khủng bố, tàn sát dã man và sự hủy diệt môi trường sống của kẻ thù. Truyền thống này đã được phát huy trong những hoàn cảnh vừa sản xuất, vừa chiến đấu trong điều kiện chiến tranh ác liệt, và được phát huy trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ được lưu truyền từ đời này qua đời khác.

- Đó là truyền thống nhân ái, đoàn kết yêu thương đùm bọc nhau trong tình làng nghĩa xóm, lá lành đùm lá rách, giúp nhau bảo vệ cuộc sống lành mạnh, yên vui cho mọi gia đình, cho mọi người, xây dựng cộng đồng đoàn kết và phát triển. Nhờ truyền thống tốt đẹp ấy mà nhân dân Dung Quất đã vượt qua nhiều thiên tai, địch họa, vượt qua nạn đói khủng khiếp và những cuộc tàn

---

1. Số liệu do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Bình Sơn và huyện Núi Thành cung cấp.

sát dã man của quân thù, nêu cao ý chí dũng cảm trong lao động sản xuất và kiên cường trong chiến đấu để chiến thắng quân thù.

- Đó là truyền thống trung thành và tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Từ ngày có Đảng, nhân dân lao động ở Dung Quất cũng như nhiều nơi khác đã đi theo Đảng, trung thành với Đảng, đã sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội, một lòng một dạ tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, kiên trì chiến đấu, vượt qua mọi khó khăn, nguy hiểm, tiến lên giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã ra sức khôi phục kinh tế, khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng lại quê hương. Đặc biệt qua 20 năm đổi mới, sản xuất ngày càng phát triển, đời sống của nhân dân được cải thiện từng bước. Chính vì thế đã củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng, và hăng hái đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trước mắt đã có gần 3.500 đồng bào trong khu quy hoạch, Khu công nghiệp Dung Quất đã vượt qua những khó khăn tạm thời, đã di dời nhà cửa, mồ mả ông bà, tổ tiên đến nơi định cư mới để sinh cơ lập nghiệp, nhường đất đai, ruộng vườn cho những công trình xây dựng như

Cảng biển nước sâu, Nhà máy lọc dầu và các hệ thống đường sá. Qua đó, chứng minh đồng bào Dung Quất chẳng những trung thành, tin tưởng vào Đảng trong chiến đấu, mà cả trong thời kỳ xây dựng kinh tế, thực hiện đổi mới và tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Năm tháng đã qua đi, chiến tranh đã lùi về quá khứ. Ngày nay, trên mảnh đất mang tên Dung Quất trong những năm tháng đánh Mỹ không còn những vết tích của bom đạn chiến tranh, không còn những cảnh xóm làng bị thiêu trụi, hoang tàn đổ nát. Giờ đây, lịch sử đã sang trang. Dưới ánh sáng đường lối đổi mới của Đảng, nhân dân Dung Quất cũng như đồng bào cả nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Dung Quất được Chính phủ quy hoạch thành khu công nghiệp nằm trong khu kinh tế trọng điểm miền Trung. Rồi đây những công trình, những khu công nghiệp hiện đại sẽ được lần lượt xây dựng trên mảnh đất nghèo khó từ bao đời, nhưng rất giàu truyền thống cách mạng và ý chí đấu tranh.

Có những công trình sẽ được xây dựng ngay trên những mảnh đất đầy đau thương nhưng rất anh hùng như: Cảng biển nước sâu Dung Quất được xây dựng ngay trên xóm Cổ Ngựa (vực 1) thôn Tuyết Diêm, xã

Bình Thuận, đây là xóm đứng ở đầu sóng ngọn gió, đã liên tục chiến đấu kiên cường suốt trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp đã đánh lui nhiều cuộc càn quét của địch, biết bao lần bị giặc Pháp đốt sạch nhà cửa, ghe, lưới, đồng bào lại dựng lại nhà mới, bám biển, bám làng để sản xuất và chiến đấu, trong một cuộc càn quét giặc Pháp đã tàn sát một lúc trên 30 người trong một địa đạo ở vực 1, và tàn sát trên 40 người ở trong hang đá tại vực 2, gây bao đau thương, chết chóc cho đồng bào ở những xóm nhỏ này.

Cùng với cảng biển nước sâu, Nhà máy thép đã và đang xây dựng ở thôn Thuận Phước, Nhà máy đóng tàu lớn cũng được xây dựng ở bờ biển thôn Sơn Trà, xã Bình Đông và nhiều nhà máy, xí nghiệp, cơ sở dịch vụ khác.

Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất đã và đang xây dựng ở thôn Lệ Thủy và thôn Phước Hòa thuộc xã Bình Trị, nơi có cụ Trần Kỳ Phong (1872 - 1941) là một chí sĩ yêu nước chống Pháp trong phong trào Cần Vương - Duy Tân và sau là nhà cách mạng vô sản. Cụ là một trong những nhà cách mạng kỳ cựu nổi tiếng ở Quảng Ngãi trong những năm đầu của thế kỷ XX.

Thành phố Vạn Tường sẽ được xây dựng ở xã Bình Hải, có trận đánh Vạn Tường vang dội, và ở xã Bình Hòa anh hùng ghi sâu tội ác của quân Nam Triều Tiên đã tàn sát hơn 300 người trong một cuộc càn quét vào năm 1966.

Cả Khu kinh tế Dung Quất ngày nay đã trở thành đại công trường công nghiệp, đang tăng tốc, khẩn trương xây dựng những công trình, nhà máy, cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật và các tiện ích xã hội, tạo ra sự thay đổi hàng ngày để sớm biến vùng này thành vùng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. "Ngọt bùi nhớ lúc đắng cay", đồng bào và các thế hệ nhân dân Dung Quất không bao giờ quên những năm tháng trường kỳ chiến đấu đầy gian khổ, ác liệt, hy sinh vì giặc giết hại, vì đói khát, bệnh tật, chết chóc bởi tội ác "Trời không dung, đất không tha" do giặc Pháp, giặc Mỹ và bè lũ tay sai gây ra. Đồng bào và các thế hệ con cháu ở Dung Quất càng không thể nào quên, máu, mồ hôi, nước mắt của các thế hệ đồng bào Dung Quất và các thế hệ đồng bào, chiến sĩ trên mọi miền đất nước Việt Nam yêu dấu đã đổ xuống và nằm lại trên mảnh đất này, để cho chân lý "*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*" được mãi mãi sáng ngời.

Đồng bào và các thế hệ con cháu Dung Quất còn mãi mãi ghi ơn những đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, những nhà khoa học đầy nhiệt huyết với miền Trung đã tìm tòi, nghiên cứu, phát hiện, lựa chọn và quyết định xây dựng Cảng biển nước sâu và Khu đại công nghiệp Dung Quất, góp phần làm thay đổi sâu sắc vùng đất anh hùng và xinh đẹp này. Đồng thời cũng biết ơn các nhà khoa học, các nhà quản lý trong và ngoài nước cùng đông đảo các kỹ sư, công nhân từ mọi miền

đất nước đã đem trí tuệ, sức lực, nhiệt tình và kỹ thuật đến góp phần xây dựng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa cho vùng đất này.

Nước sông Trà Bồng từ Trường Sơn hùng vĩ đổ ra vịnh Dung Quất, hòa vào đại dương mênh mông, với những con sóng như hoa biển trắng xóa ngày đêm vỗ vào bờ không giây phút ngưng nghỉ để chào mừng những công trình của thế kỷ XXI ở Dung Quất. Đó cũng là quy luật của đất trời, nhưng cũng là để nhắc nhở cho những thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau, luôn luôn ghi lòng tạc dạ đạo lý của con người Việt Nam từ ngàn xưa cho đến mai sau "*Uống nước nhớ nguồn*", "*Ăn quả nhớ người trồng cây*". Đó là đạo lý Việt Nam - văn hóa Việt Nam muôn đời bất diệt. Cũng như sông không đổi dòng, sóng không vỗ ngược, thì lòng người cũng không thể thay đổi dù khi cuộc sống giàu có, văn minh, hiện đại và hạnh phúc đến đâu, chỉ có thể làm sáng ngời thêm đạo lý Việt Nam - văn hóa Việt Nam.



# QUẢNG NGÃI ANH HÙNG VÀ VĂN HIẾN TỪ NGÀN XƯA CHO ĐẾN MAI SAU

GS. Vũ Khiêu

Đã từ lâu, Quảng Ngãi đi vào lòng tôi.

Đã từ lâu, tôi mong mỗi được đến mảnh đất đã tạo ra lớp lớp anh tài cho Tổ quốc. Tôi rất vui mừng vì nguyện vọng từ lâu nay đã được thỏa mãn, dù đến với tôi muộn một chút, vào năm tôi vừa tròn chín chục tuổi.

Tôi không tin lắm vào truyền thống phong thủy của phương Đông và Việt Nam. Nhưng tôi vẫn suy nghĩ có phải từ núi sông hùng vĩ nơi đây đã toát ra một linh khí kỳ diệu, tác động mạnh mẽ đến ý chí, phẩm chất và tài năng của con người Quảng Ngãi?

Vì sao những con người ở nơi đây đã luôn thể hiện những tình cảm rộng lớn đối với Tổ quốc và đồng bào, luôn luôn cảm thông chia sẻ với nỗi đau của toàn nhân loại cũng như của số phận mỗi con người? Vì sao mà những con người Quảng Ngãi dù đi bốn phương trời để lao động và chiến đấu vẫn luôn gắn bó chặt chẽ với quê hương, đều giữ gìn danh dự của quê hương?

Chúng ta càng nhận ra điều này không những từ cảm xúc sâu xa của các nhà thơ, mà còn từ thái độ và hành vi của mỗi con người Quảng Ngãi.

Tôi xin nêu lên ở đây thái độ gắn bó với quê hương qua hai nhân vật điển hình: Trương Đăng Quế thời xưa và Phạm Văn Đồng gần đây.

Về Trương Đăng Quế. Tôi đã đọc hết 244 bài thơ trong *Học vấn dư tập* của ông. Thơ ông rất sâu sắc về nội dung, chặt chẽ về hình thức, tràn đầy tình yêu Tổ quốc và đạo lý làm người, đặc biệt là từ tấm lòng của ông với quê hương Quảng Ngãi.

Tôi rất xúc động khi đọc bài thơ *Qua Quảng Ngãi* của ông. Trên đường đi kinh lý Nam Kỳ, thuyền ông đi sát quê hương mà ông vì công vụ bề bộn, không thể dừng lại thăm quê hương được. Ông ra đứng ở đầu thuyền, nhìn về quê nhà với tấm lòng dào dạt thương nhớ:

*Gió xuân đưa nhẹ thuyền xuôi  
Liếc nhìn theo lớp sóng đôi xa xa  
Bên đường thấp thoáng quê nhà  
Tình vương lữ thứ xót xa can tràng  
Nỗi niềm tang tử mang mang  
Thử miêu ca khúc âm vang chẳng ngừng  
Dựa đầu thuyền ngóng mông lung  
Nhà thôn dân khuất theo cùng chốn cây.*

Tiêu biểu cho tình cảm quê hương còn chính là nguyên Thủ tướng Phạm Văn Đồng, người con ưu tú

của Quảng Ngãi, người học trò kiệt xuất của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà lãnh đạo được toàn dân yêu quý. Hàng trăm bài ngợi ca ông đã được in trong sách, báo. Ở đây, tôi chỉ muốn hiểu ông đã gắn bó sâu sắc với quê hương thế nào?

Ông sinh ra và lớn lên trên mảnh đất quê hương Quảng Ngãi. Trên đường cách mạng, ông đã đặc biệt quan tâm giác ngộ các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ. Ông góp phần xây dựng cơ sở đảng, rèn luyện những thế hệ trung thành với Tổ quốc và chiến đấu kiên cường trong sự nghiệp cách mạng.

Hồi ký của các cán bộ Quảng Ngãi viết về ông đều nhắc đến những ngày ông về thăm quê cũng như những ngày cán bộ và đồng bào từ quê hương ra thăm ông. Mỗi lần gặp gỡ là mỗi lần ông tìm hiểu tỉ mỉ về tình hình mọi mặt của quê hương, đồng thời góp ý kiến cặn kẽ với từng cán bộ, về từng nhiệm vụ.

Những tình cảm sâu sắc của người Quảng Ngãi đối với quê hương càng thu hút sự chú ý của toàn quốc đối với con người và mảnh đất nơi đây.

Từ xa xưa, ở nơi đây, con người đã từ mồ hôi trên trán mình làm đẹp thêm cho mảnh đất. Bao nhiêu di tích lịch sử, những đền đài trải trên mảnh đất này đã trở thành những di vật thân thiết mà người xưa để lại.

Người xưa đã sinh hoạt trên mảnh đất này hàng thiên niên kỷ và sẽ còn sống mãi trong tâm trí của con

người hôm nay. Nhưng Quảng Ngãi đây sức sống hôm nay, trải qua hàng vạn năm trời chỉ dần dần xuất hiện với đầy đủ vẻ đẹp của mình từ bốn, năm thế kỷ gần đây. Đó là từ khi con cháu Lạc Hồng đặt chân lên mảnh đất này đã hòa trộn với con người ở địa phương, tạo ra một quan hệ mới giữa thiên nhiên và xã hội, một hôn phối tuyệt đẹp giữa mảnh đất và con người Quảng Ngãi. Từ đây, mảnh đất này đã tạo ra con người và con người đã làm vẻ vang cho mảnh đất.

Không có những con người thông minh tài trí thì mảnh đất dù kỳ lạ đến đâu vẫn chỉ là một cô Hằng Nga còn nằm ngủ trong rừng. Ngược lại, con người dù tài giỏi đến đâu vẫn không thể phát huy được tình cảm, trí tuệ và tài năng nếu không có một mảnh đất dụng võ.

Ở nơi đây, năm này qua năm khác, mảnh đất đã hun đúc lên những con người vừa thể hiện được những phẩm chất tốt đẹp của dân tộc, vừa mang những đặc trưng quê hương Quảng Ngãi. Ở đây, năm này qua năm khác, con người xây đắp quê hương mình thành những đồng lúa xanh tươi, những vườn cây tràn đầy hoa trái và đặc biệt là những vùng công nghiệp hứa hẹn ngày mai.

Nhìn lại hình sông và thế núi ở nơi đây, mọi người không khỏi nẩy sinh lòng mến mộ đối với mảnh đất dài hơn 100 cây số, như một khúc ruột nối liền hai miền Nam Bắc của Tổ quốc Việt Nam.

Núi rừng hùng vĩ như giang hai bàn tay ôm lấy

mảnh đất và con người. Đẹp thay vị thế của con người Quảng Ngãi: lưng dựa vào Trường Sơn, mắt nhìn ra Đông Hải, với chiều cao của trí tuệ tâm hồn, với bề rộng của tình người, nghĩa nước.

Ở nơi đây, suốt trong thời gian thực dân Pháp thống trị rồi đế quốc Mỹ xâm lược nước ta, bao nhiêu cuộc khởi nghĩa đã liên tiếp vùng dậy, tiêu biểu nhất là cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và khởi nghĩa Trà Bồng ở miền tây Quảng Ngãi vào tháng 8-1965, được xem là một trong hai cuộc đồng khởi sớm nhất có quy mô lớn ở miền Nam Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ.

Trên đất Quảng Ngãi cũng từng diễn ra những chiến thắng lịch sử như chiến thắng Ba Gia tháng 8-1965, đánh dấu sự cáo chung của chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của địch. Chiến thắng Vạn Tường tháng 8-1965, đã khẳng định quân và dân Việt Nam có đủ khả năng đánh tan quân viễn chinh Mỹ trang bị bằng vũ khí hiện đại. Trong đại thắng mùa Xuân năm 1975 lịch sử, Quảng Ngãi cũng là một trong những tỉnh giải phóng sớm ở miền Nam...

Cùng với những thành tích vô cùng vẻ vang trên đây, Quảng Ngãi lại là nơi bị nhiều mất mát về người và của. Chỉ riêng vụ thảm sát 504 người gồm cả già trẻ, nam nữ ở Sơn Mỹ ngày 16-3-1968 do đế quốc Mỹ gây ra đã đem lại nỗi đau xót cho nhân dân toàn quốc và làm chấn động dư luận cả thế giới về những hành vi tàn bạo của đội quân xâm lược.

Ngày nay, nhìn lại các thời kỳ lịch sử, người dân Việt Nam bước lên mảnh đất này không thể không xúc động khi ở dưới chân mình, từng tấc đất đã thấm sâu những giọt máu của bao thế hệ anh hùng, từng tấc đất chứa đựng ước vọng và tâm tư của ông cha gửi lại.

Tôi không đi sâu vào những thành tích mọi mặt của quê hương đã được đăng trên các sách, báo... Tôi chỉ xin trình bày một vài cảm nghĩ về Quảng Ngãi, khi nhìn lại ngàn xưa và trông đến mai sau.

Lịch sử luôn luôn vận động về phía trước, nhưng không phải lúc nào cũng thuận lợi. Từ 5 năm trước, Quảng Ngãi đã cùng dân tộc ta và cùng nhân loại bước vào thế kỷ XXI và thiên niên kỷ thứ ba. Cả nhân loại từng nghĩ rằng lịch sử đã khép lại những trang đau thương và mở ra một thời đại mới, mà trong đó hòa bình sẽ thay thế cho chiến tranh, trí tuệ, tình thương và hạnh phúc sẽ ngự trị trong đời sống của con người.

Nhưng lịch sử đã không diễn ra như cả nhân loại đã từng mong ước. Chỉ mới 5 năm mà bao nhiêu sự tàn bạo và bất công vẫn tiếp tục diễn ra ngày càng sâu sắc, mà những hành vi xấu xa, những tệ nạn xã hội vẫn tiếp tục làm tối đi bộ mặt của con người. Vấn đề tiến bộ hay phản động, thất bại hay thành công, thậm chí tồn tại hay diệt vong được đặt ra trước sự lo âu của cả nhân loại, của mỗi dân tộc, của mỗi con người. Toàn cầu hóa và kinh tế tri thức đã trở thành một chặng đường tất

yếu mà nhân loại phải đi qua, một môi trường đấu tranh giữa mạnh và yếu, giữa sống và chết đối với mọi dân tộc và mọi tập đoàn xã hội.

Trong hoàn cảnh nói trên, Đảng ta đã phát triển đường lối đổi mới, chủ động hội nhập kinh tế toàn cầu và chuẩn bị mọi điều kiện vật chất và tinh thần để vượt qua những khó khăn trước mắt. Tôi xin nêu lên ba thách thức ở thời đại ngày nay:

### **1. Thời đại của trí tuệ**

Thời đại của chúng ta là thời đại mà trí tuệ đã tạo ra những thành tích kỳ diệu chưa từng có trên mọi lĩnh vực của đời sống. Dân tộc nào, con người nào không nắm được điều này, không nhanh chóng vươn lên hàng đầu của trí tuệ thì không tránh khỏi bị thất bại và bị loại trừ.

Trước nguy cơ này, Đảng đã đặt khoa học và giáo dục là quốc sách hàng đầu. Đảng phát huy sức mạnh truyền thống của dân tộc là đầu óc thông minh và tinh thần hiếu học để quyết tâm đưa dân tộc ta tiến lên hàng đầu của thời đại trí tuệ ngày nay.

### **2. Sự suy thoái về đạo đức**

Sự phát triển nhanh chóng về trí tuệ cũng dẫn tới sự phát triển rộng lớn và sâu sắc của kinh tế thị trường trên toàn thế giới, lôi cuốn các dân tộc vào cuộc chạy đua kinh doanh và đấu tranh gay gắt về chính trị mà

đỉnh cao là xung đột đẫm máu về quân sự. Trong khi thành tựu về vật chất có chiều hướng phát triển, thì đời sống tinh thần lại có nguy cơ suy thoái.

Sự suy thoái về đời sống tinh thần và đạo đức trên toàn thế giới cũng đang diễn ra trên đất nước ta. Có thể ngăn chặn được tình trạng tham nhũng và các tệ nạn xã hội không? Với truyền thống yêu nước, thương dân của Tổ tiên, với lời dạy cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư của Bác Hồ, nếu như toàn dân ta cùng kiên quyết đấu tranh thì nhất định sẽ quét sạch được những bóng đen nói trên và trả lại cho nhân dân ta một bầu trời trong sáng của phẩm chất con người.

### **3. Yêu cầu mới của chủ nghĩa anh hùng**

Trong tình hình nói trên, sự thành bại và cả sự tồn vong đang là một thách thức đòi hỏi cả loài người phải cảnh giác và tỉnh táo, đòi hỏi các dân tộc đang sống trong hoàn cảnh bất công phải có một ý chí mãnh liệt, một sự dũng cảm phi thường, mới mong được tồn tại và phát triển.

Dân tộc ta cũng như cả nhân loại đang đứng trước những thách thức lớn nói trên. Có vượt qua những thách thức ấy để đi lên hay không? Điều này phụ thuộc vào bản lĩnh của mỗi dân tộc.

Lịch sử Việt Nam là lịch sử thường xuyên đối phó với những hoàn cảnh hiểm nghèo nhưng chưa bao giờ



lùi bước. Sức mạnh nào đã khiến dân tộc ta phát triển được sản xuất trong hoàn cảnh khó khăn, đánh bại được kẻ thù lớn mạnh nhất thế giới? Hiểu được bài học này là nắm được bí quyết để thành công trước mọi thách thức của lịch sử. Thách thức ngày xưa là thách thức sống còn của dân tộc trước sự tàn phá của thiên tai và sự áp bức của quân xâm lược. Thách thức ngày nay là đưa đất nước từ trình độ nghèo nàn, lạc hậu đuổi kịp các nước tiên tiến và văn minh. Ngày nay cũng như ngày xưa, sức mạnh của chúng ta vẫn là quyết tâm sắt đá của toàn thể nhân dân, là sức mạnh tinh thần mà Bác Hồ đã nhiều lần nhắc tới. Phát huy cao nhất sức mạnh tinh thần từ tình cảm, trí tuệ và ý chí sẽ mãi mãi là bí quyết thành công của dân tộc ta ở mọi thời kỳ lịch sử.

Đứng trước ba thách thức to lớn, đồng thời là ba đòi hỏi của thời đại, tôi thấy Quảng Ngãi có đủ điều kiện và khả năng để thực hiện những nhiệm vụ mà lịch sử đang đặt trên vai của con người Việt Nam. Quảng Ngãi từ đời này qua đời khác đã bằng mồ hôi và xương máu của mình tạo ra những phẩm chất và tinh thần mà đất nước đang đòi hỏi:

Đó là tinh thần hiếu học và những thành tựu trí tuệ trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước.

Đó là truyền thống đạo đức, thể hiện ở tình cảm yêu thương mãnh liệt, trung với nước, hiếu với dân.

Đó là ý chí sắt đá, để thực hiện lời dạy của Bác Hồ:

Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

Tôi nghĩ rằng, những nhà khoa học của địa phương Quảng Ngãi cũng như từ mọi miền đất nước sẽ làm nổi bật lên những phẩm chất ưu việt của con người và mảnh đất này và từ đó khơi dậy lên những nhân tố còn chưa khai thác hết, từ lịch sử vinh quang của Quảng Ngãi ngày xưa và từ tiềm năng vô tận của Quảng Ngãi hôm nay.

Chính vì thế mà từ đất Quảng Ngãi hôm nay và ngày xưa tôi đã nhìn thấy hình ảnh rực rỡ quang vinh của Quảng Ngãi ngày mai.

# PHẠM VĂN ĐỒNG - NHÀ VĂN HÓA LỚN CỦA DÂN TỘC

**GS. Song Thành**

Đồng chí Phạm Văn Đồng đã đi vào thế giới người hiền của dân tộc và nhân loại trong thế kỷ XX. Đồng chí xuất hiện trong lịch sử văn hóa và cách mạng Việt Nam như một nhân cách toàn diện: người cộng sản lỗi lạc, nhà chính trị xuất sắc, nhà lãnh đạo kinh tế, nhà ngoại giao tâm cỡ, nhưng có lẽ đầy đủ và đúng đắn nhất, đồng chí là nhà văn hóa lớn của dân tộc.

Được trời phú cho một trí tuệ hơn người, từ tuổi thanh niên được hấp thụ một nền học vấn vững vàng, khi dấn thân vào con đường cách mạng, đồng chí Phạm Văn Đồng đã sớm nổi bật lên trong số những học trò đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh như một chiến sĩ cách mạng lớp tiền bối có trình độ văn hóa cao. Những hội viên Thanh niên dự lớp huấn luyện chính trị tại Quảng Châu không sao quên được và hết sức tự hào về người đồng chí của mình khi nghe được bài diễn văn bằng tiếng Pháp của đồng chí Phạm Văn Đồng đọc tại

buổi chào mừng phái viên của Quốc tế Cộng sản đến thăm lớp học. Lần đầu tiên, họ thấy một thanh niên Việt Nam sánh ngang về trí tuệ với một người lãnh đạo Đảng Cộng sản Pháp, khi cùng phát biểu về mối quan hệ cách mạng và tình hữu nghị giữa hai dân tộc Việt - Pháp.

Là người đọc rộng, biết nhiều, suy nghĩ sâu, luôn luôn lật đi lật lại mọi vấn đề và đem cọ sát nó với thực tế, vốn văn hóa - lý luận của đồng chí ngày càng mở rộng, trở nên vững vàng và sâu sắc. Đồng chí có hiểu biết nhiều về văn hóa dân tộc, đồng thời cũng là người thấu hái được vốn kiến thức rộng rãi về văn hóa thế giới. Nhờ nắm được ngôn ngữ Pháp đến mức độ sâu sắc và tinh tế, đồng chí đã sử dụng như cái chìa khóa để bước vào thế giới muôn màu của văn hóa phương Tây; ban đầu là các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học và triết học Pháp, Đức, Anh, Italia, sau đó là những tác phẩm kinh điển của Mác - Ăngghen.

Rất giỏi về lý luận, đồng chí sớm trở thành vị "Giáo sư đỏ" nổi tiếng uyên bác của các chiến sĩ cộng sản trong Nhà tù Côn Đảo; rồi sau này trở thành giảng viên của lớp huấn luyện về "con đường giải phóng" do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc mở ra tại vùng biên giới Việt - Trung năm 1940 - 1941.

Cũng như Bác Hồ, đồng chí Phạm Văn Đồng đã sử dụng ngòi bút như một vũ khí đấu tranh sắc bén. Trong

thời kỳ 1936 - 1939, hoạt động công khai tại Hà Nội, đồng chí Phạm Văn Đồng đã cộng tác với nhiều tờ báo của Đảng. Dưới bút hiệu Đông Tây, đồng chí viết nhiều bài báo giàu tính chiến đấu, đăng trên các báo tiếng Pháp xuất bản công khai tại Hà Nội bấy giờ như *Le Travail, Notre Voix*, v.v.. Các bài báo do đồng chí viết, dù ký tên hay không, qua theo dõi, bọn mật thám đều biết và làm chúng lo ngại. Ngày 15-4-1937, chính quyền thực dân đã trục xuất đồng chí khỏi Hà Nội, buộc đồng chí phải về nguyên quán ở Trung Kỳ.

Sau này, tại Khu giải phóng, đồng chí được Bác Hồ giao cho làm Chủ bút báo *Việt Nam độc lập*, do Người sáng lập ở Cao Bằng. Khi Bác Hồ ra nước ngoài công tác và bị bắt giam trái phép, đồng chí đã thay Bác Hồ phụ trách tờ báo cho đến trước ngày cách mạng thành công. Các bài xã luận, phổ biến chủ trương, chính sách của Mặt trận Việt Minh, tin tức trong nước và thế giới, khi Bác Hồ đi vắng, phần lớn đều do đồng chí chấp bút hoặc biên tập. Ngày nay, đọc lại các bài báo ấy, dù không ký tên, ta vẫn thấy phảng phất hơi văn của đồng chí, một lối văn quán triệt phong cách Hồ Chí Minh: ngắn gọn, súc tích, giản dị, dễ hiểu mà gây xúc động, để lại ấn tượng sâu sắc trong người đọc.

Cách mạng thành công, những trọng trách mà Đảng và Nhà nước giao phó đã tạo thêm điều kiện để đồng chí Phạm Văn Đồng mở rộng và nâng cao trí tuệ

của mình lên tâm chiến lược quốc gia và quốc tế. Dù công việc hành chính bận rộn thế nào, đồng chí cũng không bỏ thói quen và niềm đam mê đọc sách báo, kể cả sách báo nước ngoài, để thu thập thông tin; đặc biệt là không bỏ nên nếp gấp gỡ, thảo luận một cách bình đẳng, thân ái với các văn nghệ sĩ, trí thức và các nhà khoa học tiêu biểu của đất nước. Vì thế, tư duy của đồng chí không xa rời, lạc hậu với cuộc sống mà vẫn luôn luôn tươi xanh với cây đời. Tuổi ngày càng cao, nhưng trí tuệ đồng chí không mòn đi, cứng lại, mà như đạt tới sự bùng nổ một mùa xuân thứ hai của trí tuệ: mới mẻ, uyển chuyển, giàu có, lịch lãm...

Tất cả những ai đã đôi lần có may mắn được làm việc với đồng chí Phạm Văn Đồng, được nghe đồng chí nói, nhận xét, góp ý, hoặc mỗi lần được đọc bài viết mới của đồng chí, đều có chung một nhận xét giống nhau: bài của Cụ giàu ý tưởng, mà phần nhiều là những ý tưởng mới mẻ, có sức khơi dậy, dẫn dắt, giúp cho người nghiên cứu có thể đi xa hơn trong công việc của mình. Mỗi một người làm công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học hay sáng tác văn nghệ đều có thể trực tiếp hoặc gián tiếp nhận được ở đồng chí Phạm Văn Đồng những lời khuyên chân tình, mà không lời khuyên nào là sáo mòn, cũ kỹ.

Đầu những năm 70 của thế kỷ XX, trong một lần nói chuyện với những người làm công tác triết học, đồng

chí Phạm Văn Đồng có đưa ra nhận xét: Do thiếu cọ xát, đấu tranh, triết học của ta bằng lạng quá. Đồng chí có so sánh triết học Liên Xô với triết học mácxít hiện đại Pháp và cho rằng một bên thì đúng đắn nhưng hơi kinh viện, một bên tuy không tránh khỏi có vấp vấp nhưng do phải thường xuyên đối mặt với triết học tư sản, nên có phần sắc sảo, sinh động và thực tiễn hơn. Từ đó, đồng chí khuyên anh em nên mạnh dạn mở ra các cuộc trao đổi học thuật với nhau một cách chân tình, không đao to búa lớn, cứ nói cho hết ý của mình và đừng có sợ bị truy chụp, có thể triết học của ta mới khởi sắc lên được.

Từ tầm cao của trí tuệ, chiều sâu của sự suy nghĩ cùng vốn hiểu biết phong phú, trong nhiều trường hợp đồng chí Phạm Văn Đồng là người đề xuất việc nghiên cứu nhiều vấn đề mới của khoa học xã hội và giáo dục của nước ta. Tác phẩm *Hồ Chủ tịch - hình ảnh của dân tộc*, viết từ tháng 8-1948, được coi là tác phẩm xuất sắc đầu tiên, mở đầu cho việc nghiên cứu hệ thống về Hồ Chí Minh; đồng chí cũng là người có những công trình viết hay nhất về Hồ Chí Minh; được đồng bào trong nước và bạn bè quốc tế đón đọc.

Đồng chí rất quan tâm đến việc nghiên cứu thời kỳ Hùng Vương. Vào thời điểm cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước diễn ra ác liệt, Mỹ ồ ạt đổ nửa triệu quân vào miền Nam và cho máy bay, tàu chiến đánh phá miền Bắc, đồng chí vẫn đến dự và nói chuyện với Hội

ngệ bàn về "Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt", bàn về "Nâng cao hơn nữa chất lượng dạy và học tiếng nước ngoài", thể hiện tinh thần ung dung, tự tại của một dân tộc đang nắm chắc thắng lợi và tương lai trong tay mình.

Cho đến cuối những năm 60 của thế kỷ XX, nói chung việc giảng dạy triết học vẫn chủ yếu dừng lại ở chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, các môn lịch sử triết học, mỹ học, đạo đức học, chủ nghĩa vô thần khoa học... chỉ mới được giảng dạy trong các lớp chuyên đề, cho các đối tượng trực tiếp cần đến. Năm 1970, từ phân tích tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, đồng chí Phạm Văn Đồng nhấn mạnh phải đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và thanh niên, lần đầu tiên đồng chí đặt vấn đề phải xây dựng môn đạo đức học làm cho môn học này "trở nên một ngành khoa học xã hội...", một môn học không thể thiếu được trong các trường đại học và giáo dục phổ thông".

Đồng chí Phạm Văn Đồng đặc biệt quan tâm đến các vấn đề giáo dục, dành nhiều thời gian đi thăm các trường phổ thông ở nội, ngoại thành Hà Nội. Thấy nhiều trường sở dột nát, bàn ghế siêu vẹo, có lớp học sinh phải đứng học, đồng chí rất xót xa, nhắc nhở các cấp lãnh đạo địa phương phải chăm lo thay đổi tình hình này, "phải phấn đấu sao cho con em chúng ta được



học trong những ngôi trường xứng đáng với tên gọi là những ngôi trường".

Đồng chí đã vào dự một số giờ dạy của giáo viên các bộ môn văn, sử. Đã từng là nhà giáo giàu kinh nghiệm, ở tầm nhìn của người đứng đầu Nhà nước, đồng chí sớm phát hiện ra những lệch lạc về nội dung và phương pháp giảng dạy trong nhà trường phổ thông, là dạy theo điệu "sáo", học theo điệu "sáo", nghĩa là cho học sinh học nhiều, yêu cầu học sinh nhớ nhiều để bắt chước, rồi "làm văn". Theo đồng chí, "dạy như thế khác nào dạy học sinh "múa chữ", vì học sinh không phải suy nghĩ nhiều, chỉ cần nhớ nhiều rồi lặp lại". Đồng chí tỏ ra vô cùng ngạc nhiên chỉ thấy thầy nói, trò chép trong gần một tiếng đồng hồ, mà không nghe thầy giảng, không nghe đối thoại giữa thầy và trò. Đồng chí đặt vấn đề: Vậy chúng ta luyện bộ óc hay luyện trí nhớ? Và đồng chí trả lời: Chúng ta phải nhắc đi nhắc lại một trăm lần rằng: "cái quan trọng nhất trong giảng dạy nói chung và trong giảng dạy văn học nói riêng là rèn luyện bộ óc, là rèn luyện phương pháp suy nghĩ, phương pháp nghiên cứu, phương pháp tìm tòi, phương pháp vận dụng kiến thức".

Những điều này, đồng chí Phạm Văn Đồng nói với chúng ta cách đây gần 30 năm, nay vẫn giữ nguyên tính cập nhật, tính hiện đại, nhất là ở thời đại bùng nổ thông tin hiện nay, khi đã có hàng triệu, hàng triệu máy vi tính làm chức năng ghi nhớ hộ con người, thì nhiệm vụ

chính của giáo dục là phải khơi dậy tiềm năng vô tận của bộ não.

Anh chị em văn nghệ sĩ, trí thức nước ta tìm thấy ở đồng chí Phạm Văn Đồng một người anh lớn, một người bạn lớn, với tấm lòng khoan dung, đôn hậu, luôn luôn thông cảm, chia sẻ với họ cả thành công lẫn những nỗi nhọc nhằn, vất vả, những "tai nạn" khó tránh của nghề cầm bút. Đối với những trí thức lớn, có tài, chẳng may gặp điều oan khuất, chưa được giải tỏa, đồng chí chủ động đi lại, thăm hỏi, giúp đỡ về vật chất và tinh thần, một sự chu đáo mà có lẽ là chỉ đồng chí mới làm được trong hoàn cảnh lúc bấy giờ. Người ta nói: đồng chí Phạm Văn Đồng là lương tâm của người trí thức Việt Nam.

Các bài nói chuyện của đồng chí Phạm Văn Đồng với giới văn hóa - văn nghệ đều được thể hiện như là những lời tâm tình, giao cảm giữa các đồng chí, đồng nghiệp. Những bài đó thường được viết trong sáng, đúc chuốt, với nhiều chất "văn" và không ít chất thơ, vẫn được xem là những áng văn đẹp của văn chương hiện đại Việt Nam. Đồng chí có những ý kiến rất sớm, rất hay về văn nghệ, ví dụ đồng chí nói chức năng của văn nghệ là "hiểu biết, khám phá, sáng tạo"; một tác phẩm hay phải có giá trị về cả nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật, "ta đòi hỏi hai mặt đó đều phải tốt một trăm phần trăm", muốn có tác phẩm lớn, văn nghệ sĩ phải có

đủ ba loại vốn: vốn chính trị, vốn sống, vốn văn hóa - nghệ thuật, ngoài ra phải biết trau dồi tài năng, lại phải rất công phu, bởi tài năng là công phu. Đồng chí thường dẫn câu của Bôđle (Baudelaire): "Nghệ thuật là lâu dài, mà thời gian thì ngắn ngủi" để nhắc nhở văn nghệ sĩ ta muốn có tác phẩm sống mãi với dân tộc, với thời đại thì phải khổ công mài mài để biến hòn đá thành hòn ngọc. Khi đá đã thành ngọc, thì như đồng chí nói: "Một câu thơ hay là thuộc về vĩnh cửu".

Đó là những ý tưởng rất mới vào thời điểm những năm 60 của thế kỷ XX ở nước ta.

Văn nghệ sĩ, trí thức chân chính là bộ dây thần kinh nhạy cảm của dân tộc, là thước đo phản xạ tinh thần của nhân dân. Người được văn nghệ sĩ, trí thức tin yêu, kính trọng, cảm phục; được nhân dân, lịch sử thừa nhận. Đồng chí Phạm Văn Đồng có được điều đó, không phải nhờ quyền lực mà bằng sự chinh phục, sức thuyết phục của Tâm, Đức và Trí của mình.

Địa vị cao có thể làm hỏng nhiều vĩ nhân. Đồng chí Phạm Văn Đồng giữ cương vị của Đảng và Nhà nước liên tục trong nhiều chục năm. Đó cũng là những năm tháng hạnh phúc đồng chí có vinh dự được trực tiếp sống, học tập, làm việc bên cạnh Bác Hồ. Như một học trò nhỏ bên người thầy vĩ đại, suốt đời mình đồng chí ngưỡng mộ học tập, khép mình rèn luyện theo tấm gương tuyệt vời của người thầy vĩ đại, để từng bước hoàn thiện

mình. Sau Bác Hồ, đồng chí Phạm Văn Đồng là một trong những nhà lãnh đạo hàng đầu của Việt Nam được nhân dân cả nước kính yêu, được bạn bè quốc tế, phương Đông và phương Tây, hết lòng ngưỡng mộ, tin cậy. Đồng chí Phạm Văn Đồng là một nhà văn hóa lớn trước hết cũng vì đồng chí là một trí tuệ lớn, một tâm hồn lớn, một nhân cách Việt Nam hoàn hảo.

# TƯỚNG NGUYỄN CHÁNH - TÀI VÀ TÂM

*Nhà thơ Nguyễn Viết Lâm*

Những năm đầu thập kỷ 30 của thế kỷ XX, quê hương Quảng Ngãi của tôi sống trong không khí thường xuyên căng thẳng vì sự khủng bố của thực dân thống trị Pháp. Tôi đang học lớp nhì trường tiểu học của tỉnh, từng chứng kiến cảnh mật thám đến lùng bắt nhiều người, ngay cả những bạn học lớn tuổi của tôi trong trường. Đêm đêm, lính lê dương tuần tra ngoài đường, giày đinh rít trên sỏi đá. Nhà tôi ở xã Nghĩa Lộ, nhìn sang bờ bắc sông Trà Khúc, thấy cả một trời đỏ rực, tàn lửa bay đầy mặt sông. Tây đốt nhà dân ở những làng Phú Nhơn, Tịnh Hà... nơi có phong trào cách mạng sôi nổi. Vùng quê kiên cường ấy là nơi sinh của đồng chí Nguyễn Chánh, người lãnh đạo tài năng, người chiến sĩ anh hùng của quê hương tôi.

Sau Cách mạng Tháng Tám, bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tôi có dịp gặp anh nhiều lần trên dải đất Liên khu V, nên càng hiểu và càng khâm phục, yêu mến anh. Vóc người anh thấp đậm, vầng trán

cao như một nhà bác học, đôi mắt anh sáng lấp lánh, tia mắt lúc nào cũng như cười vừa hóm hỉnh, vừa thông minh, những đồng chí làm việc trong cơ quan chỉ huy cao nhất của Liên khu đều nói về sự nhạy bén của anh nắm bắt tình hình chiến trường, về sự quyết đoán tài ba của anh trong những giờ phút nghiêm trọng...

Đừng nghĩ rằng người lãnh đạo cao nhất của Liên khu, người cộng sản kiên cường ấy, chỉ có sắt thép trong tâm hồn. Anh Nguyễn Chánh là con người có nhiều rung cảm nghệ thuật. Anh yêu các nhà văn, nhà thơ và bản thân anh cũng làm nhiều thơ, nhất là khi anh còn hoạt động bí mật. Bài thơ anh viết trong tù gửi cho chị Phạm Thị Trinh, vợ và đồng chí của anh là một bài thơ đầy xúc động.

Giữa những ngày chiến tranh khốc liệt, anh vẫn không quên tâm tình riêng của đồng đội, của những người làm việc dưới quyền anh. Một hôm tôi tình cờ được nghe trung tướng Võ Thứ kể lại một kỷ niệm về anh Nguyễn Chánh. Hôm ấy, tại nhà thượng tướng Trần Văn Trà, chúng tôi nhắc với nhau về những tướng lĩnh đồng hương Quảng Ngãi, anh Thứ thuật lại: năm 1947, sau trận đánh Tú Thủy ở An Khê mà anh Vi Dân chỉ huy một đơn vị gồm toàn những thanh niên, sinh viên Nam tiến. Ta bị tổn thất nặng vì thiếu kinh nghiệm và vì chưa quen chiến trận. Anh Võ Thứ là Phó chỉ huy. Đột nhiên anh nhận được điện của anh Chánh gọi về

Liên khu gấp. Nghĩ rằng sẽ bị kiểm điểm về thất bại vừa qua, anh vô cùng ngạc nhiên khi anh Nguyễn Chánh bảo: "Nghe tin Tú Thủy thương vong nhiều, vợ mày nó khóc mãi, mày về nhà ngay cho nó mừng...". Thật không ngờ tấm lòng của người chỉ huy cao nhất lại có thể cảm thông sâu sắc đến vậy.

Anh Trần Văn Trà cũng cho biết một câu chuyện ngày đầu tập kết về anh Chánh mà ở chiến trường Nam Bộ ai cũng biết và cảm phục. Khi phổ biến đến việc tạm thời xa quê hương hai năm ra Bắc theo Hiệp định Giơnevơ, có nhiều cán bộ băn khoăn hỏi: "Chắc gì hai năm quân thù chịu thống nhất, trong cảnh ấy vợ con, người yêu của chúng tôi ở nhà sẽ như thế nào". Đồng chí Nguyễn Chánh bỗng nhiên lặng người, lát sau mới nói, giọng không giấu nổi xúc động: "Các đồng chí nhìn lại xem, đất nước ta có bao nhiêu hòn vọng phu! Hãy tin vào truyền thống thủy chung của phụ nữ ta, của dân tộc ta!". Thật không thể nghĩ rằng vị tướng lĩnh dày dạn chiến trận ấy vẫn dành trong tâm hồn, trong lòng mình, tình cảm và niềm tin sâu xa, thể hiện qua câu nói đầy tính triết học ấy.

Anh em văn nghệ sĩ Liên khu V cảm thấy rất gần gũi với anh. Ngày ấy, con đường sắt của Liên khu V vẫn tiếp tục hoạt động, trên mỗi chuyến tàu đều có một vài toa dành riêng cho các chỉ huy quân sự. Đó là những toa có giường nằm. Một hôm, tôi lên tàu từ Quảng Ngãi vào

Liên khu, đang đi ngoài hành lang bỗng nghe tiếng nói. Ngoảnh nhìn ra sau, thấy anh Nguyễn Chánh cùng với một vài đồng chí bộ đội đang đi tới. Anh Chánh đập tay vào vai tôi nói vui: "Tay này dám đi vào khu quân sự hả? Vào đây, vào đây!...". Nói xong anh kéo tôi vào toa của anh, thân tình như một người anh. Mỗi lần gặp anh em nhà văn như thế, thường anh không tiếc thì giờ nói chuyện với anh em về tình hình, về âm mưu địch, về thắng lợi của ta. Anh còn cho nhiều ý kiến về văn học, về sáng tác. Tôi nhớ một hôm ở La Châu, Quảng Ngãi sau buổi truyền đạt chủ trương mới của Đảng về công tác giảm tô, chuẩn bị cải cách ruộng đất, trong đó có uốn nắn một số lệch lạc trong nhận thức về sách lược đối với địa chủ kháng chiến, có một bạn viết truyện ngắn hỏi anh:

- Tôi vừa viết xong mấy cái truyện ngắn về đề tài này, tất nhiên viết tập trung chủ đề tội ác của địa chủ, nay đổi lại thì khó quá, không khác gì xóa hết, thế này có in được không ạ?

Anh Chánh cười hỏi lại:

- Giữa việc in truyện và việc vi phạm chính sách của Đảng, anh chọn việc nào?

Giữa lúc anh bạn tỏ ý hoang mang, anh vỗ vai nói thêm:

- Anh bạn nhà văn ạ, nhiều khi vì cái lợi của cách mạng, chúng ta phải sẵn sàng hy sinh những cái to lớn hơn nhiều.



Giữa năm 1954, Đoàn tuồng Liên khu V dàn dựng vở Trưng Trắc - Trưng Nhị. Buổi công diễn báo cáo được tổ chức trên mảnh sân rộng, nơi Ban Tuyên giáo Liên khu uỷ đóng cơ quan. Vở diễn khá hấp dẫn, mọi người như bị cuốn hút theo sân khấu. Tôi đang ngồi xem, bỗng có người phía sau vỗ vai tôi. Tôi quay lại. Anh Nguyễn Chánh đến ngồi xem từ bao giờ chúng tôi không biết. Anh chỉ vào đồng chí ngồi bên cạnh, cao lớn, mặc bà ba đen.

- Anh Ba có ý kiến về vở Tuồng đó.

Thì ra người đó là đồng chí Lê Duẩn. Anh Ba nói:

- Vở Tuồng diễn khá đấy. Nhưng anh em cũng nên cẩn thận khi đưa sự kiện lịch sử lên sân khấu. Nhất là lịch sử các triều đại. Tôi thấy ở Chợ Lớn, người ta cũng diễn tích truyện xưa, nhưng bị dịch lợi dụng gây chia rẽ giữa ta và Trung Quốc, ở đây, anh em cần chú ý điều đó...

Chúng tôi hồi ấy chỉ được biết tiếng đồng chí Lê Duẩn, hôm nay mới được gặp, lại được nghe đồng chí nói về kinh nghiệm diễn kịch lịch sử, tôi cảm thấy như một điều may mắn. Anh Nguyễn Chánh ngồi bên cạnh anh Ba, nheo mắt cười, vẫn đôi mắt tinh anh và ưu ái ấy, bảo tôi truyền đạt những ý kiến nói trên cho các bạn ở văn nghệ Liên khu.

Sau ngày ký Hiệp định đình chiến Giơnevơ, tôi có việc lên cơ quan Bộ Tư lệnh Liên khu V. Suốt chín năm

qua, ai ra đường cũng phải ngụy trang che màu sáng kim loại trên xe đạp, ngoài đồng, các chị đều không dùng nón trắng để tránh máy bay địch. Hôm ấy, nghĩ rằng đã hết chiến tranh rồi, tôi cứ dắt xe dàng hoàng bước vào cơ quan làm việc. Vừa gặp lúc anh Chánh cùng với cán bộ tư lệnh trong ngõ đi ra, thấy tôi, anh gọi trước, nói to:

- Ô hay, tay này chủ quan khinh địch gồm nhỉ! Không ngụy trang mà dám đi à? Coi chừng máy bay nó bắn cho hết làm thơ đấy nhá!

Tôi cũng cười:

- Giặc nó sợ anh, nó chạy rồi.

Tính anh Chánh vốn thế, lúc nào cũng vui, cũng lạc quan, không phải chỉ khi thắng lợi mà cả những lúc khó khăn.

Tập kết ra Bắc, tôi về công tác ở Hội Nhà văn, ít có dịp được gặp anh. Anh Chánh về làm việc ở Bộ Tổng tham mưu được mấy năm. Một buổi sáng năm 1956, Tế Hanh và tôi đang đứng nói chuyện với nhau dưới gốc cây bên lề đường phố Hà Nội, thì một chiếc xe con từ xa chạy đến, xịch đỗ ngay cạnh chúng tôi. Từ trên xe anh Nguyễn Chánh bước xuống. Lúc ấy vào khoảng 11 giờ trưa. Anh vẫn vậy, mắt nheo cười, giọng Quảng Ngãi chắc nịch, anh bước đến:

- Chào hai nhà thơ, lâu lắm không gặp các cậu.

Cả hai chúng tôi cảm động, vui mừng khi thấy anh

vẫn khỏe. Hôm ấy anh Chánh thuật cho chúng tôi nghe cuộc gặp buổi sáng với tướng Đờ Bôpho (De Beaufort), nguyên chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở mặt trận Tây Nguyên năm trước, anh nói:

- Tướng Đờ Bôpho nhờ anh Tạ Quang Bửu bố trí cho ông ta gặp tôi, người đã đánh gục ông ta ở Tây Nguyên. Tôi đồng ý, nên hôm nay anh Bửu mời tôi đến ăn cơm có ông ta cùng dự. Buồn cười, sau khi được giới thiệu, Đờ Bôpho cứ ngắm nhìn tôi rất lâu, từ đầu đến chân, nói với tôi: "Ông cho phép tôi nhìn kỹ người đã làm tôi mất ăn, mất ngủ ở cái xứ cao nguyên ấy. Tôi sẽ viết lại cuộc gặp hiếm có này vào cuốn sách tôi đang viết".

Trầm ngâm một lúc, Đờ Bôpho nói tiếp: "Quả thật, tôi khâm phục quân đội của các ông, lính của ông giỏi hơn lính của chúng tôi, các ông thắng là phải".

Tôi nghĩ, anh này vẫn đổ tội cho lính sự thất bại của họ, để hàm ý rằng tướng Pháp cũng tài giỏi không kém gì ai. Tôi đã trả lời ông ta: "Không phải lính Pháp kém cõi đâu, họ đã từng chiến thắng phát xít Đức từ châu Âu đến châu Phi. Các ông thua vì các ông không có chính nghĩa mà thôi. Bộ đội chúng tôi biết họ chiến đấu vì mục đích gì, còn quân đội các ông đi đánh không có lý tưởng nào, thua là phải...".

Kể xong chuyện, anh từ biệt chúng tôi, lên xe. Từ hôm đó về sau cho đến lúc được tin anh mất, tôi không

còn được dịp gặp anh lần nữa. Nhận được tin anh Chánh không còn nữa, chúng tôi rất đau buồn, tiếc anh mất sớm trong lúc tài năng anh đang lên đỉnh cao. Mỗi lần nhớ anh, biết bao kỷ niệm thân yêu trong những ngày kháng chiến gian khổ ở Liên khu V lại đến với tôi, mãi mãi không quên.

**THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ,  
MỘT NGƯỜI CỘNG SẢN KIÊN TRUNG,  
MỘT TƯỚNG LÍNH CÓ ĐỨC ĐỘ VÀ TÀI BA  
CỦA QUÂN ĐỘI TA**

*Đại tướng Võ Nguyên Giáp*

Đồng chí Trần Văn Trà đã trọn đời chiến đấu cho lý tưởng cách mạng, góp phần xứng đáng cho sự nghiệp của Đảng, của dân tộc.

Sinh ra tại vùng đất Quảng Ngãi giàu truyền thống cách mạng, đồng chí là một thanh niên sớm giác ngộ cách mạng. Năm 1936, 17 tuổi đồng chí đã tham gia phong trào dân chủ ở Huế. Năm 1938, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Tháng 2-1939, hoạt động ở Sài Gòn bị địch bắt đưa ra giam tại Nhà lao Huế, sau 5 tháng lại bị đưa về quản thúc tại quê nhà. Tháng 3-1941, đồng chí trốn vào Đà Lạt, Phan Thiết rồi Sài Gòn và bắt liên lạc với tổ chức Đảng để tiếp tục hoạt động. Được giao phụ trách tờ báo *Giải phóng*, phát hành bí mật. Tháng 11-1944, đồng chí lại bị bắt lần thứ hai, bị giam ở Khám lớn Sài Gòn. Hai lần bị địch bắt, tại nhà tù, đồng

chí đã tuyên truyền giác ngộ được một số thường phạm theo cách mạng.

Sau Cách mạng Tháng Tám, là Ủy viên Kỳ bộ Việt Minh, được *Xứ uỷ Giải phóng* giao tập hợp, tổ chức đơn vị và phụ trách, uỷ viên chính trị *Giải phóng quân liên quân Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa*, đơn vị vũ trang tập trung ban đầu ở miền Đông Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp do Đảng tổ chức và trực tiếp lãnh đạo. Anh Trà là một vị tướng có công đầu trong vấn đề xây dựng bộ đội chủ lực ở Nam Bộ.

Tháng 2-1946, theo sự phân công của tổ chức, đồng chí cùng đồng chí Nguyễn Văn Vịnh củng cố hệ thống chỉ huy và phát triển các đơn vị vũ trang Khu VIII, xây dựng Tiểu đoàn 307 - đơn vị chủ lực cơ động đầu tiên ở Nam Bộ. Tiểu đoàn đã lập nhiều chiến công vang dội ở Mộc Hóa, La Bang. Đồng chí trực tiếp chỉ huy trận phục kích ở Giồng Dứa trên quốc lộ 4, diệt nhiều địch.

Đồng chí Trần Văn Trà là một trong những người tổ chức Hội nghị thành lập Xứ uỷ lâm thời và Uỷ ban kháng chiến hành chính Nam Bộ.

Năm 1948, lần đầu tiên tôi được gặp đồng chí Trần Văn Trà, lúc đồng chí làm Trưởng đoàn đại biểu quân - dân - chính - đảng thay mặt nhân dân Nam Bộ ra gặp Trung ương và thăm Bác Hồ ở chiến khu Việt Bắc. Tôi nhớ mãi buổi tiễn đoàn về Nam, đồng chí đã vinh dự được gặp Bác Hồ. Bác giao cho đồng chí thanh gươm và

dẫn dò: "Bác trao chú thanh gươm quý này đưa về miền Nam diệt thù". Thật là vinh dự to lớn đối với đồng chí Trần Văn Trà, một cán bộ chỉ huy trẻ tuổi, yêu nước, nhiệt tình, một người con tiêu biểu của "Nam Bộ Thành đồng Tổ quốc" ra Việt Bắc báo cáo với Trung ương và Bác Hồ.

Về Nam Bộ, đồng chí Trần Văn Trà được giao nhiều trọng trách: Năm 1949, Khu trưởng kiêm Chính uỷ Khu Sài Gòn - Gia Định, Khu trưởng Khu VII rồi Phó Tư lệnh Nam Bộ, Tư lệnh Phân liên khu miền Đông Nam Bộ. Trong điều kiện chiến trường cực kỳ gian khổ, ác liệt, lại xa Trung ương, đồng chí đã cùng với đồng chí Phạm Hùng - Chính uỷ, đồng chí Nguyễn Văn Vịnh, Phó Tư lệnh... lãnh đạo chỉ huy các lực lượng vũ trang, vượt qua thời kỳ khó khăn nhất lúc bấy giờ, tiếp tục chiến đấu giành nhiều thắng lợi, phối hợp các chiến trường, nhất là trong đông xuân 1953 - 1954, phối hợp rất tích cực với mặt trận Điện Biên Phủ, góp phần xứng đáng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Năm 1954, tập kết ra miền Bắc, đồng chí được giao nhiệm vụ sắp xếp, tổ chức lại các lực lượng vũ trang miền Nam tập kết, được bổ nhiệm làm Phó Tổng tham mưu trưởng, kiêm Giám đốc Học viện Quân chính và Chánh án Tòa án Quân sự Trung ương. Sau khi có Nghị quyết 15 của Trung ương, đồng chí được Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương bổ nhiệm làm Phó Bí thư Quân uỷ Trung

ương. Với chức vụ mới, đồng chí Trần Văn Trà đã giúp Quân uỷ ra bản chỉ thị quan trọng "phải đập tan 2/3 áp chiến lược". Đồng chí Nguyễn Văn Vịnh kiêm chức Chủ nhiệm Ban Thống nhất Trung ương thuộc Ban Bí thư. Trên cương vị mới, đồng chí Nguyễn Văn Vịnh và đồng chí Trần Văn Trà đã đề nghị với Quân uỷ Trung ương đề xuất với Bộ Chính trị chủ trương mở đường Trường Sơn 559 và đường vận tải biển 759. Đồng chí Vịnh và đồng chí Trà đã giúp Quân uỷ chỉ đạo việc đưa người và vũ khí, trang bị theo hai đường này vào các chiến trường miền Nam.

Đồng chí được bầu là Uỷ viên dự khuyết Trung ương Đảng khóa III (năm 1960) và Uỷ viên Trung ương Đảng khóa IV (1976), đại biểu Quốc hội khóa VI.

Cuối năm 1963, đồng chí lại được điều về Nam làm Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam, Uỷ viên Trung ương Cục, Phó Bí thư Quân uỷ Miền. Hơn 10 năm ở chiến trường trọng điểm của miền Nam, đồng chí cùng với đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Lê Trọng Tấn, về sau cùng đồng chí Phạm Hùng và Hoàng Văn Thái (từ cuối năm 1967 làm Chính uỷ và Tư lệnh), và các đồng chí khác trong Bộ Chỉ huy Miền đã lãnh đạo xây dựng các lực lượng vũ trang chiến trường B2, đặc biệt xây dựng bộ đội chủ lực Miền từ hai trung đoàn phát triển thành nhiều trung đoàn tinh nhuệ, lập nhiều chiến công xuất sắc ở Bình Giả, Phước Long, Đồng Xoài, Dầu Tiếng. Khi



Mỹ chuyển sang "chiến tranh cục bộ", ô ạt đổ quân vào miền Nam, đồng chí đã cùng các đồng chí trong Bộ Chỉ huy Miền thực hiện quyết tâm đánh Mỹ của Đảng, chỉ huy lực lượng vũ trang Miền lúc này đã phát triển thành nhiều sư đoàn chủ lực mạnh, kịp thời đánh thắng quân Mỹ ngay trận đầu ở Đất Quốc Bàu Bàng, Bông Trang Nhà Đỏ. Tiếp đó, đã liên tục đánh bại các cuộc phản công chiến lược của quân Mỹ trong các mùa khô 1965 - 1966, 1966 - 1967. Đặc biệt, trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968, theo sự chỉ đạo của Trung ương và Trung ương Cục, đồng chí đã cùng Bộ Chỉ huy vạch kế hoạch quân sự tiến công Sài Gòn. Đồng chí được chỉ định phụ trách Tư lệnh Bộ Chỉ huy tiền phương Miền. Trong thời điểm quyết định, đồng chí đã rời Sở Chỉ huy tiền phương lên phía trước trực tiếp chỉ huy các đơn vị đánh Sài Gòn, ép sát thành phố từ phía bắc. Năm 1970, lợi dụng tình hình quân Mỹ và ngụy Sài Gòn mở rộng chiến tranh sang Campuchia, thực hiện chủ trương của Trung ương và Trung ương Cục, đồng chí Trần Văn Trà cùng các đồng chí Bộ Chỉ huy Miền kịp thời liên lạc với lãnh đạo nước bạn, dùng một bộ phận quân chủ lực Miền vượt biên giới tiến công sang Campuchia đánh bại quân Mỹ - ngụy, giải phóng bảy tỉnh Đông Bắc Campuchia, mở ra thắng lợi chiến lược cho cách mạng nước bạn. Năm 1972, đồng chí được phân công trực tiếp chỉ huy chiến dịch Nguyễn Huệ

trên địa bàn các tỉnh Bình Long, Phước Long, Tây Ninh, Bình Dương.

Theo Hiệp định Pari về Việt Nam (ký kết ngày 27-1-1973), thành lập Ban Liên hiệp quân sự bốn bên (Mỹ và ngụy Sài Gòn, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam), đồng chí Trần Văn Trà được Bộ Chính trị cử làm Trưởng đoàn quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, một sứ mệnh ngoại giao quan trọng mà đồng chí thực hiện thành công.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đồng chí được cử làm Phó Tư lệnh Bộ Chỉ huy chiến dịch. Sau chiến thắng 30-4-1975, được cử làm Chủ tịch Ủy ban quân quản thành phố Sài Gòn, đồng chí đã góp phần quan trọng nhanh chóng ổn định tình hình thành phố.

Trở về đời thường, đồng chí góp phần quan trọng tổ chức xây dựng Hội Cựu chiến binh Việt Nam, được cử làm Phó Chủ tịch Trung ương Hội, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh thành phố cho đến lúc qua đời.

Đồng chí Trần Văn Trà là một tướng lĩnh có đức độ và tài năng, luôn hoàn thành mọi trọng trách được Đảng, Bác Hồ và quân đội giao cho, là người đã gắn bó với chiến trường Nam Bộ gần trọn 30 năm chiến tranh giải phóng. Đồng chí là một cán bộ chỉ huy, dũng cảm mưu trí, tính cương trực, chân tình, sâu sát thực tế và từ thực tế tình hình địa phương mình, mạnh dạn đề đạt

với Trung ương những kiến nghị có tầm chiến lược. Là một cán bộ quân sự nhưng quan tâm lãnh đạo toàn diện các mặt công tác quân sự, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, kinh tế, ngoại giao. Dù ở cương vị nào, đồng chí cũng hòa mình với quần chúng, gương mẫu, thương yêu, đoàn kết, tôn trọng cán bộ, chiến sĩ, được đồng đội và nhân dân quý mến.

Thượng tướng Trần Văn Trà là một người cộng sản kiên trung, lúc gặp khó khăn càng tỏ rõ bản lĩnh vững vàng trung thành với Đảng, là một tướng lĩnh tài ba của quân đội ta. Cuộc đời hoạt động cách mạng và chiến đấu của đồng chí là một tấm gương cho các thế hệ cán bộ, chiến sĩ. Đối với tôi, đồng chí Trần Văn Trà là người đồng chí, người bạn chiến đấu thân thiết, tình nghĩa thủy chung.

Tôi nhớ mãi anh Trà.

*Hà Nội, tháng 8 năm 2005*

# **ĐỒNG CHÍ TRẦN KIÊN MỘT NHÂN CÁCH TRONG SÁNG, KIÊN CƯỜNG VÀ TRUNG THỰC**

**Lê Khả Phiêu\***

Hôm nay là ngày 30-4-2005, nhân dân và Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Kỷ niệm 30 năm ngày giải phóng Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Cũng như mọi người Việt Nam, cũng như đồng chí Nguyễn Minh Triết, Bí thư Thành ủy đã nêu trong bài diễn văn đầy cảm kích, tôi tưởng nhớ đến đồng bào và đồng chí, hàng triệu người đã ngã xuống, đã chịu tù đày, thương tật, đã hy sinh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Trong biết bao nhiêu người con ưu tú ấy của dân tộc, của Đảng có anh Trần Kiên, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa V, VI, Trưởng ban Kiểm tra tư cách đại biểu Đại hội Đảng khóa VII.

---

\* Nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Anh Trần Kiên xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo của Quảng Ngãi, thừa hưởng truyền thống của quê hương và của dân tộc, giác ngộ cách mạng từ thuở niên thiếu, sớm gia nhập Đảng Cộng sản, đã tham gia cuộc Khởi nghĩa Ba Tơ anh hùng, đánh trận Mỏ Cày nổi tiếng, cướp chính quyền tỉnh lỵ Quảng Ngãi những ngày Cách mạng Tháng Tám. Khi quân Pháp từ mặt trận Nha Trang đánh ra và từ Buôn Ma Thuột đánh xuống, anh cùng với đơn vị anh dũng bám trụ lại địa bàn, sau đó anh được giao nhiệm vụ Trung đoàn phó làm nhiệm vụ tiến công và xây dựng cơ sở trong lòng địch ở Bắc Tây Nguyên.

Sau Hiệp định Giơnevơ ngày 20-7-1954, anh được Đảng giao nhiệm vụ ở lại Khu V làm Bí thư tỉnh Kon Tum, Gia Lai và được chỉ định vào Thường vụ Khu uỷ Khu V làm Phó Tư lệnh Bộ Tư lệnh Khu V cho đến ngày giải phóng hoàn toàn đất nước.

Anh em Khu V thường nói: "Muốn học thì đi với ông Kiên". Suốt cả chặng đường dài làm cách mạng, làm công tác Đảng, làm người chiến sĩ và chỉ huy Vệ quốc đoàn, chỉ huy Quân giải phóng, anh Kiên không ngừng học tập. Từ trong thực tiễn đấu tranh, anh tự mình rút kinh nghiệm, cả khi thành công và khi thất bại. Anh đọc và nói thành thạo chữ của nhiều dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, có thể nghe và hiểu nhiều bản trường ca bên các bếp lửa, lăn lộn sản xuất, gùi công cùng với đồng

bào. Anh là một trong những đồng chí bám lại chiến trường đã sớm có sáng kiến trồng các *rẫy mì cách mạng*, tích trữ lương thực ngay trong lòng đất và gửi nhân dân các kho muối nhỏ trong rừng sâu. Đồng bào các nóc, các buôn đã bảo quản không mất một hạt muối cách mạng. Những *rẫy mì cách mạng* và những kho muối cách mạng đó đã góp phần nuôi sống các đơn vị mà Đảng và Bộ Tư lệnh đưa trở về Liên khu V sau này, góp phần cứu đói những tháng ngày thiếu gạo, thiếu muối, những ngày "gạo đong từng lon, đong muối bằng hộp dầu cù là...".

Dấu chân và tiếng nói của anh đã đến với hàng ngàn nóc nhà của đồng bào dân tộc, anh đã từng đóng khổ, cầm rựa, mang xà lét, vui buồn đau khổ với nhân dân, góp phần vận động nhân dân bảo vệ nương rẫy, bảo vệ cuộc sống, bảo vệ truyền thống của người miền núi Tây Nguyên trong những ngày gian khổ ác liệt sau tháng 7-1954. Anh thông thạo vùng đồng bào dân tộc như thông thạo quê hương mình. Đồng bào biết anh, thương anh, yêu quý anh, nghe theo anh, bảo vệ anh như người thân ruột thịt. Có thể nói không nóc nhà nào ở Gia Lai, Kon Tum, miền Tây Quảng Ngãi không biết đến tên anh.

Anh đã từng làm Bí thư Ban Chấp hành Đảng bộ ba tỉnh Tây Nguyên: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk. Lúc nào anh cũng ưu tư, suy nghĩ, nghiền ngẫm và đến tận

nơi, xem tận mắt, nghe tận tai lời của dân về những vấn đề thiết thực và nóng hổi của đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh Trung Trung Bộ. Cuộc đời của anh rất mực trong sáng, trung thực và thủy chung. Anh là một tấm gương đạo đức cho những người cộng sản noi theo, anh là người học trò khiêm nhường, cần kiệm liêm chính của Bác Hồ. Đời sống của anh rất mực giản dị và liêm khiết, khi anh đang còn công tác cũng như khi đã nghỉ hưu. Khi Đảng cần, sau sự kiện bạo loạn xảy ra ở Gia Lai và Đắk Lắk, anh lại xuống tận buôn làng để nghiên cứu và xây dựng cơ sở.

Nghe tin anh đau nặng, tôi đến thăm anh tại Bệnh viện Quảng Ngãi. Anh cầm tay tôi, mắt sáng, môi vẫn giữ một nụ cười nhân hậu và trù mển. Anh nói với tôi: trong hai cuộc kháng chiến, phải lo làm bao nhiêu việc, đánh giặc, nuôi quân, sản xuất tự túc, nhưng lúc nào ta cũng đặt lên trên hết công tác xây dựng Đảng. Do vậy, kháng chiến mới thành công. Không tập trung chăm lo xây dựng Đảng đến mức như vậy, đến tầm như vậy, đến cỡ như vậy, người trước ngã, người sau tiến lên, lớp đảng viên này hy sinh, hàng ngàn thanh niên lại tình nguyện vào Đảng để thay thế, thì kháng chiến không thể thành công.

Ngày nay, trong công cuộc đổi mới để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo con đường xã hội chủ nghĩa cũng vậy, phải thực sự chăm lo xây dựng, chỉnh đốn Đảng,

phải thực sự làm đến nơi đến chốn công tác xây dựng, chính đốn Đảng là then chốt. Có vậy, sự nghiệp đổi mới mới thành công, thực sự vì dân, thương dân, yêu nước. Nếu không chỉ là một nửa và ngay cả một nửa ấy cũng không trọn vẹn và vững chắc.

Anh muốn nói nhiều, muốn gửi gắm lại nhiều những điều tâm huyết, tâm niệm cả cuộc đời cách mạng và cứu nước.

Tôi cũng không ngờ anh đã rời bỏ chúng ta sau hôm tôi đến thăm anh chỉ một ngày, trên giường bệnh phòng cấp cứu ở Bệnh viện Quảng Ngãi, để lại kính yêu và nhớ thương khôn nguôi cho bè bạn, đồng đội và đồng bào, cho các Đảng bộ các tỉnh Tây Nguyên và Khu V.

Hôm nay Kỷ niệm 30 năm ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, và cũng là dịp nhớ lại mấy chục năm Đảng lãnh đạo đấu tranh bên bờ để giành chính quyền, để xây dựng lòng tin sâu xa trong tâm hồn nhân dân, để được nhân dân giao cho sứ mệnh cầm quyền, tôi nhớ mãi nhân cách trong sáng, kiên cường và trung thực của anh Kiên, một đảng viên cộng sản chân chính của Đảng ta.



*Phần thứ hai*

**QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH  
KHU KINH TẾ DUNG QUẤT**



# VAI TRÒ CHIẾN LƯỢC CỦA CẢNG BIỂN NƯỚC SÂU VÀ KHU CÔNG NGHIỆP DUNG QUẤT TRONG MỐI LIÊN HỆ VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG VÀ KHU VỰC

TS. Trương Đình Hiến\*

Kỹ sư Bùi Quốc Nghĩa

## 1. Vai trò chiến lược của Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất

Với vị trí chiến lược đặc biệt và vùng bờ biển dài trên 3.200 km, có vùng thềm lục địa rộng lớn chứa đựng nhiều tiềm năng, cùng với nguồn tài nguyên phong phú, đa dạng trên đất liền. Việt Nam có đầy đủ điều kiện để thực hiện sự bố trí chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của mình trong bối cảnh phát triển chung của thế giới.

Vấn đề nói trên đã được nhiều nhà lãnh đạo và tư vấn trong và ngoài nước nhận định: trong các thập kỷ tới của thế kỷ XXI, miền Trung có vai trò then chốt

---

\* Tác giả đề án Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất, Phòng Thủy hải văn công trình, Phân viện Vật lý, thành phố Hồ Chí Minh.

trong quá trình đưa đất nước Việt Nam vào thế ổn định và phát triển. Đồng thời nó cũng có tầm quan trọng đặc biệt trong việc giao lưu đưa nền kinh tế Việt Nam hội nhập với nền kinh tế ASEAN, châu Á - Thái Bình Dương và thế giới.

Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất cùng sân bay Chu Lai đã tạo nên một tổ hợp phát triển, có tầm chiến lược ở miền Trung Việt Nam và khu vực. Nơi đây có vịnh Dung Quất kín gió mùa, có độ sâu lý tưởng 10 - 20m, đủ khả năng xây dựng một cảng lớn với công suất 100 triệu tấn/năm, và có thể đón tàu có trọng tải lớn đến 200.000 tấn. Có 14.000 ha mặt bằng để xây dựng và phát triển khu công nghiệp phức hợp, khu đô thị, sân bay Chu Lai (rộng 21 km<sup>2</sup>) có các vị trí có thể xây dựng các hồ chứa nước hàng tỷ mét khối.

Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất nằm ở trung điểm của miền Trung Việt Nam. Từ Dung Quất đến Hà Nội 860 km, và thành phố Hồ Chí Minh 860 km. Ấn ngữ đường hàng hải nội địa và đường hàng hải quốc tế, giao lưu với Hồng Kông, Đài Loan, Viễn Đông, Nhật Bản, Xingapo, Philippin, Indônêxia... Đồng thời nó chế ngự trên các đường hàng hải giữa phương Đông và phương Tây. Từ Dung Quất đến trục quốc lộ 1A và đường sắt xuyên Việt là 12,5 km. Với khoảng cách tối ưu, dễ dàng tạo cho Dung Quất trở

thành một cửa ngõ lớn để vận chuyển hàng hóa đến các miền trong nước.

Sự ra đời Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất đã mở ra một cửa ngõ lớn cho sự giao lưu giữa Việt Nam với thế giới bên ngoài, với các nước tiểu khu vực sông Mê Kông như Lào, Thái Lan, Campuchia và Mianma. Từ Dung Quất đến các nước trên có hai trục đường:

- Dung Quất - Mộ Đức - Kon Tum - Đắc Lắc - Đắc Tô - Bonhet - Toixen - Bản Phôn - Xalavan - Pắcxế - Kbonzatahathahni (trung tâm Đông Bắc Thái Lan).

- Dung Quất - Mộ Đức - Kon Tum - Pleiku - Chưprong - Đắccơ - Bung Lung - Stung Treng (Đông Bắc Campuchia). Quốc lộ 24 nối miền duyên hải với Tây Nguyên: sau khi đến Kon Tum thì nhập vào quốc lộ 14 và đi về phía bắc, đến Tân Cảnh tiếp tục đi theo đường 18 qua Atôơ - Pắcxế (Lào) và qua Thái Lan: theo quốc lộ 14 về phía nam đến Pleiku nhập vào đường 19 qua Đông Bắc Campuchia.

Rõ ràng Cảng biển nước sâu Dung Quất có vị trí chiến lược hết sức quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và các nước trong tiểu vùng sông Mê Kông, nó thực sự có khả năng trở thành cửa ngõ lớn đi về phía Đông và phía Tây của Việt Nam và các nước trong khu vực này.

## 2. Dung Quát trong sự liên kết chiến lược Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và khu vực

Thông qua sự phát triển Khu công nghiệp Dung Quát để khuyến khích và thúc đẩy các ngành sản xuất của nước ngoài liên kết chặt chẽ và hỗ trợ thích hợp các trung tâm công nghiệp ở miền Trung, dẫn đến sự hình thành Khu công nghiệp tổng hợp dọc theo vùng duyên hải từ Đà Nẵng đến Dung Quát theo hướng bố trí các ngành sản xuất xuất nhập khẩu thực sự có khả năng cạnh tranh quốc tế. Trong các giai đoạn tiếp theo, cùng với sự phát triển của đường 24 và 14, có thể hình thành trục thương mại Đông - Tây. Rõ ràng trong giai đoạn đầu, Dung Quát phát triển theo hướng đại công nghiệp và sau đó vai trò thương mại của nó tăng lên. Việc nối liền Đà Nẵng với Dung Quát đã tạo nên xương sống về công nghiệp và đô thị hóa. Trục đô thị và công nghiệp này sẽ được nối với đường 9 và thành phố Huế thông qua sự phát triển của cảng biển nước sâu, Khu công nghiệp - thương mại - dịch vụ Chân Mây phía bắc đèo Hải Vân.

Sự phát triển kinh tế - xã hội của miền Trung đang hướng tới phía trước để hội nhập với hai đầu của đất nước và khu vực Đông Nam Á. Bởi vậy, nó rất cần được tăng thêm tiềm lực cả chiều sâu lẫn bề dày và tầm với của nó ra bên ngoài. Gần 18 tháng sau khi thị sát khu vực xây dựng Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp

Dung Quát, ngày 24-3-1996, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã thị sát khu vực Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Chân Mây. Sau khi phân tích vai trò của việc xây dựng Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Chân Mây đối với khu vực miền Trung, Tây Nguyên và tiểu vùng sông Mê Kông, Thủ tướng đã xác định Khu vực Chân Mây nằm trong Vùng trọng điểm của miền Trung, xếp Cảng biển nước sâu Chân Mây vào danh mục quy hoạch hệ thống cảng biển Việt Nam giai đoạn 1996 - 2000 và cho phép tiến hành lập quy hoạch nghiên cứu tiền khả thi Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp - thương mại - du lịch Chân Mây để trình Chính phủ vào quý III năm 1996. Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp - thương mại - dịch vụ Chân Mây vào cuộc tạo nên sự liên kết Huế - Đà Nẵng - Dung Quát, đem lại thế phát triển và nguồn sinh lực mới cho Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và tạo ra các tiền đề quan trọng cho sự phát triển ngày càng hoàn chỉnh của khu vực này. Nó thúc đẩy sự liên kết giữa Huế, Đà Nẵng và Dung Quát, hình thành các trung tâm công nghiệp kỹ thuật cao và công nghiệp nặng, du lịch và thương mại quốc tế với chức năng đầu mối trung chuyển hàng tổng hợp cho hành lang thương mại Đông - Tây, nối với tiểu vùng sông Mê Kông và theo từng bước phát triển, miền Trung sẽ trở thành trung tâm thương mại của khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Theo phân tích của các chuyên gia Nhật Bản (JICA) và nhiều nhà tư vấn quốc tế thì siêu dự án Dung Quất và Chân Mây cùng với siêu dự án đường cao tốc Huế - Đà Nẵng, sẽ thúc đẩy sự hình thành một trục công nghiệp - thương mại - du lịch - dịch vụ và đô thị hóa dọc vùng duyên hải miền Trung. Khu vực này nối với hai đầu đất nước bằng trục quốc lộ 1 và đường sắt xuyên Việt, nối với hành lang Đông - Tây của các nước vùng sông Mê Kông bằng các đường 9, 49, 14B, 24 và nối với thế giới bên ngoài bằng cảng biển nước sâu. Có thể xem Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung bước đầu đã được định hình và từ đó sẽ phát triển về phía bắc, phía nam và lên Tây Nguyên, hòa nhập vào sự phát triển của cả nước. Từ Dung Quất đến Chân Mây cho thấy: sự hòa nhập và khai thác mọi tiềm năng để tiến kịp hai đầu đất nước và thế giới như là một trong những nguyên lý quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội miền Trung.

Sự xuất hiện của Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất không những đã tạo ra bước phát triển chiến lược quan trọng trong việc hình thành và phát triển Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, mà còn thúc đẩy sự phát triển của Vùng trọng điểm kinh tế miền Trung và phía bắc (về phía đường 9); nó cũng tạo nên bước phát triển quan trọng trong thời gian tới và tạo trục phát triển từ Dung Quất về phía nam (đến



Quy Nhơn, đường 19) và kéo theo sự hội nhập của Tây Nguyên giàu tiềm năng và có vai trò đặc biệt trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc.

Việc xây dựng Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp phức hợp Dung Quất có một tầm chiến lược hết sức quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của miền Trung, tạo nên một sự liên kết giữa Việt Nam và các nước trong khu vực, và có thể coi đó là bước đi thích hợp trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội miền Trung để đuổi kịp sự phát triển hai đầu của đất nước, tạo nên xu thế phát triển ổn định trên toàn Việt Nam và thúc đẩy sự hội nhập có hiệu quả của nền kinh tế Việt Nam với thế giới bên ngoài:

*Dung Quất lung linh ánh hào quang*

*Vạn Trường hiển hách buổi huy hoàng*

*Rộn ràng bước tới thời hưng thịnh*

*Nhà máy, công trình, phố dọc ngang.*

Ánh hào quang của Dung Quất ngày càng tỏa sáng, đang đứng vững, đi lên và trở thành hiện thực.

# BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ SỰ RA ĐỜI CẢNG BIỂN NƯỚC SÂU VÀ KHU CÔNG NGHIỆP DUNG QUẤT, CHÂN MÂY, NHƠN HỘI

**TS. Trương Đình Hiến**

## I- BỐI CẢNH LỊCH SỬ THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ II, sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia ngày càng có quan hệ mật thiết. Sự hợp tác ngày càng rộng rãi với xu thế mở ra trên quy mô toàn cầu có tầm quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của mỗi nước cũng như của các tiểu khu vực và khu vực. Sự ra đời của các khối kinh tế trên các châu lục hoặc liên châu lục đã phát triển hết sức mạnh mẽ trong những thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XX. Các sự kiện trên đã thúc đẩy tiến trình khu vực hóa và quốc tế hóa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của từng quốc gia, dẫn đến đòi hỏi giữa các quốc gia cần có sự hội nhập, giao lưu ngày càng cao trên các lĩnh vực

trao đổi công nghệ, thông tin, nguyên vật liệu, sản xuất và tiêu thụ hàng hóa của nhau. Để có khả năng hội nhập, giao lưu và phát triển tốt đẹp, một trong những điều có ý nghĩa quan trọng và quyết định đó là đường hàng hải và hệ thống cảng biển nước sâu của nó, đặc biệt hơn cả là các cảng biển nước sâu có khả năng đón nhận các tàu có trọng tải lớn, với các kho bãi dịch vụ khổng lồ có sức chứa hàng và có công suất bốc dỡ lớn, bảo đảm cho nhiệm vụ trung chuyển khu vực và quốc tế, bảo đảm cho việc xuất nhập các sản phẩm hàng hóa, nguyên liệu của các khu công nghiệp cũng như các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp của các vùng rộng lớn trong nước và khu vực. Điều đặc biệt quan trọng là khi vị trí các cảng biển nước sâu lại rơi vào các khu vực có vị trí chiến lược quan trọng về địa lý kinh tế, địa lý chính trị và địa lý quốc phòng. Các nước phát triển và đang phát triển đã và đang phát huy hết các khả năng hệ thống cảng biển nước sâu và các khu kinh tế vùng duyên hải như: Nhật Bản, Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Hà Lan, Hàn Quốc, Xingapo, Trung Quốc, Thái Lan. Đặc biệt, các nước đang phát triển hầu hết ở châu Á đều có chiến lược bố trí các khu kinh tế, các khu đại công nghiệp gắn liền với sự phát triển vùng duyên hải với sự yểm trợ hùng hậu của hệ thống cảng biển nước sâu của mình. Sự phát triển hệ thống cảng biển và khu kinh tế vùng

duyên hải ngày nay đã được đặc biệt chú ý hơn bao giờ hết đối với các nước có biển, nhằm tạo ra thế chiến lược cho phát triển kinh tế - xã hội trong các thập kỷ tiếp theo trong thế kỷ XXI.

Trong lúc sự phát triển kinh tế - xã hội của thế giới đang có những dịch chuyển và bố trí thích ứng chiến lược như trên, thì khu vực tiểu vùng sông Mê Kông bao gồm một loạt các nước: Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Mianma, Nam Trung Quốc cũng đang có sự bố trí chiến lược và dịch chuyển lớn và đang ngày càng hội nhập nhanh chóng để phát triển kinh tế - xã hội. Các khu vực Đông Bắc Thái Lan, Đông Bắc Campuchia, Nam Lào, Nam Trung Quốc, là những khu vực hết sức rộng lớn và giàu tiềm năng, đặc biệt là nông, lâm, thổ sản, khoáng sản và nhiều tài nguyên thiên nhiên khác. Đây là khu vực đang được chú ý trong quá trình phát triển. Để phát triển kinh tế - xã hội của khu vực rộng lớn này, cần có sự khai thác các nguồn tài nguyên, chế biến các tài nguyên trên và xuất khẩu để đổi lấy máy móc, phân bón, thiết bị, vật liệu cũng như các hàng hóa dân dụng. Với khối lượng khổng lồ của các hàng hóa trên đòi hỏi phải có sự nối mạng lưới giao thông của các nước với các hệ thống các cảng biển nước sâu của Việt Nam ở Thái Bình Dương và đặc biệt là nối với hệ thống cảng biển nước sâu của miền Trung Việt Nam với thế giới bên ngoài qua hệ

thống trực hành lang Đông - Tây. Rõ ràng một con đường thịnh vượng đã được mở ra nối miền Trung Việt Nam kéo dài từ Tây Thái Bình Dương qua Lào, Campuchia, Đông Bắc Thái Lan, đến phía Đông Ấn Độ Dương là Mianma. Với sự phát triển của các khu vực rộng lớn của các nước tiểu vùng sông Mê Kông sẽ dẫn đến sự phát triển của miền Trung Việt Nam trong thời kỳ tới của thế kỷ XXI.

Trong bối cảnh lịch sử thời bấy giờ, sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam đã biểu hiện một cách rõ nét về sự chênh lệch khá lớn tại các miền của đất nước, nó báo trước một thách thức lớn lao về sự ổn định kinh tế của nước nhà. Thời kỳ này miền Bắc Việt Nam (trung tâm là Hà Nội) và miền Nam Việt Nam (trung tâm là thành phố Hồ Chí Minh) đã trở thành hai cực phát triển rất mạnh với sức hút rất lớn về kinh tế. Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đã có đầy đủ tiền đề và cơ sở để ra đời. Trong lúc đó, khu vực miền Trung vẫn còn là khu vực lạc hậu kém phát triển và cô lập về kinh tế đối với các miền của đất nước và thế giới bên ngoài. Ngoài các đô thị nhỏ bé nghèo nàn: Huế, Đà Nẵng, Hội An, Quy Nhơn, cùng với các cảng nhỏ bé như Thuận An, Tiên Sa, Kỳ Hà, Sa Kỳ chỉ đủ cho các tàu có trọng tải nhỏ bé ra vào, khả năng về nông nghiệp hầu như không đáng kể, khả năng về công nghiệp chưa có điều kiện hình thành; nguồn nhân

lực bị hút về hai cực miền Bắc và miền Nam. Miền Trung hầu như chưa tìm được một con đường để thoát ra khỏi lạc hậu, nghèo khổ nhằm đuổi kịp hai đầu của đất nước. Mặc dù miền Trung là khu vực có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về địa lý kinh tế, địa lý chính trị và địa lý quốc phòng. Đất nước sẽ ra sao nếu miền Trung vẫn còn là một khu vực lạc hậu, kém phát triển và cô lập về kinh tế? Điều này sẽ tạo nên một lỗ hổng lớn về kinh tế ngay ở phần giữa của đất nước. Sự tồn tại và phát triển của lỗ hổng này sẽ tạo ra một nguy cơ lớn đối với sự ổn định và thống nhất nền kinh tế của nước nhà. Vậy bằng lối ra nào, bằng con đường nào để miền Trung có thể thoát khỏi đói nghèo, lạc hậu, cô lập về kinh tế, tiến kịp sự phát triển kinh tế - xã hội của miền Bắc và miền Nam? Từ sự phân tích bối cảnh lịch sử trên đây cho thấy sự cấp thiết phải nghiên cứu tạo dựng các tiền đề trên cơ sở khoa học về điều kiện tự nhiên cũng như kinh tế - xã hội để hình thành các cảng biển nước sâu gắn với các khu kinh tế lớn làm nền móng cho sự ra đời Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung làm động lực và nòng cốt xây dựng miền Trung thành một vùng có tốc độ phát triển kinh tế cao, đóng vai trò ổn định và thống nhất nền kinh tế giữa miền Bắc và miền Nam, góp phần quan trọng đưa đất nước hội nhập vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tiểu vùng sông Mê Kông và thế giới bên ngoài.

## II- SỰ RA ĐỜI CÁC CẢNG BIỂN NƯỚC SÂU VÀ KHU CÔNG NGHIỆP DUNG QUẤT, CHÂN MÂY, NHƠN HỘI CÙNG VỚI SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG

Năm tháng trôi qua, hơn một thập kỷ đất nước dần dần bước ra khỏi khủng hoảng, đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước đã mở ra một chân trời cho các nhà khoa học nhập cuộc, có thể nói: "Đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước đã dẫn đường cho chúng tôi đi, khát khao một nước Việt Nam thái bình, thịnh trị là động lực đưa chúng tôi đến đích".

Trên cơ sở phân tích vai trò chiến lược của Việt Nam trong sự bùng nổ và phát triển kinh tế của khu vực Đông Nam Á, cũng như châu Á - Thái Bình Dương, đồng thời chú ý vai trò to lớn của sự phát triển kinh tế vùng duyên hải, đặc biệt là hệ thống cảng biển nước sâu gắn với các khu công nghiệp. Tháng 2-1992, chúng tôi đã quyết định vạch ra và thực hiện một chương trình nghiên cứu các điều kiện tự nhiên cũng như các điều kiện kinh tế - xã hội để phát hiện và lựa chọn các vị trí có thể xây dựng cảng biển nước sâu và khu công nghiệp dọc duyên hải của miền Trung. Việc nghiên cứu đã được tiến hành tại các cửa biển và vũng vịnh như: Quy Nhơn, Đề Gi, An Dũ, Tam Quan (tỉnh Bình Định), Sa Huỳnh,

Trà Cầu, Cửa Đại, Sa Kỳ, vịnh Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi), cửa Kỳ Hà (tỉnh Quảng Nam), vịnh Đà Nẵng (thành phố Đà Nẵng), vịnh Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên - Huế). Sau khi khảo sát nghiên cứu tính toán các điều kiện tự nhiên trên biển và trên đất liền với tính chất tổng hợp và quy mô lớn bao gồm:

- Các giá trị và quy luật đặc trưng về các yếu tố khí tượng trên đất liền và trên biển: nhiệt độ, độ ẩm, áp suất khí quyển, lượng bốc hơi, lượng mưa, chế độ gió, các hiện tượng thời tiết đặc biệt và bão nhiệt đới.

- Các giá trị và quy luật đặc trưng mực nước thủy triều cực đại, cực tiểu, trung bình, mực nước cực trị với các tần suất thiết kế, mực nước dâng dao động mùa, mực nước dâng do bão.

- Các giá trị và đặc trưng về dòng chảy gió, dòng triều lưu, dòng chảy ven bờ do sóng đổ, các giá trị dòng chảy cực đại theo các chu kỳ 1 năm, 10 năm và 100 năm một lần.

- Các đặc trưng dòng chảy trên đất liền tại các sông.

- Các đặc trưng sóng gió và sóng lừng ngoài Biển Đông và dải ven bờ; trường sóng tính toán và quá trình khúc xạ sóng, các đặc trưng trường sóng đổ trong dải ven bờ.

- Các giá trị cực đại của sóng tính toán ứng với tốc độ gió cực đại chu kỳ 1 năm, 10 năm và 100 năm một lần.



- Các quá trình khúc xạ và nhiễu xạ sóng sau đê chắn sóng.

- Các đặc trưng lý, hóa của nước biển: nhiệt độ nước, độ mặn, độ ôxy hòa tan và các thành phần hóa học nước biển.

- Các đặc điểm về địa chất, tình hình địa chấn tại khu vực miền Trung và địa hình các khu vực trên, kết hợp với vị trí chiến lược và các điều kiện kinh tế - xã hội.

- Về mặt bằng, các nguồn tài nguyên, vật liệu, nguồn nước, trục giao thông, các điều kiện hạ tầng kỹ thuật, khả năng phát triển và liên kết với các vùng trong nước, khu vực và thế giới bên ngoài...

Chúng tôi đã lựa chọn được ba địa điểm hội tụ đủ điều kiện để xây dựng ở đó Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp thương mại, du lịch - dịch vụ là: Dung Quất (Quảng Ngãi), Chân Mây (Thừa Thiên - Huế), Nhơn Hội (Bình Định). Các nghiên cứu và đề xuất trên đây đã được Đảng và Nhà nước lần lượt phê duyệt và ra các quyết định quan trọng có tác dụng to lớn, lâu dài và lịch sử đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của miền Trung, Tây Nguyên và cả nước.

### **1. Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất (Đông Bắc tỉnh Quảng Ngãi)**

Vịnh Dung Quất có độ sâu tự nhiên từ 10 đến 20m không kể thủy triều, có hàng chục kilômét vuông mặt

nước, hai trường gió chính là đông bắc và tây nam được che chắn. Tàu bè có thể neo đậu quanh năm, không bị sa bồi. Các tàu có trọng tải từ 150 ngàn đến 200 ngàn tấn có thể ra vào trực tiếp từ biển. Nếu có 1,5 km đê chắn sóng ở mũi Co Co, khi đó tổng chiều dài các bến cảng có thể phát triển đến 19,8 km, công suất của cảng có thể đạt đến 100 triệu tấn/năm. Có mặt bằng kho bãi và khu công nghiệp trên 100 km<sup>2</sup>, nên rất thuận lợi cho xây dựng khu công nghiệp. Tiếp cận với đường sắt, đường bộ xuyên Việt, đường 24 đi lên Tây Nguyên, qua Lào, Campuchia và Thái Lan, tiếp cận với đường hàng hải quốc tế và nội địa. Tiếp cận với đường điện quốc gia, đường cáp quang và hệ thống thông tin quốc gia. Cách sân bay Chu Lai 7 km, có nguồn nước dồi dào, chất lượng tốt, có vị trí xây dựng các hồ chứa nước lớn như: hồ Trà Cô với dung tích 1 tỷ m<sup>3</sup> nước, lưu lượng 5,6 m<sup>3</sup>/s trên sông Trà Bồng; hồ Hải Giá với dung tích 1,3 tỷ m<sup>3</sup> nước, lưu lượng 6 m<sup>3</sup>/s trên sông Trà Khúc. Sự ra đời của Cảng biển nước sâu Dung Quất đã dẫn đến hình thành khu công nghiệp tập trung cỡ lớn của đất nước, bao gồm: bãi trung chuyển container; khu công nghiệp lọc - hóa dầu, công nghiệp đóng tàu và dịch vụ dầu khí, công nghiệp luyện cán thép, công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến, công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp cơ khí và lắp ráp, công nghệ kỹ thuật cao, các nhà máy

nhiệt điện, khu công nghiệp địa phương, đồng thời cũng hình thành khu dân cư đô thị - thành phố Vạn Tường.

Ngày 15-10-1992, chúng tôi đã gửi bản báo cáo tóm tắt về Dự án chọn địa điểm Cảng biển nước sâu Dung Quất đến Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Ban Khoa học - kỹ thuật tỉnh.

Ngày 18-12-1992, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi gửi báo cáo và tờ trình Dự án Dung Quất lên Văn phòng Chính phủ.

Ngày 10-1-1993, Tiến sĩ Trương Đình Hiến báo cáo Dự án Cảng biển nước sâu Dung Quất với Phó Thủ tướng Phan Văn Khải tại hội trường Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 19-9-1994, Thủ tướng Võ Văn Kiệt nghe Tiến sĩ Trương Đình Hiến báo cáo Cảng biển nước sâu Dung Quất tại hội trường Ủy ban nhân dân xã Bình Thanh và Thủ tướng đi thị sát khu vực dự án Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất.

Ngày 9-11-1994, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã ký Quyết định số 658/TTg về địa điểm Nhà máy lọc dầu và quy hoạch Khu kinh tế trọng điểm miền Trung, với phạm vi từ cảng Liên Chiểu (Quảng Nam - Đà Nẵng) đến Dung Quất (Quảng Ngãi).

Ngày 19-11-1994, Chính phủ đã gửi báo cáo số 627/DK lên Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương Đảng về địa điểm xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất:

"Đây là điểm có điều kiện tự nhiên rất tốt, có cảng tự nhiên nước sâu rất thuận lợi cho tàu xuất nhập dầu có trọng tải lớn, có vị trí tốt cho xây dựng nhà máy lọc dầu và các nhà máy công nghiệp khác đòi hỏi có cảng lớn, mặt bằng lớn, ít ảnh hưởng tới vùng nông nghiệp, gần sân bay Chu Lai, gần đường sắt và quốc lộ 1. Với những ưu điểm trên, Chính phủ đã chọn địa điểm Dung Quất làm khu phát triển công nghiệp, trong đó có đặt nhà máy lọc dầu - hóa dầu và giao cho Tổng công ty Dầu khí Việt Nam cùng các đối tác nước ngoài lập báo cáo khả thi chi tiết Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất. Chính phủ cũng đã giao nhiệm vụ cho các ngành hữu quan lập đề án quy hoạch Khu kinh tế trọng điểm miền Trung bao gồm các khu: Liên Chiểu, Non Nước, Hội An, Chu Lai, Núi Thành và Dung Quất".

Ngày 7-12-1994, tại Thông báo số 1779-94/TB-VP, Bộ trưởng Bộ Giao thông - Vận tải đã thông báo các kết luận về buổi làm việc với Bí thư Tỉnh uỷ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: "Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định về xây dựng Khu công nghiệp lọc - hóa dầu ở Dung Quất (Quảng Ngãi). Đây là một chủ trương lớn hết sức quan trọng là cơ hội để kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi phát triển. Bộ Giao thông - Vận tải sẽ cho tập trung nghiên cứu ngay các vấn đề như quy hoạch khu cảng Dung Quất và hệ thống giao thông cho khu công nghiệp lọc - hóa dầu. Đối với quy hoạch cảng Dung

Quất, ngoài việc xây dựng cảng lọc - hóa dầu, phải nghiên cứu đến các nhu cầu của khu vực và quốc tế như vấn đề xuất nhập khẩu hàng hóa tổng hợp cho cả miền Trung và Tây Nguyên. Nghiên cứu nhu cầu xây dựng cảng trung chuyển quốc tế ở Dung Quất và sửa chữa tàu biển ở khu vực miền Trung sau này".

Ngày 17-8-1995, Thông báo số 107/TB, thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Trong đó nêu rõ: "với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội kết hợp với quốc phòng, an ninh, trong tầm nhìn chiến lược phát triển dài hạn của đất nước, cần xác định dứt khoát và gấp rút xây dựng Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung với phạm vi bao gồm hai tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng và Quảng Ngãi. Mặc dù hiện có hạn chế về cơ sở hạ tầng, nhưng đây là vùng có rất nhiều thuận lợi để tập trung xây dựng và phát triển nhanh, tạo cục diện mới làm động lực cho sự phát triển của cả miền Trung và Tây Nguyên, và tạo điều kiện cho việc mở rộng quan hệ của miền Trung và của cả nước với thế giới, trong đó có quan hệ hợp tác với các nước tiểu khu vực Lào, Campuchia, Mianma. Về chọn địa điểm cho nhà máy lọc dầu: việc chọn địa điểm cho nhà máy lọc dầu đã được đặt ra từ mấy năm nay, có nhiều phương án được xem xét, nhưng chưa có đủ căn cứ để quyết định. Việc phát hiện vịnh Dung Quất có khả năng làm cảng nước sâu,

gắn với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, an ninh và quốc phòng, nhất là về lâu dài cho thấy việc đặt nhà máy lọc dầu và tiến tới có nhà máy hóa dầu ở khu vực này là xác đáng. Việc lựa chọn này đã được khẳng định, là cơ sở định hướng và định vị để đàm phán với các đối tác nước ngoài tham gia xây dựng nhà máy lọc dầu với các công trình khác. Riêng nhà máy lọc dầu cần bàn dứt điểm với các đối tác để có thể đi vào chuẩn bị đầu tư và xây dựng vào năm 1996".

Ngày 11-4-1996, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 207/TTg về việc phê duyệt Quy hoạch chung Khu công nghiệp Dung Quất. Trong đó đã nêu rõ về tính chất của khu công nghiệp: "Khu công nghiệp Dung Quất là khu lọc và hóa dầu đầu tiên của cả nước; là khu tập trung nhiều ngành công nghiệp có quy mô lớn, gắn với Cảng biển nước sâu Dung Quất và sân bay quốc tế Chu Lai; là trung tâm kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và có ý nghĩa quan trọng về quốc phòng".

Ngày 10-7-1997, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 514/TTg về việc đầu tư dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất. Theo đó, Nhà máy lọc dầu số 1 được xây dựng tại Khu công nghiệp Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi. Nhà máy được bố trí tại hai xã Bình Trị và Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, như Thủ tướng Chính phủ đã quyết định tại Công văn số 658/TTg ngày

9-11-1994 và 4378/DK ngày 4-9-1996. Chủ đầu tư là Tổng công ty Dầu khí. Dự án được thực hiện theo hình thức Việt Nam đầu tư.

Ngày 5-12-1997, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 07/1997/QH10 về dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất.

Ngày 11-3-2005, tại Quyết định số 50/2005/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi. Theo đó, mục tiêu phát triển của Khu kinh tế Dung Quất được xác định bao gồm:

- Xây dựng phát triển Khu kinh tế Dung Quất trở thành Khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực với trọng tâm là phát triển công nghiệp lọc dầu - hóa dầu - hóa chất, các ngành công nghiệp có quy mô lớn bao gồm: công nghiệp cơ khí, đóng và sửa chữa tàu biển, luyện cán thép, sản xuất xi măng, sản xuất container và các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến và xuất khẩu; gắn với việc khai thác có hiệu quả Cảng biển nước sâu Dung Quất, sân bay quốc tế Chu Lai và đô thị công nghiệp - dịch vụ Vạn Tường, đô thị Dốc Sỏi. Là trung tâm kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi và trung tâm đô thị công nghiệp dịch vụ trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, là hạt nhân tăng trưởng và làm động lực thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa khu vực miền Trung và cả nước; là đầu mối giao lưu quốc tế

quan trọng, góp phần mở rộng khu vực miền Trung, Tây Nguyên và trở thành cầu nối với thị trường Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan, có ý nghĩa quan trọng về quốc phòng.

- Áp dụng thí điểm về một số mô hình động lực mới cho phát triển kinh tế, khắc phục những yếu kém và ách tắc trong chính sách và cơ chế quản lý kinh tế hiện hành khi chưa có điều kiện thực hiện đồng bộ trên phạm vi cả nước.

- Tạo việc làm thúc đẩy đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong vùng, góp phần tạo ra những sản phẩm có thương hiệu, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao.

- Khai thác có hiệu quả những lợi thế về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý kinh tế và chính trị trong giao thương, dịch vụ quốc tế và trong nước để phát triển kinh tế khu vực, tạo sự lan tỏa ra các vùng xung quanh, tiến tới thu hẹp khoảng cách phát triển với các vùng khác trong nước.

- Đẩy nhanh tốc độ đầu tư xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất cũng như Khu kinh tế mở Chu Lai để sau năm 2010 các khu kinh tế này sau từng bước trở thành hạt nhân, trung tâm phát triển Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

## **2. Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Chân Mây (Đông Nam tỉnh Thừa Thiên - Huế)**

Vịnh Chân Mây có độ sâu tự nhiên trung bình



9 - 14m, khoảng 6 km<sup>2</sup> mặt nước được che chắn các hướng gió đông bắc và tây nam. Tàu bè có thể neo đậu quanh năm, không bị sa bồi. Các tàu có trọng tải 50 ngàn tấn ra vào tự do không phụ thuộc thủy triều, nếu lợi dụng thủy triều tàu 80 ngàn tấn ra vào thuận lợi. Có thể xây dựng ở đây một cảng biển nước sâu với chiều dài bến khoảng 14 km. Công suất của cảng đạt 70 triệu tấn/năm. Có mặt bằng kho bãi và khu công nghiệp trên 70 km<sup>2</sup> nên rất thuận lợi cho xây dựng khu công nghiệp và đô thị. Cảng Chân Mây tiếp cận với đường sắt, đường bộ xuyên Việt, đường điện quốc gia, hệ thống cáp quang (cách cảng 5 km), cách đường điện 500 KV là 9 km, cách thành phố Huế 50 km, cách sân bay Phú Bài 35 km, cách Đà Nẵng 30 km và cách đường 9 là 120 km. Có khả năng xây dựng ba hồ chứa nước: hồ Thủy Cam 30 triệu m<sup>3</sup>, hồ Thủy Yên 30 triệu m<sup>3</sup>, hồ Truồi 60 triệu m<sup>3</sup>. Lượng nước này đủ cung cấp cho khu công nghiệp và đô thị. Sự ra đời của Cảng biển nước sâu Chân Mây đã dẫn đến sự hình thành Khu công nghiệp - thương mại - du lịch - dịch vụ Chân Mây, bao gồm: bãi trung chuyển container; công nghệ kỹ thuật cao, công nghiệp vật liệu điện và điện tử, công nghiệp sửa chữa và lắp ráp cơ khí, công nghiệp chế biến nông, lâm, thổ sản, công nghiệp chế biến thủy, hải sản, công nghiệp may mặc, thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, công nghiệp vật liệu xây dựng, khu nghiên cứu thí nghiệm sinh học, khu trung

tâm thương mại và tài chính, dịch vụ, chế biến thương mại và thành phố cảng Chân Mây. Cảng biển nước sâu Chân Mây là cửa ngõ quan trọng của tiểu vùng sông Mê Kông, thông qua hành lang Đông - Tây: Chân Mây - Đông Hà - Lao Bảo - Pắcxé - Đông Bắc Thái Lan - Mianma.

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, phân tích và tổng hợp các tài liệu về địa lý tự nhiên, cùng với các thông số về khí tượng thủy văn và động lực học khu vực ven biển miền Trung, Thừa Thiên - Huế và vịnh Chân Mây, tháng 10-1994, chúng tôi đã thông báo cho Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế về các điều kiện tự nhiên hình thành cảng Chân Mây. Ngày 29-11-1994, đoàn cán bộ Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế cùng các nhà khoa học Phòng Thủy hải văn công trình - Phân viện Vật lý tại thành phố Hồ Chí Minh đã đi khảo sát thực địa hiện trường khu vực dự định xây dựng cảng Chân Mây và vùng phụ cận, buổi chiều ngày 29-11-1994, tại hội trường Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế, lãnh đạo Tỉnh ủy và Ủy ban đã nghe chúng tôi báo cáo các dẫn liệu cơ bản về khả năng xây dựng cảng Chân Mây cũng như vị trí chiến lược của nó trong sự phát triển kinh tế - xã hội của Thừa Thiên - Huế. Ngày 27-1-1995, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế đã có Công văn số 81/CV/UBND đề nghị Phân viện Vật lý tại thành phố Hồ Chí Minh (thuộc Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia) tiến hành khảo sát

ngiên cứu lập dự án cảng Chân Mây. Ngày 25-12-1995, tại thành phố Hồ Chí Minh, đoàn cán bộ lãnh đạo Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế đã nghe Tiến sĩ Trương Đình Hiến trình bày các kết quả nghiên cứu thiết lập dự án chọn địa điểm Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Chân Mây. Ngày 1-1-1996, tại Hội trường số 5 Lê Lợi, thành phố Huế, lãnh đạo và Hội đồng khoa học tỉnh Thừa Thiên - Huế đã nghe Tiến sĩ Trương Đình Hiến báo cáo các kết quả về dự án chọn địa điểm Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Chân Mây. Hội đồng khoa học đã nhất trí thông qua và sau đó tiếp tục làm các thủ tục trình lên Chính phủ. Ngày 3-1-1996, tại Hội trường số 5 Lê Lợi, thành phố Huế, các nhà khoa học và các chuyên gia tư vấn của tổ chức hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) đã nghe Tiến sĩ Trương Đình Hiến trình bày về dự án Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Chân Mây và đã đánh giá rất cao về vai trò và vị trí của dự án đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của miền Trung và khu vực tiểu vùng sông Mê Kông. Các kết quả nghiên cứu của dự án đã được các chuyên gia Nhật Bản cùng các nhà khoa học Viện Nghiên cứu Chiến lược của Bộ Kế hoạch - Đầu tư sử dụng để xây dựng chiến lược tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của miền Trung.

Đối với công trình Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Chân Mây, Đảng và Nhà nước ta đã có một loạt

các quyết định quan trọng. Các quyết định đó đã làm thay đổi cục diện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thừa Thiên - Huế một cách to lớn, lâu dài và căn bản; đồng thời dẫn đến việc mở rộng Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung ra đến Thừa Thiên - Huế (bao gồm Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam - Đà Nẵng và Quảng Ngãi).

Ngày 24-3-1996, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đi thị sát khu vực xây dựng Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Chân Mây và làm việc với lãnh đạo tỉnh Thừa Thiên - Huế. Thủ tướng đã nghe Tiến sĩ Trương Đình Hiến báo cáo về Nghiên cứu khảo sát Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Chân Mây Thừa Thiên - Huế. Ngày 28-3-1996, Văn phòng Chính phủ đã ra Thông báo số 31/TB, thông báo ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại cuộc họp với lãnh đạo tỉnh Thừa Thiên - Huế. Trong thông báo đã nêu: "miền Trung có lợi thế lớn cho việc xây dựng những cảng nước sâu và các khu công nghiệp đa dạng, trong quy hoạch các cảng miền Trung, tính chất, nhiệm vụ của mỗi cảng có khác nhau. Các cảng này sẽ hỗ trợ và tăng thêm lợi thế cho nhau, khắc phục sự hạn chế của từng cảng. Việc xây dựng cảng Chân Mây và việc hình thành khu công nghiệp ở đây có ý nghĩa tích cực cho khu vực miền Trung, Tây Nguyên và các khu vực tiểu vùng sông Mê Kông. Với lý do đó, đồng ý xác định khu vực cảng Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên - Huế) nằm trong Vùng kinh tế

trọng điểm của miền Trung theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của vùng, cả nước giai đoạn 1996 - 2000 và đến năm 2010. Xếp Cảng nước sâu Chân Mây vào danh mục quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam giai đoạn 1996 - 2000. Cho phép tiến hành lập quy hoạch nghiên cứu tiền khả thi Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp thương mại, dịch vụ Chân Mây để trình Thủ tướng Chính phủ vào cuối quý III năm 1996". Ngày 27-12-1996, tại Quyết định số 966/TTg, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định về việc phê duyệt định hướng quy hoạch đô thị mới Chân Mây tỉnh Thừa Thiên - Huế, theo đó: "xây dựng Chân Mây thành một đô thị để phát triển cảng, công nghiệp, dịch vụ. Dự kiến đến năm 2005, dân số là 40.000 và đến năm 2020 là 120.000. Diện tích đất đai năm 2005 khoảng 1.100 ha và năm 2020 khoảng 4.000 ha. Về định hướng phát triển không gian: Khu cảng bố trí tại vịnh Chân Mây. Khu công nghiệp và dịch vụ bố trí từ cảng đến quốc lộ 1A. Trung tâm được bố trí từ quốc lộ 1A dọc theo sông Bulu về phía bắc. Khu dân cư được bố trí từ ven sông Bulu và phía nam quốc lộ 1A".

Ngày 6-9-1997, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 739/TTg phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thừa Thiên - Huế thời kỳ 1996 - 2000. Ngày 13-8-2004, với Quyết định số 148/2004/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương hướng chủ

yếu phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020. Theo quyết định trên, Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung bao gồm Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định. Theo đó: "Đối với khu khuyến khích phát triển kinh tế - thương mại Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên - Huế) trước mắt, tập trung phát triển khu vực thương mại Chân Mây có diện tích khoảng 1.000 ha gắn với phát triển cảng Chân Mây theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về khu khuyến khích phát triển kinh tế - thương mại. Trong giai đoạn 2006 - 2010, xây dựng trung tâm thông tin quốc tế, cùng hệ thống dịch vụ như dịch vụ thương mại, du lịch, tài chính, ngân hàng và các ngành nghề khác với trình độ và văn minh thương mại cao. Từng bước phát triển Khu công nghiệp Chân Mây và thành phố mới Chân Mây... Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cảng Chân Mây, Quy Nhơn bảo đảm phát triển thành công khu khuyến khích phát triển thương mại Chân Mây, Khu kinh tế Nhơn Hội là những hạt nhân quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của Thừa Thiên - Huế, Bình Định nói riêng và toàn vùng nói chung".

### **3. Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp, thương mại, dịch vụ Nhơn Hội (tỉnh Bình Định)**

"Khu vực đầm Thị Nại thuộc Nhơn Hội là khu vực

hoàn toàn kín sóng và kín gió, khi xây dựng một kè chắn cát dài 3 km, có thể nạo vét cơ bản cho tàu có trọng tải từ 30 đến 50 ngàn tấn ra vào, mặt bằng bến cảng rộng 418 ha, tổng chiều dài bến cảng là 6,47 km với phương pháp bốc dỡ hàng hiện đại, công suất qua cảng là 50 triệu tấn/năm. Cảng Nhơn Hội nối trực tiếp với Tây Nguyên qua đường 19 và nối với Lào, Thái Lan qua đường 14 hành lang Đông - Tây, cách sân bay Phù Cát 37 km và cách thành phố Quy Nhơn 2 km. Khu kinh tế Nhơn Hội với mặt bằng 12.000 ha, trong đó phần lớn mặt bằng có độ cao từ 10 đến 20m không bị lũ lụt, có đầy đủ khả năng hình thành khu công nghiệp, thương mại quốc tế, du lịch dịch vụ lớn của miền Trung Việt Nam".

Theo các đề xuất của công trình nghiên cứu, ở đây có thể hình thành các ngành: công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy, hải sản và cây công nghiệp, công nghiệp đóng mới và sửa chữa tàu thủy, công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp hóa dầu, công nghiệp điện tử và vật liệu điện, công nghiệp may mặc và gia dụng. Bãi trung chuyển container; khu lắp ráp chế biến thương mại; khu dịch vụ; khu dân cư đô thị...

Cuối năm 1992, trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, phân tích và tổng hợp các tài liệu về địa lý tự nhiên, cùng với các thông số về khí tượng - thủy văn - động lực học khu vực ven biển miền Trung và vịnh Quy Nhơn Bình Định, chúng tôi phát hiện Nhơn Hội có điều kiện

tốt để xây dựng cảng biển nước sâu và khu công nghiệp. Đoàn cán bộ khoa học của Phân viện Khoa học Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh đã đến Ban Khoa học - kỹ thuật Bình Định và trình bày về kết quả phát hiện nói trên. Song, thời bấy giờ tỉnh Bình Định đang chuẩn bị tổng kết toàn bộ các tài liệu điều tra cơ bản về điều kiện tự nhiên trên khu vực lục địa và vùng biển của tỉnh để có cơ sở lập các kế hoạch và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội một cách hệ thống. Trong thời kỳ này, do những khó khăn về sự bồi lấp các cửa biển nên tỉnh cũng đã tập trung quyết tâm mở một cửa biển nào đó để phục vụ cho ngành đánh bắt thủy, hải sản và cải thiện đời sống nhân dân vùng ven biển. Với các nhu cầu bức xúc như trên, chúng tôi đã được tỉnh giao cho nhiệm vụ thực hiện chương trình tổng kết điều tra cơ bản về điều kiện tự nhiên. Đây là một chương trình đồ sộ và được hoàn thành vào tháng 12-1993. Đồng thời tỉnh cũng đã giao cho chúng tôi nghiên cứu thiết lập luận cứ khoa học phục vụ cho việc mở cửa Tam Quan. Công việc nghiên cứu này đã được hoàn thành vào tháng 9-1994. Trước các công việc khẩn cấp trên đây nên việc đề xuất nghiên cứu chi tiết Nhơn Hội tạm thời gác lại. Đến năm 1997, đề xuất nghiên cứu chi tiết Nhơn Hội đã được triển khai trên quy mô lớn bởi đề tài: "Nghiên cứu khảo sát lập dự án mở rộng cảng Quy Nhơn gắn liền với xây dựng Khu công nghiệp - thương mại - dịch vụ Nhơn Hội".



Ngày 25-5-1998, Hội đồng Khoa học tỉnh Bình Định đã thông qua dự án Nhơn Hội và tiếp theo làm các thủ tục trình Chính phủ. Ngày 13-8-2004, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 148/2004/QĐ-TTg về phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020. Theo Quyết định trên, vùng kinh tế trọng điểm bao gồm 5 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đó là: Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định. Đồng thời, cũng nêu lên những nét cơ bản của Khu kinh tế Nhơn Hội trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Ngày 14-6-2005, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 141/2005/QĐ-TTg về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định. Khu kinh tế Nhơn Hội với diện tích khoảng 12.000 ha, là khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực với trọng tâm là: "Phát triển các ngành công nghiệp có quy mô lớn bao gồm: công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí đóng mới và sửa chữa tàu biển, hóa dầu, công nghiệp sản xuất hàng điện tử và vật liệu điện, công nghiệp dệt, da, may mặc, xuất khẩu. Xây dựng và kinh doanh kho trung chuyển gắn với việc đầu tư và khai thác có hiệu quả khu cảng biển nước sâu và các công trình dịch vụ hậu cần cảng Nhơn Hội để cùng quốc lộ 19, cửa khẩu

Đức Cơ, Bờ Y tạo thành cửa ngõ quan trọng thông thương ra biển ở vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng. Xây dựng khu đô thị mới Nhơn Hội, khu đô thị dịch vụ Cát Tiến và Nhơn Lý, đồng thời ưu tiên phát triển khu du lịch sinh thái gắn với đầm - núi - biển trong Khu kinh tế Nhơn Hội để trở thành khu du lịch quốc gia với vai trò là một trong những trung tâm du lịch của vùng duyên hải Nam Trung Bộ".

- Đẩy mạnh tốc độ đầu tư xây dựng và phát triển Khu kinh tế Nhơn Hội cùng với Khu kinh tế mở Chu Lai, Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế Vân Phong để sau năm 2010, tạo thành chuỗi các khu kinh tế có mối liên hệ chặt chẽ với nhau và từng bước trở thành những hạt nhân tăng trưởng, trung tâm đô thị - công nghiệp - dịch vụ - du lịch của khu vực Nam Trung Bộ và Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; là một đầu mối giao lưu quốc tế quan trọng, góp phần mở rộng thị trường Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và trở thành cầu nối với thị trường Đông Bắc Campuchia, Nam Lào và miền Trung Thái Lan.

- Tạo việc làm, thúc đẩy đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của khu vực; góp phần tạo ra những sản phẩm có thương hiệu, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao.

- Khai thác có hiệu quả các lợi thế về điều kiện tự

nhiên, vị trí địa lý kinh tế và chính trị trong giao thương, dịch vụ quốc tế và trong nước để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực Nam Trung Bộ, tiến tới thu hẹp khoảng cách phát triển giữa khu vực này với các khu vực khác trong cả nước.

Sự ra đời Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất, Chân Mây, Nhơn Hội trong sự hình thành đường lối chiến lược của Đảng và Nhà nước tạo nên một bước ngoặt lịch sử đưa miền Trung tiến kịp hai đầu của đất nước:

Với một loạt các quyết định quan trọng của Bộ Chính trị, Quốc hội và Chính phủ nêu ra trên đây cho thấy đường lối đúng đắn, sáng suốt và kịp thời của Đảng và Chính phủ trong quyết tâm chiến lược về sự phát triển kinh tế - xã hội của miền Trung và cả nước, đồng thời nó cũng nói lên vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của công trình Dự án Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất, Chân Mây, Nhơn Hội trong việc hình thành đường lối chiến lược của Đảng và Nhà nước để đưa miền Trung tiến kịp hai đầu của đất nước và hội nhập với các nước tiểu vùng sông Mê Kông cũng như với thế giới bên ngoài, tạo tiền đề cho sự cất cánh của miền Trung và cả nước trong thế kỷ XXI. Tạo ra bước ngoặt lịch sử của miền Trung trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thoát khỏi lạc hậu, cô lập về kinh tế và đói nghèo trong trường kỳ lịch sử.

Lần đầu tiên chúng ta đã đưa ra một hệ thống tổ hợp các số liệu cũng như các quy luật về điều kiện tự nhiên từ biển khơi đến dải ven bờ, tại các vịnh Dung Quất, vịnh Chân Mây và vịnh Quy Nhơn - đầm Thị Nại và trên đất liền của các khu vực Đông Bắc tỉnh Quảng Ngãi, khu vực Đông Nam tỉnh Thừa Thiên - Huế và khu vực Đông Nam tỉnh Bình Định.

Hệ thống tổ hợp các số liệu về quy luật điều kiện tự nhiên kết hợp với vai trò, vị trí chiến lược và tiềm năng kinh tế - xã hội đã cho phép phân tích, đánh giá một cách toàn diện và dẫn đến sự ra đời các sản phẩm đặc biệt về kinh tế - xã hội có tác dụng lâu dài, to lớn và toàn diện đối với miền Trung và cả nước đó là: Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi); Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp - thương mại - du lịch - dịch vụ Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên - Huế); Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp thương mại, dịch vụ Nhơn Hội (tỉnh Bình Định).

Hệ thống tổ hợp các số liệu và các quy luật về điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội của công trình đã có tác dụng rất lớn và đã trực tiếp phục vụ trên nhiều lĩnh vực: khoa học - kỹ thuật, giao thông - vận tải, đánh bắt, nuôi trồng thủy, hải sản, khai thác khoáng sản trên biển, thiết kế, xây dựng và quy hoạch các công trình trên biển và trên đất liền, bảo vệ bờ biển, phòng tránh thiên tai. Đặc biệt, hệ thống các số liệu và các quy luật

về điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội của công trình là cơ sở hết sức cấp thiết và hiệu quả, đẩy nhanh tiến độ và bảo đảm độ tin cậy cho việc lập các quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cũng như thiết lập các dự án đầu tư cho khu vực miền Trung. Các kết quả nghiên cứu của cụm công trình đã giúp đỡ có hiệu quả đối với việc quản lý nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ vùng lãnh thổ và an ninh, quốc phòng.

Các kết quả nghiên cứu của cụm công trình đã tạo tiền đề và đặt nền móng cho sự ra đời Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Mùa thu năm 1994, với sự phê duyệt Dự án Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất của Chính phủ đã dẫn đến sự ra đời Khu kinh tế trọng điểm miền Trung từ cảng Liên Chiểu (Quảng Nam - Đà Nẵng) đến Dung Quất (Quảng Ngãi). Mùa xuân năm 1996, với sự phê duyệt Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Chân Mây đã dẫn đến sự phát triển Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung ra đến Thừa Thiên - Huế. Và mùa thu năm 2004, bằng Quyết định số 148/2004/QĐ-TTg đã dẫn đến sự phát triển Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung xuống phía Nam đến Bình Định. Qua gần một thập kỷ hình thành, Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đã không ngừng phát triển và từng bước khẳng định mình. Đến nay, Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung bao gồm 5 tỉnh: Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định,

với tổng diện tích khoảng 27.879 km<sup>2</sup>, dân số khoảng 6.127.000 người và chuỗi đô thị đang phát triển nằm trải dài trên 558 km bờ biển, đó là cố đô Huế, Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Quy Nhơn và các khu kinh tế lớn như: Chân Mây, Đà Nẵng, Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung có một vị trí chiến lược hết sức quan trọng đối với cả nước cũng như tiểu vùng sông Mê Kông và khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Từ đây có thể nối với các nước Lào, Thái Lan, Mianma, Campuchia qua các trục hành lang Đông - Tây: đường 9, đường 14B, đường 49, đường 24, đường 19 và đi ra thế giới bên ngoài bằng các Cảng nước sâu: Chân Mây, Tiên Sa, Kỳ Hà, Dung Quất, Quy Nhơn - Nhơn Hội và hệ thống các cảng hàng không Phú Bài, Đà Nẵng, Chu Lai, Phù Cát. Đây là vùng có các trục hạ tầng lớn của đất nước: đường quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh, đường sắt xuyên Việt, đường điện 500 KV, đường cáp quang và vi ba xuyên quốc gia. Là khu vực có 13 trường đại học, ba di sản văn hóa thế giới là: Cố đô Huế, Hội An, Mỹ Sơn và văn hóa phi vật thể Nhã nhạc cung đình Huế. Với những nét cơ bản trên đây cho thấy đây là một vùng hết sức năng động, có vị trí chiến lược quan trọng, đầy tiềm năng. Từ đó cho thấy rằng, miền Trung có điều kiện đầy đủ để thực hiện sự bố trí chiến lược thích ứng với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, khu vực và thế giới. Miền Trung có

vai trò then chốt đưa đất nước vào thế ổn định và phát triển trong thế kỷ XXI.

Sự ra đời của Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất, Chân Mây, Nhơn Hội đã góp phần mạnh mẽ để miền Trung thấy được vai trò chiến lược hết sức quan trọng cũng như tiềm lực và hoàn toàn có thể tự khẳng định mình trong sự nghiệp đổi mới cũng như trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước, đồng thời nó góp phần quan trọng trong việc tạo nên một sự chuyển biến cơ bản trong nhận thức và tư duy về khoa học - kỹ thuật và phát triển kinh tế - xã hội để thoát khỏi đói nghèo đã ngự trị miền Trung trong trường kỳ lịch sử của quá khứ. Để thay lời kết, chúng tôi xin tỏ lòng biết ơn về sự dẫn đường và động lực tiếp sức cho chúng tôi thực hiện được mục tiêu chiến lược của mình trong bối cảnh lịch sử của thế giới và nước nhà thời bấy giờ đó là: "Đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước đã dẫn đường cho chúng tôi đi, khát khao một nước Việt Nam thái bình, thịnh trị là động lực đưa chúng tôi đến đích".

**VAI TRÒ CỦA CẢNG BIỂN NƯỚC SÂU  
VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP DUNG QUẤT,  
CHÂN MÂY, NHƠN HỘI TRONG CHIẾN LƯỢC  
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA  
MIỀN TRUNG, TÂY NGUYÊN VÀ  
TIỂU VÙNG SÔNG MÊ KÔNG**

**TS. Trương Đình Hiến\***

**1. Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất, Chân Mây và Nhơn Hội trong sự phấn đấu đưa miền Trung thoát khỏi sự lạc hậu, cô lập về kinh tế và hội nhập với sự phát triển của hai đầu đất nước**

Sự ra đời của Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất đã đặt nền móng cho sự hình thành Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung kéo dài từ Liên Chiểu (Quảng Nam - Đà Nẵng) đến Dung Quất (Quảng Ngãi). Sự kiện này đã đưa nền kinh tế các tỉnh miền

---

\* Nghiên cứu viên cao cấp Phân viện Vật lý tại thành phố Hồ Chí Minh, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.



Trung bước vào thời kỳ phát triển mới về chiến lược trên con đường đuổi kịp và hội nhập vào các khu vực của đất nước cũng như tiểu vùng sông Mê Kông. Từ nay, trên dải đất miền Trung nghèo khổ đã bắt đầu xuất hiện một cảng biển nước sâu quốc tế và khu công nghiệp phức hợp thuộc loại lớn bậc nhất của đất nước. Thông qua sự phát triển Khu công nghiệp Dung Quất khuyến khích và thúc đẩy các ngành sản xuất hướng ngoại liên kết chặt chẽ và hỗ trợ thích hợp các trung tâm công nghiệp ở miền Trung *dẫn đến sự hình thành khu công nghiệp tổng hợp dọc theo vùng duyên hải từ Đà Nẵng đến Dung Quất* theo hướng bố trí các ngành sản xuất, xuất nhập khẩu có khả năng cạnh tranh quốc tế. Trong các giai đoạn tiếp theo, cùng với sự phát triển của đường 24 và 14, hình thành trục thương mại Đông - Tây. Rõ ràng trong giai đoạn đầu, Dung Quất phát triển theo hướng đại công nghiệp và sau đó vai trò thương mại của nó tăng lên. Việc nối liền Đà Nẵng với Dung Quất đã tạo nên một xương sống về công nghiệp hóa và đô thị hóa. Sự phát triển kinh tế - xã hội của miền Trung đang hướng tới phía trước, phấn đấu hội nhập với hai đầu của đất nước và khu vực Đông Nam Á, bởi vậy nó rất cần được tăng thêm tiềm lực cả chiều sâu lẫn bề dày và tầm với của nó ra bên ngoài.

Sự ra đời *Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp - thương mại - dịch vụ Chân Mây* đã dẫn đến sự mở rộng

Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung ra đến Thừa Thiên - Huế. Nó đem lại một nguồn sinh lực mới cho khu kinh tế trọng điểm miền Trung và tạo ra các tiền đề quan trọng cho sự phát triển ngày càng hoàn chỉnh của khu vực này. Chân Mây sẽ tạo nên gạch nối thúc đẩy sự hội nhập giữa Huế và Đà Nẵng, sẽ dẫn đến sự ra đời thành phố sinh đôi. Đây sẽ là khu trung tâm đô thị văn hóa lớn nhất ở miền Trung, ở đó sẽ kéo theo sự hình thành các trung tâm công nghệ kỹ thuật cao và công nghiệp - thương mại - dịch vụ và du lịch. Cảng Chân Mây sẽ trở thành cảng thương mại quốc tế có chức năng đầu mối trung chuyển hàng tổng hợp cho hành lang thương mại Đông - Tây nối với tiểu vùng sông Mê Kông và theo từng bước phát triển, miền Trung sẽ trở thành trung tâm chế biến thương mại của châu Á - Thái Bình Dương trong thế kỷ XXI. Theo sự phân tích của các chuyên gia Nhật Bản (JICA) và nhiều nhà tư vấn quốc tế đã đánh giá hai siêu dự án Dung Quất và Chân Mây cùng với siêu dự án đường cao tốc Huế - Đà Nẵng sẽ thúc đẩy hình thành một trục công nghiệp - thương mại - du lịch - dịch vụ và đô thị hóa dọc vùng duyên hải miền Trung. Khu vực này nối với hai đầu đất nước bằng trục quốc lộ 1 và đường sắt xuyên Việt, nối với các nước tiểu vùng sông Mê Kông qua các hành lang Đông - Tây, đó là các đường 9, 49, 14B, 24 và nối với thế giới bên ngoài bằng các cảng

biển nước sâu. Có thể xem Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung bước đầu đã được định hình và từ đó nó sẽ phát triển về phía bắc, phía nam và lên Tây Nguyên hội nhập vào sự phát triển của cả nước. Từ Dung Quất đến Chân Mây, cho thấy: Sự hội nhập và khai thác mọi tiềm năng để tiến kịp hai đầu của đất nước và thế giới bên ngoài như là một trong những nguyên lý quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của miền Trung.

Sự ra đời của Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp dịch vụ Nhơn Hội đã dẫn đến sự mở rộng Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung về phía Nam đến Bình Định (đến đường 19). Rõ ràng, dự án Nhơn Hội như một trong những mắt xích quan trọng không thể thiếu được để dẫn đến việc hình thành trục kinh tế phát triển đô thị công nghiệp - thương mại - du lịch, dịch vụ dọc miền duyên hải của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung kéo dài từ Chân Mây - Dung Quất - Nhơn Hội. Nó đóng vai trò các cửa ngõ lớn trên các trục hành lang Đông - Tây nối liền miền Trung Việt Nam với các nước tiểu vùng sông Mê Kông, nối Việt Nam với các nước châu Á - Thái Bình Dương và thế giới bên ngoài trong sự nghiệp phát triển kinh tế và hội nhập của đất nước. Sự phát triển kinh tế vùng duyên hải sẽ làm chỗ dựa cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của Tây Nguyên cũng như các phần lãnh thổ còn lại của miền Tây đất nước.

## **2. Sự liên kết của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung với khu vực tiểu vùng sông Mê Kông**

Sự ra đời của Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất, Chân Mây, Nhơn Hội đã dẫn đến sự hình thành Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Đây là một vùng hết sức năng động và có một vị trí chiến lược hết sức quan trọng trong sự liên kết với các nước tiểu vùng sông Mê Kông thông qua hệ thống các đường hành lang Đông - Tây là đường 9, đường 49, đường 14B, đường 24, đường 19 và hệ thống Cảng biển nước sâu là Chân Mây, Đà Nẵng, Dung Quất, Quy Nhơn - Nhơn Hội. Đây là sự liên kết giữa các khu kinh tế và đô thị lớn dọc duyên hải miền Trung như: Khu khuyến khích phát triển kinh tế - thương mại Chân Mây, Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế mở Chu Lai và Khu kinh tế Nhơn Hội cùng hệ thống các đô thị là: Huế, Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ, Quảng Ngãi và Quy Nhơn với các nước tiểu vùng sông Mê Kông: Lào, Campuchia, Thái Lan và Mianma. Trong bối cảnh lịch sử hiện tại, các khu vực Đông Bắc Campuchia, Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan và Mianma là những khu vực rộng lớn chứa nhiều tài nguyên thiên nhiên và nguồn nhân lực rất lớn. Để phát triển kinh tế - xã hội tại các khu vực nói trên, cần thiết phải ra sức khai thác và chế biến: khoáng sản, nông, lâm sản, thổ sản và đặc biệt là các sản phẩm cây công

nghiệp, ngư nghiệp. Quá trình trên đây sẽ dẫn đến hình thành các vùng sản xuất lớn các sản phẩm thủ công mỹ nghệ... Các khu công nghiệp - thương mại - dịch vụ sẽ ra đời. Đồng thời với quá trình phát triển của các khu vực nói trên, sẽ hình thành các khu thương mại tự do tại các cửa khẩu biên giới và tại các cảng biển nước sâu dọc duyên hải miền Trung. Quá trình phát triển sẽ thúc đẩy các hoạt động xuất nhập khẩu với khối lượng lớn qua hệ thống hành lang Đông - Tây và sẽ kéo theo việc hình thành các hoạt động dịch vụ khác. Việc mở đường hành lang Đông - Tây đã tạo điều kiện cho khu vực Đông Bắc Campuchia, Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan và Mianma xuất khẩu các hàng hóa chế biến nông, lâm, thổ sản, các vật liệu khai khoáng, các mặt hàng thủ công mỹ nghệ; đồng thời nhập khẩu máy móc, cơ khí, thiết bị, phân bón, các sản phẩm điện tử, sắt thép, điện, nhiên liệu xăng dầu, các hàng bách hóa gia dụng từ thế giới bên ngoài vào duyên hải miền Trung Việt Nam.

Rõ ràng, sự phát triển và giao lưu kinh tế của các nước tiểu vùng sông Mê Kông cần được thực hiện qua một hệ thống hành lang Đông - Tây, chứ không phải chỉ theo một trục chính là: Mục Đa Han - Lao Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng. Điều cần phải tính đến trong tương lai không xa khi sự quá tải của đường hầm Hải Vân xuất hiện, khi đó các trục nối tiểu vùng sông Mê Kông với các

khu kinh tế và Cảng biển nước sâu Dung Quất, Chân Mây, Nhơn Hội sẽ trở nên hết sức quan trọng không kém trực chính đã được xác định như hiện nay.

### **3. Tây Nguyên trong sự liên kết với Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và tiểu vùng sông Mê Kông**

Tây Nguyên bao la với diện tích khoảng 45.855 km<sup>2</sup>, dân số khoảng 1.990.000 người, là vùng có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về địa kinh tế, địa chính trị và an ninh, quốc phòng. Đây là vùng giàu có về tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là lâm, thổ sản và cây công nghiệp cũng như khoáng sản. Ngoài cà phê, cao su, hồ tiêu, ca cao, chè, điều còn có hàng trăm triệu mét khối gỗ quý. Về khoáng sản có hàng tỷ tấn quặng bôxít, các đá quý, vật liệu xây dựng. Ở đây cũng tồn tại nhiều hồ chứa nước, nhiều thác lớn và các sông suối có khả năng hình thành các nhà máy thủy điện. Có các hạ tầng kỹ thuật quan trọng như đường điện 500 KV, đường Hồ Chí Minh, đường quốc lộ 14 xuyên suốt Cao Nguyên nối với các trục hành lang Đông - Tây 19, 24, 14B, 49, đường Đông Trường Sơn. Các trục hành lang này xuyên qua Tây Nguyên nối các nước tiểu vùng sông Mê Kông với các cảng biển nước sâu dọc duyên hải miền Trung.

Xét về lịch sử, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ xâm lược, giành độc lập cho đất nước,

Tây Nguyên là căn cứ địa để tiến về giải phóng vùng duyên hải miền Trung và giờ đây cuộc cách mạng khoa học và công nghệ bùng nổ ở duyên hải miền Trung là tiền đề và căn cứ địa thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giải phóng Tây Nguyên khỏi sự đói nghèo, lạc hậu và cô lập về kinh tế. Xét về bình diện quốc gia, việc công nghiệp hóa, hiện đại hóa Tây Nguyên là vấn đề thiết yếu và cơ bản trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và phòng thủ đất nước. Làm cho Tây Nguyên trở thành một hậu cứ vững mạnh về kinh tế, chính trị, an ninh và quốc phòng.

Nhìn về quá khứ 16 năm trước đây (1990), khi duyên hải miền Trung còn đang yên giấc ngủ và chưa có con đường bước lên phía trước, khi các khu vực Đông Bắc Thái Lan, Lào, Campuchia của tiểu vùng sông Mê Kông chưa bước vào thời phát triển và chưa có đường ra về phía Đông (qua các cảng biển nước sâu duyên hải miền Trung) khi mà các nước Đông Dương chưa hội nhập vào ASEAN, trong bối cảnh lịch sử thời bấy giờ, việc tìm một con đường đi lên cho Tây Nguyên theo hướng công nghiệp hóa và hội nhập là điều hết sức khó khăn. Song, ngày nay tình thế đã khác 16 năm trước rất nhiều. Trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học và công nghệ bùng nổ ở duyên hải miền Trung, với sự hình thành các khu kinh tế lớn vào bậc nhất của đất nước cùng sự ra đời Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đã

làm thay đổi một cách cơ bản chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của khu vực này. Sự hội nhập của ba nước Đông Dương vào ASEAN cùng với sự liên kết giữa các khu vực của tiểu vùng sông Mê Kông với Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung thông qua hệ thống hành lang thương mại Đông - Tây, trong đó đường 24 và đường 19 đi qua Tây Nguyên nối liền tiểu vùng sông Mê Kông với các Cảng biển nước sâu: Dung Quất, Chân Mây, Nhơn Hội có vai trò chiến lược hết sức to lớn. Trong bối cảnh hiện tại, các tiền đề để đưa Tây Nguyên tiến theo con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập với khu vực duyên hải miền Trung và tiểu vùng sông Mê Kông đã xuất hiện và cần tạo thời cơ để đưa Tây Nguyên tiến lên phía trước.

Cần hình thành các khu thương mại tự do tại các cửa khẩu: Đức Cơ, Bờ Y tạo sự trao đổi hàng hóa của Tây Nguyên với các khu vực tiểu vùng sông Mê Kông. Tạo nên các khu trung chuyển giữa tiểu vùng sông Mê Kông và duyên hải miền Trung qua Tây Nguyên. Cần xây dựng ở đây một chương trình trồng trọt, khai thác và chế biến nông, lâm, thổ sản và cây công nghiệp. Đồng thời, các sản phẩm nguyên liệu này có thể tham gia vào các khu chế biến thương mại xuất khẩu qua các khu kinh tế của miền duyên hải. Làm cho Tây Nguyên thành một khu vực mà trong đó kinh tế, trang trại và đồn điền lớn nhất nước. Cần phải phát triển nền kinh tế



này theo quy mô lớn, chính quy, hiện đại với các công nghệ tiên tiến, trong đó đặc biệt chú ý đến công nghệ sinh học và công nghệ khai thác chế biến. Sự phát triển trang trại, đồn điền theo quy mô lớn sẽ tạo công ăn việc làm cho đồng bào dân tộc, làm cho họ có đời sống ổn định, no ấm, văn minh, tiến kịp và hội nhập với miền xuôi. Ngoài hệ thống trang trại, đồn điền đại quy mô về nông, lâm, thổ sản và cây công nghiệp, cần hình thành ở khu vực này những đàn gia súc lớn đủ sức cung cấp cho các khu kinh tế và thành thị vùng duyên hải. Tổ chức khai thác và chế biến hàng tỷ tấn bôxít và hàng tỷ mét khối đá quý và vật liệu xây dựng phục vụ cho việc xuất khẩu. Để có điều kiện cho phát triển cần nghiên cứu nguồn cung cấp nước, cung cấp điện, nhiên liệu, phân bón... cho sản xuất. Đặc biệt là vấn đề giao thông đến các buôn làng. Nghiên cứu một cách cụ thể các điều kiện văn hóa, xã hội của Tây Nguyên. Về văn hóa cần bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc, song về kinh tế phải công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập với miền duyên hải và tiểu vùng sông Mê Kông.

Xây dựng và phát triển du lịch sinh thái miền núi và cao nguyên kết nối với nền văn hóa đặc thù dân tộc; đồng thời liên kết với các khu vực tiểu vùng sông Mê Kông và duyên hải miền Trung hình thành Tuyến du lịch núi - cao nguyên - biển theo hệ thống hành lang Đông - Tây.

Để phát triển Tây Nguyên, cần xây dựng các cơ sở đào tạo công nhân kỹ thuật và đào tạo cả lực lượng lao động đơn giản để con em đồng bào dân tộc có thể tham gia vào các trang trại, đồn điền, hầm mỏ khai khoáng, bảo vệ rừng và khai thác rừng, việc đào tạo công nhân kỹ thuật và đặc biệt là đào tạo lực lượng lao động đơn giản phục vụ trong các công, nông trường có ý nghĩa thiết thực và hiệu quả trong việc ổn định đời sống của các dân tộc Tây Nguyên, từng bước tạo điều kiện tiến lên đủ sức quản lý và làm chủ các trang trại, đồn điền và hầm mỏ cũng như các khu vực sản xuất du lịch và dịch vụ khác.

Con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa cùng sự hội nhập với duyên hải miền Trung và tiểu vùng sông Mê Kông sẽ đưa đến một Tây Nguyên giàu có về kinh tế, vững mạnh về chính trị và an ninh, quốc phòng, góp phần to lớn cùng với duyên hải miền Trung tiến kịp hai đầu của đất nước.

# XÂY DỰNG KHU KINH TẾ DUNG QUẤT TRỞ THÀNH KHU KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG\*

Trương Tấn Sang\*\*

.....

Miền Trung là vùng có vị trí rất quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; có nhiều điều kiện thuận lợi để hình thành cơ cấu kinh tế đa dạng, tham gia hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội miền Trung, cùng với sự hình thành các khu kinh tế trọng điểm như: Lao Bảo, Chân Mây, Đà Nẵng, Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội, Vân Phong... đã tạo động lực và điều kiện cho kinh tế toàn vùng có bước phát triển khá, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2004 đạt trên

---

\* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T). Bài phát biểu tại lễ công bố Quyết định thành lập Khu kinh tế Dung Quất, ngày 18-6-2005.

\*\* Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Để phát triển Tây Nguyên, cần xây dựng các cơ sở đào tạo công nhân kỹ thuật và đào tạo cả lực lượng lao động đơn giản để con em đồng bào dân tộc có thể tham gia vào các trang trại, đồn điền, hầm mỏ khai khoáng, bảo vệ rừng và khai thác rừng, việc đào tạo công nhân kỹ thuật và đặc biệt là đào tạo lực lượng lao động đơn giản phục vụ trong các công, nông trường có ý nghĩa thiết thực và hiệu quả trong việc ổn định đời sống của các dân tộc Tây Nguyên, từng bước tạo điều kiện tiến lên đủ sức quản lý và làm chủ các trang trại, đồn điền và hầm mỏ cũng như các khu vực sản xuất du lịch và dịch vụ khác.

Con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa cùng sự hội nhập với duyên hải miền Trung và tiểu vùng sông Mê Kông sẽ đưa đến một Tây Nguyên giàu có về kinh tế, vững mạnh về chính trị và an ninh, quốc phòng, góp phần to lớn cùng với duyên hải miền Trung tiến kịp hai đầu của đất nước.

# XÂY DỰNG KHU KINH TẾ DUNG QUẤT TRỞ THÀNH KHU KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG\*

**Trương Tấn Sang\*\***

.....

Miền Trung là vùng có vị trí rất quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; có nhiều điều kiện thuận lợi để hình thành cơ cấu kinh tế đa dạng, tham gia hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội miền Trung, cùng với sự hình thành các khu kinh tế trọng điểm như: Lao Bảo, Chân Mây, Đà Nẵng, Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội, Vân Phong... đã tạo động lực và điều kiện cho kinh tế toàn vùng có bước phát triển khá, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2004 đạt trên

---

\* Dấu đề do chúng tôi đặt (B.T). Bài phát biểu tại lễ công bố Quyết định thành lập Khu kinh tế Dung Quất, ngày 18-6-2005.

\*\* Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

10,5% (cả nước 7,7%); cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Các mặt văn hóa, xã hội đạt nhiều thành tựu quan trọng, đời sống của các tầng lớp nhân dân không ngừng được cải thiện.

Tuy vậy, miền Trung vẫn là vùng còn nhiều khó khăn, kinh tế phát triển chậm, hiệu quả chưa cao, chưa khai thác và phát huy được tốt các lợi thế, vẫn còn là vùng nghèo so với nhiều tỉnh, thành phố khác của đất nước.

Phát triển mạnh Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, trong đó có Khu công nghiệp Dung Quất, Khu kinh tế mở Chu Lai, là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước. Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã nhấn mạnh: cần đẩy nhanh xây dựng các khu kinh tế này. Bộ Chính trị các khóa VIII và IX đã nhiều lần cho ý kiến chỉ đạo phát triển Khu công nghiệp Dung Quất, gắn liền với việc xây dựng Nhà máy lọc dầu và hóa dầu lớn đầu tiên của nước ta tại đây. Để đẩy nhanh phát triển tổng hợp Khu công nghiệp Dung Quất, góp phần thúc đẩy tăng trưởng Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, kinh tế các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, vừa qua Đảng và Nhà nước ta đã quyết định thành lập Khu kinh tế Dung Quất trên cơ sở Khu công nghiệp Dung Quất, với những mục tiêu lớn sau đây:

1. Xây dựng Khu kinh tế Dung Quất trở thành

Khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, với trọng tâm là phát triển công nghiệp lọc dầu - hóa dầu - hóa chất, các ngành công nghiệp có quy mô lớn (bao gồm: công nghiệp cơ khí, đóng và sửa chữa tàu biển, luyện cán thép, sản xuất xi măng, sản xuất container) và các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến và xuất khẩu, gắn với việc phát triển và khai thác có hiệu quả Cảng biển nước sâu Dung Quất, sân bay quốc tế Chu Lai và đô thị công nghiệp - dịch vụ Vạn Tường, đô thị Dốc Sỏi...

2. Đẩy mạnh tốc độ đầu tư, xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất cùng với Khu kinh tế mở Chu Lai để sau năm 2010, các khu kinh tế này từng bước trở thành những hạt nhân tăng trưởng, trung tâm đô thị - công nghiệp - dịch vụ của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, làm động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa khu vực miền Trung và cả nước; là một đầu mối giao lưu quốc tế quan trọng, góp phần mở rộng thị trường khu vực miền Trung và Tây Nguyên, và trở thành cầu nối với thị trường Nam Lào, Campuchia và Đông Bắc Thái Lan.

3. Tạo việc làm, thúc đẩy đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong vùng; góp phần tạo ra những sản phẩm có thương hiệu, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao.

4. Khai thác có hiệu quả các lợi thế về điều kiện tự

nhiên, vị trí địa lý kinh tế và chính trị trong giao thương, dịch vụ quốc tế và trong nước để thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực; tạo sự lan tỏa ra các vùng xung quanh, tiến tới thu hẹp khoảng cách phát triển với các vùng khác trong cả nước.

Để thực hiện các mục tiêu trên, Khu kinh tế Dung Quất được áp dụng những ưu đãi đầu tư và thể chế, cơ chế quản lý thông thoáng, phù hợp với thông lệ quốc tế, không kém hơn các nước trong khu vực.

Nhà máy lọc dầu Dung Quất được coi như trái tim của Khu kinh tế Dung Quất, là sự mong đợi từ nhiều năm nay của nhân dân cả nước, nhất là của nhân dân và Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi. Gần đây, chủ đầu tư là Tổng công ty Dầu khí Việt Nam đã ký kết với Nhà thầu nước ngoài Hợp đồng EPC gói thầu số 1 là gói thầu huyết mạch của dự án. Theo hợp đồng ký kết, cuối năm 2008, đầu năm 2009, những tấn sản phẩm dầu đầu tiên sẽ ra đời, kéo theo là hàng loạt các dự án hóa dầu có quy mô lớn.

Quốc hội khóa XI kỳ họp thứ 7 đã quyết định tiếp tục đẩy nhanh tiến độ xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Trong những năm tới, với cơ chế chính sách thông thoáng, với quyết tâm cao của các cấp, các ngành, của nhân dân và Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, chúng ta tin tưởng rằng dự án này và Khu kinh tế Dung Quất sẽ được thực hiện thắng lợi, bảo đảm chất lượng và tiến độ



đề ra, tạo ra giá trị sản xuất công nghiệp hằng năm trên 30 nghìn tỷ đồng, góp phần phát triển mạnh kinh tế - xã hội của cả nước nói chung, cũng như của miền Trung và tỉnh Quảng Ngãi nói riêng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cùng với cả nước, trong những năm dài kháng chiến gian khổ, hy sinh, các tỉnh miền Trung, trong đó có Quảng Ngãi, đã dũng cảm, kiên cường, bất khuất, góp phần to lớn vào thắng lợi chung của cách mạng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; tiếp đó, hơn 30 năm qua đã phấn đấu quyết liệt và sáng tạo, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, góp phần tích cực cùng cả nước đổi mới, đi lên.

Trong thời gian tới, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi cùng với các tỉnh, thành phố miền Trung, với sự phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ tích cực của các bộ, ban, ngành ở Trung ương, tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng kiên cường, đoàn kết phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, vì sự nghiệp của hôm nay và các thế hệ mai sau, thực hiện thắng lợi những trọng trách và vinh dự to lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân cả nước giao phó.

Trong buổi lễ công bố Quyết định thành lập Khu kinh tế Dung Quất hôm nay, thay mặt Bộ Chính trị, tôi xin chung vui cùng đồng bào và Đảng bộ, chính quyền các tỉnh, thành phố miền Trung, đồng bào và Đảng bộ, chính quyền tỉnh Quảng Ngãi trước sự kiện rất quan

trọng này; đồng thời bày tỏ niềm tin tưởng tuyệt đối vào sự thành công của Khu kinh tế Dung Quất và Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

Kính chúc sức khỏe toàn thể đồng bào, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí và các quý vị.

.....

# DUNG QUẤT TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CẢ NƯỚC

Hồ Nghĩa Dũng\*

*Khu kinh tế Dung Quất được hình thành trên cơ sở Khu công nghiệp Dung Quất đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước đây, với diện tích 10.300 ha thuộc địa bàn các xã Bình Chánh, Bình Thạnh, Bình Đông, Bình Thuận, Bình Trị, Bình Hải và một phần các xã Bình Phước (huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi).*

## 1. Điểm tựa phát triển của miền Trung

Trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước đến năm 2020, Khu kinh tế Dung Quất có các đặc trưng như:

Trọng tâm phát triển khu kinh tế tập trung vào công nghiệp nặng, đặc biệt là công nghiệp lọc, hóa dầu kết hợp phát triển các ngành công nghiệp nhẹ, thu hút

---

\* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

nhiều lao động và chế biến xuất khẩu để trở thành một cực phát triển Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Cùng với Khu kinh tế mở Chu Lai, trong tương lai Dung Quất sẽ là một trung tâm phát triển công nghiệp và đô thị, trở thành đầu mối giao lưu quốc tế quan trọng của cực nam Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và quốc gia; có sân bay quốc tế, cảng biển tổng hợp và chuyên dùng phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa cho khu vực, Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan và Mianma.

Trong tầm nhìn dài hạn, các nước trong khu vực đặc biệt là Nhật Bản đang dành sự quan tâm nhiều đến sự phát triển khu vực Nam Lào - Đông Bắc Campuchia và miền Trung Việt Nam gắn với mở đường xuyên Á theo tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây. Cảng Dung Quất sẽ là cửa vào - ra quan trọng ở miền Trung trong mối quan hệ kinh tế quốc tế. Khu kinh tế Dung Quất sẽ góp phần thúc đẩy thị trường khu vực miền Trung và Tây Nguyên, trở thành cầu nối với thị trường Lào, Đông Bắc Thái Lan, tạo cơ hội rất thuận lợi trong việc giao lưu kinh tế, cung ứng các sản phẩm công nghiệp, trao đổi các mặt hàng nông sản, hải sản trong nội bộ vùng cũng như trung chuyển các mặt hàng xuất khẩu thông qua cảng Dung Quất.

Trong Khu kinh tế Dung Quất, thành phố Vạn Tường sau năm 2020 sẽ là đô thị hiện đại với chức năng

là trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, tài chính ngân hàng, nghiên cứu khoa học - kỹ thuật và công nghệ lọc, hóa dầu, sản phẩm sau hóa dầu; là thành phố du lịch, nghỉ dưỡng ven biển lớn của cả nước, đầu mối giao thông, viễn thông quan trọng trong vùng, quốc gia và quốc tế, đồng thời là một trong những địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

## **2. Cần giải pháp đột phá để vượt qua khó khăn**

Mặc dù thời gian gần đây, Trung ương và các địa phương trong vùng đã có những động thái mạnh nhằm thúc đẩy kinh tế - xã hội của miền Trung tăng tốc, song thực tế vẫn còn rất chậm chạp, chưa tạo được chuyển biến mạnh mẽ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Trước tình hình đó, bên cạnh việc phải kiên trì giải quyết khó khăn trước mắt, Quảng Ngãi phải có chiến lược lâu dài, phải mạnh dạn có những giải pháp đột phá để vượt qua khó khăn một cách cơ bản. Đặt sự đột phá vào Khu kinh tế Dung Quất là một chủ trương đã được thống nhất, cần khẩn trương triển khai thực hiện để Khu kinh tế Dung Quất với Khu kinh tế mở Chu Lai và Đà Nẵng tạo thành một không gian kinh tế thống nhất, góp phần hình thành vùng động lực phát triển kinh tế miền Trung, thu hẹp khoảng cách phát triển so với hai đầu đất nước.

Đáp ứng đòi hỏi cấp thiết đó, ngày 11-3-2005, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 50/2005/QĐ-TTg về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi; ngày 5-4-2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 72/2005/QĐ-TTg về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất. Ngày 17-5, gói thầu số 1 + 4 dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất đã được ký kết giữa Tổng công ty Dầu khí Việt Nam với tổ hợp nhà thầu TPC theo hình thức hợp đồng trọn gói, chìa khóa trao tay với thời gian hoàn thành là 44 tháng kể từ ngày 26-6-2005 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Có thể nói, đây là một sự chuyển động thực sự của Khu kinh tế Dung Quất sau một thời gian dài ách tắc, trục trặc.

Thời gian qua, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi luôn xác định rõ vị trí, vai trò của Dung Quất đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của khu vực và cả nước nên đã cố gắng, nỗ lực hết mình, đã làm tất cả những gì có thể cho Dung Quất và vì Dung Quất. Đến thời điểm này, công tác di dời và bồi thường thiệt hại cho nhân dân trong vùng dự án đã cơ bản hoàn thành, kết cấu hạ tầng giai đoạn 1 tại Khu kinh tế Dung Quất đã hoàn chỉnh và tương đối đồng bộ với hệ

thống giao thông, cảng biển, hạ tầng kỹ thuật phân khu công nghiệp, hệ thống thông tin liên lạc, trường đào tạo nghề... Với những động thái tích cực như trên, hy vọng Khu kinh tế Dung Quất sẽ nhanh chóng đạt được những mục tiêu phát triển chủ yếu như Quyết định số 50/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

# **GIỚI THIỆU DỰ ÁN NHÀ MÁY LỌC DẦU DUNG QUẤT**

**Ban Quản lý dự án  
Nhà máy lọc dầu Dung Quất**

## **I- QUY MÔ CỦA DỰ ÁN**

### **1. Địa điểm và diện tích sử dụng**

Địa điểm: Nhà máy lọc dầu Dung Quất đặt tại Khu kinh tế Dung Quất, thuộc địa bàn các xã Bình Thuận và Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Diện tích sử dụng: mặt đất khoảng 338 ha; mặt biển khoảng 471 ha. Trong đó: khu nhà máy chính: 110 ha; khu bể chứa dầu thô: 42 ha; khu bể chứa sản phẩm: 43,83 ha; khu tuyến dẫn dầu thô, cấp và xả nước biển: 17 ha; tuyến ống dẫn sản phẩm: 77,46 ha; cảng xuất sản phẩm: 135 ha; hệ thống phao nhập dầu không bến, tuyến ống ngầm dưới biển và khu vực vòng quay tàu: 336 ha.

### **2. Công suất chế biến và nguyên liệu**

Công suất chế biến: 6,5 triệu tấn dầu thô/năm,



tương đương 148.000 thùng/ngày. Nguyên liệu: giai đoạn 1: chế biến 100% dầu thô Bạch Hổ (Việt Nam); giai đoạn 2: chế biến dầu thô hỗn hợp (85% dầu thô Bạch Hổ + 15% dầu chua Dubai).

### **3. Cấu hình nhà máy**

Sau khi thực hiện hợp đồng phát triển thiết kế tổng thể (FDC), cấu hình nhà máy được bổ sung thêm hai phân xưởng công nghệ mới là Phân xưởng đồng phân hóa Naphtha nhẹ (Isome hóa) và Phân xưởng xử lý phân đoạn trung bình (LCO) bằng Hydro. Đồng thời đã hiệu chỉnh công suất của 15/22 phân xưởng công nghệ và phụ trợ cũ, tăng dung tích và số lượng bể chứa trung gian, bể chứa dầu thô và bể chứa sản phẩm, bố trí lại hệ thống xuất sản phẩm cho phù hợp hơn. Nâng cấp và bổ sung hệ thống điều khiển hiện đại và tiên tiến nhất cho nhà máy. Bố trí lại mặt bằng nhà máy phù hợp với thiết kế mới nhằm nâng cao hiệu quả vận hành.

### **4. Cơ cấu sản phẩm**

Việc chỉnh sửa thiết kế tổng thể đã cho phép nhà máy sản xuất ra cơ cấu sản phẩm mới có chất lượng cao hơn, đón đầu và cạnh tranh được với thị trường xăng dầu trong khu vực cũng như trên thế giới.

Bảng sau được tính tròn số trong trường hợp chế biến 100% dầu thô Bạch Hổ, chế độ vận hành tối đa sản phẩm diesel.

Tên sản phẩm	(Nghìn tấn/năm)
Propylene	110
LPG	300
Xăng Mogas 90/92/95	1.900
Dầu hỏa/nhiên liệu phản lực J-A1	410
Diesel ô tô	3.000
Dầu nhiên liệu (FO)	330
Nhiên liệu cho nhà máy	480

## 5. Nhân lực vận hành

Theo kế hoạch đào tạo tổng thể nhân lực vận hành cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất, dự kiến sơ đồ tổ chức của nhà máy trong giai đoạn vận hành có số lượng khoảng trên 850 người, trong đó gần 670 vị trí vận hành trực tiếp. Việc tuyển dụng để đào tạo nhân lực vận hành cho Nhà máy lọc dầu hoàn thành trong năm 2006. Công tác đào tạo do chủ đầu tư thực hiện bắt đầu từ năm 2006 và hoàn thành vào giữa năm 2007.

Công tác đào tạo của Nhà thầu gói thầu EPC 1 + 2 + 3 + 4 tiến hành vào năm 2007 và kéo dài đến giai đoạn chạy thử nhà máy.

Để bảo đảm tốt công tác đào tạo nhân lực vận hành Nhà máy lọc dầu, Thủ tướng Chính phủ đã cho phép Tổng công ty Dầu khí Việt Nam tổ chức đấu thầu để chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ đào tạo và trợ giúp vận hành trong giai đoạn chạy thử Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

Từ thời điểm bắt đầu hoàn thiện cơ khí, toàn bộ nhân viên vận hành và bảo dưỡng bao gồm kỹ sư và công nhân kỹ thuật đã qua đào tạo sẽ có mặt tại nhà máy tham gia chạy thử cùng nhà thầu để tiếp quản các vị trí vận hành ngay sau khi nhà thầu chạy thử thành công và bàn giao nhà máy cho chủ đầu tư.

## **6. Tiến độ tổng thể**

Tổng thời gian thực hiện dự án là 44 tháng. Trong đó giai đoạn thiết kế, mua sắm và hoàn thiện xây lắp cơ khí là 36 tháng; giai đoạn chạy thử, chạy nghiệm thu là 8 tháng.

## **7. Tổng mức đầu tư**

Tổng mức đầu tư của dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất theo Quyết định số 546/QĐ-TTg là 2,501 tỷ USD chưa bao gồm chi phí tài chính.

## II- GIỚI THIỆU CÁC GÓI THẦU EPC

### 1. Gói thầu EPC 1 + 2 + 3 + 4

Đây là gói thầu chính bao gồm hệ thống tiếp nhận dầu thô ngoài biển, hệ thống ống dẫn dầu thô vào nhà máy khu bể chứa dầu thô, các phân xưởng chế biến và phụ trợ, tuyến ống dẫn sản phẩm, khu bể chứa sản phẩm, hệ thống ống dẫn và xuất sản phẩm. Gói thầu này do Tổ hợp Nhà thầu Technip bao gồm các Công ty Technip France (Pháp), Technip Geoproduction (Malaixia), JGC (Nhật Bản), Tecnicas Reunidas (Tây Ban Nha) thực hiện, trong đó Technip France đứng đầu.

Phạm vi công việc của tổ hợp nhà thầu bao gồm thiết kế, mua sắm, lắp đặt và vận hành chạy thử các phân xưởng công nghệ và phụ trợ, các hạng mục công trình khác trong phạm vi hàng rào nhà máy; hệ thống phao nhập dầu không bến và tuyến ống dẫn dầu thô; khu bể chứa sản phẩm, tuyến ống dẫn sản phẩm từ nhà máy lọc dầu đến khu bể chứa sản phẩm, từ khu bể chứa sản phẩm đến khu cảng xuất và các hạng mục xuất sản phẩm bằng đường bộ và đường biển. Tổ hợp Technip còn có trách nhiệm thực hiện một phần công tác đào tạo đội ngũ vận hành và bảo dưỡng nhà

máy cho chủ đầu tư, cung cấp các vật tư, hóa phẩm, phụ tùng thay thế trong những năm đầu vận hành nhà máy.

Để thực hiện các công việc liên quan đến thiết kế chi tiết, đặt hàng mua sắm vật tư thiết bị của gói thầu, từ tháng 6-2005, Tổ hợp Technip đã tổ chức bốn trung tâm điều hành dự án tại Paris (Pháp), Yokohama (Nhật Bản), Kuala Lumpur (Malaysia) và Madrid (Tây Ban Nha).

Theo kế hoạch tổ chức thi công của Tổ hợp Technip, vào giai đoạn cao điểm dự kiến số lượng các kỹ sư, chuyên gia và công nhân kỹ thuật tham gia trực tiếp vào gói thầu EPC 1 + 4 lên đến 10.000 người, gói thầu EPC 2 + 3 khoảng 5.000 người. Số chuyên gia ngoài cũng lên tới trên 500 người để bảo đảm công tác giám sát tại hiện trường. Lượng vật tư, trang thiết bị nhập vào công trường để phục vụ công tác xây lắp dự kiến lên đến hàng trăm ngàn tấn.

Theo tiến độ, phần việc của gói thầu EPC 2 + 3 phải hoàn thành vào tháng 12-2008 và gói thầu EPC 1 + 4 phải hoàn thành vào tháng 2-2009.

Các hạng mục trong Hợp đồng EPC 1 + 2 + 3 + 4 được mô tả khái quát như sau:

*a) Các phân xưởng công nghệ và phụ trợ trong hàng rào nhà máy*

+ Các phân xưởng công nghệ (gồm 14 phân xưởng):

- Phân xưởng chưng cất dầu thô ở áp suất khí quyển (CDU)

- Phân xưởng xử lý Naphtha bằng Hydro (NHT)

- Phân xưởng reforming xúc tác liên tục (CCR)

- Phân xưởng cracking xúc tác cặn dầu (RFCC)

- Phân xưởng thu hồi Propylene (PRU)

- Phân xưởng tái sinh Amine (ARU)

- Phân xưởng xử lý LPG (LTU)

- Phân xưởng xử lý nước chua (SWS)

- Phân xưởng trung hòa kiềm (CNU)

- Phân xưởng xử lý Kerosene (KTU)

- Phân xưởng thu hồi Lưu huỳnh (SRU)

- Phân xưởng xử lý Naphtha của RFCC (NTU)

- Phân xưởng đồng phân hóa Naphtha nhẹ (IZOMER hóa)

- Phân xưởng xử lý LCO bằng Hydro (LCO-HTD)

+ Ngoài các phân xưởng công nghệ còn 10 phân xưởng năng lượng phụ trợ và 16 hạng mục khác.

+ Thiết bị lớn nhất của nhà máy là thiết bị phản ứng/tái sinh xúc tác trong phân xưởng RFCC có đường kính 11m, chiều cao 70m. Thiết bị cao nhất của nhà

máy là tháp tách Propane/Propylene trong phân xưởng PRU có đường kính 3,6m và cao 73m.

*b) Khu bể chứa dầu thô*

- Tổng số bể chứa dầu thô: 6 bể
- Tổng dung tích xây lắp: 502.600m<sup>3</sup>
- Tổng dung tích làm việc: 390.000m<sup>3</sup>.

*Mô tả khái quát:* Khu bể chứa dầu thô gồm các bể chứa dầu thô được bố trí trong 4 lô đất, mỗi lô có 2 bể (1 lô dự phòng cho việc mở rộng trong tương lai), giữa các lô có đê phân cách và đường nội bộ rộng 8m. Các tuyến ống dầu và công trình phụ trợ bố trí dọc hai bên đường nội bộ. Các bể chứa dầu thô có dung tích bằng nhau, đường kính 69m, chiều cao 22,4m. Bể được thiết kế mái nổi, vật liệu chế tạo bằng thép carbon. Trong khu bể chứa dầu thô còn có các hệ thống giá, bệ đỡ đường ống, trạm biến áp, trạm bơm dầu, hệ thống thu gom nước thải, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống cấp điện cho trạm bơm và điện bảo vệ, các công trình phụ trợ khác.

*c) Khu bể chứa trung gian*

- Tổng số bể chứa trung gian: 23 bể
- Tổng dung tích xây lắp: 336.727m<sup>3</sup>.

*Mô tả khái quát:* Khu bể chứa trung gian dùng để chứa các sản phẩm trung gian và các sản phẩm sau

pha trộn (bể kiểm tra) trước khi bơm ra khu bể  
 sản phẩm. Khu bể chứa trung gian gồm các bể  
 sau:

Tên/Chức năng bể	Dạng mái	Số lượng	Kích thước		Dung tích xây lắp/1 bể (m <sup>3</sup> )
			Đường kính (m)	Chiều cao (m)	
Off-spec Propylene	Cầu	1	12.3	-	974
Off-spec LPG	Cầu	1	16.2	-	2.226
Mixed C4's	Cầu	1	18.9	-	3.535
RFCC Feed Tank	Côn	1	20.8	43.5	30.935
NHT Feed Tank	Mái nổi trong	1	19.9	35.5	19.656
CCR Feed Tank	Mái nổi trong	1	20.5	32.0	16.488
RFCC Naphtha Tank	Mái nổi	2	18.9	35.5	18.736
Reformate Tank	Mái nổi	1	18.7	28.0	11.511
Isomerase Tank	Mái nổi trong	2	14.1	16.4	2.968
HGO Tank	Côn	1	16.8	27.0	9.610
HDT LCO Tanks	Côn	2	19.2	29.0	12.702
Kerosene Tank	Mái nổi trong	1	17.5	26.0	9.273
LGO Tank	Côn	1	20.4	38.5	23.729
LCO HDT Feed Tank	Côn	1	19.2	37.0	20.664
Mogas 92/95 Blending Check Tanks	Mái nổi	2	19.7	28.0	12.133
Mogas 90 Blending Check Tanks	Mái nổi	2	20.1	36.0	20.415
Auto Diesel Blending Check Tanks	Côn	2	21.0	40.5	27.109



#### d) Khu bể chứa sản phẩm

- Tổng số bể chứa sản phẩm: 22 bể

- Tổng dung tích làm việc: 393.073m<sup>3</sup>.

**Mô tả khái quát:** Khu bể chứa sản phẩm được chia thành 8 lô đất, mỗi lô bố trí từ 2 đến 5 bể, các lô được ngăn cách bởi các đê chắn bằng đất đắp, mái đê được gia cường bằng bê tông cốt thép. Khu bể chứa sản phẩm sử dụng để lưu chứa tất cả các sản phẩm của nhà máy, ngoài ra còn lưu chứa Naphtha nặng để xuất qua cảng biển bằng hệ thống xuất Mogas 92/95 trong trường hợp phân xưởng NHT-CCR ngừng hoạt động trong khoảng thời gian dài. Trong khu bể chứa sản phẩm còn có các hạng mục như các hệ thống giá, bộ đỡ đường ống, trạm biến áp, trạm cứu hỏa, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống cấp điện, điều hòa thông gió, trạm xử lý nước thải và các công trình phụ trợ khác. Khu bể chứa sản phẩm có các loại bồn bể sau:

STT	Tên/Chức năng bể	Dạng mái	Số lượng	Kích thước		Dung tích làm việc/1 bể (m <sup>3</sup> )
				Đường kính (m)	Chiều cao (m)	
1	Mogas 92/95 (Ocean/Coastal)	Mái nổi	3	42.8	20.9	22.969
2	Mogas 90 (Ocean/Coastal)	Mái nổi	3	47.5	21.9	30.012
3	Jet A1	Mái nổi trong	3	-	-	13.261
4	Auto diesel (ocean/coastal)	Côn	3	56	22.2	48.391
5	Fuel oil (coastal/truck loading/bunker)	Côn	2	27.5	16,2	8.299
6	LPG (coastal/pipeline exports)	Cầu	5	-	-	4.510
7	Propylene (coastal/pipeline exports)	Cầu	3	-	-	3.340

### *e) Hệ thống ống dẫn sản phẩm*

- Hệ thống ống dẫn từ nhà máy tới khu bể chứa: Chiều dài khoảng 7 km, gồm 12 tuyến ống (8 tuyến ống sản phẩm, 4 tuyến ống phụ trợ/dầu cặn), có kích cỡ từ 5,08 đến 40,64 cm, để vận chuyển các sản phẩm như xăng Mogas 90, 92/95, Jet A1, Auto diesel, FO, Propylene, LPG, nước công nghiệp, nước nổi hơi, nitơ và dầu thải.

- Hệ thống ống dẫn từ khu bể chứa sản phẩm tới khu vực xuất sản phẩm bằng đường biển: Chiều dài khoảng 3 km, có 15 tuyến ống (10 tuyến ống sản phẩm, 5 tuyến ống phụ trợ/dầu thải/nước dần tàu), kích cỡ từ 5,08 cm đến 76,2 cm để vận chuyển các sản phẩm như xăng Mogas 90, xăng Mogas 92/95, Jet A1, Auto diesel, FO, Propylene, LPG, nước cứu hỏa, nước dần tàu, nước sinh hoạt, khí điều khiển và nitơ.

### *f) Trạm xuất sản phẩm bằng đường bộ*

- Trạm xuất cho xe bồn nằm ở phía tây của khu bể chứa sản phẩm, thiết kế để xuất các sản phẩm thông dụng như xăng Mogas 90, Mogas 92/95, Jet A1, Auto diesel và FO.

- Trạm xuất được thiết kế với hai giàn xuất, trên mỗi giàn lắp các cần xuất có thể phục vụ cho cả hai phía của giàn xuất, trạm sẽ xuất được cùng lúc bốn xe. Mỗi cần xuất được thiết kế với lưu lượng xuất là 75 m<sup>3</sup>/h.

Mỗi sản phẩm đều có hai bơm (một bơm dự phòng) để xuất. Đối với sản phẩm xăng Mogas 90, xăng Mogas 92/95 và Auto diesel thì mỗi bơm có công suất là 150 m<sup>3</sup>/h để có thể bơm cùng một lúc qua hai cần xuất. Đối với sản phẩm Jet A1 và FO thì mỗi bơm có công suất là 75 m<sup>3</sup>/h. Trạm bơm cũng được thiết kế với diện tích dự phòng cho khu mở rộng trong tương lai.

*g) Cảng xuất sản phẩm bằng đường biển*

+ Cảng xuất sản phẩm bằng đường biển đặt trong vịnh Dung Quất, sát với mặt trong của Đê chắn sóng (EPC 5A), cách khu bể chứa sản phẩm khoảng 3 km về phía đông. Cảng xuất sản phẩm bằng đường biển được thiết kế để xuất các sản phẩm cho tàu qua các bến xuất như sau:

- Bến xuất xa bờ (bến số 1 và 2) tiếp nhận tàu có trọng tải từ 15.000 tới 30.000 tấn (DWT). Bến được bố trí các cần xuất để xuất xăng Mogas 90, Mogas 92/95, Auto diesel và FO.

- Bến xuất gần bờ (bến số 3, 4 và 5, 6) tiếp nhận cho tàu có trọng tải từ 1.000 tới 5.000 tấn (DWT). Bến được bố trí các cần xuất để có thể xuất tất cả các sản phẩm của nhà máy gồm xăng Mogas 90, Mogas 92/95, Auto diesel, Jet A1, FO, LPG và Propylene.

*h) Phao nhập dầu không bến và tuyến ống dẫn dầu thô*

- Đường kính phao nhập dầu thô SPM: 12m.
- Chiều cao phao: 5m (trong đó phần chìm là 3,75m, phần nổi là 1,25m).
- Công suất của phao: Được thiết kế nhập dầu thô với công suất 6.000 m<sup>3</sup>/h.
- Công suất hệ thống thông rửa bằng thoi (pig): 1.300 m<sup>3</sup>/h.

*Mô tả khái quát:* Phao (trạm) nhập dầu không bến (SPM) được thiết kế để nhập dầu thô trong vận hành bình thường và nhập dầu DO trong giai đoạn khởi động nhà máy. Dầu thô được bơm từ tàu chở dầu qua phao SPM, hệ thống ống phân phối (PLEM), đường ống dẫn dầu thô đến khu bể chứa dầu thô. Sau một thời gian hoạt động, khi đường ống đóng cặn, thì dùng hệ thống thông rửa bằng thoi (pig) để rửa đường ống. Phao SPM có thể cập tàu có tải trọng 110.000 tấn. Đường ống dẫn dầu thô từ phao SPM vào khu bể chứa dầu thô dài khoảng 4,2 km, trong đó có đoạn đi ngầm dưới đáy biển là 3,2 km và đoạn đi ngầm trên bờ khoảng 1 km.

## **2. Gói thầu EPC 5A - Đê chắn sóng**

Đê chắn sóng là hạng mục công trình nằm trong

dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Đê được xây dựng tại vịnh Dung Quất nhằm ngăn sóng, bảo vệ khu Cảng xuất sản phẩm của Nhà máy lọc dầu.

- Chiều dài toàn đê: gần 1.600m.
- Chiều rộng trung bình của đê: 11m.
- Chiều cao đê so với mặt nước biển: khoảng 10 - 11m.
- Thân trong của đê: Đá các loại theo tiêu chuẩn thiết kế.

- Thân ngoài đê: Phủ bằng cấu kiện Accropode.

Ước tính khối lượng đá sử dụng trong thi công đê chắn sóng lên đến 1,3 triệu m<sup>3</sup>. Số Accropode phủ ngoài thân đê khoảng trên 21.000 cấu kiện với nhiều kích cỡ khác nhau.

Việc xây dựng đê chắn sóng không những bảo vệ an toàn khu Cảng xuất sản phẩm, mà còn có tác dụng chắn sóng cho toàn bộ vịnh Dung Quất, bảo đảm hoạt động của các hạng mục như Bến số 1 của Cảng công vụ, các bến của Cảng tổng hợp, Cảng chuyên dụng và một số công trình biển khác của Khu kinh tế Dung Quất.

### **3. Gói thầu 5B - Cảng xuất sản phẩm**

Gói thầu 5B là hệ thống kết cấu cọc và sàn để nâng đỡ hệ thống ống công nghệ, thiết bị điện và tự động hóa của cảng xuất sản phẩm. Đây là một gói thầu có tính

chất quan trọng vì hạng mục này có giao diện trực tiếp với gói thầu 1 + 2 + 3 + 4. Các hạng mục công trình thuộc gói thầu 5B được bố trí nằm trong khu vực vịnh Dung Quất sát với phía trong của thân đê chắn sóng, có diện tích sử dụng khoảng 135 ha gồm mặt đất và mặt biển với quy mô như sau:

- Hai bến xuất số 1 và số 2 cho phép tiếp nhận tàu có trọng tải từ 15.000 đến 30.000 tấn, có thể mở rộng để tiếp nhận tàu có trọng tải lớn nhất là 50.000 tấn.

- Bốn bến xuất số 3, 4, 5 và 6 cho phép tiếp nhận tàu có trọng tải từ 1.000 đến 5.000 tấn, có thể mở rộng để tiếp nhận tàu 30.000 tấn.

- Hệ thống cầu dẫn ra các bến gồm các trụ cầu dẫn đỡ tuyến ống và một đường công vụ.

- Tuyến luồng dẫn vào bến và vũng quay tàu.

Về khối lượng thi công, dự kiến số lượng cọc ống thép cho gói thầu 5B vào khoảng 2.350 cọc, tương đương 21.000 tấn thép. Khối lượng khoan và hạ cọc ống thép vào đá gốc vào khoảng gần 950 cọc. Khối lượng bê tông sàn ước tính trên 50.000m<sup>3</sup>.

#### **4. Gói thầu EPC 7 - Khu nhà hành chính và điều hành**

Gói thầu EPC 7 nằm ở phía bắc của khu nhà máy chính, có tổng diện tích khoảng 10 ha, trên cao trình san

nền + 11m, được quy hoạch trong khu vực không có nguy cơ cháy nổ. Bao gồm các hạng mục nhà hành chính, nhà bảo vệ, trạm y tế, trạm cứu hỏa, gara sửa chữa ô tô, nhà ăn, cửa hàng, nhà giặt là, xưởng bảo trì cơ khí, xưởng bảo trì điện, hệ thống thông tin liên lạc, kho bảo trì, đường giao thông, sân bãi, cây xanh, vườn hoa và hệ thống kỹ thuật kết nối với khu nhà máy chính.

### III- Ý NGHĨA KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN

Phát triển ngành công nghiệp lọc - hóa dầu là chỉ số đánh giá thành công sự nghiệp công nghiệp hóa của mỗi quốc gia. Đây là ngành công nghiệp mũi nhọn có vai trò nền tảng với những ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều mặt của một nền kinh tế.

Dự án xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất được Chính phủ Việt Nam chủ trương từ rất sớm. Quá trình hình thành và triển khai thực hiện dự án đã phản ánh tâm hoạch định chiến lược cũng như quyết tâm của Đảng, Nhà nước đối với việc quy hoạch và phát triển ngành công nghiệp lọc - hóa dầu ở nước ta.

Việt Nam là quốc gia có trữ lượng dầu thô vào hàng đầu so với các nước Đông Á, chỉ sau Trung Quốc, Indônêxia và Malaixia. Là quốc gia xuất khẩu dầu thô,

nhưng hằng năm Việt Nam phải nhập khẩu phần lớn sản phẩm xăng dầu. Việc đầu tư xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất cho phép chúng ta chế biến dầu thô trong nước, bảo đảm từng bước về an ninh năng lượng, giảm bớt sự phụ thuộc vào nguồn cung cấp xăng dầu từ nước ngoài.

Nhà máy lọc dầu Dung Quất được xây dựng tại địa bàn hai xã Bình Trị và Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi trong quy hoạch của Khu kinh tế Dung Quất với hệ thống cảng biển nước sâu và vịnh kín gió đã tạo nên một vị trí chiến lược trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Khu vực này sau khi được đầu tư và phát triển sẽ có vai trò rất quan trọng trên các lĩnh vực an ninh, quốc phòng cũng như giao lưu và hội nhập kinh tế quốc tế.

Dự án xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất có ý nghĩa hết sức to lớn đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi và các tỉnh, thành phố trong khu vực miền Trung. Với tổng mức đầu tư trên 2,5 tỷ USD, dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất sẽ giải quyết có hiệu quả các nhu cầu về việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng nguồn thu ngân sách và phát triển các ngành dịch vụ khác của địa phương trong giai đoạn xây dựng cũng như giai đoạn vận hành sản xuất.



Nhà máy lọc dầu Dung Quất còn là tiền đề thúc đẩy các nhà đầu tư trong và ngoài nước tiếp tục đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất trên các lĩnh vực công nghiệp hóa chất, công nghiệp cơ khí, chế tạo và lắp ráp, đóng sửa tàu biển, luyện cán thép, vận tải, điện tử, chế biến và các ngành công nghiệp khác.

Với quy mô và ý nghĩa như vậy, Nhà máy lọc dầu Dung Quất được xem như trái tim của Khu kinh tế Dung Quất.

# TÁC GIẢ CỦA BA CÔNG TRÌNH CẢNG BIỂN NƯỚC SÂU VÀ KHU CÔNG NGHIỆP DUNG QUẤT, CHÂN MÂY, NHƠN HỘI

*Đại tá Cao Minh*

## **1. Tiên đề của sự ra đời Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung**

Đường lối đổi mới của Đảng về chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội cùng với kinh nghiệm quốc tế, đã mở đường cho các nhà khoa học nhập cuộc và tích cực hưởng ứng cuộc cách mạng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong bối cảnh lịch sử thời bấy giờ, Tiến sĩ Trương Đình Hiến và các cộng sự của Phòng Thủy hải văn công trình thuộc Phân viện Khoa học Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh, đã dày công nghiên cứu, tìm tòi, phát hiện, đề xuất các công trình cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất, Chân Mây, Nhơn Hội tạo tiền đề cho sự ra đời Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Miền Trung là một vùng có vị trí chiến lược về địa lý kinh tế, địa lý chính trị, địa lý quốc phòng hết sức quan trọng đối với cả nước, khu vực tiểu vùng sông Mê Kông và châu Á - Thái Bình Dương.

Từ đầu năm 1992, Tiến sĩ Trương Đình Hiến cùng các cộng sự đã đưa ra một chương trình nghiên cứu, tìm kiếm các khu vực xây dựng cảng biển nước sâu và các khu công nghiệp vùng duyên hải, đặc biệt chú ý đến khu vực miền Trung. Sau gần một năm, tự lo kinh phí, Tiến sĩ Trương Đình Hiến cùng các cộng sự đã tiến hành nghiên cứu vị trí địa lý, tính toán các điều kiện tự nhiên và phân tích các điều kiện kinh tế, xã hội suốt dải ven biển bốn tỉnh với các cửa biển và vũng vịnh: cửa Quy Nhơn, cửa Đê Gi, cửa An Dũ, cửa Tam Quan (Quảng Ngãi); cửa Kỳ Hà, vịnh Đà Nẵng (Quảng Nam - Đà Nẵng); vũng Chân Mây (Thừa Thiên - Huế), v.v. thông qua các kết quả nghiên cứu đã phát hiện khu vực Dung Quất, Chân Mây và Nhơn Hội có đủ các điều kiện để xây dựng thành cảng biển nước sâu và khu vực công nghiệp cỡ lớn.

Tháng 9-1992, Tiến sĩ Trương Đình Hiến cùng các cộng sự sau khi hoàn thành các kết quả nghiên cứu, đã xin phép Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đi khảo sát kiểm tra hiện trường tại vịnh Dung Quất. Tiến sĩ Trương Đình Hiến hứa: "Sau 15 ngày tôi sẽ gửi cho tỉnh bản

tóm tắt dự án cảng biển nước sâu vào loại lớn nhất ở Đông Nam Á".

Trung tuần tháng 10-1992, lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi đã nhận được bản tóm tắt dự án "Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất".

Sau một tuần, Tiến sĩ Trương Đình Hiến nhận được điện thoại của lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi: "Tôi rất cảm ơn anh đã giữ đúng lời hứa và đã gửi cho tôi quyển tóm tắt dự án Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất. Tôi đã đưa dự án cho các đồng chí có trách nhiệm đọc và ai cũng bảo rằng: Ông Hiến viết hay nhưng không có thật vì từ xưa tới nay Pháp, Mỹ, Nhật có ai nói đến cảng Dung Quất đâu. Vừa qua đoàn cán bộ Tổng cục Dầu khí đi tìm địa điểm nhà máy lọc dầu (trong đoàn có cả chuyên gia nước ngoài) cũng gửi cho Quảng Ngãi một công văn chỉ ghi là: Ở đây không có địa điểm làm nhà máy lọc dầu và cảng nước sâu. Viện Thiết kế Bộ Giao thông - Vận tải đã vào Quảng Ngãi nghiên cứu và chỉ cho Quảng Ngãi có cảng Sa Kỳ với độ sâu hơn 3 mét nước mà phải tốn bao nhiêu tấn thuốc nổ phá đá tạo luồng, mà có ai nói đến Dung Quất đâu".

Tuy vậy, dự án vẫn được các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục xem xét nghiêm túc, liên tiếp trong tháng 11 và tháng 12-1992, Ủy ban nhân dân và các cơ quan của tỉnh Quảng Ngãi

đã hai lần vào thành phố Hồ Chí Minh để tìm hiểu và nghe Tiến sĩ Trương Đình Hiến trình bày rõ thêm về dự án Dung Quất, tóm tắt như sau:

## **2. Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất**

Vịnh Dung Quất có độ sâu tự nhiên từ 10 đến 20m không kể thủy triều, có hàng chục kilômét vuông mặt nước được che chắn hai luồng gió chính là đông - bắc và tây - nam. Tàu bè có thể neo đậu quanh năm, không bị sa bồi. Các tàu có trọng tải từ 150 nghìn tấn đến 200 nghìn tấn có thể ra vào thuận lợi. Nếu có 1,5 km đê chắn sóng ở núi Co Co, khi ấy tổng chiều dài các bến cảng có thể phát triển đến 19,8 km, công suất cảng có thể đạt đến 100 triệu/tấn/năm. Có mặt bằng kho bãi và khu công nghiệp trên 100 km<sup>2</sup>, nền hạ tốt, thuận lợi cho xây dựng. Tiếp cận với đường sắt, đường bộ xuyên Việt, đi Tây Nguyên, qua Lào, Campuchia và Thái Lan.

Dung Quất án ngữ trên đường hàng hải quốc tế và nội địa; tiếp cận với đường điện quốc gia, đường cáp quang và hệ thống thông tin quốc gia; cách sân bay Chu Lai 7 km; có nguồn nước dồi dào, chất lượng tốt, có vị trí xây dựng các hồ chứa nước rất lớn như: hồ Trà Cổ với dung tích 1 tỷ m<sup>3</sup> nước, lưu lượng 5,6m<sup>3</sup>/s trên sông Trà Bông; hồ Hải Giá với dung tích 1 tỷ m<sup>3</sup> nước, lưu lượng 6m<sup>3</sup>/s trên sông Trà Khúc.

Sự ra đời của Cảng biển nước sâu Dung Quất dẫn đến hình thành khu công nghiệp tập trung cỡ lớn của đất nước, bao gồm: bãi trung chuyển container; khu công nghiệp lọc dầu, hóa dầu, công nghiệp đóng tàu, dịch vụ dầu khí, công nghiệp luyện cán thép, công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến, công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp cơ khí và lắp ráp, công nghiệp kỹ thuật cao, các nhà máy nhiệt điện, khu công nghiệp địa phương... Đồng thời hình thành khu dân cư đô thị thành phố Vạn Tường.

Ngày 11-4-1996, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 207/TTg về việc phê duyệt Quy hoạch chung Khu công nghiệp Dung Quất.

Ngày 5-12-1997, tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa X (từ ngày 21-11-1997 đến ngày 12-12-1997), Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 07/1997/QH10 về dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất là công trình quan trọng quốc gia. Và đến 10 giờ sáng ngày 8-1-1998, làm lễ động thổ, khởi công xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất.

Ngày 11-3-2005, Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải ký Quyết định số 50/2005/QĐ-TTg về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi. Và ngày 18-6-2005, tại Dốc Sỏi, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã làm lễ công bố Quyết định trên.

Đây là một quyết định lịch sử, dũng cảm, cách mạng, và sáng suốt có đầy đủ cơ sở khoa học, đáp ứng lòng mong muốn, chờ đợi của nhiều thế hệ nhân dân Dung Quất - miền Trung và cả nước, đã mở ra điểm đột phá quan trọng để đưa miền Trung cùng cả nước bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thế kỷ XXI.

### **3. Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp thương mại - du lịch - dịch vụ Chân Mây (Thừa Thiên - Huế)**

Tiếp theo Dung Quất, Tiến sĩ Trương Đình Hiến cùng với các cộng sự của Phòng Thủy hải văn công trình thuộc Phân viện Vật lý tại thành phố Hồ Chí Minh đã tiếp tục nghiên cứu, khảo sát chọn Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp thương mại - du lịch - dịch vụ Chân Mây. Chân Mây có độ sâu tự nhiên 9 - 14m, khoảng 6 km<sup>2</sup> mặt nước được che chắn các hướng gió đông bắc và tây nam. Tàu bè có thể neo đậu quanh năm. Không bị sa bồi. Có thể xây dựng ở đây một cảng biển nước sâu với tổng chiều dài các bến 14 km, công suất của cảng 70 triệu tấn/năm. Các tàu trọng tải từ 50.000 tấn ra vào không phụ thuộc vào thủy triều, nếu lợi dụng thủy triều tàu 80.000 tấn có thể cập bến an toàn suốt bốn mùa trong năm. Sự ra đời Cảng biển nước sâu Chân Mây sẽ dẫn đến hình thành các khu công nghiệp tập trung, bao

gồm: công nghiệp kỹ thuật cao, công nghiệp điện tử và vật liệu điện, công nghiệp sửa chữa cơ khí, tàu thuyền, công nghiệp vật liệu xây dựng... và sẽ dẫn đến hình thành khu dân cư đô thị - thành phố cảng biển Chân Mây với các tiêu chuẩn hiện đại của thế kỷ XXI.

Ngày 24-3-1996, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đi thị sát khu vực xây dựng Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Chân Mây. Thủ tướng đã xác định khu vực Chân Mây nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm của miền Trung, xếp Cảng biển nước sâu Chân Mây vào danh mục quy hoạch hệ thống cảng biển Việt Nam giai đoạn 1996 - 2000 và cho phép tiến hành lập quy hoạch nghiên cứu tiền khả thi cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp thương mại - du lịch - dịch vụ Chân Mây để trình Chính phủ vào quý III năm 1996.

Ngày 27-12-1996, bằng Quyết định số 996/TTg, Thủ tướng Chính phủ đã chính thức phê duyệt Quy hoạch tổng thể Khu công nghiệp và Cảng biển nước sâu Chân Mây.

Cảng biển nước sâu Chân Mây là cửa ngõ quan trọng của tiểu vùng sông Mê Kông thông qua hành lang Đông - Tây: Chân Mây - Đông Hà - Lao Bảo - Pắcxế - Đông Bắc Thái Lan - Mianma.

#### **4. Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp thương mại - dịch vụ Nhơn Hội (Bình Định)**

"Nhơn Hội có đủ điều kiện để xây dựng cảng biển



nước sâu, hoàn toàn kín gió, kín sóng, không bị sa bồi có thể phục vụ cho tàu có trọng tải 50.000 tấn ra vào, công suất bốc dỡ hàng hiện đại có thể đạt 40 - 50 triệu tấn/năm. Trong 12.000 ha phần lớn mặt bằng có độ cao từ 10 đến 20m, hoàn toàn không bị ngập lụt, nền đất xây dựng tốt, vật liệu xây dựng tại chỗ dồi dào, là vị trí hết sức thuận lợi để xây dựng khu kinh tế phức hợp, khu đô thị dân cư và khu du lịch dịch vụ tầm cỡ".

Qua phân tích trên đây cho thấy, Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp thương mại - dịch vụ Nhơn Hội có một vị trí chiến lược rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội miền Trung - Tây Nguyên và các nước tiểu vùng sông Mê Kông. Nó thực sự có khả năng trở thành cửa ngõ lớn đi về phía Tây và phía Đông Việt Nam và các nước trong khu vực.

Ngày 13-8-2004, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 148/2004/QĐ-TTg về phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 thực hiện đối với 5 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bao gồm: Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định nhằm phát huy tiềm năng, vị trí địa lý và các lợi thế so sánh của vùng, từng bước phát triển Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung thành một trong những vùng phát triển năng động của cả nước, bảo đảm



vai trò hạt nhân tăng trưởng và thúc đẩy phát triển khu vực miền Trung và Tây Nguyên".

Sau khi ra đời, các dự án Dung Quất, Chân Mây, Nhơn Hội đã trải qua nhiều cuộc hội thảo bao gồm các nhà khoa học, các chuyên gia và các nhà đầu tư trong nước cũng như ngoài nước.

Đối với Đảng và Nhà nước: Qua một loạt các quyết định trên đây cho thấy sự đánh giá cao của Đảng và Nhà nước đối với những thành tựu đã đạt được của các công trình nghiên cứu. Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất, Chân Mây, Nhơn Hội trong sự nghiệp nghiên cứu khoa học phát triển kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng của miền Trung, Tây Nguyên và cả nước. Nó đã góp phần vào việc đề ra các quyết định và đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với khu vực đặc biệt quan trọng nói trên. Kết quả của các công trình nghiên cứu cũng đã góp phần mở ra cánh cửa hội nhập của Việt Nam với thế giới bên ngoài và tạo điều kiện cho miền Trung cất cánh trong thế kỷ XXI.

Đối với địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Nguyễn Đức Tâm nhận xét: "Những kết quả nghiên cứu của Tiến sĩ Trương Đình Hiến và các cộng sự đã đặt nền móng cho sự ra đời và phát triển Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất,

góp phần trực tiếp vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh Quảng Ngãi, nó có tác dụng sâu rộng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Quảng Ngãi. Đã ảnh hưởng lớn đến các chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc lựa chọn, xây dựng và phát triển Khu công nghiệp Dung Quất, cũng như góp phần trong việc hình thành Khu kinh tế trọng điểm miền Trung".

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế Nguyễn Văn Mễ (thời bấy giờ) nói: Dự án nghiên cứu Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp thương mại - du lịch - dịch vụ Chân Mây đã đặt nền móng cho sự ra đời đô thị Chân Mây với tính chất là thành phố cảng du lịch - dịch vụ lúc định hình có từ 10 đến 15 vạn dân; đã góp phần tác dụng đến chủ trương của Đảng và Nhà nước xếp tỉnh Thừa Thiên - Huế vào Vùng kinh tế trọng điểm của miền Trung, làm thay đổi một cách sâu sắc chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Thừa Thiên - Huế, tạo tiền đề cho Thừa Thiên - Huế phát triển nhanh hơn, vững chắc hơn, mang đến sự giàu có cho nhân dân Thừa Thiên - Huế.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã có nhận xét: Công trình "Nghiên cứu khảo sát lập dự án mở rộng Cảng biển nước sâu Quy Nhơn gắn liền với Khu công nghiệp thương mại - dịch vụ Nhơn Hội đã đưa ra các quy luật về điều kiện tự nhiên cũng như các luận cứ khoa học

trên khu vực đầm Thị Nại. Lần đầu tiên các điều kiện tự nhiên được nghiên cứu một cách đầy đủ và có hệ thống. Theo đó, các luận cứ khoa học của công trình đã làm nền móng cho sự ra đời của dự án "Mở rộng Cảng biển nước sâu Quy Nhơn gắn liền với Khu công nghiệp thương mại - dịch vụ Nhơn Hội" và trực tiếp có tác động đến sự thay đổi cơ cấu của nền kinh tế và dân cư của tỉnh. Đồng thời, các kết quả nghiên cứu đó đã góp phần trực tiếp vào việc hình thành chiến lược kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Định theo con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tóm lại, các công trình nghiên cứu nói trên không những đã mang lại các kết quả lớn về mặt khoa học, mà còn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống nhân dân tỉnh Bình Định. Ngoài ra, nó có tác động đến các chủ trương của Đảng và Nhà nước đối với tỉnh Bình Định".

- Về dự án *Dung Quất*, Cơ quan hợp tác Quốc tế JICA và công ty Nhật nhận xét: "Dung Quất có điều kiện tự nhiên hết sức thuận lợi, có vị trí chiến lược hết sức quan trọng đối với miền Trung Việt Nam, đối với Việt Nam, đối với các nước tiểu vùng sông Mê Kông và khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong xu thế hội nhập vào nền kinh tế thế giới, vì vậy Dung Quất là địa điểm hết sức thuận lợi để xây dựng một cảng biển nước sâu cỡ lớn ở Đông Nam Á làm cửa ngõ nối Việt Nam với các

nước bên ngoài và các nước tiểu vùng sông Mê Kông. Là khu vực hết sức thuận lợi để xây dựng một khu đại công nghiệp phức hợp, đặc biệt là nhà máy lọc dầu, hóa dầu. Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất sẽ hình thành hành lang công nghiệp phát triển nối với Đà Nẵng và Chân Mây làm hạt nhân hình thành và phát triển Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung".

Tập đoàn Saint Martion đánh giá: "Dung Quất có điều kiện tự nhiên và vị trí chiến lược hết sức thuận lợi để xây dựng ở đây một nhà máy lọc dầu và hóa dầu cũng như các ngành công nghiệp khác và đã lựa chọn dự án để làm nhà máy lọc dầu".

Tập đoàn Pháp nhận xét: "Dung Quất có điều kiện tự nhiên hết sức thuận lợi, có mặt bằng rộng lớn, có vị trí chiến lược hết sức quan trọng đối với các vùng trong nước và nước ngoài, ở đây có thể xây dựng một nhà máy lọc dầu có lợi thế cạnh tranh, có chi phí vận tải thấp, chi phí bốc dỡ thấp, tàu trọng tải lớn ra vào cảng dễ dàng, cảng Dung Quất có các đặc điểm giống như cảng Antifer, cảng Le Havre có tầm cỡ thế giới của Pháp".

Tập đoàn LG group sau khi khảo sát đã nhận xét: "Nhiều yếu tố về điều kiện tự nhiên, khí hậu địa lý, đường giao thông đã kết luận rằng, Dung Quất là một địa điểm có thể xây dựng thành công nhà máy lọc dầu

và có rất nhiều điểm mạnh như diện tích lớn để xây dựng tổ hợp công nghiệp, cảng biển nước sâu ngay tại địa điểm xây dựng, không bị tác động xấu của thời tiết cũng như các điều kiện tự nhiên, có nguồn nước ngọt ngay tại địa điểm xây dựng và nguồn điện 220 KV phụ cận. Dung Quất có vị trí chiến lược đối với Việt Nam, có ưu thế về giao lưu với các nước Lào, Thái Lan, Mianma. Vì vậy, tập đoàn LG group đã trình dự án xin đầu tư xây dựng nhà máy lọc dầu tại Dung Quất".

Ý kiến của đại sứ Anh: "Dung Quất đã gây cho tôi một ấn tượng mạnh mẽ. Nó là niềm hứa hẹn cho cả miền Trung Việt Nam. Tôi đã tận mắt đến thăm Dung Quất một cách tỉ mỉ. Tôi tin Dung Quất có nhiều điểm thuận lợi để xây dựng một cảng lớn. Đó là khả năng mà tôi thấy được trong chuyến thăm này. Vùng biển tự nhiên này làm hấp dẫn nhiều người và nhiều nhà đầu tư có khả năng xây dựng cảng biển mới ở Việt Nam".

GS, TS. John Le Van, Chủ tịch Quỹ Mỹ - Việt Nam, khi tham gia Hội thảo quốc tế về Dung Quất đã phân tích và kết luận: "Ngay từ đầu khi Dự án Dung Quất được triển khai sẽ có nhiều cơ hội lớn về kinh tế - xã hội mở ra cho thị xã Quảng Ngãi, cũng như các tỉnh miền Trung. Việc phát triển Dung Quất thành một trung tâm kinh tế công nghiệp lớn của Việt Nam là nhằm giảm đi sự tụt hậu về mặt kinh tế - xã hội của miền Trung Việt

Nam và thu ngắn sự chênh lệch về thu nhập bình quân theo đầu người giữa vùng này với các vùng phần vịnh khác trong cả nước. Thật là lạc quan nếu không nói là kỳ vọng rằng ảnh hưởng của nhà máy lọc dầu và Khu hóa dầu Dung Quất sẽ thay đổi cảnh quan kinh tế - xã hội của miền Trung Việt Nam. Có lẽ trong vài thập niên tới, Dung Quất sẽ là nhân vật sáng ngời trong trật tự lịch sử của một Việt Nam kiêu hãnh và tiên tiến. Xét về viễn cảnh dựng xây đất nước hiện đại một khi được phát triển hoàn toàn, Dung Quất sẽ trở thành một trung tâm kinh tế, khoa học và kỹ thuật lớn của Việt Nam, một điểm giao lưu quan trọng của nhiều thành phần doanh nghiệp quốc tế không những cho khu vực Đông Nam Á, mà còn cho châu Á đại lục".

- Về dự án *Chân Mây*, Tập đoàn Scott (Mỹ) đã nhận xét: "Chân Mây có những điều kiện tự nhiên hết sức thuận lợi, có vị trí chiến lược hết sức quan trọng đối với miền Trung Việt Nam, tiểu vùng sông Mê Kông và thế giới bên ngoài. Sau khi nghiên cứu và làm việc trình bày dự án *Chân Mây* với hơn 70 công ty đầu tư, tài chính, kỹ thuật trên thế giới. Từ những tín hiệu lạc quan nhận được từ các công ty trên, Công ty Scott đã chính thức xin Chính phủ Việt Nam cho đầu tư xây dựng cảng biển trung chuyển quốc tế *Chân Mây* hiện đại của thế hệ mới theo hình thức BOT. Cảng biển trung chuyển quốc tế

Chân Mây sẽ giúp tiết kiệm cho Việt Nam và các nước tiểu vùng sông Mê Kông mỗi năm hàng tỷ USD do khỏi phải trung chuyển từ các cảng khác trong khu vực. Một điều quan trọng là Cảng biển trung chuyển quốc tế Chân Mây sẽ giúp xóa được khoảng cách chênh lệch của ba miền Trung, Nam, Bắc, là điều mà mọi người Việt Nam đang mong đợi. Chân Mây là địa điểm thuận lợi nhất, lý tưởng nhất ở Việt Nam để xây dựng một cảng biển trung chuyển quốc tế".

Cơ quan nghiên cứu chiến lược Datar (Pháp) nhận xét: "Chúng tôi đã hai lần đến Chân Mây với các chuyên gia của Phân viện Vật lý tại thành phố Hồ Chí Minh. Chúng tôi bước dài hơn so với người Nhật và hoàn toàn đồng ý với những kiến nghị của họ về cảng Chân Mây. Cảng trung chuyển container đến Lào, Thái Lan và phát triển công nghiệp. Dựa trên tài liệu nghiên cứu và các chuyến thực địa, điều kiện tự nhiên và các thông số địa lý kỹ thuật có thể kết luận rằng: Chân Mây là một trong các địa điểm cảng biển tốt nhất ở Việt Nam. Chân Mây sẽ là nơi đa năng có thể tiếp đón các chức năng của một khu thương mại tự do".

Cơ quan hợp tác quốc tế của Chính phủ Nhật Bản (JICA) nhận xét: "Khu vực Chân Mây thuận tiện cho xây dựng một cảng biển nước sâu như một cảng thương mại chính có chức năng đầu mối trung chuyển hàng



tổng hợp cho hành lang Đông - Tây nối với tiểu vùng sông Mê Kông, các đặc khu kinh tế tự do được xây dựng ở khu vực này, nơi mà có nhiều ngành công nghiệp chế biến của nước ngoài và của địa phương sẽ tạo thuận lợi thu hút nhanh vốn đầu tư. Dựa vào hai siêu dự án Dung Quất và Chân Mây, dự án xây dựng đường cao tốc Huế - Đà Nẵng sẽ hình thành một khu trung tâm phát triển công nghiệp - thương mại - du lịch - dịch vụ của toàn khu vực miền Trung". Trong tương lai, dự án Chân Mây sẽ tạo nên sự liên kết hai đô thị Huế - Đà Nẵng thành một thành phố lớn (thành phố sinh đôi) của miền Trung làm hạt nhân cho sự phát triển kinh tế, xã hội của toàn vùng.

Với sự ra đời các cảng biển nước sâu mới: Dung Quất, Chân Mây, Nhơn Hội cùng các cảng đã có Đà Nẵng, Quy Nhơn... sẽ hình thành hệ thống cảng biển lớn hùng hậu, và theo đó xây dựng các khu kinh tế, thương mại Chân Mây, xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một thành phố biển - trung tâm của miền Trung, Khu kinh tế mở Chu Lai và Khu kinh tế Nhơn Hội... đồng thời với phát triển kinh tế vùng duyên hải, cũng như phát triển kinh tế của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và Tây Nguyên. Với sự hình thành các khu kinh tế lớn cũng như hệ thống cảng biển nước sâu Dung Quất, Chân Mây, Nhơn Hội đã dẫn đến sự ra đời Vùng kinh tế trọng điểm

miền Trung làm động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của miền Trung và tạo điều kiện đưa miền Trung cất cánh vào thế kỷ XXI.

*Dung Quát - Chân Mây - Nhơn Hội* đã làm cơ sở cho sự ra đời những khu kinh tế lớn, trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, là một đóng góp to lớn về mặt khoa học vào sự phát triển kinh tế - xã hội cho miền Trung bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đáp ứng nguyện vọng tha thiết, muốn thoát khỏi đói nghèo, lạc hậu của các thế hệ đồng bào khu vực trọng điểm, của miền Trung và của cả nước Việt Nam; nên được đông đảo nhân dân đón chờ, vui mừng và nhiệt liệt hoan nghênh sự đóng góp to lớn và xứng đáng của các nhà khoa học.

Tiến sĩ Trương Đình Hiến là một trong những nhà hải dương học lớn của đất nước, nhà khoa học tài năng, có tâm huyết với đất nước, đồng thời cũng chứng minh các nhà khoa học Việt Nam có đầy đủ khả năng giải quyết những vấn đề chiến lược và thực tiễn to lớn của đất nước trên lĩnh vực khoa học - kỹ thuật và phát triển kinh tế - xã hội trong cuộc cách mạng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Điều hết sức quan trọng là sự kết hợp tuyệt vời giữa nhà khoa học tài ba với người đứng đầu Chính phủ sáng suốt, đưa ra những quyết định chính xác và dũng cảm; đó là sự kết hợp chặt chẽ giữa khoa học và cách mạng, cách mạng và khoa học,

đồng thời cũng cho những bài học kinh nghiệm trong việc quản lý, đáp ứng nguyện vọng lớn lao và sâu xa nhất của những nhà khoa học Việt Nam là mong muốn được đóng góp trí tuệ, tài năng của mình trong việc phục vụ và cống hiến cho đất nước.

Đánh giá những cống hiến khoa học, sẽ do quá trình xây dựng, hình thành và hiệu quả của những công trình này mang lại cho nhân dân và cho đất nước sẽ là sự đánh giá, khẳng định khách quan nhất, và cũng là những phần thưởng xứng đáng nhất dành cho các tác giả của những công trình này, mà tiêu biểu là Tiến sĩ Trương Đình Hiến.

# NGỌN HẢI ĐĂNG DẪN ĐƯỜNG

TS. Trương Đình Hiến\*

Thế là một thời kỳ đạn bom đã chấm dứt, ngày toàn thắng với nụ cười nở ra trên môi và lệ trào trên mi mắt, ai nấy trong lòng còn âm vang câu hát của bài ca "Hành khúc giải phóng":

*Quê hương đón chờ một ngày không xa.*

*Một ngày mai khải hoàn vui chan hòa.*

Sau khúc khải hoàn, mọi người Việt Nam lại bước vào một thời kỳ mới đầy gian nan và thử thách, đó là khắc phục hậu quả của chiến tranh, xây dựng một nước Việt Nam thái bình, thịnh trị. Ngày ấy tôi còn nhớ mãi khi đến thăm một người lính già từ mặt trận trở về, sau phút chào hỏi hàn huyên, ông cầm chặt tay tôi với lòng xúc động nói: "Nhiệm vụ của các chú nay đã hoàn thành, bây giờ đến lượt các cháu, những nhà khoa học phải làm gì trên con đường tiếp theo". Lúc đó, tôi thật vui mừng

---

\* Nghiên cứu viên cao cấp, Phòng Hải văn công trình thuộc Phân viện Vật lý (Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia) tại thành phố Hồ Chí Minh.

và xúc động vì được tin yêu, nhưng cũng thật lúng túng vì chưa biết mình phải làm gì khi con đường phía trước đang còn trăm nẻo gian nan và đang cần một ngọn hải đăng dẫn đường. Năm tháng trôi qua, hơn một thập kỷ đất nước đã dần dần bước ra khỏi khủng hoảng, đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước đã mở ra một chân trời cho các nhà khoa học nhập cuộc. Điều may mắn đến với tôi, thời bấy giờ được tham gia các cuộc gặp gỡ và nhiều lần được nghe Thủ tướng Võ Văn Kiệt nêu lên các kế hoạch chiến lược và phát triển đất nước và đặt ra nhiều câu hỏi để các nhà khoa học nghĩ suy đóng góp làm cho đất nước thực sự có một cuộc đổi đời. Cuộc đổi đời của đất nước mà ông nhiều lần nêu lên đó chính là một nước Việt Nam thương yêu, thái bình, thịnh trị mà sau khúc khải hoàn toàn dân Việt Nam ước mong và quyết tâm thực hiện. Sự gợi mở về chiến lược phát triển của đất nước đã chỉ cho chúng tôi một con đường và hành động đúng hướng. Mùa xuân năm 1992, sau khi phân tích vai trò và vị trí chiến lược của miền Trung đối với đất nước và khu vực tiểu vùng sông Mê Kông cũng như châu Á - Thái Bình Dương, tôi cùng các cộng sự của mình đã soạn thảo và triển khai chương trình nghiên cứu khu vực 12 cửa biển của miền Trung nhằm đưa ra các vị trí xây dựng cảng biển nước sâu và khu công nghiệp phức hợp dọc miền duyên hải làm tiền đề liên kết Việt Nam với các nước tiểu vùng sông Mê Kông và

thế giới bên ngoài. Sau khi phân tích các kết quả nghiên cứu, chúng tôi đã phát hiện ra vịnh Dung Quất (đông - bắc Quảng Ngãi) và vịnh Chân Mây (đông - nam Thừa Thiên - Huế) có đủ các điều kiện ưu việt để xây dựng thành cảng biển nước sâu và khu công nghiệp phức hợp, đáp ứng được các mục tiêu nghiên cứu đề ra. Các công trình nghiên cứu lần lượt được trình lên Chính phủ, thật may mắn đã đến tay Thủ tướng Võ Văn Kiệt và được Ông xem xét phân tích và đánh giá một cách cụ thể. Ngày 19-9-1994, một ngày mùa thu đẹp trời, Thủ tướng đã đi thị sát khu vực dự định xây dựng Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất. Tại hội trường Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh, ngay trên bờ vịnh Dung Quất, Ông chăm chú nghe báo cáo về dự án Dung Quất và đặt ra các câu hỏi rất chi tiết về độ sâu của vịnh, mực nước, thủy triều, sóng biển, sự bồi lấp luồng lạch, hướng gió, các cơn bão ảnh hưởng đến khu vực, mặt bằng phía trên bờ và nguồn nước, v.v.. Sau khi nghe tôi trả lời bằng các số liệu đầy đủ, Ông gật đầu nở nụ cười đôn hậu và đầy khích lệ, rồi bước lên xem kỹ tám bản đồ phân tích về vai trò và vị trí chiến lược của Cảng biển nước sâu, Khu công nghiệp Dung Quất đối với miền Trung, Tây Nguyên cũng như sự gắn kết với các nước tiểu vùng sông Mê Kông. Sau đó, Ông ra bến tàu đi thị sát vùng biển dự định xây dựng cảng. Trên bến tàu, người dân đã đổ ra đông đúc vui mừng vây chào Ông và như cảm

nhận sắp có một cuộc đổi mới. Ông vui vẻ bắt tay chào hỏi sức khỏe các cụ già, hỏi thăm sự học hành của các em bé và thăm hỏi về cuộc sống của các cán bộ, chiến sĩ bộ đội biên phòng. Khi đi trên biển, Ông vừa xem kỹ bản đồ, vừa quan sát hiện trường. Mặt biển phẳng lặng như một tấm gương trời soi bóng Ông và đoàn khảo sát cùng trời mây non nước trong mùa thu êm đềm. Ông nhìn khu vực dự định xây dựng cảng, vịnh Dung Quất say đắm và ví nó như một nàng công chúa đang ngủ. Ông cười vui và chỉ tay về phía sân bay Chu Lai nói: Nơi đây là căn cứ quân sự Mỹ thời trước giải phóng và bây giờ nó cùng Cảng biển nước sâu Dung Quất thành cặp bài trùng trong công cuộc xây dựng đất nước và góp phần đưa miền Trung cất cánh. Cuộc thị sát kéo dài nhiều giờ và sau đó, Ông quay về Hà Nội gấp như để kịp thời có một quyết định lớn lao cho vùng đất này. Buổi chia tay thật cảm động và đầy ghi nhớ ở Dốc Sỏi, trên gương mặt tràn đầy niềm vui, Ông dặn dò cán bộ lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi và Quảng Nam cùng đi một cách cẩn kẽ, ai nấy đều xúc động và cảm nhận như có một cuộc đổi mới sắp đến trong nay mai. Trong giây phút rung cảm này, tôi thấy Ông như một người anh lớn với bao nhiêu lo toan mà đất nước là một đại gia đình. Ngày thu gió heo may, nắng tràn qua cửa sổ xe, Ông ngoái cổ vẫy chào mọi người để lại niềm tin cùng nỗi nhớ và mong ngày gặp lại!

*Anh về để lại bao thương nhớ  
Ấm áp lời anh những dặn dò  
Vượt ngàn gian khó cùng vươn tới  
Dung Quát ngày mai sẽ ấm no.*

Rồi Dung Quát chiều ngày 19-9-1994, thì ngày 23-9 nhận được thông báo của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp hóa dầu Dung Quát. Ngày ấy thật sự đánh dấu một cuộc đời của mảnh đất anh hùng và nghèo khổ nhất miền Trung. Từ các cơ quan trong tỉnh đến người dân ai cũng thấy như mình sắp bước vào một chương mới của cuộc đời. Phần tôi cảm thấy quyết định mà Thủ tướng đưa ra như một sự khai sinh cho một vùng non nước, xem đó như nghĩa sinh thành và ghi tạc vào lòng không bao giờ nhạt phai.

*Đất nước mai ngày nhớ ơn anh,  
Quyết định anh ra - Nghĩa sinh thành  
Đổi đời Dung Quát thành công chúa  
Sỏi đá Bình Sơn trởi sắc hương.*

Một kỷ niệm sâu sắc mà tôi nhớ mãi trong lòng, chiều ngày 2-8-1995, khi làm việc với lãnh đạo các tỉnh miền Trung tại hội trường Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ), phân tích sự hình thành Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, Thủ tướng Võ Văn Kiệt nói: "Đại hội VIII xác định Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung từ Huế đến Nha Trang. Xác định như thế



cũng chưa rõ nét lắm. Đến khi phát hiện ra Dung Quất thì tôi thấy như may mắn trời cho. Nếu xây dựng được Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp ở Dung Quất thì đẹp lắm. Vì sao tôi nói Dung Quất là một may mắn trời cho? Phải nhìn cả quá trình chúng ta đi tìm địa điểm nhà máy lọc dầu mới hiểu hết được điều đó. Trước đây nhiều năm, chúng ta phác họa cần có hai đến ba khu lọc dầu. Sau đó thấy nên chỉ có hai: phía Nam một, phía Bắc một. Nhưng rồi Bộ Chính trị thấy cần tập trung lại. Chúng ta đã có ý định cùng với Liên Xô lựa chọn thành Tuy Hạ làm địa điểm, nhưng rồi chúng ta phát hiện ra nhà máy lọc dầu cần ở ven biển, nên đã đề nghị lấy Long Sơn, nhưng Long Sơn không có cảng nước sâu, Long Sơn bị gạt bỏ, lại có ý kiến nêu ra vũng Văn Phong, Total đã ra khảo sát và tôi đã về xem lại Văn Phong. Đây là một vùng biển sâu có thể xây dựng cảng, nhưng đồng thời nó là một vùng lý tưởng cho du lịch sinh thái. Nếu xây dựng khu lọc - hóa dầu ở đây thì mất vùng du lịch hấp dẫn. Lúc đó có nhiều địa điểm được đưa ra xem xét như Dung Quất, Hòn La, Vũng Rô, Nghi Sơn. Hòn La được dự kiến cho tương lai phục vụ khai thác mỏ sắt, Vũng Rô thì sâu nhưng xung quanh toàn là vách đá không có mặt bằng. Bấy giờ Dung Quất được đưa ra bàn bạc. Nước ngoài thì tính cái gì lợi nhất theo quan điểm kinh tế riêng biệt thì họ làm. Chúng ta phải tính vừa lợi nhất, vừa có tính lâu dài nhiều mặt. Chúng tôi so sánh

hết các nơi với Dung Quất kể cả Liên Chiểu. Dung Quất lợi thế hơn. Đây là một vùng đất có mặt bằng rộng, có thể xây dựng khu công nghiệp quy mô lớn, ít vùng có được lợi thế như vùng này. Thí dụ như ở Hà Nội, muốn phát triển hoàn chỉnh ta phải xốt xa bỏ đi trên 6.000 ha lúa nước. Khi Chính phủ chấp nhận phương án mở rộng Hà Nội, như vậy chúng ta đã chỉ thị cho Bộ Nông nghiệp phải khai hoang gấp rút 6.000 ha ở Đồng Tháp Mười để bù lại. Trong khi đó, Dung Quất là một vùng đất cằn cỗi, chỉ có khoai lang và hành mọc trên vùng cát. Về nguồn nước thì ở đây rất dồi dào được cấp từ sông Trà Khúc và sông Trà Bồng, chẳng bù cho khu công nghiệp phía Nam như Vũng Tàu. Khi xây dựng cảng biển nước sâu, nhà máy lọc dầu, hình thành một khu công nghiệp liên hoàn, thì Vạn Tường sẽ được xây dựng thành thành phố dịch vụ cho khu công nghiệp này. Xây dựng thành phố Vạn Tường mới thấy được sự hy sinh lớn lao của đồng bào, đồng chí chúng ta ở địa điểm lừng danh này. Và cả vùng công nghiệp này sẽ nối dài ra phía Bắc mà trực tiếp là Núi Thành, Kỳ Hà của Quảng Nam, một vùng rất đẹp. Kỳ Hà sẽ là một thành phố gắn liền với sân bay Chu Lai, đồng thời ở đây lại có cảng, dịch vụ du lịch nhẹ nhàng. Hai thành phố Vạn Tường, Núi Thành ở hai bên sân bay Chu Lai tạo nên khu công nghiệp rộng lớn của Quảng Nam - Quảng Ngãi có thể gọi là khu công nghiệp lưỡng Quảng và hai thành phố sẽ là hai thành

phố cộng sản. Cái tên đó thật là ý nghĩa". Trước sự phân tích rộng lớn, rõ ràng, đầy niềm tin ở thực tiễn và tương lai của Thủ tướng Võ Văn Kiệt, cả hội trường trở nên sôi nổi, phấn khởi, lúc bấy giờ có một vị cán bộ lão thành, với giọng nói xúc động đứng lên đề nghị Thủ tướng cho biết đến bao giờ cảng biển nước sâu và nhà máy lọc dầu bắt đầu xây dựng để được nhìn thấy vì nay tuổi đã già. Thủ tướng liền hỏi: Đồng chí năm nay bao nhiêu tuổi? Vị cán bộ lão thành trả lời: "Thưa Thủ tướng, tôi năm nay 70 tuổi". Thủ tướng cười và nói: "Ồ! Dư sức". Ngày ấy đến bây giờ đã bảy năm trôi qua, vị cán bộ lão thành nọ đã sang tuổi 77 thực đang còn rất khỏe mạnh và chắc đã mãn nguyện khi thấy Bến cảng số 1 Dung Quất tàu đã cập bến, nước, điện đã về đến cảng, nhà máy lọc dầu đang được xây dựng, đường sá, hạ tầng của khu công nghiệp, thành phố Vạn Tường thẳng tắp với hàng chục kilômét đường đèn thủy ngân cao áp chạy dọc ngang và đang là một đại công trường:

*Dung Quất lung linh ánh hào quang,  
Vạn Tường hiển hách buổi huy hoàng,  
Rộn ràng bước tới thời hưng thịnh  
Nhà máy, công trình, phố dọc ngang.*

Nhìn lại ngày ấy không xa, nhưng Dung Quất đã thay da đổi thịt và bắt đầu một cuộc đổi đời, sỏi đá Bình Sơn thật sự đang trở sắc hương. Đối với Thủ tướng Võ Văn Kiệt, mảnh đất nào, mảnh rừng nào, sông biển nào

và bầu trời nào của tổ tiên để lại đều được Ông say đắm và luôn tìm thấy ở nó một thế mạnh, một tiềm năng và một ngày mai tươi sáng. Lúc gần Ông chuyện trò, tôi thấy trên khuôn mặt và nụ cười đôn hậu, vầng trán cao, đôi mắt sáng ngời và đầy kiên nghị, còn đọng lại theo thời gian những gian nan khổ cực, đầy thử thách của một thời bom đạn và những niềm vui bất tận của ngày hòa bình. Đi đến đâu, Ông cũng luôn lo cho mọi người dân làm sao có một cuộc sống no lành, những người ngã xuống cho đất nước được toại nguyện. Tôi còn nhớ mãi khi Ông về thị sát nơi xây dựng thành phố Vạn Tường, khi xe vừa dừng, Ông đi thẳng đến đài liệt sĩ, nơi Tổ quốc ghi công các chiến sĩ đã vì nước hy sinh trong trận Vạn Tường, Ông đốt nén nhang với lòng đầy xúc động, Ông như đang tâm sự với các anh hùng, liệt sĩ đã khuất. Ông nói: "Chúng ta đặt tên cho thành phố mới là thành phố Vạn Tường, hy vọng với cái tên ấy sẽ làm mãn nguyện người đã khuất và làm cho người sống vui lòng". Sau khi Ông viếng các anh hùng, liệt sĩ Vạn Tường, tôi mở bản đồ trình bày với Ông và đoàn Chính phủ về các khu vực dự định xây dựng thành phố Vạn Tường và bãi biển Nho Na. Qua các dãy đồi lúp xúp ven biển, trong nắng ấm ban mai với tiếng sóng biển rì rào, các cánh hoa mua tím nở rộ dọc bên đường, đâu đó không xa, các chiến hào xưa của các chiến sĩ Vạn Tường vẫn còn nguyên vẹn dấu vết sau lớp phủ của bụi thời gian. Mọi

người đang hướng theo Ông đi về phía trước, tôi cảm nhận ở Ông như có một ánh hào quang hòa nhập vào thiên nhiên của vùng đất này:

*Anh đi trong nắng ấm Vạn Tường  
Sóng trào Dung Quất vẫy mến thương  
Hào quang tỏa sáng còn muôn thuở  
Hoa nở chào anh những dặm đường.*

Miền Trung thân yêu, anh hùng và chịu nhiều mất mát trong chiến tranh, nay được sự quan tâm của Đảng và Chính phủ đang từng bước vươn mình để theo kịp hai đầu của đất nước, rất cần được tăng thêm tiềm lực cả về chiều rộng lẫn chiều sâu và tầm với của nó ra bên ngoài. Gần 18 tháng sau khi thị sát khu vực xây dựng Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất, ngày 24-3-1996, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã thị sát khu vực dự định xây dựng Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Chân Mây (đông - nam Thừa Thiên - Huế). Tôi nhớ lại hôm ấy là một sáng mùa xuân rực rỡ trên bãi biển Chân Mây, tôi trải tấm bản đồ trình bày với đồng chí Võ Văn Kiệt và đoàn khảo sát về điều kiện tự nhiên, vị trí chiến lược cùng các luận cứ khoa học. Sau khi quan sát rất lâu từ Chân Mây tây sang Chân Mây đông và khu vực mặt bằng phía sau cảng, Ông quay lại nhìn lên núi Bạch Mã hùng vĩ một cách say đắm. Ông vui mừng vì đã có một vùng non nước tuyệt vời. Qua nhiều thế hệ, Chân Mây tây nhìn Chân Mây đông và nhìn lên

con Bạch Mã đang yên ngủ thì giờ đây Ông như một kỵ sĩ với yên cương để con Bạch Mã tung vó đưa Chân Mây lao về phía trước trong giờ phút mở cửa của nước nhà. Hơn một trăm năm trôi qua, dưới các triều đại vua chúa, mảnh đất Thừa Thiên - Huế vẫn đói nghèo. Ngày nay trong sự nghiệp đổi mới, con đường đưa Thừa Thiên - Huế đi về phía trước sẽ từ đây:

*Chân Mây tây nhìn Chân Mây đông*

*Bao thế hệ cùng trông Bạch Mã*

*Giờ mở cửa nước nhà rộn rã*

*Lên ngựa thôi tất cả từ đây.*

Chiều hôm đó, tại hội trường Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế khi tôi bước lên báo cáo, đồng chí Võ Văn Kiệt vui vẻ nói: "Điều thật thú vị là những nhà khoa học tìm ra Chân Mây hôm nay lại chính là những người tìm ra Dung Quất trước đây". Ông nhìn tôi cười vui vẻ như truyền cho tôi một sức mạnh và sáng tạo trên đoạn đường sắp tới. Sau khi phân tích vai trò chiến lược của Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Chân Mây đối với khu vực miền Trung, Tây Nguyên và tiểu vùng sông Mê Kông, Thủ tướng đã xác định khu vực Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên - Huế) nằm trong vùng trọng điểm miền Trung, xếp Cảng nước sâu Chân Mây vào danh mục cảng biển Việt Nam giai đoạn 1996 - 2000 và cho phép tiến hành nghiên cứu tiền khả thi Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp - thương mại, du lịch,

dịch vụ Chân Mây trình Chính phủ vào quý III năm 1996. Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp thương mại - du lịch - dịch vụ Chân Mây vào cuộc đã tạo nên sự liên kết Huế - Đà Nẵng - Dung Quất đem lại thế phát triển và nguồn sinh lực mới cho Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, tạo nên các tiền đề quan trọng cho sự phát triển ngày càng hoàn chỉnh của khu vực này. Nó thúc đẩy sự hội nhập giữa Huế - Đà Nẵng - Dung Quất hình thành các trung tâm công nghiệp kỹ thuật cao, công nghiệp nặng, du lịch và thương mại quốc tế, với chức năng đầu mối trung chuyển cho hành lang thương mại Đông - Tây. Theo phân tích của các chuyên gia Nhật Bản (JICA) và nhiều nhà tư vấn quốc tế thì hai siêu dự án Dung Quất và Chân Mây cùng với siêu dự án đường cao tốc Huế - Đà Nẵng (gồm hầm đường bộ đèo Hải Vân) sẽ hình thành một trục công nghiệp - thương mại - du lịch - dịch vụ và đô thị hóa dọc duyên hải miền Trung nối với hai đầu của đất nước bằng trục đường số 1, đường Hồ Chí Minh, đường sắt. Nối với tiểu vùng sông Mê Kông và thế giới bên ngoài bằng hành lang Đông - Tây cùng hệ thống cảng biển nước sâu. Từ Dung Quất đến Chân Mây cho thấy sự hòa nhập và khai thác mọi tiềm năng để tiến kịp hai đầu của đất nước và thế giới như một trong những nguyên lý quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội miền Trung. Trong các thập kỷ tới của thế kỷ XXI, miền Trung có một vai trò then chốt

trong quá trình đưa đất nước Việt Nam vào thế ổn định và phát triển. Đồng thời, nó có tầm quan trọng đặc biệt trong việc giao lưu nền kinh tế Việt Nam hội nhập với nền kinh tế ASEAN, châu Á - Thái Bình Dương và thế giới. Ngoảnh lại ngày xưa, lúc này thế và lực của đất nước ta đã khác. Với các quyết định mang tính chiến lược lâu dài, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã vạch cho miền Trung một con đường, đặt vào đó một niềm tin và hy vọng đưa miền Trung từng bước tiến lên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Miền Trung đã có các cơ sở hạ tầng cơ bản như: đường quốc lộ xuyên Việt, đường sắt xuyên Việt, đường Hồ Chí Minh, đường cáp quang xuyên Việt, đường điện 500 KV, hệ thống các nhà máy thủy điện và hệ thống cảng biển nước sâu, hệ thống sân bay quốc tế và hệ thống các khu công nghiệp, đô thị dọc miền duyên hải nối với tiểu vùng sông Mê Kông bằng trục hành lang thương mại Đông - Tây.

Trong bối cảnh đầy gian nan, ngổn ngang đổ nát sau chiến tranh trong định kiến trăm năm về một miền Trung đói nghèo, bão lụt, không có khả năng đổi đời để theo kịp hai đầu của đất nước. Trong sự lúng túng của các nhà khoa học trước bước ngoặt vĩ đại của lịch sử nước nhà, Thủ tướng Võ Văn Kiệt như một ngọn hải đăng dẫn đường cho những con tàu nhìn rõ bến bờ và hướng về đích - đó là một nước Việt Nam thái bình, thịnh trị.



*Phần thứ ba*

**THÀNH TÍCH VÀ KẾT QUẢ XÂY DỰNG  
KHU KINH TẾ DUNG QUẤT**



# PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG

**Trương Tấn Sang\***

Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung gồm năm tỉnh, thành phố: Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định, có diện tích tự nhiên 28.878 km<sup>2</sup>, dân số năm 2003 khoảng 6,06 triệu người, chiếm 8,4% về diện tích tự nhiên và gần 8% dân số cả nước. So với các vùng kinh tế của cả nước, Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung có những thuận lợi, nhưng cũng còn nhiều khó khăn.

Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nằm trên trục giao thông Bắc - Nam về đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không, là cửa ngõ ra biển của Tây Nguyên và các nước láng giềng.

Trong vùng có nguồn tài nguyên tương đối đa dạng, phong phú, có nhiều tiềm năng về đất, biển, rừng, khoáng sản, có các di sản văn hóa được UNESCO công

---

\* Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

nhận: Cố đô Huế, Hội An, Mỹ Sơn, với các vịnh nước sâu Chân Mây, Liên Chiểu, Dung Quất, Nhơn Hội, gần đường hàng hải quốc tế, có đủ điều kiện xây dựng các cảng nước sâu, các khu công nghiệp và du lịch văn hóa, sinh thái.

Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đã hình thành một hệ thống đô thị, trong đó có các đô thị lớn (thành phố Đà Nẵng, Huế, Quy Nhơn), các khu kinh tế quan trọng (Khu kinh tế mở Chu Lai, Khu kinh tế Dung Quất, Nhơn Hội). Hệ thống đô thị cùng với các khu công nghiệp, khu du lịch, các di sản văn hóa thế giới, là những hạt nhân tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của vùng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nhân dân trong vùng có truyền thống cách mạng, hiếu học và năng động. Nguồn lao động dồi dào, một bộ phận có tay nghề cao, là nòng cốt để tiếp cận khoa học - công nghệ tiên tiến.

Bên cạnh những lợi thế, Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung cũng còn có nhiều khó khăn, đó là hậu quả của chiến tranh để lại rất nặng nề, kinh tế - xã hội còn kém phát triển, khí hậu thời tiết khắc nghiệt, hạn hán, lũ lụt thường xuyên xảy ra. Đây là những yếu tố làm hạn chế sự thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển vào vùng.

Những năm qua, Vùng kinh tế trọng điểm miền

Trung đã đạt được những kết quả bước đầu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nổi bật là tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm giai đoạn 1996 - 2000 khoảng 8,5%, giai đoạn 2001 - 2004 là 9,97% (cao hơn tốc độ tăng trưởng trung bình cả nước). Trong đó nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân giai đoạn 2001 - 2004 khoảng 5,4%; công nghiệp tăng 17,3%; dịch vụ tăng 10,3%.

Trong công nghiệp, công nghiệp khai thác, công nghiệp chế biến và các sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phục vụ đời sống và sinh hoạt của nhân dân đều có bước tăng khá; đây là kết quả của quá trình đầu tư mở rộng sản xuất, thay đổi thiết bị, cải tiến quy trình công nghệ. Một số công trình quan trọng như đường hầm đèo Hải Vân, đầu tư nâng cấp sân bay quốc tế Đà Nẵng, sân bay Phú Bài (Huế) và sân bay Chu Lai đang được đầu tư xây dựng, đặc biệt là Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất đang được tích cực triển khai có tác dụng tạo động lực cho phát triển kinh tế toàn vùng.

Trong nông nghiệp, việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, tạo ra vùng nguyên liệu ổn định phục vụ công nghiệp chế biến; bộ mặt nông thôn đang phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Công tác quản lý và bảo vệ rừng được coi trọng, đã hạn chế được cháy rừng, phá rừng. Giao đất, khoán rừng cho dân đang được đẩy mạnh.

Ngành thủy sản được tập trung chỉ đạo, đã có nhiều đội tàu có công suất lớn trên 110 CV đưa vào khai thác đánh bắt hải sản xa bờ đạt hiệu quả kinh tế cao, các khu du lịch hậu cần nghề cá, các điểm phòng, tránh bão ở cửa sông và hải đảo. Nuôi trồng thủy sản phát triển nhanh, góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu và cải thiện đời sống nhân dân vùng biển đảo. Tốc độ tăng trưởng trung bình hằng năm giai đoạn 2001 - 2004 là 5,49%.

Trong thương mại - dịch vụ, toàn Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung giữ được nhịp độ phát triển khá, 10,37% giai đoạn 2001 - 2004. Kim ngạch xuất khẩu tăng theo từng năm. Phát huy lợi thế về điều kiện tự nhiên và các di sản văn hóa thế giới, đã tập trung phát triển du lịch, bước đầu đạt kết quả tốt, đưa ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của vùng. Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm đang phát triển mạnh; dịch vụ bưu chính viễn thông phát triển nhanh, rộng khắp.

Trong phát triển kết cấu hạ tầng đã và đang được đầu tư, để Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung trở thành một trong ba đầu mối giao thông quốc tế quan trọng của cả nước, bốn sân bay Phú Bài, Đà Nẵng, Chu Lai, Phù Cát, trong đó sân bay quốc tế Đà Nẵng đang được đầu tư mở rộng, sân bay Chu Lai đang đầu tư và phục hồi giai đoạn 1, chuẩn bị đón khách vào cuối tháng 3-2005 và đang tìm đối tác để xây dựng sân bay trung

chuyển hàng hóa quốc tế. Các cảng biển như Chân Mây, Đà Nẵng, Kỳ Hà, Dung Quất, Quy Nhơn đang được đầu tư nâng cấp, mở rộng bảo đảm giao lưu trong nước và quốc tế. Đường sắt góp phần vận chuyển hành khách, hàng hóa đến Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và từ đây đến mọi miền Tổ quốc. Các công trình thủy lợi đang phát huy hiệu quả, tạo điều kiện mở rộng diện tích tăng vụ, và cải thiện môi trường sinh thái. Hệ thống hồ chứa nước lớn đã và đang thi công sẽ góp phần giảm lũ, hạn chế ngập lụt như: hồ Truồi (Thừa Thiên - Huế), hồ Việt An, Phú Ninh (Quảng Nam), Thạch Nham, Nước Trong (Quảng Ngãi), thủy điện Bình Điền, Hữu Trạch (Thừa Thiên - Huế), A Vương (Quảng Nam), Bình Định (Bình Định),... Hệ thống lưới điện quốc gia ngày càng được mở rộng, tỷ lệ hộ dùng điện mỗi ngày một tăng cao...

Các vấn đề xã hội trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung cũng được các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể đặc biệt quan tâm. Đời sống vật chất, tinh thần của đại bộ phận nhân dân trong vùng dần dần được cải thiện. Cơ sở giáo dục, y tế được tăng cường với chất lượng ngày càng tốt hơn, tỷ lệ học sinh đến tuổi đi học ngày càng tăng, 2/3 số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phổ cập trung học cấp cơ sở. Việc chăm sóc sức khỏe ban đầu và điều trị bệnh cho cộng đồng ngày càng được tăng cường, chương trình xóa đói

giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, thực hiện các chính sách đối với người có công với nước, phong trào vận động xây dựng "Quý vì người nghèo", "Quý đến ơn đáp nghĩa", phòng chống bão lụt đạt kết quả khá. Trong năm 2004, toàn vùng đã có khoảng 100.000 lao động được giải quyết việc làm. Các hoạt động nhân đạo, từ thiện như chăm sóc người tàn tật, nạn nhân chất độc da cam, người cô đơn, trẻ em mồ côi, xóa nhà tranh cho hộ nghèo... được tập trung chỉ đạo đạt kết quả tốt.

Tuy nhiên, những kết quả đạt được kể trên còn thấp so với tiềm năng và lợi thế của vùng. Để Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung trở thành một trong những vùng phát triển năng động của cả nước, bảo đảm vai trò hạt nhân tăng trưởng thúc đẩy phát triển của khu vực, trong thời gian tới cần tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp để đạt được các chỉ tiêu kinh tế - xã hội cơ bản sau đây:

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2006 - 2010 đạt khoảng 1,2 lần, giai đoạn 2011 - 2020 đạt khoảng 1,25 lần trở lên tốc độ tăng trưởng bình quân cả nước. Tăng tỷ lệ đóng góp của vùng trong GDP của cả nước từ 5% hiện nay lên cao hơn đến năm 2010 và năm 2020.

- Tăng giá trị xuất khẩu bình quân đầu người/năm từ 149 đôla Mỹ năm 2005 lên 375 đôla Mỹ năm 2010 và 2.530 đôla Mỹ vào năm 2020.



- Tăng mức đóng góp của vùng trong thu ngân sách của cả nước từ 4,6% năm 2005 lên cao hơn đến năm 2010 và năm 2020.

- Đẩy nhanh tốc độ đổi mới công nghệ đạt bình quân 20%/năm trong tiến trình hiện đại hóa, nâng cao dân tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2010 đạt khoảng 50%.

- Đến năm 2010 đạt tỷ lệ đô thị hóa của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung là 40%. Giảm và giữ không đạt tỷ lệ lao động không có việc làm xuống 5%; phấn đấu mỗi năm tạo ra hơn 60 - 70 nghìn chỗ làm việc mới.

- Giảm tỷ lệ hộ đói nghèo từ 15,5% năm 2005 xuống dưới 8,8% năm 2010 và khoảng 2% năm 2020 (theo tiêu chí hiện hành).

- Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự xã hội và môi trường bền vững ở đô thị và nông thôn.

Để đạt được các mục tiêu trên, Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung phải được tập trung đẩy mạnh thực hiện các giải pháp đồng bộ, trong đó chú trọng:

Đẩy nhanh tốc độ đầu tư xây dựng Khu kinh tế mở Chu Lai (tỉnh Quảng Nam), Khu kinh tế Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi), Khu kinh tế - thương mại - du lịch - dịch vụ Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên - Huế), Khu kinh tế thương mại - dịch vụ Nhơn Hội (tỉnh Bình Định) và các khu công nghiệp tập trung khác để đến năm 2010 các khu kinh tế này trở thành những hạt nhân, trung tâm phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

Tập trung đầu tư xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trở thành thành phố biển, trung tâm của miền Trung, với các nhiệm vụ cơ bản như trung tâm công nghiệp, thương mại, du lịch, vận tải hàng hóa, trung tâm tài chính, ngân hàng, chứng khoán và bưu chính viễn thông; trung tâm văn hóa, giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ của vùng; là địa lý quan trọng về quốc phòng, an ninh khu vực miền Trung, Tây Nguyên và cả nước.

Xây dựng và phát triển các khu kinh tế lớn như Chu Lai, Dung Quất, Chân Mây, Nhơn Hội với phương châm thử nghiệm, chính sách mới tạo môi trường đầu tư, phù hợp các thông lệ quốc tế cho các loại hình kinh doanh của các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, qua đó có thêm kinh nghiệm cho hội nhập kinh tế quốc tế. Áp dụng các mô hình thí điểm tạo động lực mới cho phát triển kinh tế, trong khi chưa có điều kiện thực hiện trên phạm vi cả nước.

Khu kinh tế mở Chu Lai bao gồm các khu vực chủ yếu là: khu thương mại tự do gắn với một phần cảng Kỳ Hà. Hoạt động của Khu này gồm các hoạt động sản xuất hàng xuất khẩu và hàng phục vụ tại chỗ, thương mại hàng hóa, các hoạt động dịch vụ, xúc tiến thương mại; các khu công nghiệp; các khu giải trí, du lịch; khu dân cư hành chính.

Đẩy nhanh sự phát triển của Khu kinh tế Dung

Quất làm động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa miền Trung và cả nước. Xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất trở thành một khu kinh tế tổng hợp đa ngành với các chính sách ưu đãi, khuyến khích, ổn định lâu dài, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước yên tâm đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Phát triển công nghiệp lọc dầu - hóa dầu. Phát triển các ngành công nghiệp cơ khí, đóng, sửa chữa tàu biển, luyện cán thép, sản xuất xi măng, sản xuất container, sản xuất hàng tiêu dùng, từng bước xây dựng thành phố Vạn Tường theo hướng hiện đại.

Tập trung đầu tư Khu kinh tế tổng hợp Nhơn Hội (tỉnh Bình Định), phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp vật liệu xây dựng, cơ khí đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, điện tử và vật liệu điện, công nghiệp dệt da, may mặc xuất khẩu, xây dựng tổng kho trung chuyển, khu đô thị mới hiện đại ven biển, nâng cấp cảng Quy Nhơn phát triển dịch vụ cảng.

Khu kinh tế Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên - Huế), cần tập trung phát triển trong giai đoạn 2006 - 2010. Xây dựng trung tâm thông tin quốc tế, cùng hệ thống dịch vụ như thương mại, du lịch, tài chính ngân hàng và các ngành nghề khác với trình độ và văn minh thương mại cao. Sớm phát triển Khu công nghiệp Chân Mây và thành phố mới Chân Mây.

Đẩy mạnh cải cách hành chính tạo điều kiện thông thoáng nhằm hỗ trợ sự phát triển các doanh nghiệp trên địa bàn. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) về sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn. Đẩy mạnh công tác trợ giúp phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tăng cường đầu tư chiều sâu hệ thống các trường đại học, các cơ sở nghiên cứu khoa học trên địa bàn phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội. Gắn hoạt động nghiên cứu với sản xuất của nhân dân và hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn. Phối hợp với các cơ sở nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến.

Tập trung đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, đầu tư thích hợp để các trường đại học ở Đà Nẵng, Huế, Quy Nhơn trở thành cơ sở đào tạo đa ngành, là trung tâm nghiên cứu khoa học phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực miền Trung. Từng bước nâng cấp các trường đại học đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Xây dựng Trường đại học Phạm Văn Đồng (Quảng Ngãi) vào năm 2010.

Đào tạo lực lượng lao động lành nghề, phấn đấu đến năm 2005 tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề và hướng nghiệp là 13 - 15% và đến năm 2010 đạt 18 - 20%. Tiến hành quy hoạch, sắp xếp hệ thống mạng lưới trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề trên địa bàn phù hợp với yêu cầu cơ cấu nhân lực và phát triển

kinh tế vùng. Xây dựng một số trung tâm dạy nghề kỹ thuật cao nhằm đào tạo công nhân kỹ thuật cho các khu công nghiệp. Trước mắt, đầu tư trang thiết bị cho các trường dạy nghề; chuẩn bị triển khai xây dựng trường dạy nghề kỹ thuật cao do Chính phủ Hàn Quốc tài trợ.

Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển nhanh và bền vững. Thời gian tới, với quyết tâm cao của các đảng bộ tỉnh, thành phố trong vùng, với truyền thống dũng cảm, cần cù, sáng tạo của nhân dân cùng với sự tập trung chỉ đạo của Trung ương, các bộ, ngành, nhất định kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung sẽ có bước phát triển nhanh, tương xứng với tiềm năng lợi thế của mình.

# ĐOÀN KẾT MỘT LÒNG, QUYẾT TÂM XÂY DỰNG KHU KINH TẾ DUNG QUẤT PHÁT TRIỂN NHANH HƠN, MẠNH HƠN\*

Nguyễn Kim Hiệu\*\*

.....

Hôm nay, trên mảnh đất quê hương Quảng Ngãi anh dũng kiên cường, chúng ta long trọng tổ chức lễ công bố Khu kinh tế Dung Quất và chào đón đồng chí Trương Tấn Sang, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương, thay mặt Bộ Chính trị và Trung ương Đảng về dự lễ. Đây là một sự kiện trọng đại không chỉ đối với tỉnh Quảng Ngãi, mà còn đối với các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên, đặc biệt là các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Trước hết, tôi xin bày tỏ niềm vui, niềm tin tưởng phấn khởi lớn lao của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trước sự kiện trọng đại này. Cho

---

\* Dấu để do chúng tôi đặt (B.T). Bài phát biểu tại lễ công bố Quyết định thành lập Khu kinh tế Dung Quất, ngày 18-6-2005.

\*\* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

phép tôi thay mặt lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi, xin gửi đến đồng chí Trương Tấn Sang, các đồng chí lãnh đạo các Bộ, Ban, ngành Trung ương và các tỉnh bạn, các vị khách quý, các đồng chí đại biểu, các nhà doanh nghiệp và toàn thể đồng bào có mặt tại buổi lễ long trọng hôm nay lời chúc sức khỏe và lời chào mừng nồng nhiệt nhất.

.....

Chắc chúng ta đều hiểu rõ những mục tiêu và những kỳ vọng trong việc quyết định thành lập Khu công nghiệp lớn nhất Việt Nam tại Dung Quất - Quảng Ngãi và đặt Nhà máy lọc dầu đầu tiên của cả nước tại đây, từ những năm 1996 - 1997. Nói một cách vắn tắt, Khu công nghiệp Dung Quất sẽ là trung tâm kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi, là động lực cho Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và là một trong những giải pháp có tính chiến lược cho sự phát triển cân đối vùng của cả nước. Và trên thực tế, trong thời gian vừa qua Khu công nghiệp Dung Quất đã và đang phát triển theo hướng hình thành một Khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực bao gồm các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu bảo thuế, khu cảng chuyên dùng, khu du lịch, dịch vụ, khu dân cư, hành chính, đô thị mới Vạn Tường... và đã vượt ra ngoài phạm vi của một Khu công nghiệp đơn thuần. Chính vì vậy, với sự đánh giá một cách sâu sắc và mang tầm chiến lược, Bộ Chính trị đã có kết luận về Đề án Khu kinh tế Dung Quất (Thông báo số 155-TB/TW

ngày 9-9-2004) và Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 50/2005/QĐ-TTg ngày 11-3-2005 về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi.

Đồng thời với sự kiện thành lập Khu kinh tế Dung Quất là việc ký kết Hợp đồng EPC gói thầu số 1 + 4 Nhà máy lọc dầu Dung Quất ngày 17-5-2005 và Quốc hội thông qua Nghị quyết về dự án này vào ngày 14-6-2005 vừa qua là sự kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với tỉnh, đáp ứng lòng mong đợi và sự kỳ vọng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; đồng thời cũng là sự trông đợi của nhân dân cả nước đối với việc phát triển ngành công nghiệp quan trọng và mới mẻ này tại Việt Nam. Sự kiện này sẽ là luồng sinh khí mới, là động lực quan trọng thúc giục chúng tôi trên con đường xây dựng và phát triển quê hương trong tiến trình thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đón nhận sự kiện trọng đại này, thay mặt Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, chúng tôi xin bày tỏ lời cảm ơn sâu sắc đến Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ đã chỉ đạo sâu sát, thể hiện sự quan tâm đặc biệt đối với sự phát triển của Quảng Ngãi nói riêng và cả miền Trung, khu vực Tây Nguyên trong tiến trình đi lên của cả nước.

Cũng nhân dịp này, chúng tôi xin chân thành cảm



ơn sự ủng hộ, giúp đỡ quý báu đầy hiệu quả của các Bộ, Ban, ngành Trung ương và các tỉnh bạn, của các nhà doanh nghiệp đối với tỉnh Quảng Ngãi, mảnh đất chịu nhiều đau thương mất mát trong chiến tranh và cũng đầy gian khó trong xây dựng thời bình. Xin được bày tỏ lời cảm ơn sâu sắc và xin gửi đến các đồng chí lời chúc mừng nồng nhiệt nhất.

.....

Có thể khẳng định chắc chắn rằng, việc thành lập Khu kinh tế Dung Quất cùng với sự kiện ký kết Hợp đồng gói thầu EPC số 1 + 4 Nhà máy lọc dầu Dung Quất là bước ngoặt quan trọng đối với tỉnh Quảng Ngãi nói riêng và Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nói chung, mở ra thời kỳ mới đầy triển vọng về đầu tư phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh mà Đảng ta đã xác định. Nhân dân Quảng Ngãi nói riêng và nhân dân Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nói chung có quyền tin tưởng, hy vọng vào tương lai xán lạn trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giải quyết công ăn việc làm và tạo thu nhập ổn định cho nhân dân, bớt đi những khó khăn, lo toan của một vùng đất vốn đã chịu nhiều mất mát hy sinh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc suốt mấy chục năm qua.

Chúng tôi nhận thức sâu sắc rằng, việc thành lập Khu kinh tế Dung Quất cùng với quá trình đẩy nhanh tiến độ xây dựng Nhà máy lọc dầu tại đây vừa là động lực, vừa là thời cơ, đồng thời cũng đan xen những thách thức mới đối với tỉnh Quảng Ngãi. Chính vì vậy, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Quảng Ngãi chúng tôi đoàn kết một lòng, quyết tâm làm hết sức mình, thể hiện trách nhiệm cao nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, phối hợp thúc đẩy Khu kinh tế Dung Quất phát triển nhanh hơn, mạnh hơn, thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn, bảo đảm an ninh - chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo mọi điều kiện thuận lợi gắn với cơ chế, chính sách ưu đãi thông thoáng theo quy định của Chính phủ và thực hiện cải cách hành chính mạnh hơn nữa để các nhà đầu tư, các doanh nghiệp trong và ngoài nước tiếp cận và đầu tư nhiều hơn vào Khu kinh tế Dung Quất. Sự thành công và lớn mạnh toàn diện của Khu kinh tế Dung Quất mang giá trị và ý nghĩa lớn lao đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi nói riêng và cả Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nói chung.

Một lần nữa, chúng tôi xin bày tỏ niềm phấn khởi và tin tưởng đối với sự kiện thành lập Khu kinh tế Dung Quất cùng với Nghị quyết của Quốc hội về dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Cảm ơn sự quan tâm của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Tổng công ty

Dầu khí Việt Nam đối với sự phát triển của Quảng Ngãi, của khu vực miền Trung trong tiến trình đi lên cùng cả nước.

Thay mặt cho lãnh đạo và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, tôi xin gửi đến đồng chí Trương Tấn Sang - Trưởng Ban Kinh tế Trung ương, các vị khách quý, các đồng chí đại biểu, các nhà doanh nghiệp và toàn thể đồng bào có mặt tại buổi lễ long trọng hôm nay lời chúc sức khỏe và hạnh phúc.

# MƯỜI NĂM KHU KINH TẾ DUNG QUẤT - MỘT CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

Trần Lê Trung\*

Ngày 11-4-1996, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 207/TTg về việc phê duyệt Quy hoạch chung Khu công nghiệp Dung Quất. Vượt lên những khó khăn, thách thức, qua 10 năm xây dựng, đầu tư và phát triển, Khu công nghiệp Dung Quất - nay là Khu kinh tế Dung Quất - đã và đang từng bước trở thành hạt nhân tăng trưởng của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Những năm 90 của thế kỷ XX, khi cả nước bước vào công cuộc đổi mới, một trong những vấn đề được Đảng và Nhà nước quan tâm là làm thế nào để phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh miền Trung, thu ngắn sự chênh lệch với hai đầu đất nước; nhất là trong điều kiện cơ sở hạ tầng nơi đây còn yếu kém, thiếu đồng bộ, luôn chịu những hậu quả nặng nề do thiên tai gây ra. Vì vậy,

---

\* Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất.

cùng với việc chọn Dung Quất là nơi xây dựng Nhà máy lọc dầu đầu tiên của Việt Nam, ngày 11-4-1996, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 207/TTg về việc phê duyệt Quy hoạch chung Khu công nghiệp Dung Quất. Theo đó, Khu công nghiệp Dung Quất *"là khu lọc và hóa dầu đầu tiên của cả nước; là khu tập trung nhiều ngành công nghiệp có quy mô lớn, gần với Cảng biển nước sâu Dung Quất và sân bay quốc tế Chu Lai; là trung tâm kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và có ý nghĩa quan trọng về quốc phòng"*.

Trong những năm đầu tiên, Khu công nghiệp Dung Quất tập trung chủ yếu vào việc tiến hành quy hoạch chi tiết các khu chức năng, tổ chức đền bù, giải phóng mặt bằng và triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật; với mục tiêu là nhằm bảo đảm phục vụ cho yêu cầu thi công và chuẩn bị vận hành Nhà máy lọc dầu - được xem như là trái tim của Khu công nghiệp Dung Quất và có tính chất quyết định sự hình thành tại Dung Quất một Khu công nghiệp lọc - hóa dầu đầu tiên của Việt Nam. Tuy nhiên, khi Nhà máy lọc dầu Dung Quất triển khai chậm, kéo theo các dự án hóa dầu - hóa chất tạm dừng triển khai, một số doanh nghiệp chuyển sang tìm kiếm cơ hội đầu tư nơi khác thì lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi và Ban quản lý Khu công nghiệp Dung Quất đã chuyển hướng sang vận động thu hút các dự án đầu tư có quy mô vừa

và nhỏ, trọng tâm là các doanh nghiệp từ phía Nam. Một Phân khu công nghiệp nhẹ ở phía tây sông Trà Bông đã được hình thành với hệ thống hạ tầng được đầu tư đồng bộ theo từng giai đoạn. Bước đầu, Phân khu công nghiệp này đã thu hút trên 20 dự án triển khai xây dựng và hoạt động thuộc các ngành: may mặc, chế biến gỗ xuất khẩu; giải quyết việc làm cho hàng ngàn con em các hộ dân trong vùng di dời - giải tỏa để xây dựng Khu kinh tế Dung Quất.

Ngày 11-3-2005, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 50/2005/QĐ-TTg về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi. Theo đó, Dung Quất được hưởng cơ chế chính sách ưu đãi như Khu kinh tế mở Chu Lai. Cũng trong năm 2005, sân bay Chu Lai chính thức đi vào hoạt động, gói thầu số 1 + 4 của Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất đã được ký kết; đặc biệt là sự tập trung giám sát chặt chẽ của Quốc hội, sự chỉ đạo quyết liệt của Thủ tướng Chính phủ trong việc xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất để có dầu cho đất nước vào đầu năm 2009... đã và đang là động lực rất quan trọng, là những điều kiện quyết định để thúc đẩy sự phát triển tiến lên của Khu kinh tế Dung Quất.

Vượt qua những khó khăn, thách thức; đến nay Khu kinh tế Dung Quất đã đạt được những kết quả khá quan trọng: đã cơ bản hoàn thành hệ thống hạ tầng khung,

bước đầu đáp ứng nhu cầu triển khai dự án đầu tư của các doanh nghiệp; bao gồm giao thông đường bộ, đường hàng không và đường biển; cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải, thông tin liên lạc, đào tạo nghề, bệnh viện, truyền hình, nhà ở cho công nhân, một số công trình dịch vụ và tiện ích khác; với tổng vốn do Nhà nước và các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng trên 2.000 tỷ đồng; đặc biệt là, cảng nước sâu Dung Quất đã bảo đảm đáp ứng cho tàu trên 2 vạn tấn và chuẩn bị mở tuyến container nội địa. Hàng hóa qua cảng Dung Quất năm 2005 đạt trên 700 ngàn tấn; năm 2006 khả năng đạt từ 1,2 triệu đến 1,3 triệu tấn. Đây là cảng biển có tốc độ phát triển có thể nói cao nhất Việt Nam với tốc độ tăng từ 70 đến 100%/năm...

Trên lĩnh vực thu hút đầu tư, Khu kinh tế Dung Quất đã đạt được những kết quả khả quan. Đến cuối tháng 6-2006, đã có 97 dự án được cấp phép và chấp thuận đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất; với tổng vốn đăng ký đầu tư trên 74 ngàn tỷ đồng Việt Nam, tương đương 4,6 tỷ USD. Trong đó có nhiều dự án 100% vốn FDI có quy mô lớn đang hoàn chỉnh các thủ tục xin cấp phép đầu tư như: Nhà máy luyện thép lò cao của Tập đoàn Tycoons (trên 1 tỷ USD), Nhà máy công nghiệp nặng của Tập đoàn Doosan (200 triệu USD). Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước, đặc biệt là các doanh nghiệp phía Nam và các doanh nghiệp từ Đài Loan,

Hàn Quốc, Trung Quốc... liên tục đến khảo sát đầu tư thuộc các lĩnh vực như Nhà máy hóa dầu Cacbon Black, các nhà máy chế tạo thiết bị, sản xuất - lắp ráp ô tô, chế biến đồ gỗ, dệt may, giày da, sợi tổng hợp; đầu tư phát triển đô thị và các khu dịch vụ - du lịch...

Hiện nay, Dung Quất đã và đang có những nhân tố quan trọng để tự tin bước vào "giai đoạn tăng tốc đầu tư"; giai đoạn này được xác định bắt đầu từ năm 2006 đến năm 2010 với tầm nhìn đến năm 2020, là giai đoạn phát triển chuyển dần từ lượng thành chất, với những bước thực sự nhảy vọt, *trên cơ sở các điều kiện tiền đề và lợi thế sau đây:*

1. Theo Quyết định số 50/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, mục tiêu xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất là để: "trở thành khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực với trọng tâm là phát triển công nghiệp lọc dầu - hóa dầu - hóa chất, các ngành công nghiệp có quy mô lớn bao gồm: công nghiệp cơ khí, đóng và sửa chữa tàu biển, luyện cán thép, sản xuất xi măng, sản xuất container và các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến và xuất khẩu; gắn với việc phát triển và khai thác có hiệu quả Cảng biển nước sâu Dung Quất, sân bay quốc tế Chu Lai và đô thị công nghiệp - dịch vụ Vạn Tường, đô thị Dốc Sỏi.

Đẩy nhanh tốc độ đầu tư xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất cùng với Khu kinh tế mở



Chu Lai để sau năm 2010, các khu kinh tế này từng bước trở thành những hạt nhân tăng trưởng, trung tâm đô thị - công nghiệp - dịch vụ của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và làm động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa khu vực miền Trung và cả nước; là một đầu mối giao lưu quốc tế quan trọng, góp phần mở rộng thị trường khu vực miền Trung và Tây Nguyên và trở thành cầu nối với thị trường Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan".

Như vậy, theo định hướng xây dựng và phát triển tổng hợp tại đây, cho phép Khu kinh tế Dung Quất được vận hành theo mô hình "khu trong khu", phát triển đa ngành, đa lĩnh vực; trở thành trung tâm công nghiệp - dịch vụ và đô thị; là một trong những trung tâm kinh tế lớn của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - Tây Nguyên và của đất nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Với những mục tiêu xây dựng và phát triển như trên, cùng với những lợi thế rất đặc biệt về tự nhiên; có thể và hoàn toàn cho phép Khu kinh tế Dung Quất không ngừng phát triển theo thế tiến lên bằng hai chân trụ chính là: 1) Hình thành một cụm liên hợp công nghiệp lọc - hóa dầu, hóa chất trên diện tích 600 ha, thu hút vốn đầu tư khoảng 3,5 - 4 tỷ USD; 2) Một cụm liên hợp công nghiệp luyện thép, cán thép và các ngành, các sản phẩm sau thép (như đóng tàu, sản xuất container

và thiết bị công nghiệp nặng) trên diện tích khoảng 1.000 ha, thu hút vốn đầu tư từ 3 đến 3,5 tỷ USD; đồng thời, thúc đẩy ba mũi nhọn động lực làm yếu tố phát triển chiều sâu, bền vững và hiệu quả; đó là: phát triển công nghiệp, phát triển cảng biển, xây dựng và phát triển đô thị - dịch vụ.

Với mức độ đầu tư hiện nay, Khu kinh tế Dung Quất hoàn toàn đặt niềm tin vào kết quả thu hút đầu tư: Đến năm 2010, dự kiến vốn đầu tư đạt tối thiểu 6 tỷ USD (trong đó, có khoảng 35 - 40% vốn FDI), vốn thực hiện dự án đạt 60 - 70%, giá trị sản xuất công nghiệp trên 35.000 tỷ đồng, kim ngạch xuất khẩu phải đạt 3 con số, tức là phải đạt trên 100 triệu USD, nộp ngân sách trên 2.000 tỷ đồng và giải quyết khoảng 2 vạn lao động có việc làm, hàng hóa qua cảng Dung Quất đạt 18 triệu tấn/năm. Theo định hướng tiếp tục đà phát triển, Khu kinh tế Dung Quất phấn đấu đến năm 2020, đạt vốn đầu tư thu hút trên 10 tỷ USD, giá trị sản xuất công nghiệp, nộp ngân sách và giải quyết lao động có việc làm đều gấp 2 đến 2,5 lần năm 2010, kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 400 - 500 triệu USD, hàng hóa qua cảng Dung Quất đạt 34 triệu tấn/năm.

**3. Chính sách ưu đãi đầu tư được Thủ tướng Chính phủ cho phép áp dụng như đối với Khu kinh tế mở, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước giảm thiểu sự rủi ro trong đầu tư, bù lại những khó khăn, yếu**

kém của các tỉnh miền Trung về điều kiện hạ tầng, đi lại khó khăn, chi phí vận chuyển cao, thời tiết thất thường và khắc nghiệt và nguồn nhân lực có trình độ cao chưa thể đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tư.

4. Với cơ chế quản lý tập trung và thẩm quyền trực tiếp, cho phép Khu kinh tế Dung Quất có thể thực thi tốt hơn cơ chế "một cửa" trong việc giải quyết các thủ tục đầu tư. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng đối với các nhà đầu tư và như là điều kiện để cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư; phải làm sao để thật sự gần hơn với cơ chế, thể chế và thông lệ quốc tế trong xu hướng hội nhập.

5. Cùng với Khu kinh tế mở Chu Lai và các khu kinh tế lớn trong khu vực, sẽ tạo ra một không gian phát triển kết nối về hệ thống hạ tầng kinh tế - kỹ thuật và sự tương tác, hỗ trợ về xã hội và dịch vụ - đặc biệt là nguồn nhân lực; sẽ là khu vực sôi động, phát triển mạnh mẽ, chắc chắn sẽ góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội và củng cố an ninh, quốc phòng của đất nước. Để làm được điều này, nên chăng là các tỉnh trong khu vực cần thống nhất sự phát triển theo quy hoạch và cùng đề nghị Trung ương cho phép áp dụng cơ chế đặc thù để bảo đảm đủ điều kiện về nguồn lực để có thể tập trung đầu tư những công trình kỹ thuật - xã hội và dịch vụ tiện ích có tính chất dùng chung, làm vai trò tác động lớn và là động lực phát

triển, hình thành một không gian kinh tế có tính chất liên vùng, liên khu nhằm khắc phục sự yếu kém về hạ tầng hiện nay, tạo ra cho được một bước tiến nhảy vọt về môi trường đầu tư.

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi trên, Khu kinh tế Dung Quất cũng gặp không ít những khó khăn và thách thức mới.

Việc đưa vào thực tiễn các nội dung về chủ trương của Bộ Chính trị tại Thông báo số 155, Quyết định số 50 của Thủ tướng Chính phủ; việc triển khai các Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Nhà máy luyện thép, Nhà máy công nghiệp nặng và Nhà máy đóng tàu Dung Quất cùng các nhà máy quy mô lớn khác đang đặt ra yêu cầu về phát triển hệ thống hạ tầng ở quy mô lớn hơn, chất lượng cao hơn, động bộ hơn, bao gồm cả sân bay, bến cảng, đường bộ, đường sắt, nơi ăn, ở, chất lượng nguồn nhân lực, các yêu cầu về sinh hoạt, học hành, chữa bệnh, giải trí và các dịch vụ tiện ích... Đây là những vấn đề vừa mang tính lâu dài, vừa mang tính bức phá và tất yếu là phải huy động nhiều nguồn lực và với sự nỗ lực cao; không chỉ từ Nhà nước, mà còn từ các doanh nghiệp; không chỉ của tỉnh Quảng Ngãi, mà còn liên quan đến cả khu vực; với cấp độ khác hơn, với tính chất và quy mô lớn hơn. Hơn bao giờ hết, yêu cầu của sự phát triển Khu kinh tế Dung Quất từ nay đến năm 2010, phải bắt đầu từ mỗi người, từ sự chủ động, sự hòa quyện, sự

nỗ lực một cách tổng lực để vượt qua thách thức trong giai đoạn trước mắt.

Muốn vượt qua những trở ngại trên và đạt được những mục tiêu đặt ra đến năm 2010 và năm 2020, *vấn đề quan trọng và cấp bách đang đặt ra cần giải quyết đồng bộ là:*

1) Cần có những giải pháp, biện pháp triển khai thực hiện cụ thể và phù hợp; làm cho Quyết định số 50 của Thủ tướng Chính phủ đi vào hiện thực, trong đó, cấp bách nhất là cần đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng trong vùng và trong Khu kinh tế Dung Quất để đáp ứng tốt nhất cho yêu cầu triển khai các dự án; đáp ứng yêu cầu nhà ở, đi lại, học hành, chữa bệnh và lao động sản xuất của hàng trăm chuyên gia nước ngoài, hàng vạn người lao động từ xa đến đây sinh sống, làm việc và đặc biệt là đối với cuộc sống của trên 2.000 hộ dân phải di dời tái định cư khỏi các vùng dự án. Nếu không có sự quan tâm thích đáng và đi trước một bước về việc đầu tư hạ tầng thì sẽ chuyển từ cực quá "thừa tạm thời" sang tình trạng quá "thiếu cấp bách" một khi hàng chục nhà máy triển khai; đặc biệt là các dự án lớn như: Nhà máy lọc dầu, Nhà máy luyện thép, Nhà máy đóng tàu... tại Khu kinh tế Dung Quất.

2) Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý để cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư; phải lấy mục tiêu thu hút

cho được nhiều dự án, nhiều nhà máy vào đầu tư và triển khai đầu tư nhanh, đi vào sản xuất kinh doanh có hiệu quả thì mới có sản lượng công nghiệp, kim ngạch xuất khẩu, mới giải quyết được lao động thiếu việc làm, chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế và sớm thoát khỏi đói nghèo... Cần xác định rằng, sự chuyển mình đổi đời và có khả năng đột biến của Khu kinh tế Dung Quất tất yếu phải đồng thời và gắn liền với sự chuyển mình của cơ chế quản lý, như là một cuộc cách mạng, một cuộc đột phá về cải thiện môi trường đầu tư; trọng tâm là làm quyết liệt việc cải cách thủ tục đầu tư về đất đai, đền bù, giải tỏa, về các yêu cầu hạ tầng - tiện ích, về các loại giấy tờ xin phép. Làm cho Khu kinh tế Dung Quất phải thật sự là nơi hấp dẫn, là điểm đến trong sự nghiệp làm ăn thành đạt của các nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

3) Vốn đầu tư hệ thống hạ tầng là vốn đi trước (theo quy hoạch dự kiến đến năm 2010 khoảng 5.000 tỷ đồng, đến năm 2015 cần đầu tư thêm khoảng 6.000 tỷ đồng), nhằm thúc đẩy sự xuất hiện của các nguồn vốn sản xuất - kinh doanh của các thành phần kinh tế; nhưng vốn Nhà nước sẽ không thể đầu tư toàn bộ hệ thống đó mà làm sao phải có cơ chế để huy động các nguồn vốn đầu tư và khai thác hạ tầng của Khu kinh tế, bảo đảm cho các yêu cầu triển khai dự án; bảo đảm yêu

cầu vận chuyển, đi lại, ăn, ở, học hành, chữa bệnh và bao nhiêu yêu cầu dịch vụ tiện ích trong cuộc sống và làm ăn lâu dài của các nhà đầu tư đến với Dung Quất; tại một vùng đất hầu như còn rất thiếu thốn, khó khăn mọi bề. Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất triển khai việc quy hoạch, lập kế hoạch và giải pháp vốn đầu tư từ nay đến năm 2010 và năm 2015 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thống nhất và đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt.

4) Trước mắt, các hạ tầng quan trọng và cấp thiết để nhà đầu tư có thể đến với Dung Quất, đến với miền Trung cần có sự quan tâm đặc biệt của Quốc hội, Chính phủ mới có thể tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển như: Tuyến đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, mở rộng sân bay Chu Lai và cấp bách phải mở cửa ngõ Khu kinh tế Dung Quất hướng ra biển - hình thành tuyến container nội địa (Quảng Ngãi - thành phố Hồ Chí Minh), từng bước giải quyết bài toán vận chuyển và đi lại cho các nhà đầu tư; đặc biệt là giảm đáng kể chi phí vận chuyển cho các dự án đầu tư; thúc đẩy sự phát triển nhanh về công nghiệp, đô thị và dịch vụ của Khu kinh tế Dung Quất và các tỉnh trong khu vực.

5) Tất cả những yêu cầu đặt ra nói trên, cần phải có giải pháp đồng bộ, nhưng đồng thời phải có thời gian. Vấn đề quyết định nhất và bảo đảm cho tốc độ

phát triển và đạt được mục tiêu của Khu kinh tế Dung Quất đến năm 2010 và hướng tới năm 2020 là vấn đề con người, là nguồn nhân lực; cần có cán bộ quản lý có kinh nghiệm và chuyên nghiệp, đội ngũ chuyên gia giỏi - công nhân kỹ thuật với số lao động lớn, có tay nghề cao. Đây là một trong những yêu cầu cấp bách và quyết định cho sự thành công của các dự án đầu tư và của Khu kinh tế Dung Quất. Việc đào tạo tại chỗ, tại Trường Đào tạo nghề Dung Quất là giải pháp ưu tiên được tính đến với mục tiêu nâng trường thành Trường Cao đẳng nghề của khu vực vào năm 2007 - 2008 để đáp ứng khoảng 60% nhu cầu nhân lực có trình độ đa dạng cho Khu kinh tế Dung Quất. Cùng với giải pháp huy động, thu hút nhân tài - nhân lực cho khu kinh tế phải được đặt ra với những chính sách và giải pháp đồng bộ, rõ hơn, mạnh hơn. Việc làm, thu nhập cho dân cư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tính phát triển bền vững của Khu kinh tế Dung Quất sẽ xuất phát từ yêu cầu then chốt, quyết định này.

Mười năm đã qua là thời gian dài đối với Dung Quất, nhưng là một đoạn đường ngắn trong cả con đường phát triển để vùng đất này cùng với cả khu vực thức dậy, vùng lên và phát triển lớn mạnh. Sự nỗ lực, sự tự lực của Khu kinh tế Dung Quất, của tỉnh Quảng Ngãi nếu không có sự quan tâm giúp đỡ của các cấp, các ngành,



sự liên kết của các tỉnh trong vùng và đặc biệt là sự quan tâm của Trung ương thì sự vượt qua những thách thức không phải là dễ dàng. Khu kinh tế Dung Quất cũng như nhiều khu kinh tế của các tỉnh miền Trung trong thời gian ít nhất là 10 năm trước mắt, không dễ gì nói rằng có thể thu hút đầu tư một cách bình đẳng với các tỉnh, thành phố lớn trong bối cảnh và hoàn cảnh đã và đang có hiện nay.

# NÀNG TIÊN DUNG QUẤT ĐƯỢC ĐÁNH THỨC

*Đại tá Cao Minh*

## 1. Vững Quít - trở thành Dung Quất

Trong bài viết *Nàng là ai?* của nhà văn Nguyễn Chí Trung - thiếu tướng Quân đội nhân dân Việt Nam, in trong cuốn sách *Khát vọng miền Trung*<sup>1</sup> cho biết:

... Ngày 7-5-1965, Mỹ đã đổ quân vào Chu Lai, Vững Quít. Chúng hỏi một tay thông ngôn người Quảng vùng biển mà chúng đang làm kế hoạch đổ bộ tên là gì? Tay thông ngôn trả lời: Vững Quít. Bọn Mỹ phiên âm sang tiếng Anh: ZUNG QUAT.

Từ đó, trên các bản đồ do quân nguy Sài Gòn in cuối năm 1965 trở đi đều ghi vùng biển Chu Lai và cửa Sa Cần là vịnh Dung Quất.

Chẳng bao lâu nữa với cả nước, tên Dung Quất sẽ quen thuộc như: Ba Gia, Vạn Tường; như Bình Đông, Vững Tàu, Sơn Mỹ.

---

1. Xem: Nguyễn Chí Trung: *Khát vọng miền Trung*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2006.

Ai đến vùng biển này cũng có một tiếng "à". Dung Quất là Vũng Quít, và hỏi:

- Có sao nơi này lại tên là Vũng Quít?

Người ta nói: Ngày xưa, một ngày xưa xa lắc, trên những bãi cát vồng kia, mọc vô số những cây gai quít. Lá cứng và xanh. Gai cũng cứng và rất xanh. Màu xanh thắm tựa như màu biển sâu.

Đọc bờ biển ta có biết bao nhiêu là vũng: Vũng Thùng, Vũng Lắm, Vũng Lụi, Vũng Rô, Vũng Buồm. Mỗi nơi như thế đều có một câu chuyện. Như Vũng Thùng chẳng hạn. Ngày Pháp đánh chiếm Đà Nẵng, một người dân chài vào đó, cũng có thể là một sĩ phu, trong đau đớn, bàng hoàng thốt lên:

*Tai nghe súng nổ cái ùng*

*Thôi rồi, Tây chiếm Vũng Thùng hôm qua.*

Nhưng Vũng Lắm, Vũng Lụi, Vũng Buồm, Vũng Quít cũng có một câu ca:

*Vũng Quít ghé dựa vào chơi*

*Hiu hiu gió thổi lòng khơi thế nào.*

Thuở trước, thuyền chạy bằng buồm. Gió lớn và gió lộng, người đi biển ghé thuyền vào Vũng Quít, yên lòng như một cuộc ghé chơi.

Người ta kể: Vua Lê đã có lần cho chiến thuyền ghé vào đây, nên bây giờ có tên là Bến Đậu.

Từ đoạn cuối sông Trà Bồng ra cửa, đầu tiên ta gặp chỏm Đá Vách. Những tảng đá lớn dựng san sát mép bờ. Lòng sông sâu, lổm chỏm đá ngầm.

Cách chỏm Đá Vách chừng hai cây số là Hòn Một. Hòn Một chỉ là hòn núi nhỏ mồ côi. Khi triều lên, Hòn Một chìm trong nước, thuyền lạ không quen lạch có thể va vào đá vỡ toang. Khi triều xuống, Hòn Một nhô lên, tròn trịa và đen xám.

Xuôi Hòn Một đến Hòn Bà, rồi Hòn Dinh, Hòn Trà, Hòn Lũy. Đò qua lại từ bến Tân Hy sang Bình Thạnh đi về giữa các hòn núi ấy.

Cuối sông, đầu cửa Sa Cần là Hòn Ông.

Người xưa đặt tên cho cụm núi này là Hòn Ông, có lẽ cá ông đã về đây. Còn một lẽ nữa, theo cách nghĩ của người xưa, ông thì phải đứng ở ngoài chấn sóng, chấn gió. Thực ra, cụm núi này giống những người đàn bà đang nằm, đầu nhô cao, đôi vú nhọn, hai gối co lại thông dong, mái tóc dày trải dài trên mặt biển.

Nhìn về bên phải, một viên cát màu vàng pha lượn quanh Bãi Vòng. Sau viên cát vàng ấy là rặng phi lao thấp và mịn, chạy dài mãi rồi nhỏ dần cho đến khi chỉ còn thấy một vệt xanh mờ.

Bên trái là Hòn Cò - hình ảnh một con cò đang xấp cánh, duỗi hai chân phía sau, bay là là giữa những ngọn sóng.

Qua khỏi Hòn Cò là hòn Cổ Ngựa. Người Bình Đông gọi xóm là vức. Dưới chân hòn Cổ Ngựa về phía đất là Vức 1. Dân Vức 1 đã đào những địa đạo ngầm chạy từ trong xóm xuyên qua chân núi, miệng địa đạo hướng ra các hang đá phía biển.

Qua khỏi hòn Cổ Ngựa là Hòn Cóc, mà phủ dày mặt Hòn Cóc là vô số những đám rau cóc. Lá rau cóc nhỏ bằng nửa đốt ngón tay, thân dài, củ màu trắng, khi đói có thể nhai và nuốt để sống qua ngày.

Cạnh Hòn Cóc là hòn Nam Châm, là hòn núi cao nhất Vũng Quít vạm vỡ vươn dài ra biển. Người ta đồn: trên núi Nam Châm có nam châm, một chiếc máy bay Nhật bay qua hồi trước năm 1945 bị nam châm hút lộn cổ xuống biển.

Biển lênh láng, tràn trề, mềm mại, bênh bồng và xanh ngắt.

Cho đến nay đã có gần 50 đoàn khách đến đây. Đồn biên phòng của Sa Cần bố trí cho khách đi một vòng qua vịnh. Ai cũng thốt lên: Biển trong và đẹp quá! Có lẽ ở nước ta không có nơi nào biển trong như thế này. Biển đẹp như một nàng tiên.

Các nhà soạn nhạc đã đến đây, các nhà thơ cũng đã đến. Họ gọi Vũng Quít, cái tên Việt Nam nôm na, thật như đất, hiền như đất là nàng tiên Dung Quất. Nàng ngủ say đã mấy ngàn năm, âm thầm và thốn thức. Lời thơ và khúc nhạc miêu tả các nhà khoa học, các nhà quản lý, các nhà quy hoạch đô thị và nông thôn là các vị hoàng tử, là Từ Thức, đang đến đây vỗ về nàng tiên Dung Quất: Dậy đi em, dậy đi em, từ giấc ngủ ngàn năm em hãy dậy...

## 2. Nàng tiên Dung Quất được đánh thức

Đường lối đổi mới và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta đã tạo nên thời cơ cho các nhà khoa học nhập cuộc, tìm ra những ưu thế của đất nước để thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Từ đầu năm 1992, hai nhà khoa học về hải dương học là Tiến sĩ Trương Đình Hiến và Kỹ sư Bùi Quốc Nghĩa của Phòng Thủy hải văn công trình, thuộc Phân viện Khoa học Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh (nay là Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam) đã đề ra kế hoạch, khảo sát nghiên cứu 12 cửa biển, vịnh, vũng ở bốn tỉnh ven biển miền Trung: Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam - Đà Nẵng, Quảng Ngãi và Bình Định. Các nhà khoa học đã phát hiện và lựa chọn: vịnh Dung Quất (Quảng Ngãi), Chân Mây (Thừa Thiên - Huế), Nhơn Hội (Bình Định) có đủ điều kiện để xây dựng cảng biển nước sâu.

Sau một thời gian nghiên cứu, tháng 9-1992, bằng công trình nghiên cứu khoa học công phu và nghiêm túc đã đưa ra dự án xây dựng Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất. Hai nhà khoa học đã trình bày các luận cứ khoa học - kỹ thuật khẳng định Dung Quất hội đủ các điều kiện quan trọng để xây dựng nơi đây thành tổ hợp cảng biển nước sâu và khu công nghiệp -

thương mại phức hợp, làm điểm tựa cho sự phát triển kinh tế - xã hội miền Trung, hội nhập vào sự phát triển kinh tế khu vực tiểu vùng sông Mê Kông, châu Á - Thái Bình Dương và thế giới.

Theo các nhà khoa học, Cảng biển nước sâu Dung Quất có những đặc điểm sau:

- *Vịnh lớn*: Toàn bộ vịnh Dung Quất được xem là vịnh lớn. Cửa vịnh lớn được giới hạn từ mũi Thành Long (huyện Núi Thành - Quảng Nam) đến mũi Co Co (huyện Bình Sơn - Quảng Ngãi) với chiều rộng cửa là 11 km. Chiều dài trung bình của vịnh là 12 km, nơi dài nhất là 13 km. Chiều rộng trung bình của vịnh là 4 km, nơi rộng nhất là 5 km. Tổng diện tích toàn vịnh là 48 km<sup>2</sup>, trong đó phần diện tích có độ sâu từ 6 đến 20m chiếm khoảng 34 km<sup>2</sup>. Phần diện tích có độ sâu từ 10 đến 20m chiếm khoảng 25 km<sup>2</sup> (bằng 52% diện tích toàn vịnh). Các đường đẳng sâu phân bố gần như song song với vạch bờ. Đáy vịnh hầu hết là cát trắng và rất mịn. Phần phía tây vịnh lớn, đoạn từ cửa sông Trà Bồng đến mũi Thành Long chịu tác động mạnh mẽ của trường gió mùa đông bắc. Phần phía đông từ cửa sông Trà Bồng đến mũi Co Co là khu vực được mũi Co Co chắn tạo thành khu vực kín gió.

- *Vịnh nhỏ*: Khu vực vịnh nhỏ nằm trong phần phía đông của vịnh lớn. Vịnh nhỏ có cửa là đường nối liền của Sơn Trà (cửa sông Trà Bồng) với tọa độ 108<sup>o</sup> 47'E

và  $15^{\circ} 23'N$  và mũi Co Co (mũi đất Vi An Ka) với tọa độ  $108^{\circ} 47'E$  và  $15^{\circ} 26'N$ . Cửa vịnh có chiều rộng 4 km và hướng về tây - tây bắc. Vì vậy, cửa vịnh được che chắn bởi phần đất liền phía Chu Lai và mũi Thành Long của tỉnh Quảng Nam. Diện tích của vịnh nhỏ khoảng  $7 \text{ km}^2$ . Phần diện tích có độ sâu từ 6 đến 20m chiếm khoảng  $3 \text{ km}^2$ . Khu vực có độ sâu lớn là phần phía đông vịnh sát với mũi Co Co. Đáy vịnh nhỏ là cát trắng mịn.

Phần phía đông - bắc vịnh được che chắn bởi dãy núi đá thấp có chiều dài khoảng 2,3 km và chiều rộng trung bình khoảng 0,5 km, độ cao trung bình khoảng 20m, chỗ cao nhất là mũi Co Co (hơn 40m). Dãy núi này chạy theo hướng đông nam - tây bắc tạo thành mũi kéo dài ra biển. Phía đông vịnh có núi Nam Châm cao 141m và dài 1 km chạy theo hướng tây nam - đông bắc.

Về khoảng cách từ khu vực vịnh nhỏ nơi dự định xây Cảng biển nước sâu đến các khu vực quan trọng tính theo đường thẳng như sau:

Cách Hà Nội:	860 km.
Cách thành phố Hồ Chí Minh:	860 km.
Cách cảng Đà Nẵng:	95 km.
Cách cảng Quy Nhơn:	190 km.
Cách căn cứ Chu Lai:	7 km.
Cách đường hàng hải nội địa:	30 km.
Cách đường hàng hải quốc tế	190 km.



Từ khu vực xây dựng cảng đến quốc lộ 1A, đường sắt và đường điện quốc gia tại ngã ba Bình Đông là 12 km và về đến thị xã Quảng Ngãi là 38 km.

Với những điều kiện trên, vịnh nhỏ Dung Quất là một vịnh sâu, kín gió, nằm ở vùng giữa của đất nước, tiếp cận với đường hàng hải đông - tây, có hậu phương lớn, có khả năng trở thành cửa ngõ thông thương với các nước Lào, Thái Lan, Campuchia và Mianma, có mặt bằng rộng lớn và nguồn nước phong phú, tiếp cận với đường giao thông xuyên Việt của đất nước, có nhiều thuận lợi để xây dựng một cảng biển nước sâu, một khu công nghiệp tập trung của miền Trung và đất nước trong giai đoạn phát triển sắp đến.

- *Về khu vực trên đất liền:* Dải cát ven vịnh kéo dài từ cửa sông Cầu (xã Bình Thuận) đến cửa sông Trà Bồng (xã Bình Đông) có chiều rộng khoảng 100 - 200m. Tiếp theo dải cát hẹp là bãi cát và đất pha cát bằng phẳng có chiều dài 5 km và rộng 2 km với diện tích khoảng 10 km<sup>2</sup>. Phần đất rộng lớn nằm về phía bên trái sông Trà Bồng khoảng 46 km<sup>2</sup>. Nhìn chung, phần đất có thể xây dựng khu công nghiệp và khu dân cư đô thị kéo dài từ Chu Lai đến Vạn Tường trên khu vực rộng lớn hàng trăm kilômét vuông nằm trên địa bàn huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (Bình Đông, Bình Thuận, Bình Thạnh, Bình Trị, Bình Phước, Bình Chánh, Bình Hòa, Bình Dương, Bình Hải, Bình Nguyên...). Trong khu vực dự

định xây dựng khu công nghiệp có sông Trà Bồng chảy ra vịnh Dung Quất. Sông Trà Bồng có lưu vực nhỏ, chảy qua vùng đồi núi có rừng phòng hộ đầu nguồn tốt nên lượng phù sa do xói mòn rất ít.

Nhìn chung, khu vực rộng lớn nói trên do sự phân bố của các bãi cát rộng lớn cùng với tập hợp rải rác các đồi núi thấp chen giữa các vùng đất khô cằn đã trở thành khu vực thuận lợi cho việc phát triển xây dựng các khu công nghiệp và khu dân cư đô thị với cảnh quan hùng tráng như khu vực ven biển vịnh Dung Quất kéo dài đến vịnh Việt Thanh, vũng Nho Na, Vạn Tường.

Với những điều kiện thuận lợi của vịnh nhỏ Dung Quất và khu vực đất liền Dung Quất, ta có thể xây dựng một cảng biển nước sâu gắn liền với xây dựng một khu công nghiệp - đô thị tập trung bảo đảm cho miền Trung có thể cất cánh vào thế kỷ XXI và sự phát triển chung của đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Dự án Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất lần lượt được trình bày với các nhà lãnh đạo địa phương và Chính phủ.

Ngày 19-9-1994, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã thị sát khu vực dự án xây dựng Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất. Tiếp đến Tổng Bí thư Đỗ Mười, Chủ tịch nước Lê Đức Anh, Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh, đồng chí Phạm Thế Duyệt, đồng chí Phan Văn Khải,

đồng chí Trần Đức Lương và đồng chí Ngô Xuân Lộc...  
đến thị sát Dung Quất.

Ngày 11-4-1996, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 207/TTg về việc phê duyệt Quy hoạch chung Khu công nghiệp Dung Quất (xem phụ lục 1).

Ngày 5-12-1997, tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa X (từ ngày 21-11-1997 đến ngày 12-12-1997), Quốc hội đã ra Nghị quyết số 07/1997/QH10 về Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất, là công trình quan trọng quốc gia (xem phụ lục 2).

Quá trình tiến hành xây dựng Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất, các nhà khoa học đã lần lượt nghiên cứu, phát hiện, đề nghị xây dựng Cảng biển nước sâu - Khu đô thị Chân Mây (Thừa Thiên - Huế) và Cảng biển nước sâu - đô thị Nhơn Hội (Bình Định) và sự phát triển của thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam, v.v. để đáp ứng yêu cầu phát triển mới, thúc đẩy sự phát triển của miền Trung. Ngày 13-8-2004, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 148/2004/QĐ-TTg về phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 (xem phụ lục 3).

Ngày 11-3-2005, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 50/2005/QĐ-TTg về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi. Theo Quyết định này, Khu kinh tế Dung

Quất có phạm vi diện tích khoảng 10.300 ha đất thuộc tỉnh Quảng Ngãi bao gồm các xã: Bình Chánh, Bình Định, Bình Đông, Bình Thuận, Bình Trị, Bình Hải và một phần diện tích đất của các xã Bình Phước, Bình Hòa và Bình Phú của huyện Bình Sơn. Có ranh giới địa lý được xác định như sau:

Phía đông giáp biển Đông;

Phía tây giáp xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi;

Phía nam giáp các xã Bình Long, Bình Hiệp, Bình Phú, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi;

Phía bắc giáp huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (xem phụ lục 4).

Đảng và Nhà nước ta chọn Dung Quất để xây dựng cảng biển nước sâu và xây dựng khu công nghiệp là một quyết định sáng suốt, dũng cảm, đầy tính cách mạng và khoa học, được nhân dân miền Trung phấn khởi, nhân dân cả nước đồng tình, bạn bè quốc tế ủng hộ. Rõ ràng một quyết định hợp với ý Đảng, lòng dân. Dung Quất đã và đang trở thành đòn điểm huyệt đột phá chiến lược để miền Trung phát triển và cất cánh trong thế kỷ XXI.

Tuy nhiên, như người xưa đã tổng kết: *"Vạn sự khởi đầu nan"*. Trong việc xây dựng Khu công nghiệp Dung Quất với sự khởi đầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nên tất yếu gặp phải những khó khăn cả về chủ quan và khách quan mà ta khó lòng được hết

mọi việc, nên đã xảy ra sự chậm trễ kéo dài, gây lãng phí lớn tiền bạc, công sức của nhân dân, đã làm nóng lên trong nghị trường Quốc hội. Qua tranh luận với những ý kiến khác nhau, Quốc hội đã nhất trí quyết nghị: Tiếp tục xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất, với số phiếu tán thành trên 80% của tổng số đại biểu Quốc hội. Rõ ràng năng tiên Dung Quất đã được đánh thức.

**NẾU ĐƯỢC XEM XÉT LẠI,  
TÔI VẪN CHỌN DUNG QUẮT LÀM  
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG NHÀ MÁY LỌC DẦU  
NHƯ NHẬN ĐỊNH BAN ĐẦU**

**Võ Văn Kiệt\***

.....

Theo dõi kỹ phiên chất vấn và trả lời chất vấn và đọc lại tường thuật trên các báo về hai ngày làm việc tại Hội trường ngày 8 và 9-6-2005 của Quốc hội, tôi rất mừng về tinh thần thẳng thắn và tương đối mạnh dạn trong chất vấn và trả lời chất vấn. Đặc biệt là trong vấn đề quyết định và tiến độ xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất...

Tôi hiểu đây là một bước của quá trình thảo luận công khai và minh bạch trước cử tri và nhân dân cả nước, công khai và minh bạch thực thi quyền dân chủ thảo luận trên báo chí và các phương tiện truyền thông đại chúng về những vấn đề lớn của đất nước mà nhân

---

\* Nguyên Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

dân ta đang chăm chú theo dõi với ý thức trách nhiệm công dân và tình cảm thiết tha đối với công việc của đất nước. Là người trước đây từng chịu trách nhiệm chính về chủ trương xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, một công trình trọng điểm quốc gia, đưa con đầu lòng của ngành dầu khí Việt Nam, tôi xin được chia sẻ với đồng chí Chủ tịch Quốc hội về thái độ thẳng thắn và tinh thần trách nhiệm. Đồng thời, tôi cũng muốn góp phần thúc đẩy quá trình dân chủ thảo luận, trong việc nhận rõ trách nhiệm đối với những công việc cụ thể có địa chỉ hẫng hụt, khắc phục tình trạng né tránh mà tôi vẫn thấy còn biểu hiện đây đó.

Để góp phần vào việc này, tôi xin cung cấp những thông tin cần thiết và chính xác gắn liền với ý thức nhận lãnh phần trách nhiệm cụ thể về công việc của bản thân mình khi chịu trách nhiệm là Thủ tướng Chính phủ của nhiệm kỳ phải giải quyết về chủ trương và địa điểm xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

Về địa điểm xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất:

Đúng như Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã giải trình trước Quốc hội, ban đầu có năm phương án đưa ra gồm: Long Sơn (Bà Rịa - Vũng Tàu), Nghi Sơn (Thanh Hóa), Dung Quất (Quảng Ngãi), Hòn La (Quảng Bình) và Vân Phong (Khánh Hòa). Khi xem xét ba phương án được ủng hộ nhiều hơn là Dung Quất, Long Sơn và Nghi Sơn, trong đó Dung Quất được ủng hộ nhiều nhất. Thật ra,

đây là cả một quá trình trao đổi rất cụ thể và với nhiều cân nhắc rất nghiêm túc và hết sức chi tiết.

Đối tác đầu tiên mà chúng tôi thảo luận là Tập đoàn dầu khí Total của Pháp. Total muốn địa điểm đặt tại Long Sơn (Vũng Tàu). Việc lựa chọn này của phía nhà đầu tư là hợp lý đối với họ, vì như vậy là kinh tế nhất. Tuy nhiên, nếu đặt nhà máy lọc dầu ở đây sẽ phải cân nhắc tính toán hai vấn đề:

Khu công nghiệp dầu khí không chỉ đơn thuần là một nhà máy lọc dầu, mà cùng với nó là nhà máy hóa dầu và rồi hình thành một cụm các công trình liên quan. Trong lúc đó, ta đã có chủ trương phát triển Khu công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu nối liền với Khu công nghiệp Đồng Nai, hình thành khu khí điện đạm Phú Mỹ. Như vậy, nếu lại hình thành nên một cụm công nghiệp tại Long Sơn sẽ là sự tập trung quá lớn những công trình trọng điểm quốc gia vào một khu vực, trên bình diện vĩ mô, sẽ là điều không hợp lý. Hơn nữa, ở Long Sơn không có cảng nước sâu, để triển khai xây dựng công trình trọng điểm quốc gia này phải làm 3 km cầu cạn mới ra đến được cảng nước sâu phía bãi Trước của Vũng Tàu. Tuy không phải là lý do chính, song cũng phải tính toán trước để đề phòng, quá trình vận chuyển dầu, nếu có sự cố rò rỉ sẽ đe dọa trực tiếp hoạt động của khu du lịch Vũng Tàu.

Chính vì vậy, Thường trực Chính phủ đã cân nhắc



và báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị để yêu cầu dịch chuyển nhà máy lọc dầu ra miền Trung, tìm nơi nào có cảng nước sâu đúng với yêu cầu. Có ba địa điểm được gọi ra: cảng Ba Ngòi ở sát đường dẫn vào vịnh Cam Ranh và tiếp đó là vịnh Vân Phong ở Khánh Hòa và cảng Liên Chiểu ở Đà Nẵng.

Với Ba Ngòi thì không thể đặt ra vì lúc ấy có nhiều lý do chưa thể thu xếp được. Vịnh Vân Phong thì Total sau khi đến nghiên cứu đã từ chối vì lý do cũng tương tự như trên. Về phía Chính phủ ta, khi đến trực tiếp khảo sát Vân Phong, chúng tôi nhận ra được đây là một vị trí cho xây dựng một khu du lịch sinh thái thuộc loại đẹp nhất của nước ta. Một công ty của Malaixia đã đệ trình một dự án đầu tư khai thác du lịch sinh thái rất có triển vọng. Với Liên Chiểu ở Đà Nẵng, tuy cũng có những lợi thế, song cũng sẽ gặp tình huống như ở Long Sơn (Vũng Tàu) vì quá tập trung vào một nơi đã có nhiều kế hoạch đầu tư đang được triển khai.

Chính vì vậy, sau buổi khảo sát Vân Phong, khi về làm việc tại Đà Nẵng, được giới thiệu về vịnh Dung Quất, lại được nghe là đã có một nhóm chuyên gia khoa học về cảng nước sâu của ta đến đây khảo sát và đưa ra những kết luận khả quan. Ngay sau đó, chúng tôi cùng với đồng chí Trương Quang Được, Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Nam - Đà Nẵng lúc bấy giờ, về trực tiếp khảo sát Dung Quất. Sau khi cân nhắc kỹ mọi mặt: có cảng nước sâu ở

bên ngoài để dẫn dầu thô vào, có cảng trong vịnh để làm cảng phân phối. Ở đây lại gần quốc lộ 1A và đường sắt thống nhất, tiếp đó là sân bay Chu Lai, Công trình thủy lợi Thạch Nham sẽ cung cấp đủ nước ngọt...

Như vậy, rõ ràng Dung Quất có nhiều lợi thế để đặt nhà máy lọc dầu nằm ở khu vực giữa Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, vùng lãnh thổ đặc biệt quan trọng của đất nước. Với sự cân nhắc lợi thế đó, Thường trực Chính phủ đã báo cáo với Bộ Chính trị và được sự nhất trí cao cho việc đặt nhà máy lọc dầu tại Dung Quất.

Sau khi Total khước từ, chúng ta đã liên hệ với một đối tác khác là Petronas (Malaixia). Cũng với những cam kết như Total, họ chỉ yêu cầu thêm một điều kiện: Sau khi nhận được phân dầu được chia, xin tạo điều kiện cho họ phân phối ngay tại thị trường Việt Nam để tránh khỏi phải chi phí vận chuyển về lại Malaixia để rồi mới xuất đi. Theo nhận định của Thường trực Chính phủ, hoàn toàn có thể chấp nhận đề nghị đó để Petronas cùng PetroVietnam trực tiếp bắt tay vào ngay quy trình xây dựng. Rất tiếc là ý kiến này không được chấp thuận.

Trong điều kiện ấy, sau khi cân nhắc mọi mặt, xin ý kiến Bộ Chính trị đi đến quyết định tự mình làm lấy. Đó là một quyết định đúng. Vì chúng ta có đủ điều kiện để tự mình làm, vấn đề kỹ thuật, công nghệ nếu cần thì có thể chủ động mời chuyên gia nước ngoài.

Cho đến nay, nếu được xem xét lại, tôi vẫn chọn Dung Quất làm địa điểm xây dựng nhà máy lọc dầu như nhận định ban đầu, góp phần rất có ý nghĩa cho khu vực kinh tế miền Trung và cho cả nước trong quá trình đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên con đường hội nhập kinh tế quốc tế...

.....

# VÀI CẢM NGHĨ VỀ KHU CÔNG NGHIỆP DUNG QUẤT<sup>1</sup>

Huỳnh Ngọc Phiến\*

Dự án Khu công nghiệp Dung Quất đã được báo chí nói đến rất nhiều. Theo những thông tin đã được công bố, đây là một dự án lớn mở ra nhiều triển vọng tốt đẹp cho việc phát triển miền Trung, vùng đất nghèo nhất của Tổ quốc. Trong bài viết này, xin ghi nhận lại một vài nét chính về Dung Quất cũng như vài cảm nghĩ ban đầu về việc phát triển dự án trong bối cảnh rộng lớn hơn, xứng đáng với tiềm năng của nó.

## 1. Vài nét chính về dự án Dung Quất

Khu du lịch Dung Quất có ranh giới quy hoạch nằm trong hai huyện Bình Sơn (Quảng Ngãi) và Núi Thành (Quảng Nam - Đà Nẵng). Diện tích toàn bộ mặt đất và vùng biển là 16.000 ha, trong đó đất liền chiếm 15.000 ha. Khu này có nhiều điều kiện thiên nhiên thuận lợi.

---

1. Xem: *Khát vọng miền Trung*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2006.

\* Viện Kỹ thuật châu Á, Băng Cốc, Thái Lan.

Vùng Dung Quất nằm ở phía đông - bắc huyện Bình Sơn, có độ sâu từ 6 đến 20m, rất thuận tiện cho việc xây dựng nhiều cảng với khả năng đón nhận tàu từ 3.000 đến 10.000 tấn (độ sâu 6 - 10m), từ 10.000 đến 30.000 tấn (độ sâu 15 - 18m), 50.000 đến 100.000 tấn (độ sâu 15 - 18m), và từ 100.000 đến 200.000 tấn (độ sâu 19 - 22m). Khu vực thích ứng cho việc xây dựng cảng rất kín gió: mùa gió đông bắc được mũi Co Co che chắn và mùa gió tây nam được lục địa che khuất. Vùng Dung Quất đã từng là nơi trú ẩn cho tàu đánh cá cho mùa gió bão. Khu vực xây dựng cảng hầu như ít bị ảnh hưởng của sóng từ biển khơi truyền vào. Khi có công trình bảo vệ bằng đê chắn sóng dài khoảng 2 - 3 km, thì cụm cảng Dung Quất sẽ có chiều dài khoảng 21 - 23 km, phần lớn ở khu vực nước sâu thích hợp cho tàu có trọng tải lớn (50.000 đến 200.000 tấn) vào.

Phần đất tiếp giáp vùng Dung Quất có mặt bằng khoảng 100 km<sup>2</sup> với nền đất khá tốt. Nơi đây ta có thể xây dựng các bãi chứa container cỡ lớn, các khu công nghiệp lọc dầu, hóa dầu, đóng tàu, luyện kim, chế biến nông, lâm sản, v.v.. Đặc biệt, dọc theo bờ biển phía đông từ Vạn Tường đến An Thành có nhiều bãi cát rộng và dồi dào thích hợp cho việc xây dựng khu dân cư như thành phố Vạn Tường cũng như các khu du lịch, giải trí.

Sân bay Chu Lai, xây dựng trong thời chiến, có

đường băng chính dài 3,25 km và đất trống kế cận để có thể được cải biến thành một sân bay dân dụng quốc tế như dự kiến của Chính phủ. Sự phát triển của dự án Dung Quất phải được gắn liền với sự mở mang của sân bay Chu Lai và ngược lại. Sân bay quốc tế Chu Lai sẽ giúp cho các nhà đầu tư nước ngoài đến Dung Quất dễ dàng, thuận tiện và chính yêu cầu đến Dung Quất tạo ra tiền đề cho việc quốc tế hóa sân bay Chu Lai. Chu Lai còn có thể biến thành nơi sửa chữa máy bay trong tương lai và vùng đất lân cận có thể biến thành khu công nghiệp điện tử, công nghệ thông tin, v.v..

Về phía tây vùng Dung Quất khoảng 10 km có quốc lộ 1A và đường sắt, nhờ vậy việc giao thông về đường bộ có thể được giải quyết dễ dàng, ít ra là trên nguyên tắc.

Sông Trà Bồng (và khi cần, cả sông Trà Khúc) có thể cung cấp nguồn nước, đáp ứng nhu cầu nước trong công nghiệp.

## **2. Dung Quất và Việt Nam**

Dự án Dung Quất sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế của Việt Nam, đặc biệt là miền Trung và Tây Nguyên.

Hiện nay, phần lớn các đầu tư từ nước ngoài tập trung vào hai khu tam giác phát triển ở miền Bắc (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh), và miền Nam (thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu), trong khi đó, chưa

có đầu tư đáng kể nào vào miền Trung. Gần đây có mấy dự án du lịch lớn như khu Non Nước, khu Lăng Cô - Bạch Mã được nói đến trên báo chí, tuy nhiên các dự án này đòi hỏi một thời gian dài hơn 10 năm, trước khi trở thành hiện thực. Quan sát kỹ ta sẽ thấy rằng, sự khác biệt về mức độ phát triển kinh tế cũng như cung cách thực hiện giữa hai miền Bắc - Nam đã không được thu hẹp lại mà còn tăng thêm lên. Bởi thế, sự phát triển kinh tế của miền Trung trở thành điều kiện tất yếu để cân bằng sự phát triển của hai miền Bắc - Nam, bởi miền Trung là nhịp cầu nối giữa hai miền. Cũng vì thế mà việc Chính phủ quyết định đặt Nhà máy lọc dầu số 1 ở Dung Quất là một quyết định rất quan trọng về kinh tế và chính trị, mở ra điều kiện tất yếu nói trên cho nhiều hoạt động phát triển công nghiệp khác, nhờ đó tạo cơ hội để miền Trung cùng đi lên với hai miền Bắc - Nam.

Các dự án du lịch lớn nói trên đòi hỏi có sự hỗ trợ của nhiều dự án khác nữa ở miền Trung để thành công. Với vốn đầu tư khá lớn, 240 triệu USD cho Non Nước và 350 triệu USD cho Lăng Cô - Bạch Mã, các nhà đầu tư chỉ có thể thu hồi vốn và sinh lời nếu có một lượng du khách đông đảo. Chính vì vậy mà dự án Dung Quất cần phải được nhìn nhận là một yếu tố tích cực để cho các dự án trên được triển khai: khi đến làm việc ở Dung Quất, các nhà đầu tư sẽ có dịp tới thăm khu du lịch Non Nước hay Lăng Cô - Bạch Mã.

Trong tương lai, khi cụm cảng Dung Quất ra đời, với các đường lộ sẵn có, Dung Quất trở thành cửa ngõ cho việc xuất nhập khẩu của Tây Nguyên, tạo điều kiện cho vùng này phát triển. Ngoài ra, sự ra đời của các trục lộ quốc tế (sẽ nói sau) sẽ làm cho Tây Nguyên được tiếp cận nhiều hơn với bên ngoài và theo đó sẽ được phát triển nhanh chóng hơn. Tây Nguyên, với khí hậu đặc thù (vừa mát, vừa có nhiều ánh sáng mặt trời) cũng đang chờ cơ hội để phát triển mạnh mẽ hơn.

### **3. Dung Quất với các nước trong vùng**

Dung Quất nằm ở vị trí khá quan trọng, không cách xa đường hàng hải quốc tế giao lưu giữa Hồng Kông, Đài Loan, Nhật Bản, Xingapo, v.v.. Từ Dung Quất đi Lào và Đông Bắc Thái Lan (cả hai đều cần ra biển để tiến hành việc xuất nhập khẩu) ta có thể theo một trong hai trục lộ sau đây:

- Dung Quất - Đà Nẵng - Huế - Đông Hà - Savanakhét (Lào) - Mudahan (Thái Lan).

- Dung Quất - Mộ Đức - Kon Tum - Đắc Tô - Bohet - Toixen - Ban Phon - Xalavan - Pakse (Lào) - Ubon Ratchathani (Thái Lan).

Ngoài ra, từ Dung Quất cũng có đường đi Stung Treng (Campuchia) qua ngã Kon Tum. Trong những năm gần đây, tổ chức ESCAP (Ủy ban kinh tế - xã hội châu Á và Thái Bình Dương) thường đề cập đến các trục lộ xuyên qua nhiều nước. Cần đưa các trục lộ vừa nói



vào chương trình nghiên cứu của ESCAP càng sớm càng tốt để việc xây dựng các trục lộ này được sự hỗ trợ quốc tế. Trong hợp tác vùng, của ngõ Dung Quất sẽ được đặc biệt chú ý tới.

Về giao thông vận tải đường biển, quanh ta có các cảng nước sâu quan trọng như Laem Chabang, Maptaput (Thái Lan), vịnh Subic (Philippin)... đã hoạt động. Vì vậy, cũng cần để ý đến sự liên minh và cạnh tranh quốc tế trong lĩnh vực này.

#### **4. Việc hiện thực dự án Dung Quất**

Trước hết, cần phải nói rằng đây là một dự án lớn. Chưa kể việc cải tiến sân bay Chu Lai, dự án Dung Quất cần một vốn đầu tư khoảng 10 tỷ USD và như thế vượt quá khả năng tài chính hiện tại của Chính phủ. Để hiện thực dự án, chắc chắn ta phải trông cậy vào đầu tư nước ngoài. Không phải của một tập đoàn (dù lớn đến đâu đi nữa, bởi để tránh rủi ro, không bỏ hết trứng vào một tổ, như ta vẫn thường nói), mà nhiều tập đoàn.

Do tầm cỡ to lớn của dự án, cần phải có sự quản lý của một tổ chức duy nhất (lý tưởng là một công ty liên doanh giữa Việt Nam với nước ngoài) để điều phối mọi hoạt động triển khai dự án. Khía cạnh bảo vệ môi trường của dự án cần được đặc biệt quan tâm (vì công nghiệp lọc dầu và hóa dầu sẽ sinh ra nhiều chất độc hại - cũng vì thế mà nhà máy lọc dầu không nên đặt ở gần khu đông dân), nên sự quản lý của một tổ chức duy nhất

(công ty liên doanh) là điều kiện tất yếu. Nếu ta để cho tập đoàn đầu tư triển khai dự án mà không có một sự điều phối và quản lý tốt, việc bảo vệ môi trường sẽ bị lơ đãng (vì người ta muốn kiếm lời nhiều và càng sớm càng tốt). Cái lợi trước mắt nhiều khi không đủ để bù lại những thiệt hại lâu dài về môi trường sống. Trong điều kiện lý tưởng, công ty liên doanh sẽ đảm nhận việc xây dựng cơ sở hạ tầng cơ bản (đường sá và hệ thống thoát nước trong khu vực của dự án, hệ thống xử lý chất thải rắn, chất thải lỏng và chất độc hại) cũng như các tiện ích (điện, nước, điện thoại, v.v.) và lo việc quản lý chung. Chính tổ chức (công ty liên doanh) này lo đảm trách công tác kêu gọi các công ty đầu tư nước ngoài và thực hiện việc xây dựng cảng, nhà máy lọc dầu, khu hóa dầu, khu luyện kim, v.v. theo đường hướng chỉ đạo của Chính phủ, giống hệt như việc làm của một công ty phát triển khu công nghiệp.

Cũng vì tầm cỡ to lớn của dự án, công ty liên doanh (vừa nói) phải mời cho được các chuyên gia quy hoạch quốc tế tham dự vào việc quy hoạch dự án. Điều này cũng rất quan trọng bởi việc xây dựng cơ sở hạ tầng, việc ấn định vị trí thích hợp cho các loại hình công nghiệp... sẽ có ảnh hưởng lớn lao lên dự án và khả năng mở rộng trong tương lai của dự án hay các nhà máy trong khu công nghiệp.

Dự án nên bắt đầu với việc phát triển vùng đất đồi dọc theo bờ biển phía đông, từ mũi Co Co xuống quá

Vạn Tường, vì tại đây, mặt đất có cao độ lớn (không sợ lũ lụt gây thiệt hại cho các công trình công cộng, các nhà máy, v.v.), đất nền lại rất tốt (giảm phí tổn trong việc xây dựng). Làm như vậy, dự án sớm mang lại lợi nhuận cho mọi thành phần tham gia và lợi nhuận này nên được dùng để phát triển phần còn lại với điều kiện thiên nhiên không được thuận tiện như vùng vừa đề cập.

Như mọi người có thể đón được, các nhà đầu tư, đặc biệt là các công ty tham gia dự án nhà máy lọc dầu không sốt sắng lắm trong việc đầu tư vào Dung Quất, dù cho đến nay, chỉ trong một thời gian không đầy một năm kể từ khi Dung Quất được báo chí đưa tin, đã có khoảng 50 tập đoàn (trong đó có cả tập đoàn khổng lồ) đến thăm dò cơ hội... Lý do cơ bản là Dung Quất không có cơ sở hạ tầng! Trong số báo ngày 11-4-1995, tờ *Bangkok Post* khi nói về nhà máy lọc dầu, đã in một tấm ảnh về Dung Quất với cát trắng, đồi núi xa xa, dăm cây dương liễu còm cõi và vài túp lều tranh thiếu não... để đi đến một câu hỏi: phải chăng đây là một ảo tưởng?

Như thế, muốn cho dự án Dung Quất sớm trở thành hiện thực (thực tế chính trị và kinh tế của nước ta cho thấy là cần phải hiện thực dự án này), việc thành lập công ty liên doanh (duy nhất) đảm nhận công tác xây dựng cơ sở hạ tầng cơ bản và các tiện ích cần được tiến hành sớm. Việc này cũng không đơn giản vì lẽ thời gian thu hồi vốn của công ty phát triển cơ sở hạ tầng thường

khá lâu, lại càng có thể lâu hơn nữa trong trường hợp dự án Dung Quất. Thành ra cần có chính sách nâng đỡ, khuyến khích công ty liên doanh này đúng mức.

Có thể chính các công ty tham gia dự án nhà máy lọc dầu cũng đã thấy Dung Quất là nơi thích hợp, chỉ có điều là họ cần được một số yếu tố khuyến khích và đặc ân từ Chính phủ để bắt đầu tiến hành. Nếu có một công ty liên doanh lo vấn đề xây dựng cơ sở hạ tầng và tiện ích, chắc chắn họ sẽ yên tâm hơn trong việc đầu tư. Lợi nhuận của họ cũng vì thế mà nhiều hơn, bởi họ không chịu tốn kém trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng và tiện ích. Để tạo một điều kiện quan trọng cho việc xúc tiến thành lập công ty liên doanh như thế, Chính phủ cần khẳng định việc chọn Dung Quất làm vị trí duy nhất để đặt Nhà máy lọc dầu số 1, số 2, v.v. mãi cho đến năm 2010, tạo sự quyết tâm cho các nhà đầu tư về hạ tầng cũng như việc lọc dầu để họ không nghĩ đến nơi nào khác nữa. Đây là điều kiện ắt có (nhưng không là điều kiện đủ) cho dự án Dung Quất, cho phát triển miền Trung, hài hòa nối nhịp hai miền Bắc - Nam để cùng đi lên tạo ra sự phồn vinh và ổn định cho Tổ quốc.

.....

# VÙNG ĐẤT TỎA HÀO QUANG

Nguyễn Trương Đàn

*Sự ra đời của Dự án Dung Quất và Chân Mây đã làm rung động miền Trung và vang vọng đến các nhà đầu tư nước ngoài. Để tìm hiểu vấn đề này, chúng tôi đã có cuộc trò chuyện với Tiến sĩ Trương Đình Hiến tại Nhà khách số 5 Lê Lợi bên bờ sông Hương của Thừa Thiên - Huế. Chúng tôi xin giới thiệu cùng bạn đọc về cuộc trò chuyện trên đây.*

**Nguyễn Trương Đàn:** "Sự ra đời của dự án Dung Quất và Chân Mây đã làm rung động miền Trung và vang vọng đến các nhà đầu tư nước ngoài. Là tác giả của Dự án Dung Quất và Chân Mây, xin Tiến sĩ cho biết những cảm nghĩ của mình đối với vùng đất này".

**TS. Trương Đình Hiến:** Đối với Dung Quất, tôi có hai cảm nghĩ. Cảm nghĩ thứ nhất là khi đến vùng đất này thì thấy nó là vùng đất tỏa ra ánh hào quang, nó làm cho mình rục rỏ, sáng lên trong lòng. Mình ham mê nó và mình tới đó một lần rồi, tới lần thứ hai thì mình

thấy như người thân. Vậy nên tôi có viết một bài thơ ngắn gọn:

*Chào Dung Quất một chiều trở lại  
Nỗi ân tình còn mãi trào dâng  
Trời cao biển đẹp tuyệt trần  
Tiềm năng ẩn hiện một vầng hào quang.*

Rõ ràng tiềm năng của nó tỏa ra hào quang. Đó là do trời phú cho Dung Quất một thiên nhiên như thế. Cái hào quang ở đây là cả một cảnh thiên nhiên rất đẹp, cả một vị trí chiến lược, cả vai trò quan trọng của nó được đặt trong bối cảnh mở cửa của đất nước, của Đảng, Chính phủ và thế chiến lược của nó. Còn nói về tương lai của Dung Quất thì lúc đó tôi đã viết một bài tiếp; ý đồ xây dựng Dung Quất của mình là có thành phố Vạn Tường, có cảng Dung Quất, triển vọng của nó thế nào? Tôi có viết bốn câu đặc trưng cho thời kỳ đổi mới của Dung Quất như sau:

*Dung Quất lung linh ánh hào quang  
Vạn Tường hiển hách buổi huy hoàng  
Rộn ràng bước tới thời hưng thịnh  
Nhà máy, công trường, phố dọc ngang.*

Và tôi nghĩ chắc năm nay, năm 1997 này, cái cảnh đó sẽ đến. Nhà máy lọc dầu, công trường thi công, đường đang mở và đô thị sẽ mọc lên. Chắc là trong thế hệ chúng ta cũng sẽ được nhìn thấy. Còn mối quan hệ giữa Dung Quất của Quảng Ngãi với Chu Lai của

Quảng Nam, tuy ở hai tỉnh nhưng quan hệ của nó rất đẹp. Nó thật "xứng đôi vừa lứa". Bên này thì có thành phố Vạn Tường, tượng trưng cho một anh hùng. Dung Quất như một nàng công chúa. Bên kia Chu Lai thì có Núi Thành như một anh hùng, còn sân bay Chu Lai cũng như một nàng tiên có nhiều hấp dẫn. Hai vùng này đi lên sánh vai với nhau tạo nên một khu công nghiệp liên hoàn đẹp lắm. Tôi viết bài "Tương đồng" để nói về cảm nghĩ đó, có câu:

*Đẹp thay đôi bạn đồng hành*

*Vạn Tường - Dung Quất, Núi Thành - Chu Lai.*

Còn Chân Mây, hai tháng sau khi Chính phủ phê duyệt Dung Quất, thì Chân Mây bắt đầu vào cuộc. Ngày đó, anh Phan Văn Đường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, anh Thông, chuyên viên, đón chúng tôi ở ngã ba đi về Chân Mây, cùng với một số bộ đội biên phòng đi thị sát, khảo sát trước khi Ủy ban nhân dân Thừa Thiên - Huế họp bàn. Ở vùng Chân Mây có mũi Chân Mây Tây và mũi Chân Mây Đông. Hai dãy núi này chạy ra biển, cảm thấy như nó nhìn nhau. Đằng sau là dãy Bạch Mã hùng vĩ. Tôi cảm nhận đó là một vùng đất đẹp, đáng lẽ nó phải giàu có tự bao giờ rồi. Tôi cảm giác như là nhiều thế hệ cứ nhìn nhau và nhìn về con Bạch Mã mà vẫn chưa nhảy được lên lưng, để mà phóng nó đi, đưa cái vùng đất này cũng như cả đất nước, cùng đất nước tiến lên. Anh Phan Văn Đường

sau khi cùng tôi khảo sát trở về có hỏi: "Anh có phát biểu gì về Chân Mây?". Tôi nói: "Chúng tôi đã có nghiên cứu từ trước, nhưng để có phát biểu thành luận cứ khoa học thì phải có khảo sát thêm, so sánh thêm. Điều đó chúng tôi sẽ đưa ra, nhưng có thể nói cảm nghĩ ban đầu của tôi trong bốn câu thơ diễn tả sự vĩ đại và tấm lòng của người dân, cũng như cái hùng vĩ của thiên nhiên khu vực này. Đó là:

*Chân Mây Tây nhìn Chân Mây Đông*

*Bao thế hệ cùng trông Bạch Mã*

*Giờ mở cửa - nước nhà rộn rã*

*Lên ngựa thôi! Tất cả từ đây.*

Ý tôi muốn nói rằng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Huế và cuộc đổi đời là phải ở chỗ này. Và chắc là cái định mệnh nó cũng đã đặt vào đó.

Bây giờ thì, sau khi nghiên cứu dự án Chân Mây của chúng tôi, đã kết luận Chân Mây là một siêu dự án, là cảng quốc tế thương mại, là cửa ngõ đi ra phía đông của khối Đông Nam Á, là khu công nghiệp, khu du lịch. Thành phố Chân Mây có thể liên kết Huế - Đà Nẵng. Qua sự đánh giá của rất nhiều đoàn nước ngoài, tôi nghĩ nội dung của bốn câu thơ đó cũng đã rõ dần. Điều quan trọng là, Chính phủ cũng đã phê duyệt định hướng đô thị Chân Mây với tính chất là một thành phố cảng - thành phố công nghiệp - thành phố thương mại quốc tế - thành phố du lịch. Tôi cho đây là một dấu ấn lịch sử.



Điều đó chứng tỏ ngày mà Chân Mây bước lên con ngựa trắng (Bạch Mã) đã tới. Theo tôi thì trong năm 1997 này, con ngựa trắng (Bạch Mã) Chân Mây của Thừa Thiên - Huế sẽ bắt đầu tung vó. Sau cả bao nhiêu ngàn năm nằm ngủ, bây giờ con Bạch Mã đã tìm được một kỵ sĩ tốt, đó là kỵ sĩ Chân Mây. Con ngựa trắng tìm được kỵ sĩ Chân Mây, sẽ tung vó, và Thừa Thiên - Huế chắc chắn sẽ cất cánh!

Việc đánh thức tiềm năng Chân Mây lại còn gặp thời cơ - đó là lúc Quảng Trị đang mở đường 9, từ đó nối vào Huế - Chân Mây. *Có Chân Mây thì đường 9 mới có giá trị. Nhưng có đường 9 thì Chân Mây cũng mới có giá trị lớn. Mối quan hệ đó là quan hệ hữu cơ. Nó chứng minh rằng: chúng ta sân liền sân, nhà liền nhà, không có gì ngăn cách hết - cùng một hơi thở - cùng một nhịp đập.* Thành ra, các tỉnh miền Trung phải liên kết lại. Quảng Trị mà không có Chân Mây thì đường 9 không có giá trị gì lắm. Còn Chân Mây mà không có đường 9 thì lấy đâu mà thành cửa ngõ lớn nhất miền Trung này và trở thành khu thương mại quốc tế. Đây chỉ là một ví dụ điển hình về mối quan hệ chặt chẽ giữa các tỉnh miền Trung. Một ví dụ khác là giữa Quảng Nam - Đà Nẵng và Thừa Thiên - Huế, khi đường hầm đèo Hải Vân làm xong, thì mối liên hệ qua lại giữa Đà Nẵng với Chân Mây, giữa Huế với Đà Nẵng trở thành "thịt với da, tim óc nối liền" như Tố Hữu đã viết.

**Nguyễn Trương Đàn:** *Điều gì đã dẫn đường cho Tiến sĩ cùng các cộng sự của mình tiến ra miền Trung nghiên cứu Dung Quất, Chân Mây và động lực nào đưa Tiến sĩ và các cộng sự của mình đạt đến đích?*

**TS. Trương Đình Hiến:** Với tư cách là một công dân, một trí thức tôi muốn bày tỏ là: thế hệ chúng tôi đã chịu nhiều đau khổ và trả giá, vì lứa tuổi ngoại ngữ tuần như chúng tôi đã ném mùi chiến tranh, đã chứng kiến rất nhiều, gian khổ nhiều, suy nghĩ nhiều về một con đường ra cho đất nước như thế nào, và cũng có nhiều mơ ước. Do đó, khi nói đến hai dự án lớn Dung Quất - Chân Mây, đã nói đến người dân mà không nói đến vai trò của Chính phủ thì là một điều thiếu sót. Có thể nói Đảng, Nhà nước, Chính phủ ta mở ra một con đường đổi mới cực kỳ vĩ đại và quan trọng. Nhờ có đường lối đó mà các nhà khoa học chúng tôi mới có những công trình. Riêng cá nhân tôi rất biết ơn Thủ tướng và Nhà nước. Đặc biệt, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã vạch ra một con đường - một chiến lược - đặt vào đó những niềm tin - hy vọng đưa miền Trung từng bước tiến lên. Phải nhận rằng việc mở mang cho miền Trung đi vào một quỹ đạo đúng đắn, một thời hiện đại là khó lắm, nhưng Thủ tướng đã hết lòng vì miền Trung. Được tiếp xúc làm việc nhiều lần với Thủ tướng, tôi có nhiều cảm xúc và kỷ niệm. Với tấm lòng một công dân, tôi cảm thấy ở Thủ tướng một hào quang vĩ đại của một nhà lãnh đạo, lại có

hơi thở ấm áp của đời thường. Ngày xưa, ít có bậc thiên tử mà có hơi thở ấm áp của đời thường. Vì bậc thiên tử là người ta sợ lắm, người dân thấy thì phải cúi đầu. Nhưng đối với Thủ tướng Võ Văn Kiệt thì khác, đặc biệt đối với các nhà khoa học chúng tôi, chúng tôi coi Thủ tướng là người đầy trí tuệ, đồng thời cũng là người đầy tấm lòng. Khi về thị sát Vạn Tường - Dung Quất, Thủ tướng có nói một câu: *"Hôm nay ta đến viếng các anh hùng liệt sĩ của Vạn Tường, ta thấp nhang để viếng. Việc ta làm Dung Quất là để cho người sống vui lòng, làm cho người chết mãn nguyện. Lý tưởng của những người hy sinh cũng là để có sự nghiệp này đây!"*. Từ đó tôi cảm xúc, có bài thơ tặng Thủ tướng như sau:

*Anh đi trong nắng sớm Vạn Tường  
Sóng trào Dung Quất vẫy mến thương  
Hào quang tỏa sáng còn muôn thuở  
Hoa nở chào anh những dặm đường.*

Thủ tướng đi là sóng vỗ dạt dào, nắng sưởi ấm lòng người. Điều đó có lẽ không sai, vì đối với tôi, một nhà khoa học, một công dân đã được Thủ tướng và Chính phủ chỉ đường, dẫn lối, tôi cảm xúc và làm tặng Thủ tướng bài thơ trên. Thủ tướng dặn dò từng li từng tí, hướng dẫn sắp tới phải làm gì cho tỉnh Quảng Ngãi. Tôi cảm động và nghĩ rằng ngày mai Thủ tướng về sẽ để lại rất nhiều niềm thương nhớ. Từ đó tôi lại làm tặng Thủ tướng bài thơ nói lên cảm nghĩ của mình:

*Anh về để lại bao thương nhớ  
Ấm áp lời anh những dặn dò  
Vượt ngàn gian khó cùng vươn tới  
Dung Quát ngày mai sẽ ấm no.*

Tôi nghĩ đó là tấm lòng của người dân, người trí thức đối với lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Tôi đã gặp rất nhiều anh em trong giới trí thức, nhiều công dân Việt Nam, nhiều đồng bào già cũng như trẻ đều mến mộ Thủ tướng cũng giống như chúng tôi vậy. Những người ấy cũng đều một lòng một dạ tin tưởng ở đường lối đổi mới. Ai cũng nói rằng: hồi xưa ta ăn gạo sỗ, gạo hẩm. Bây giờ ta bung bát cơm thơm dẻo. Chỉ chừng đó thôi cũng đủ thấy cái vĩ đại của lãnh đạo, của đường lối đổi mới. Mà chúng tôi nghĩ, Thủ tướng Võ Văn Kiệt là một trong những nhà lãnh đạo, hiện thân của đường lối đổi mới.

Thực ra, miền Trung ngày nay hình thành được một chiến lược phát triển to lớn như vậy, dĩ nhiên có người nói là sự nghiên cứu của nhiều nhân vật, của các nhà khoa học, của nhiều chuyên gia. Nhưng phải thấy rằng cái thành quả này xuất phát từ đường lối đổi mới và lãnh đạo của Đảng ta, đặc biệt là sự quyết tâm của Thủ tướng Võ Văn Kiệt, không có điều này không làm gì được hết. Báo chí ở thành phố Hồ Chí Minh có phỏng vấn tôi: Tại sao anh tìm ra được Dung Quát - Chân Mây trong gian khổ như thế, phải vượt qua bao nhiêu trở lực? Tôi trả lời rằng: *Thứ nhất là, về tài năng thì đất*

nước này còn nhiều người tài, có những tài năng to lớn hơn chúng tôi nhiều. Và rất nhiều người đã làm được nhiều công trình to lớn, nhưng nó bị lãng quên hoặc nó bị bỏ vào trong các học bàn nào đó. Mình là một trong những người may mắn, công trình nghiên cứu được chú ý đến, nó đã vượt ra được, nó đến tay những người có trách nhiệm. Nhưng, cái thành công này của chúng tôi không thể không nói đến đường lối đổi mới và sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. *Thứ hai là, nếu là từ thời thơ ấu mà Đảng và Nhà nước không giáo dục cho mình một tấm lòng yêu nước, niềm tự hào về dân tộc và một sự xót xa về sự nghèo khổ của dân tộc mình, thì chúng tôi cũng không làm được như vậy. Hồi xưa nhiều người nói đó là lý luận, nhưng bây giờ tôi đã hai thứ tóc trên đầu rồi, tôi thấy đó là thực tế, là một điều rất cần. Và tôi nghĩ thế hệ trẻ bây giờ cũng cần như vậy. Bởi vậy tôi khẳng định rằng: Đường lối đổi mới của Đảng đã dẫn đường cho chúng tôi đi, còn bản thân chúng tôi thì niềm khao khát một nước Việt Nam thái bình, thịnh trị là động lực để đẩy chúng tôi đến đích! Vì sao mình khát khao một nước Việt Nam thái bình, thịnh trị? Nước Việt Nam thái bình có nghĩa là độc lập - tự do - hòa bình; thịnh trị có nghĩa là luật pháp được thi hành, nước non giàu có, của cải đầy ắp. Chúng tôi nghĩ bây giờ nước Việt Nam ta đang thái bình và đang trên con đường xây đắp để đi tới nền thịnh trị. Chắc chắn điều đó thực hiện*

được. Chính vì có cái ao ước này nên chúng tôi quyết tâm ra làm Dung Quất, ra Chân Mây để làm những gì có thể làm cho vùng đất này, bất kể là gặp những khó khăn trở ngại gì.

Mình có được khát khao như vậy cũng chính nhờ Đảng và Nhà nước dạy cho mình từ nhỏ. Phải biết ơn người đi trước, biết ơn tiền nhân, những người đã hy sinh, biết ơn nền độc lập - tự do này, biết là khi mình bưng bát cơm ngon này là do ai, biết nhục khi nước Việt Nam này, dân Việt Nam này quả cảm như thế, mà lại kém hơn các nước lân bang. Những điều này trong các thế hệ sắp tới nếu không được dạy dỗ, rèn giũa thì không thể tiến lên được. Tôi nghĩ, thời nào thì lòng yêu nước thương nòi luôn là giá trị vĩnh hằng. Của cải rồi cũng sẽ mất hết, giàu rồi cũng tiêu hết, chức tước to rồi khi chết cũng là hết thôi. Hoa hậu mà chết rồi cũng thành cát bụi. Nhưng giá trị vĩnh hằng là ở chỗ lòng yêu nước - cái đạo lý lòng nhân bản: cái quả cảm của con người. Khi mà tôi gặp ông già ở Vạn Tường, ông cũng tâm tư, thắc mắc với chính quyền dữ lắm. Ông nói rằng: họ coi tôi chẳng ra gì, họ thế này thế kia, họ cho chúng tôi là kém. Lúc đó tôi trả lời với ông già thế này: "Thưa bác. Tôi là một nhà khoa học, cũng là con em gia đình cách mạng chịu nhiều trả giá. Ở đây chúng tôi nghĩ rằng: cái kỹ thuật ngày nay nó gấp một vạn lần cái thời ông Trần Hưng Đạo. Nhưng cái lòng quả cảm, cái thông

minh, cái nhân bản, cái đạo lý chịu hy sinh rất anh hùng của ông Trần Hưng Đạo thì cho đến ngày nay học còn chưa được. Và đó là giá trị vĩnh hằng. Bởi vậy, những gì mà bác đã chịu hy sinh trên trận Vạn Tường này để đem lại tự do, độc lập, chúng tôi đây cũng như con cháu học mãi cũng chưa chắc đã can trường được như bác đâu. Muôn đời phải nhớ lấy và cái điều này sẽ không mất". Ông già nói rằng: "Mày nói vậy tao nghe được. Cả cuộc đời chiến đấu chỉ cần được chừng đó thôi". Tôi nghĩ rằng: điều đó có nghĩa là những người chiến đấu như ông già dũng sĩ Vạn Tường kia cũng chẳng đòi hỏi gì, ngoài cái đòi hỏi phải tôn trọng giá trị vĩnh hằng. Con cháu phải biết tôn trọng tiền nhân. Giáo sư, tiến sĩ chết rồi cũng mất, chức tước rồi cũng đi, nhà lầu trăm năm rồi cũng đến lúc phải đập mà xây lại cái khác. Còn lòng yêu nước và quả cảm thì đời nào, thời nào cũng phải học tập, phải trau dồi, phải rèn luyện đủ lắm mới đạt được. Anh em chúng tôi coi đó là giá trị vĩnh hằng. Mình phấn đấu làm cái gì cũng xoay xung quanh cái giá trị *vĩnh hằng* này mới tốt được.

# BẾN SỐ 1 CẢNG DUNG QUẤT - CỬA NGÕ ĐẦU TIÊN CỦA KHU KINH TẾ DUNG QUẤT

*Kỹ sư Phan Đông Hải\**

Năm 1992, một nhóm các nhà khoa học thuộc Phòng Thủy hải văn công trình - Phân viện Vật lý thành phố Hồ Chí Minh đã bắt tay vào nghiên cứu vịnh Dung Quất. Trên cơ sở các tài liệu lưu trữ và các bước thực địa ban đầu, Dung Quất được xem như một địa điểm để có thể hình thành cảng biển nước sâu phục vụ phát triển các dự án về công nghiệp nặng, giao thông vận tải và thương mại. Quá trình nghiên cứu của các nhà khoa học được đặt dưới sự phối hợp của Bộ Giao thông - Vận tải và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và sự hỗ trợ của các Công ty tư vấn cảng biển quốc tế nổi tiếng như Sanyu, Bougges Offshore, Ipcos Marine, Le Havre...

Cho đến giai đoạn từ năm 1997 đến năm 1999, Bộ Giao thông - Vận tải đã phối hợp với cơ quan Hợp tác

---

\* Trưởng phòng Quản lý cảng biển - Ban Quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất.



quốc tế Nhật Bản (JICA) chính thức tiến hành nghiên cứu vịnh biển Dung Quất, báo cáo kết quả với Chính phủ Việt Nam để làm cơ sở cho Thủ tướng ban hành quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2010.

Ngày 30-7-2002, sau một thời gian nghiên cứu và lập kế hoạch chi tiết, Tổng Công ty tư vấn thiết kế giao thông vận tải (TEDI) đã trình Chính phủ phê duyệt thiết kế Cảng Dung Quất.

Bến số 1 là một công trình nằm trong quy hoạch của cảng Dung Quất, còn được gọi là Cảng công vụ phục vụ xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Bến được khởi công xây dựng vào tháng 11-1999 và hoàn thành vào cuối tháng 12-2001. Đây là hạng mục thuộc Dự án nhà máy lọc dầu theo Quyết định số 514/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, được đầu tư sớm nhất để tiếp nhận vật tư, thiết bị xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

Ngày 23-1-2002, Bộ Giao thông - Vận tải ra quyết định công bố cho phép tàu quốc tế và nội địa vào, ra Bến số 1 cảng Dung Quất để bốc xếp và chuyên chở hàng hóa. Đầu tháng 2-2002, Bến số 1 đã đón và cập cảng thành công chuyến tàu đầu tiên, mở ra giai đoạn khai thác thương mại trong thời gian dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất chưa sử dụng bến để nhập vật tư, thiết bị. Từ năm 2002 đến cuối năm 2005, Bến số 1 chủ yếu phục vụ các nhu cầu xuất, nhập khẩu của tỉnh Quảng Ngãi và các tỉnh trong khu vực.

Việc đưa Bến số 1 vào hoạt động trong thời gian qua đã tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, đầu tư và xúc tiến thương mại của Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế mở Chu Lai và hai tỉnh Quảng Ngãi và Quảng Nam. Thống kê lượng hàng hóa qua cảng hàng năm đã cho thấy sự phát triển nhanh chóng này:

- Năm 2002: Hàng hóa xếp/dỡ qua Bến số 1 đạt 70.000 tấn. Doanh thu của Bến số 1 đạt 2 tỷ đồng, có 43 lượt tàu vào cảng, trong đó có 4 lượt tàu có trọng tải lớn từ 6.000 đến 10.000 DWT. Riêng nguồn thu từ các khoản thuế nộp cho địa phương đạt 65 tỷ đồng.

- Năm 2003: Hàng hóa xếp/dỡ qua Bến số 1 đạt 210.000 tấn. Doanh thu của Bến số 1 đạt 5,5 tỷ đồng; có 113 lượt tàu vào cảng, trong đó có 12 lượt tàu có trọng tải lớn từ 6.000 đến 15.000 DWT. Riêng nguồn thu từ các khoản thuế nộp cho địa phương đạt 165 tỷ đồng.

- Năm 2004: Hàng hóa xếp/dỡ qua Bến số 1 đạt 340.000 tấn. Doanh thu của Bến số 1 đạt 8,1 tỷ đồng; có 120 lượt tàu vào cảng, trong đó có 22 lượt tàu có trọng tải lớn từ 6.000 đến 22.000 DWT.

- Năm 2005: Hàng hóa xếp/dỡ qua Bến số 1 đạt 750.000 tấn. Doanh thu của Bến số 1 đạt 14 tỷ đồng; có 99 lượt tàu vào cảng, trong đó có 34 lượt tàu có trọng tải lớn từ 6.000 đến 22.000 DWT.

Theo thiết kế, Bến số 1 cảng Dung Quất bảo đảm các điều kiện ra vào của tàu 10.000 tấn. Để đáp ứng

nhu cầu lưu thông hàng hóa ngày càng tăng qua Bến, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã đầu tư nạo vét luồng lạch để có thể tiếp nhận tàu có trọng tải lớn hơn. Vì vậy, từ năm 2004 đến nay, Bến số 1 đã tiếp nhận được tàu 22.000 tấn và đặc biệt đã có tàu trọng tải 23.000 tấn vào, ra Bến số 1 an toàn. Sau hơn bốn năm khai thác, luồng lạch vào cảng luôn ổn định không phải nạo vét bổ sung.

Từ cuối năm 2005, sau khi các gói thầu EPC 1 + 2 + 3 + 4 đã được ký kết và đi vào hiệu lực, Bến số 1 trở lại với nhiệm vụ chính là bảo đảm việc nhập thiết bị, vật tư để xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, đồng thời tận dụng để phục vụ xuất, nhập khẩu hàng hóa thương mại, nhằm giữ ổn định môi trường đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất và tỉnh Quảng Ngãi trong khi Bến số 1 và 2 của Cảng Tổng hợp Dung Quất đang được tiến hành xây dựng.

Thực hiện chủ trương của Tổng công ty Dầu khí Việt Nam, tháng 11-2005, Ban Quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất và Công ty Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí (PTSC) đã tiến hành khởi công nối dài cầu cảng thêm 100m, nâng chiều dài của cầu cảng lên 210m để bảo đảm các điều kiện tiếp nhận từ 1 đến 1,4 triệu tấn hàng/năm cho các năm 2006 và 2007.

Sau khi đầu tư xây dựng đê chắn sóng (gói thầu EPC 5A của dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất) và kè

chấn cát, khu vực vịnh Dung Quất trở thành vùng biển lý tưởng để xây dựng các cảng biển phục vụ phát triển công nghiệp nặng và vận tải thương mại. Cùng với Mũi Co Co, đê chắn sóng sẽ che chắn trên 1.000 ha mặt biển bảo đảm luôn tĩnh lặng, với độ sâu từ 6 đến 20m, khu vực có độ môn nước sâu nhất từ 15 đến 20m.

Trong giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2010, Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (VINASHIN) và Công ty cổ phần Liên hiệp vận chuyển (GEMADEPT) sẽ hoàn thành xây dựng Bến số 1 và 2 của Cảng Tổng hợp Dung Quất bảo đảm yêu cầu của tàu trên 3 vạn DWT hoạt động, hình thành các tuyến container quốc tế. Hình thành cảng chuyên dùng cho các nhà máy công nghiệp nặng, cảng thương mại tổng hợp... và đặc biệt là cảng xuất sản phẩm dầu khí của dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất (gói thầu EPC 5B) sẽ được hoàn thành vào giữa năm 2007 để kịp thời phục vụ việc xuất sản phẩm của Nhà máy lọc dầu vào đầu năm 2009.

Bến số 1 Cảng Dung Quất không những là nơi nhập thiết bị, vật tư xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, mà còn là cửa ngõ đầu tiên của Khu kinh tế Dung Quất hướng ra Biển Đông trong tiến trình hội nhập và phát triển.

# NHÀ MÁY LỌC DẦU DUNG QUẤT - CHIẾN LƯỢC LỰA CHỌN ĐỊA ĐIỂM

GS, TS. Hồ Sĩ Thoảng\*

Ngành lọc dầu là một lĩnh vực công nghiệp đòi hỏi đầu tư lớn, nhưng khả năng sinh lợi không cao. Hiện nay, các nhà kinh tế dầu khí đều thống nhất với nhau là chỉ có công trình lọc dầu công suất 4 triệu tấn trở lên và phải áp dụng công nghệ tiên tiến nhất thì mới hy vọng có lãi. Lãi từ nguồn lọc dầu này cũng phụ thuộc vào tình hình chung của toàn cầu, cho nên lúc lên lúc xuống và khó mà dự báo chính xác. Từ giữa những năm 90 của thế kỷ XX, lợi nhuận lọc dầu xuống thấp. Tuy vậy, các nhà dự báo chiến lược cho rằng, thế kỷ XXI cán cân cung cầu nghiêng về cầu và lợi nhuận lọc dầu có thể lên. Một điểm nữa của công nghiệp lọc dầu là nó không thể đứng một mình mà nó phải gắn với công nghiệp hóa dầu và công nghiệp hóa chất, làm cơ sở cho hai ngành công nghiệp này ra đời. Đây là hai ngành có khả năng sinh

---

\* Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Dầu khí Việt Nam.

lợi cao hơn nhiều so với ngành lọc dầu, chính vì vậy trên thế giới không một quốc gia nào phát triển lọc dầu mà không phát triển hóa dầu. Mặc dầu vậy, lọc dầu vẫn phải đi trước một bước, bởi lọc dầu tạo nguyên liệu cho hóa dầu, nhưng còn lẽ thứ hai rất quan trọng cho các nhà đầu tư là cả hai lĩnh vực này đều đòi hỏi vốn đầu tư lớn.

Việt Nam là một trong số ít quốc gia trên thế giới không có công nghiệp lọc dầu, tất nhiên không thể kể đến những quốc gia quá nhỏ. Xung quanh ta: Thái Lan lọc 40 triệu tấn/năm, Malaixia lọc 20 triệu tấn/năm, Indônêxia lọc 50 triệu tấn/năm... Nhiều nước hầu như không có dầu như Nhật Bản, Hàn Quốc có công suất lọc dầu xấp xỉ nhu cầu nội địa, phần sản phẩm không lớn, chủ yếu là dầu thô và khí hóa lỏng. Nhật Bản còn lập các kho chứa dầu thô và dự trữ quốc gia cho 90 ngày lọc dầu (khoảng 70 triệu tấn) và đang cố gắng đưa dự trữ dầu thô lên 150 ngày.

Luận chứng nghiên cứu khả thi chi tiết Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất là công trình xây dựng rất công phu, có kế thừa kết quả nghiên cứu chung giữa PetroVietnam với các đối tác nước ngoài và sự tư vấn của các công ty hàng dầu thế giới. Các số liệu đưa vào so với các công ty nước ngoài, việc tính toán được thực hiện theo một mô hình và phương pháp luận nhất quán, kết quả tính toán là đáng tin cậy. Các tính toán của PetroVietnam, kể cả các công ty nước ngoài như Total

trước đây, cho địa điểm Dung Quất và kể cả các địa điểm khác như Long Sơn, Vũng Tàu, chưa bao giờ cho ra con số tỷ suất thu hồi vốn nội tại IRR đạt tới 10%. Đây là nguyên nhân chủ yếu, nếu không nói là duy nhất, chứ không phải địa điểm xây dựng nhà máy, khiến các công ty nước ngoài không tiếp tục tham gia dự án. Họ yêu cầu có một số ưu đãi, mà trước hết là tham gia phân phối sản phẩm tại thị trường nội địa Việt Nam để nâng tỷ suất lợi nhuận lên, làm cho dự án có khả năng vay vốn từ các tổ chức tài chính và ngân hàng. Với điều kiện sản phẩm được bán với giá CIF Dung Quất thì trong Luận chứng nghiên cứu khả thi chi tiết do PetroVietnam lập, tỷ suất lợi nhuận IRR cũng chỉ đạt 11,4 nhờ điều chỉnh lại một số hạng mục công trình, chủ yếu là cắt giảm phần đầu tư để chế biến dầu chua của Trung Đông (khoảng 150 triệu USD). Con số đó tương đương với sự khác biệt giữa giá trung bình các sản phẩm ở Xingapo, tức giá FOB bằng 198 USD/tấn và giá thành sản phẩm tại Dung Quất là 186 USD/tấn. Như vậy, dự án có lãi, nhưng không đủ lớn để huy động vốn vay trên thị trường thế giới. Vì vậy, các công ty nước ngoài không muốn tham gia.

Sau khi các công ty nước ngoài không được đáp ứng các ưu đãi mà họ yêu cầu nên đã rút khỏi dự án. Chính phủ đã giao cho PetroVietnam tự mình thực hiện dự án với điều kiện là PetroVietnam được lấy giá bán

buôn cạnh tranh trên thị trường nội địa (cao hơn giá CIF Dung Quất) làm cơ sở để tính toán luận chứng kinh tế. Kết quả tính toán trên cơ sở các sắc thuế hiện hành cho phép PetroVietnam nhận được con số IRR là 19,7% kể cả trường hợp phải trả lãi suất 200 triệu USD, tức là đưa đầu tư lên 1,5 tỷ USD chứ không phải là 1,3 tỷ USD. Như vậy là dự án rất khả thi, lãi hằng năm đạt xấp xỉ 280 triệu USD. Sau này Nhà nước sẽ có những điều tiết lợi nhuận của PetroVietnam một cách thỏa đáng.

Việc thu xếp tài chính cho dự án là điều hết sức phức tạp và khó khăn. Vừa qua PetroVietnam đã mời dự thầu tư vấn tài chính cho dự án. Có chín tổ chức tài chính và ngân hàng quốc tế dự tuyển. Phương án tài chính theo chúng tôi là khả thi và có thể thực hiện được. Theo kinh nghiệm của PetroVietnam, trong các công trình đang thực hiện, khả năng vay vốn tín dụng xuất khẩu do các nhà thầu quốc tế mua sắm và xây dựng (Nhà thầu EPC) có thể đạt đến 85% tổng số vốn đầu tư, nghĩa là không phải 300 triệu như là trong dự án đã nêu, mà có thể nâng lên 350 triệu USD cho đến 400 triệu USD. (Số thiết bị dự kiến mua khoảng 500 triệu USD). PetroVietnam có khả năng vay thương mại thêm. Nhờ uy tín có dầu và bán dầu, PetroVietnam có thể vay theo phương pháp luân chuyển. Ngoài ra, theo những tính toán gần đây thì kế hoạch sản xuất dầu thô vào năm 2000 không phải là 16 triệu tấn như kế hoạch phát



triển kinh tế - xã hội 5 năm mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã thông qua, mà có thể tăng lên nhiều hơn. Như vậy, số lượng dầu thu được đến năm 2001 có thể tăng lên 2,3 triệu tấn so với kế hoạch. Đó chính là dự trữ lớn của Nhà nước, bởi Nhà nước bỏ ra 600 triệu USD từ lợi nhuận sau thuế của PetroVietnam thì có thể thu về thêm khoản tiền tương đương 50% do có thể khai thác số lượng dầu nhiều hơn kế hoạch.

Về hiệu quả kinh tế của đầu tư công trình, luận chứng kinh tế của PetroVietnam nâng con số IRR lên 19,7% so với 11,4% là nhờ được bán giá cạnh tranh, tức là nhà đầu tư được hưởng luôn thuế nhập khẩu. Có năm vấn đề được đặt ra cần cân nhắc:

*Thứ nhất là*, không xây dựng các nhà máy lọc dầu, tiếp tục nhập sản phẩm và thu thuế nhập khẩu (khoảng 8,2 tỷ USD tính theo tổng số sản phẩm tương đương với công suất của Nhà máy lọc dầu số 1 trong thời gian 20 năm nếu các sắc thuế không thay đổi).

*Thứ hai là*, xây dựng nhà máy lọc dầu, mở ra một nền sản xuất trọng yếu cho đất nước, tuy Nhà nước không thu được thuế nhập khẩu nữa, nhưng sẽ thu được các sắc thuế khác như trong luận chứng đã trình là 5,3 tỷ USD và chủ đầu tư trong nước thu lợi nhuận là 6,3 tỷ USD, tổng cộng là 11,6 tỷ USD, cao hơn con số 8,2 tỷ USD từ thuế nhập khẩu mà Nhà nước có thể thu được nếu như không có nhà máy lọc dầu.

Chúng ta nên chọn giải pháp nào? Chúng tôi tin rằng Chính phủ nghiêng về chủ trương xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1. Những tính toán trên đây dựa vào những sắc thuế hiện hành: nếu dựa vào sắc thuế sau khi Việt Nam gia nhập AFTA (giảm xuống còn 5%) thì suốt thời kỳ tương ứng với thời gian hoạt động của dự án mà chúng ta không xây dựng nhà máy lọc dầu thì Nhà nước chỉ thu thuế nhập khẩu được 1,7 tỷ USD. Trong lúc đó, nếu có nhà máy lọc dầu thì Nhà nước thu được 3 tỷ USD từ các sắc thuế và nhà đầu tư thu được 2,4 tỷ USD. Tỷ suất lợi nhuận trong trường hợp này sẽ là 14% chứ không còn là 19,7% như đã được tính toán trên cơ sở giá thành, giá bán cũng như các sắc thuế hiện nay.

Như vậy là từ năm 2006 trở đi, chúng ta phải chấp nhận thuế nhập khẩu 5% và giả sử rằng giá bán trong nước giảm đi, để tất cả các hộ tiêu thụ khác được hưởng và nhà máy lọc dầu bị giảm lợi nhuận của mình đi thì IRR vẫn còn 14%. Chúng tôi cho rằng đó là con số có thể chấp nhận được.

Còn việc đưa một số công trình ngoài hàng rào như là cầu đường, điện, nước, thông tin liên lạc, khu dân cư... ra khỏi vốn đầu tư, chúng tôi cho rằng theo thông lệ quốc tế cũng là chuyện bình thường. Nhưng phí sử dụng các hạng mục công trình đó chúng tôi vẫn tính vào giá thành sản phẩm, ví dụ như điện, nước chúng tôi vẫn trả tiền... cho nên không ảnh hưởng đến các công trình đó.

Về vấn đề định lượng hóa các rủi ro. So với phương án cơ sở IRR là 19,7%. Nhà nước thu được 5,3 tỷ USD, còn chủ đầu tư thu về 6,3 tỷ USD. Luận chứng kinh tế cũng tính đến trường hợp tăng giảm vốn đầu tư 10%, tăng giá dầu thô 5%, tăng hoặc giảm giá sản phẩm 5%... Chúng tôi đưa ra nhiều trường hợp để tính toán. Tất cả các bài toán đều cho thấy rằng trường hợp xấu nhất là giảm giá sản phẩm 5% và lúc đó lợi nhuận còn lại là 17,5%. Nhà nước thu được 4,71 tỷ USD tiền thuế và chủ đầu tư được 5,24 tỷ USD lợi nhuận. Như vậy, chúng tôi cho rằng, Luận chứng trong những trường hợp rủi ro có thể vẫn còn khả thi.

Về lựa chọn địa điểm, các địa điểm từ Dung Quất đến Vân Phong, Long Sơn, Hòn La và Nghi Sơn đều có những mặt mạnh, yếu khác nhau. Xét về cơ sở hạ tầng thì ở đâu cũng chưa có gì đáng kể. Sự hơn kém giữa các địa điểm, xuất phát từ quan điểm kinh tế của dự án và chủ đầu tư, chủ yếu là liên quan đến giá vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm của nhà máy. Chẳng hạn, so sánh giữa Dung Quất và một địa điểm tại miền Nam, được hiểu là Long Sơn thì lời giải bài toán tổng thể như sau: Phí vận chuyển dầu thô Bạch Hổ về Long Sơn là 3 USD, từ Bạch Hổ về Dung Quất là 3,5 USD; phí vận chuyển sản phẩm từ Xingapo về thành phố Hồ Chí Minh là 7 USD; phí vận chuyển sản phẩm từ Xingapo về Dung Quất là 8 USD; phí vận chuyển sản phẩm từ

Xingapo về Hải Phòng là 9 USD; phí vận chuyển sản phẩm từ Dung Quất vào thành phố Hồ Chí Minh là 5,6 USD và phí vận chuyển sản phẩm từ Dung Quất ra Hải Phòng 5,5 USD. Tất cả những con số này là những con số mà các nhà đầu tư nước ngoài chấp nhận và tính toán cùng với PetroVietnam. Kết quả tính toán trên cơ sở nhu cầu thị trường từng vùng (miền Nam 55%, miền Trung 12%, miền Bắc 33%) cho thấy 20 năm đầu của dự án, chênh lệch chi phí vận chuyển của nhà máy ở miền Trung (Dung Quất) và miền Nam (Long Sơn) trung bình hàng năm là 28,7 triệu USD, nghĩa là nếu đặt nhà máy lọc dầu ở Long Sơn thì sẽ có lợi hơn ở Dung Quất khoảng 30 triệu USD/năm. Tuy nhiên, bài toán chi phí vận chuyển cần phải xem xét một cách tổng thể cho toàn bộ nhu cầu sản phẩm của cả nước, chứ không phải chỉ riêng cho sản phẩm Nhà máy lọc dầu số 1. Cụ thể là: nếu Nhà máy lọc dầu số 1 đặt tại miền Nam thì sẽ đáp ứng hầu như toàn bộ nhu cầu của khu vực này; còn miền Bắc và miền Trung sẽ phải nhập với chi phí vận chuyển cao hơn, bằng hiệu số giá vận chuyển từ Xingapo về miền Bắc và miền Trung trừ đi giá vận chuyển từ Xingapo về miền Nam, tức là khoảng 10 triệu USD. Như vậy tính tổng thể sự ưu việt địa điểm miền Nam so với Dung Quất được biểu hiện bằng con số chênh lệch giá cước vận chuyển dầu thô và sản phẩm là bằng 20 triệu USD/năm. Chưa kể trong thực tế hiện nay, vận chuyển từ Xingapo

về Hải Phòng không phải là đi trực tiếp từ Xingapo để chịu 9 USD, mà phải qua thành phố Hồ Chí Minh, quá cảnh từ thành phố Hồ Chí Minh và nâng lên khoảng chừng 16 USD. Như vậy, xét về góc độ tổng thể các yếu tố kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, việc chọn địa điểm Dung Quất là thỏa đáng.

*Thứ ba là, về hiệu quả tổng hợp của công trình.* Bộ Công nghiệp và PetroVietnam đã lập quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp hóa dầu ở Việt Nam, trong đó Dung Quất được coi là một trung tâm công nghiệp lọc - hóa dầu của cả nước. Về nguyên tắc, công nghiệp hóa dầu phải gắn với công nghiệp lọc dầu và công nghiệp khí. Vì vậy, ở khu vực miền Nam, trên cơ sở chế biến khí, một loạt các ngành sản xuất hóa dầu sẽ được xây dựng, trong đó lớn nhất sẽ là công nghiệp sản xuất Etylen và các sản phẩm từ Etylen. Ngược lại, công nghiệp hóa dầu ở Dung Quất sẽ được xây dựng trên cơ sở các sản phẩm của công nghiệp lọc dầu. Vì vậy, việc mở rộng công suất lọc dầu của Khu công nghiệp Dung Quất được coi là đương nhiên, giá thành về chế biến sẽ thấp hơn nhiều so với Nhà máy lọc dầu số 1, và ngay trong Nhà máy lọc dầu số 1 với công suất tối ưu là 6,5 triệu tấn/năm. PetroVietnam cũng đã dự trù một số thiết bị bổ sung làm cho nhà máy có khả năng lọc thêm một phần dầu chua Trung Đông để có nguyên liệu cho sản xuất Hydrocarbon thơm cho hóa dầu và Bitum cho nhựa đường.

*Thứ tư là, phương án thiết kế kỹ thuật và công nghệ của nhà máy. Khả năng chế biến dầu chua có ngay trong thiết kế Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất. Việc chế biến dầu ngọt chỉ đơn giản là nhằm giảm chi phí đầu tư ở giai đoạn đầu; khi có khả năng về vốn, sẽ tính toán việc đặt thêm các công đoạn cần thiết cho việc chế biến một tỷ lệ dầu chua thích hợp. Về lâu dài, việc đó là cần thiết để cân đối các mục tiêu nguyên - nhiên liệu cho công nghiệp hóa dầu và công nghiệp hóa chất của cả nước.*

*Thứ năm là, về vấn đề bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường của nhà máy. Việc cung cấp dầu thô cho nhà máy lọc dầu đã được nghiên cứu hết sức nghiêm túc và kỹ lưỡng. Phương án cảng rót dầu không bến (SPM) đã được chấp thuận, phương án này đối với ta không phải là mới. Mỏ Bạch Hổ nhiều năm qua đã sử dụng một hệ thống tương tự. Tính toán khí tượng thủy văn cho thấy, tối đa mỗi năm có khoảng 50 ngày hệ thống SPM có thể phải ngừng hoạt động do thời tiết xấu, nhưng không phải là 50 ngày liên tục. Nói chung một đợt dừng hoạt động do thời tiết là không quá 7 ngày mà chúng tôi đã thiết kế hệ thống bể dự trữ là 10 ngày cho hoạt động của nhà máy. Về bảo đảm an toàn cho môi trường và khắc phục sự cố, trong luận chứng kinh tế - kỹ thuật đã đề cập khá đầy đủ và chi tiết. Các biện pháp đã được thiết kế đến mức tối đa để ngăn chặn các sự cố tràn dầu, tràn hóa chất, tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn*

Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tế về bảo vệ đất, bảo vệ nước, bảo vệ bầu khí quyển và bảo vệ hệ sinh thái tổng thể.

Trong số các tai nạn có hậu quả nghiêm trọng thì sự cố tràn dầu là tai nạn nguy hiểm nhất. Trên thế giới, tỷ lệ sự cố tràn dầu do vận chuyển chiếm 80 - 90%. Còn các sự cố do các nguyên nhân khác như khai thác dầu... thì chiếm tỷ lệ rất thấp. Về mặt này, địa điểm Dung Quất có khả năng hạn chế đến mức thấp hơn nhiều so với địa điểm miền Nam, nơi tàu bè qua lại nhiều hơn.

Dự án nhà máy lọc dầu là một dự án cần thiết, có hiệu quả kinh tế thỏa đáng. Tuy nhiên, sẽ có nhiều khó khăn, phức tạp xuất hiện trong quá trình xây dựng, vận hành - Tổng công ty Dầu khí Việt Nam, với kinh nghiệm và bản lĩnh hình thành nhiều năm qua trong quá trình phát triển ngành công nghiệp dầu khí, chắc chắn sẽ từng bước làm chủ lĩnh vực mới mẻ này, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

**TRƯỜNG ĐÀO TẠO NGHỀ DUNG QUẤT -  
TRUNG TÂM CUNG CẤP NHÂN LỰC  
CHẤT LƯỢNG CAO CHO KHU KINH TẾ  
DUNG QUẤT\***

**Trần Ngọc Châu\*\***

Trường Đào tạo nghề Dung Quất được thành lập theo Quyết định số 188-QĐ/BQL ngày 11-6-2001 của Trưởng ban Quản lý Khu công nghiệp Dung Quất (nay là Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất); là đơn vị dạy nghề thuộc hệ thống giáo dục công lập, đào tạo nghề theo chương trình chuẩn của Nhà nước.

Cơ quan quản lý chủ quản: Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất.

Cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực: Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Nhà trường thực hiện chức năng nhiệm vụ: Đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề bậc 3/7; đào tạo công nhân kỹ thuật hệ ngắn hạn; liên kết đào tạo

---

\* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

\*\* Hiệu trưởng Trường Đào tạo nghề Dung Quất.



các bậc học trung cấp, cao đẳng, đại học; đào tạo xuất khẩu lao động; tổ chức bồi dưỡng nâng cao bậc thợ theo quy định.

Quy mô đào tạo của nhà trường: 2.000 học sinh/năm.

Mục tiêu đào tạo: Đào tạo chất lượng gắn với giải quyết việc làm cho học sinh sau khi tốt nghiệp.

Đối tượng tuyển sinh là con em nhân dân vùng di dời giải tỏa xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi, một số tỉnh lân cận và trong những năm tới sẽ tuyển sinh các tỉnh Khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

Nhà trường được đầu tư xây dựng với quy mô hiện đại trên một diện tích gần 11 ha gồm đầy đủ các khu học lý thuyết, khu nhà xưởng thực hành thực tập, khu lý thuyết kết hợp thực hành, khu hiệu bộ, hội trường, thư viện, khu ký túc xá, nhà ăn (đủ chỗ ăn, ở, sinh hoạt cho 2.000 học sinh).

Nhà trường được đầu tư trang thiết bị theo chương trình mục tiêu hằng năm, đặc biệt thiết bị thuộc dự án ODA - Đan Mạch tài trợ trị giá 5 triệu USD gồm những thiết bị hiện đại phù hợp với ngành nghề đào tạo của trường (đến cuối năm 2006 sẽ lắp đặt chuyển giao cho nhà trường). Đây sẽ là điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu của các nhà máy, doanh nghiệp.

Đội ngũ cán bộ - giáo viên của Nhà trường đa số là trẻ, nhiệt tình trong công tác, yêu nghề, ham học hỏi

nâng cao trình độ. Hiện nay, Nhà trường đã có trên 100 giáo viên các chuyên ngành có trình độ đại học, cao đẳng, thạc sĩ (có 2 thạc sĩ). Năm 2005, Nhà trường đã cử 8 giáo viên đi đào tạo sau đại học (trình độ thạc sĩ) và 1 nghiên cứu sinh (tiến sĩ). Dự kiến năm 2006, Nhà trường tiếp tục cử 10 cán bộ - giáo viên đào tạo sau đại học các chuyên ngành đáp ứng nhu cầu, chất lượng đào tạo của Nhà trường và tiêu chuẩn nâng cấp trường thành Trường Cao đẳng dạy nghề.

Trường Đào tạo nghề Dung Quất bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 9-2002, thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề với chỉ tiêu 1.000 học sinh bậc 3/7 trong điều kiện Nhà trường vừa đào tạo, vừa xây dựng hoàn thiện các công trình. Tuy nhiên, được sự quan tâm của các cấp, Nhà trường đã phấn đấu nỗ lực vượt qua những khó khăn ban đầu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Qua bốn năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo lực lượng lao động có kiến thức và tay nghề cao đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho Khu kinh tế Dung Quất, cho tỉnh Quảng Ngãi và Khu vực miền Trung - Tây Nguyên, đến nay, Nhà trường đã đào tạo trên 3.000 học sinh bậc 3/7, gần 1.500 học sinh ngắn hạn; liên kết với Trường đại học Mở bán công thành phố Hồ Chí Minh đào tạo các lớp đại học hệ chính quy chuyên ngành Quản trị Điều hành doanh nghiệp, Tài chính doanh nghiệp với gần 250 sinh viên; đào tạo trên 100 học sinh trung cấp phòng cháy

chữa cháy phục vụ cho nhu cầu xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất.

Trong những năm qua, bằng cố gắng và nỗ lực, Nhà trường đã đạt được nhiều thành tích góp phần vào sự phát triển của Khu kinh tế Dung Quất:

- Đã đào tạo được 1.485 học sinh công nhân kỹ thuật 3/7.

- Đang đào tạo 1.684 học sinh công nhân kỹ thuật 3/7.

- Đào tạo học sinh hệ ngắn hạn: 1.370.

- Số học sinh tốt nghiệp ra trường khóa I và khóa II: 1.485 học sinh.

- Số học sinh đã giải quyết việc làm tại các nhà máy: 2.263 học sinh (gồm công nhân kỹ thuật bậc 3/7 và công nhân kỹ thuật đào tạo ngắn hạn).

- Số học sinh tiếp tục giải quyết việc làm từ nay đến cuối năm 2006: 670 học sinh (gồm công nhân kỹ thuật bậc 3/7 và công nhân kỹ thuật đào tạo ngắn hạn).

- Tập thể Nhà trường được lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất khen tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc, 30 danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 3 Chiến sĩ thi đua cấp ban, 70% cán bộ - giáo viên đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (2005), 20 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp trường. Nhà trường rất vinh dự được đồng chí Lê Khả Phiêu, nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; đồng chí Trần Đức Lương, Chủ tịch nước và Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đến thăm và có những lời khen ngợi, chỉ bảo chân tình: "Tương lai của Nhà trường là tươi sáng" - "Đào tạo những người lao động giỏi (vừa hồng, vừa chuyên)" như lời Bác Hồ dạy... Để đáp ứng nhu cầu và quy mô đào tạo nguồn nhân lực những năm tới của Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi và Khu vực miền Trung, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất đã thống nhất đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nâng cấp trường lên thành Trường Cao đẳng dạy nghề vào năm 2007 - 2008. Vì vậy, bên cạnh công tác tổ chức đào tạo, Nhà trường tiếp tục quy hoạch đào tạo đội ngũ giáo viên, hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, chương trình đào tạo,... bảo đảm điều kiện tiêu chuẩn của một Trường Cao đẳng dạy nghề theo quy định.

Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục phấn đấu, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao, xây dựng Nhà trường ngày càng ổn định và phát triển, đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

**TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO  
TRONG SỰ ẢNH HƯỞNG CỦA DỰ ÁN  
NHÀ MÁY LỌC DẦU VÀ  
KHU CÔNG NGHIỆP DUNG QUẤT**

**PGS, TS. Phan Kỳ Phùng\***

**I. NHÀ MÁY LỌC DẦU SỐ 1 - XUNG LỰC CHO  
SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA KHU VỰC**

**1. Nhà máy lọc dầu số 1 và những công trình  
phụ trợ**

Nhà máy lọc dầu số 1 của Việt Nam sẽ được xây dựng tại Dung Quất, Quảng Ngãi là công trình công nghiệp có ý nghĩa đòn bẩy quan trọng nhất của miền Trung và Tây Nguyên. Khu công nghiệp Dung Quất với điểm đột phá là Nhà máy lọc dầu số 1 - trọng điểm kinh tế của khu vực trong sự phát triển hài hòa của cả nước sẽ trở thành chiến lược tăng trưởng của thời kỳ

---

\* Giám đốc Trường đại học Đà Nẵng; bài phát biểu tại Hội thảo quốc tế về Dung Quất, Đà Nẵng, Việt Nam từ ngày 31-3 đến ngày 2-4-1997. Đầu đề do Ban Biên tập đặt.

công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Với công suất thiết kế 6,5 triệu tấn/năm, Nhà máy lọc dầu số 1 có công nghệ tiên tiến sẽ đòi hỏi được cung ứng một nguồn lao động khá lớn, đồng bộ và có công trình thích hợp. Cùng với công nghiệp lọc dầu, nhiều ngành công nghiệp khác có liên quan trực tiếp cũng sẽ phát triển, đó là:

- Công nghiệp hóa dầu - xây dựng đồng thời với lọc dầu có nhiệm vụ cung ứng sản phẩm cho các ngành công nghiệp nhẹ như sợi dệt, phân bón, hóa chất...

- Công nghiệp nhẹ có sử dụng sản phẩm từ hóa dầu như vật liệu xây dựng, vật liệu polyme, phân bón...

- Vận tải đường biển, đường bộ và hàng không với Cảng biển nước sâu Dung Quất có thể tiếp nhận tàu có trọng tải 20 vạn tấn, nhà ga hàng không quốc tế lớn với khả năng giao dịch quốc tế rộng rãi.

- Công nghiệp luyện kim với việc sử dụng dầu và khí đốt làm nhiên liệu.

- Công nghiệp chế biến thực phẩm, nông sản vừa phục vụ cho khu công nghiệp, vừa là hàng hóa cho các vùng kinh tế khác và xuất khẩu.

- Phát triển du lịch phục vụ khách từ bên ngoài và cả nhu cầu giải trí của dân cư trong vùng khi mức sống và điều kiện sinh hoạt nâng cao.

- Ngoài ra, cơ cấu kinh tế trong khu vực cũng sẽ dịch chuyển theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ.

## **2. Cơ sở hạ tầng, dân cư, môi trường và sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế khi có Khu công nghiệp Dung Quất**

Khu công nghiệp Dung Quất sẽ được hình thành trong tổng thể vùng công nghiệp duyên hải Nam Trung Bộ kéo dài từ Quảng Trị đến Khánh Hòa, trong đó trọng điểm là khu Liên Chiểu - Dung Quất. Với vị trí địa lý đặc biệt thuận lợi về khả năng giao lưu với thế giới qua đường hàng không, đường biển và cả đường bộ, cộng với những tiềm năng to lớn chưa được khai thác về thiên nhiên và về con người, duyên hải Nam Trung Bộ đang đứng trước một vận hội mới để vươn lên thành một trong ba trọng điểm kinh tế lớn của cả nước.

*Cơ sở hạ tầng* của cả khu vực phải phát triển từ một thực trạng rất yếu kém để đạt được trình độ nhất định, đáp ứng yêu cầu của khu công nghiệp tập trung hiện đại và có quy mô lớn. Đó là hệ thống giao thông đường bộ - có thể coi là khâu trọng yếu hiện nay, cảng biển, sân bay và hệ thống thông tin - viễn thông, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống cung cấp điện, hệ thống bảo vệ môi trường.

*Về dân cư*, sẽ có sự dịch chuyển với quy mô lớn với việc ra đời của cụm dân cư. Các đô thị mới, mà ban đầu sẽ có khoảng 35.000 dân trong khu vực xây dựng nhà máy lọc dầu phải di chuyển đến chỗ ở mới và thành phố Vạn Tường được hình thành có số dân khoảng 12 vạn

người. Nhà máy lọc dầu và các nhà máy khác được xây dựng, hàng loạt công trình hạ tầng cũng được đồng loạt khởi công sẽ thu hút về đây lực lượng lao động kỹ thuật không nhỏ. Và như vậy cơ cấu dân cư sẽ thay đổi theo hướng tăng tỷ lệ lao động được đào tạo, chuyên viên kỹ thuật quản lý so với lao động nói chung lên từ 3 đến 7 lần so với hiện nay. Vì vậy, tỷ lệ lao động công nghiệp và dịch vụ cũng sẽ tăng nhanh cùng với việc chuyển đổi ngành nghề từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ.

*Tổng thể và môi trường* có sự thay đổi đáng kể cả về môi trường tự nhiên và môi trường nhân văn. Khu công nghiệp Dung Quất sẽ làm thay đổi chức năng một quỹ đất lớn, nhưng thuận lợi là đất của sản xuất nông nghiệp như trồng lúa, hoa màu và cây công nghiệp chỉ chiếm 2.540 ha tức là 38%. Thay cho diện tích đất hiện là sản xuất nông nghiệp và phần lớn là đất cát bạc màu sắp tới đây sẽ là nhà máy, công xưởng, kho tàng, bến bãi, đường sá, công viên... Hơn nữa, khi công nghiệp xuất hiện ở trên mảnh đất ven biển vốn yên tĩnh này thì cùng đến với nó là bụi của đất đá khi xây dựng, bụi công nghiệp khi nhà máy hoạt động, tiếng ồn, độ rung lớn, là chất thải các loại, là tình trạng thiếu nước sinh hoạt, thừa nước thải mà trong đó nước thải công nghiệp sẽ làm môi trường bị ô nhiễm, nhất là đối với nhà máy lọc dầu.



## II- NHU CẦU NHÂN LỰC CHO KHU CÔNG NGHIỆP DUNG QUẤT VÀ KHU VỰC

Như đã trình bày ở trên, sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa một cách mạnh mẽ ở khu vực này đòi hỏi các nhà hoạch định chính sách phát triển và đào tạo phải sớm có sự đánh giá toàn diện nhu cầu nhân lực phục vụ cho nó. Chúng tôi cho rằng nhu cầu nhân lực phải xem xét theo các góc độ dưới đây:

### 1. Về nhân lực

Nhân lực cho Nhà máy lọc dầu và Khu công nghiệp Dung Quất không tách rời việc nghiên cứu chiến lược phát triển của cả khu vực duyên hải miền Trung và Tây Nguyên. Do tác dụng lan tỏa của công trình Nhà máy lọc dầu và Khu công nghiệp Dung Quất, nên nhu cầu về nhân lực phải được xem xét phù hợp với dự báo của quá trình đó. Tức là cần có dự báo về sự xuất hiện và phát triển của từng ngành công nghiệp, dịch vụ kể từ Nhà máy lọc dầu số 1.

### 2. Về chuyên môn

Nhu cầu nhân lực cũng được xem xét theo góc độ đòi hỏi về chuyên môn và về bậc thang trình độ chuyên môn. Công nghiệp lọc dầu sẽ có nhiều lĩnh vực sản xuất, dịch vụ phụ trợ cho nó như xây dựng cảng biển và vận

tải biển, xây dựng đường sá và vận tải bộ, xây dựng sân bay và vận tải hàng không, công nghiệp cơ khí và truyền tải điện, cấp thoát nước, đánh giá tác động và bảo vệ môi trường, xây dựng dân dụng - công nghiệp, quy hoạch đô thị và dân cư, sản xuất cung ứng thực phẩm, lương thực và hết sức quan trọng là giáo dục - đào tạo đội ngũ lao động trực tiếp và con em họ.

Sau công nghiệp lọc dầu sẽ là công nghiệp hóa dầu, công nghiệp vật liệu xây dựng, chất đốt, năng lượng, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp nhẹ phục vụ tiêu dùng... đều là những ngành công nghiệp mới xuất hiện trên địa bàn Nam Trung Bộ.

Kinh tế phát triển, sự lưu chuyển sản phẩm hàng hóa các loại tăng lên nhanh chóng làm cho hoạt động dịch vụ trở nên thiết yếu và chiếm tỷ trọng thỏa đáng. Đây cũng là điều kiện thuận lợi góp phần phát triển hàng hóa của khu công nghiệp và các vùng phụ cận. Vì vậy, các loại hàng hóa khác ở các vùng kinh tế khác như Tây Nguyên thêm cơ hội tốt để phát triển.

Một hệ thống cơ cấu các ngành sản xuất, dịch vụ như vậy trong từng khoảng thời gian nhất định phải được dự báo tốt làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách đào tạo hợp lý.

### **3. Về trình độ công nghệ**

Một khía cạnh khác rất quan trọng là trình độ công

nghe các ngành sản xuất công nghiệp được áp dụng tại đây. Có thể có một cách chung nhất là chúng ta sẽ sử dụng công nghệ mới, hiện đại, trình độ tự động hóa cao, song quan trọng hơn là sự dự báo xu hướng phát triển công nghệ từng ngành sản xuất cụ thể.

Điều này cũng rất có ý nghĩa cho việc xác lập một cơ cấu hợp lý lực lượng lao động mà yêu cầu về trình độ chuyên môn từng bậc thang một phải được tính đến.

### III- NĂNG LỰC ĐÀO TẠO HIỆN NAY TRÊN ĐỊA BÀN MIỀN TRUNG VÀ SỰ CHIA SẺ CỦA CẢ NƯỚC

#### 1. Các trường đại học trong khu vực

##### *a) Đại học Đà Nẵng*

Đại học Đà Nẵng có đội ngũ hơn 800 cán bộ giảng dạy, thực hiện đào tạo đa lĩnh vực mà trọng tâm là các ngành kỹ thuật công nghiệp và quản lý kinh tế. Quy mô đào tạo hiện nay là gần 20.000 sinh viên hệ đại học và gần 3.000 hệ cao đẳng và công nhân lành nghề. Cùng với đào tạo đại học là chủ yếu, Đại học Đà Nẵng cũng đào tạo trên đại học (thạc sĩ và tiến sĩ) và các cấp thấp hơn như cao đẳng (sư phạm và công nghệ) và công nhân lành nghề. Riêng cấp đại học, Đại học Đà Nẵng đang đào tạo:

- 14 chuyên ngành kỹ thuật, đó là: Cơ khí, Điện kỹ thuật, Điện tử, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Xây dựng thủy lợi, thủy điện, Xây dựng cầu đường, Kỹ sư tin học, Kỹ thuật nhiệt - máy lạnh, Cơ khí động lực, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ silicat, Điện hóa ăn mòn, Công nghệ cao phân tử, Công nghệ lọc - hóa dầu.

- 5 chuyên ngành quản lý kinh tế, đó là: Kế toán, Quản trị kinh doanh (ngoại thương, du lịch, thương mại), Kinh tế phát triển, Thống kê và tin học quản lý, Tài chính, tín dụng (ngân hàng).

- 6 chuyên ngành hệ đại học sư phạm, đó là: tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc, Toán - tin học, Sinh học - môi trường.

- Thuộc Đại học Đà Nẵng còn có Trường Cao đẳng công nghệ đào tạo kỹ sư cao đẳng các ngành: cơ khí, điện tử, tin học, xây dựng và đào tạo công nhân lành nghề.

### *b) Đại học Huế*

Cũng như Đại học Đà Nẵng, Đại học Huế cũng là một đại học đa lĩnh vực, song thế mạnh của Huế là khoa học tự nhiên và khoa học nhân văn, với hầu hết các ngành khoa học cơ bản từ toán, lý, hóa, sinh học, địa lý đến văn học, lịch sử, tiếng nước ngoài và y học, nghệ thuật.

### *c) Đại học Sư phạm Quy Nhơn*

Có quy mô nhỏ hơn nhiều so với hai đại học nói

trên và là trường đại học sư phạm nên chủ yếu là đào tạo giáo viên phổ thông trung học. Tuy nhiên, mấy năm trở lại đây, Đại học Sư phạm Quy Nhơn cũng vươn lên, kết hợp với các trường đại học khác trong khu vực và cả nước để đào tạo một vài chuyên ngành kỹ thuật và kinh tế. Việc đào tạo này tuy chất lượng còn thấp, song cũng đã phát huy được phần nào năng lực đội ngũ cán bộ khoa học cơ bản sẵn có và đáp ứng thêm nhu cầu học tập của nhân dân.

#### *d) Đại học Thủy sản Nha Trang*

Đây là trường duy nhất của cả nước về ngành thủy sản, với tất cả các chuyên ngành vốn có như: khai thác, cơ khí tàu thuyền, nuôi trồng, chế biến và kinh tế thủy sản.

#### *e) Đại học Tây Nguyên*

Đây là trường có quy mô và tiềm lực còn hạn chế, cho đến nay chủ yếu đào tạo phục vụ kinh tế các tỉnh miền núi ở một số ngành như: nông nghiệp, sư phạm và y học.

## **2. Các trường cao đẳng, dạy nghề**

Miền Trung chỉ có một trường cao đẳng công nghệ trực thuộc Đại học Đà Nẵng đã trình bày ở trên. Hệ thống trường dạy nghề thì có ở Quy Nhơn với khả năng về giáo viên, trang thiết bị khá lớn có thể đào tạo được

công nhân một số ngành kỹ thuật tương tự ở Trường Cao đẳng công nghệ ở Đà Nẵng. Ngoài ra, có các trường ở Huế và các trung tâm hướng nghiệp dạy nghề của tất cả các địa phương, các trường trung học chuyên nghiệp, công nhân của các ngành như xây dựng, điện, giao thông, nghiệp vụ kinh tế chủ yếu đặt tại Đà Nẵng.

### **3. Nguồn đào tạo tại các trường khác có thể cung cấp cho khu vực**

Các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề tập trung chủ yếu ở hai đầu đất nước. Nơi đó cũng tập trung tiềm lực to lớn về con người và trang bị kỹ thuật phục vụ đào tạo, nhiều ngành mũi nhọn rất phát triển nhất là hai lĩnh vực công nghệ, vì vậy sự hỗ trợ của hệ thống các trường này là cần thiết, đặc biệt là các ngành chuyên sâu mà ở miền Trung còn thiếu.

## **IV- ĐỀ NGHỊ NHỮNG BIỆN PHÁP TỔ CHỨC ĐÀO TẠO THÍCH HỢP**

1. Với giả thiết là quy mô đào tạo hiện nay là phù hợp với nhu cầu lao động xã hội, thì với dự án Nhà máy lọc dầu và Khu công nghiệp Dung Quất ra đời, sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc cung ứng nguồn lao động.

Theo chúng tôi biết thì sẽ có khoảng 27 dự án sẽ được thực thi để hình thành khu công nghiệp, trong đó

gồm các dự án xây mới các nhà máy (số lượng lớn nhất), xây dựng cơ sở hạ tầng và nâng cấp các nhà máy. Như vậy, tùy thuộc vào vòng đời các dự án mà nhu cầu lao động sẽ được tính toán cụ thể, nhưng có thể thấy rằng, trong những năm đầu (khoảng 5 đến 10 năm tới), lực lượng lao động sẽ tăng đột biến mà chủ yếu là xây dựng công trình, xây lắp. Theo ước tính của một số chuyên gia thì nhu cầu nhân lực cho Khu công nghiệp Dung Quất trong 10 năm tới sẽ là 4.500 đến 5.500 người có trình độ đại học, 3 đến 5 lần lớn hơn là cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và 6 đến 8 lần là công nhân kỹ thuật và lao động các loại. Nguồn lao động này được cung ứng bởi:

- Số cán bộ khoa học được điều chuyển đến từ các đơn vị khác, nhất là của các công ty tham gia xây dựng khu công nghiệp, kể cả các kỹ sư công nghệ lọc dầu, hóa dầu và các chuyên gia quản lý các ngành sản xuất này.

- Được đào tạo lại, bổ sung kiến thức hoặc chuyển đổi ngành nghề cho một số cán bộ hiện đang làm việc trong khu vực.

- Được đào tạo mới từ các trường đại học, chuyên nghiệp trong khu vực miền Trung là chủ yếu và một số ít từ các trường khác, trong đó tập trung là Đại học Đà Nẵng và sau đó là Đại học Huế.

- Được đào tạo từ chính các công ty có mặt tại khu công nghiệp, ở đây chủ yếu là bồi dưỡng ngắn hạn các cán bộ cũ và đào tạo tay nghề chuyên ngành hẹp, mà các

trường chuyên nghiệp không có hoặc không hiệu quả nếu tổ chức thành chuyên ngành để đào tạo.

**2. Công tác đào tạo, đặc biệt là đào tạo kỹ sư công nghệ và cán bộ quản lý chuyên ngành lọc - hóa dầu phải được xác định chính xác trên cơ sở của công nghệ được sử dụng bởi các lý do sau đây:**

- Một điều chắc chắn là công nghệ được sử dụng ở đây sẽ là công nghệ hiện đại, vì vậy để khai thác có hiệu quả và tiến tới làm chủ được nó thì các cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý phải có trình độ chuyên môn cao, cập nhật với trình độ kỹ thuật và quản lý tiên tiến của thế giới.

- Thứ đến là tránh được lãng phí trong đào tạo khi đào tạo ra một lượng lớn cán bộ nhưng không sử dụng được vì vượt quá nhu cầu (do sử dụng công nghệ và thiết bị hiện đại) và trình độ chuyên môn không đáp ứng được do chính năng lực chuyên môn và cơ sở vật chất của cơ sở đào tạo không đủ để đáp ứng.

**3. Tính đến sự phân công xã hội trong công tác đào tạo, có sự kết hợp chặt chẽ giữa các công ty, doanh nghiệp và các trường đại học, chuyên nghiệp. Đại học Đà Nẵng với thế mạnh của việc đào tạo và hoạt động khoa học trên các lĩnh vực công nghệ và quản lý kinh tế, sẽ giữ vị trí trực tiếp phục vụ cho Khu công nghiệp Dung Quất nói riêng và cả duyên hải Nam Trung Bộ nói chung. Trong mấy năm trở lại đây, quy mô đào tạo của**



Đại học Đà Nẵng đang ở mức tăng trưởng từ 10 đến 12%/năm kể từ năm 1998. Tuy nhiên, vấn đề không chỉ là đáp ứng quy mô, mà quan trọng hơn hết là đào tạo ra những người lao động bậc cao có trình độ và phẩm chất tốt, thỏa mãn được đòi hỏi của thực tế như đã trình bày ở trên. Chính vì vậy, Đại học Đà Nẵng chủ trương:

- Chủ động gắn bó với thực tế sản xuất - kinh doanh để tìm kiếm sự trợ giúp hữu hiệu cho công tác đào tạo và hoạt động khoa học công nghệ, mặt khác làm cho công tác đào tạo của mình phù hợp và thích ứng với thực tiễn.

- Tranh thủ mọi nguồn lực có thể được để xây dựng một đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ chuyên môn cao, năng lực thực tiễn và xã hội tốt và có cơ sở vật chất đầy đủ, hiện đại phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

## V- THAY CHO LỜI KẾT

Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 và Khu công nghiệp Dung Quất đã được khẳng định là chủ trương chiến lược vừa tạo điều kiện đánh thức tiềm năng to lớn của khu vực miền Trung và Tây Nguyên, vừa tạo sự cân đối, hài hòa cho sự phát triển kinh tế - xã hội cả nước khi bước vào giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Không bao lâu nữa trên vùng đất vốn chịu nhiều thiệt thòi do chiến

tranh, do điều kiện tự nhiên khắc nghiệt này sẽ mọc lên những nhà máy lớn, những đô thị lớn. Cuộc sống của nhân dân sẽ có những đổi thay kỳ diệu, song cũng sẽ phải đối mặt với những thử thách mới về lối sống, về sinh hoạt xã hội, về môi trường.

Tạo nên sự phát triển không chỉ từ nguồn lực tài chính, mà quan trọng và bền vững đó là con người, là xã hội của các cộng đồng. Với ý nghĩa đó, giáo dục và đào tạo phải giữ vị trí thiết yếu trong toàn bộ quá trình phát triển. Vì vậy, những ý kiến trên đây của chúng tôi cũng mới là những ý tưởng chưa toàn diện, những phác thảo còn sơ khai, những suy nghĩ xuất phát từ trách nhiệm của người trực tiếp làm công tác đào tạo. Thiết nghĩ, những câu hỏi lớn về đào tạo nguồn lực phục vụ cho khu công nghiệp lớn này sẽ phải được trả lời từ các nhà hoạch định chính sách phát triển, với sự tham gia tích cực và trách nhiệm của những người đang thực hiện nhiệm vụ đào tạo và hoạt động khoa học. Không thể thiếu sự phối hợp chặt chẽ như vậy cũng như không thể không có mối quan hệ khăng khít giữa nhà trường và xã hội, giữa đào tạo và hoạt động sản xuất - kinh doanh, một trong những động lực của sự phát triển.

# ĐÁNH THỨC VẠN TƯỜNG, THÀNH PHỐ TƯƠNG LAI

**Phạm Anh  
Trần Đăng**

## I. ĐÁNH THỨC VẠN TƯỜNG

### 1. Ngược dòng thời gian

Năm Tân Mão 1471, vùng đất giáp biển phía đông huyện Bình Sơn đã được "đánh thức" một lần. Ấy là tiếng rầm rập của những đoàn quân chinh Nam của đức vua anh minh Lê Thánh Tông. Trên đường hành quân, đại quân của nhà Lê đã dừng lại duyệt binh ở đây trước khi ra trận. Cũng tại đây, nhà vua được người dân trong vùng dâng lên một loại rong tảo sống bám vào các bãi đá ngầm ven biển có màu nâu sẫm, khi nấu chín thì cô đặc như đường, ăn vào nghe mát dịu. Phải chăng, trong dặm trường chinh phạt và khi dừng lại vùng đất khắc nghiệt đầy nắng gió, món rau làm dịu lòng đắng quân vương nên trở nên quý giá mà nhà vua đã gọi ấy là "rau

cần". Rồi từ đó, các cửa biển trong vùng cũng mang theo chữ "cần" như: cửa Thái Cần, cửa Thử Cần, cửa Sa Cần... Tương truyền rằng, cũng ngày ấy, đứng trước hàng vạn tướng sĩ, đức vua chúc: "*Thiên giáng Vạn Tường, chúc chư đô toàn thắng!*". Tướng sĩ lúc ấy đồng thanh hô to: *Vạn Tường! Vạn Tường!* Cái tên Vạn Tường có từ thời ấy và bây giờ, thôn Vạn Tường thuộc xã Bình Hải, huyện Bình Sơn theo quy hoạch sẽ trở thành trung tâm của thành phố Vạn Tường trong tương lai.

"Vạn Tường" là "mọi sự tốt lành", nhưng tốt lành là đối với người dân trong vùng, với những người yêu chuộng hòa bình, còn với quân xâm lược thì chẳng có tốt lành thế đâu. Vào tháng 8-1965, khi phát hiện một bộ phận quân chủ lực của Quân giải phóng đóng tại đây, Mỹ đã huy động một lực lượng lớn gồm thủy, bộ, không quân để tiêu diệt, bắt gọn cánh quân này. Với tinh thần chiến đấu của quân và dân Vạn Tường, tính toán ấy đã bị đập tan, quân Mỹ thua đau. Chiến thắng Vạn Tường của quân và dân ta ghi điểm son chói lọi trong lịch sử.

## **2. Dung Quất "đánh thức" Vạn Tường**

Vạn Tường được "đánh thức" từ khi có Dung Quất. Tỉnh Quảng Ngãi còn nhớ năm 1994, sau khi đi thị sát Dung Quất, khi đặt chân đến Vạn Tường, Thủ tướng Võ Văn Kiệt nói với những người đi cùng: "Phải xây dựng thành phố Vạn Tường thành thành phố hiện đại

nhất Việt Nam". Thời điểm Thủ tướng nói, Vạn Tường là vùng đất cằn cỗi, mọi con đường là đất đỏ mịt mù, chỉ có cây bụi và cát trắng bao la. Thế nhưng với địa thế một bên là biển xanh, một bên là những ngọn núi bát úp hướng ra biển cùng với những hàng thông rì rào, bãi cát trắng Vạn Tường đã hứa hẹn là một thành phố biển đẹp...

Theo quy hoạch, thành phố Vạn Tường thuộc Khu kinh tế Dung Quất có diện tích 2.400 ha, cộng thêm 470 ha của Khu du lịch sinh thái ven biển. Tuy nhiên, để có Vạn Tường, đánh thức được Vạn Tường thì phải có nhà máy lọc dầu, khu kinh tế... Một thời gian dài, những điều đang thiếu ấy đã hình thành, đó là Khu công nghiệp Dung Quất (bây giờ là Khu kinh tế Dung Quất) ra đời với nhiều tỷ đồng xây dựng cơ sở hạ tầng. Giai đoạn từ năm 2002 trở về trước, cơ sở hạ tầng xây dựng ở đây là để bảo đảm yêu cầu phục vụ thi công và chuẩn bị vận hành Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Thế nhưng vào năm 2003, Vạn Tường "mở mày mở mặt" hơn với sự chuyển hướng mạnh sang thu hút các dự án đầu tư có quy mô vừa và nhỏ của các doanh nghiệp mà trọng tâm là các doanh nghiệp phía Nam, doanh nghiệp của thành phố Hồ Chí Minh. Đến nay, theo tính toán của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất (không kể dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất) thì giai đoạn 2001 - 2004, đã thu hút 47 dự án với vốn đăng ký 8.155 tỷ đồng.

Bước vào giữa năm 2005, lại có thêm 8 dự án đầu tư và khả năng đến cuối năm sẽ có 20 dự án đầu tư với tổng số vốn đăng ký khoảng 4.000 tỷ đồng. Mỗi tháng qua đi, Dung Quất - Vạn Tường lại có thêm hàng chục doanh nghiệp từ các tỉnh phía Nam, từ Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc... thuộc các lĩnh vực luyện cán thép, chế tạo thiết bị, sản xuất và lắp ráp ô tô, chế biến đồ gỗ xuất khẩu, dệt may, giày da, sợi tổng hợp... đến khảo sát đầu tư, trong đó có nhiều dự án có mức đầu tư hàng trăm triệu đôla như dự án đầu tư Nhà máy luyện phôi thép lò cao với tổng vốn đăng ký 1 tỷ đôla của một doanh nghiệp Đài Loan.

Và Vạn Tường không chỉ được đánh thức bằng Khu kinh tế Dung Quất. Hiện nay, ở đây đã hình thành nhiều cụm dân cư - đô thị mới, với những trường học, bệnh viện, trung tâm viễn thông, truyền hình... Chỉ trong một thời gian nữa, khu du lịch "Thiên Đàng" rộng 300 ha nằm trên biển Khe Hai với mực nước phẳng lờ, bờ cát trải dài trắng mịn ôm lấy dãy phi lao xanh mượt vì vu gió ngàn sẽ xuất hiện, tô đẹp thêm cho Vạn Tường và làm mát lòng du khách về thăm thú nơi đây...

## II- VẠN TƯỜNG - THÀNH PHỐ TƯƠNG LAI

Hình như có một điều gì đó sắp sửa đổi thay, kể từ khi Thủ tướng Võ Văn Kiệt lần thứ hai đặt chân đến

đây cùng những quyết định của Chính phủ về việc xây dựng "Dự án Dung Quất và thành phố Vạn Tường".

Cách đây chừng vài tháng mà lấy cái tựa đề trên chỉ cho Vạn Tường (Quảng Ngãi) là "thành phố tương lai" thì có người sẽ nói: "Khéo vẽ rắn thêm chân!". Cũng dễ hiểu thôi, bởi vì "Dự án Dung Quất và thành phố Vạn Tường" đã nghe nói từ mấy năm qua, gần 70 đoàn nước ngoài đã đến Dung Quất, nhưng cái vùng quê đìu hiu ấy bấy lâu nay vẫn chưa thấy có một dấu hiệu "đổi đời". Chẳng thế mà người dân khu đông của huyện Bình Sơn (Quảng Ngãi), nơi sẽ xây dựng cụm công nghiệp và Nhà máy lọc dầu số 1 của Việt Nam, khi nghe nói đến cảng biển Dung Quất, người ta nói "cảng lu!" (nói lái lại là "củ lang!"). Người dân nơi đây có câu ca dao để nói về sự khắc nghiệt của quê mình: "Tối ăn khoai đi ngủ, sáng ăn củ đi làm". Nghĩa là, quanh năm suốt tháng cũng chỉ xài mỗi một thứ lương thực là củ lang! Hiện nay, người dân vùng quê nghèo khó ấy cũng chỉ biết lấy khoai lang làm thứ lương thực chính.

Mấy năm qua, Dung Quất đã trở thành đề tài bàn luận sôi nổi của dân Quảng Ngãi. Và Dung Quất đã đi vào thơ ca, nhạc họa! Có nhà thơ ở Quảng Ngãi nói vui: "Dung Quất không những làm thay đổi số phận của hơn một triệu dân Quảng Ngãi, mà khu công nghiệp tương lai này đã sản sinh ra một thế hệ "nhà thơ trẻ", tuổi đời

trên dưới... 60 (sáu mươi)". Hình như cuộc vui nào tôi cũng nghe người ta đọc thơ về Dung Quất.

### **1. Vạn Tường - một thời trận mạc**

Từ lâu, địa danh Vạn Tường đã đi vào sử sách của cuộc chiến tranh chống Mỹ. Nơi đây, vào ngày 18-8-1965, đã xảy ra một trận đánh ác liệt giữa bộ đội chủ lực Quân giải phóng với cả một sư đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ. Nơi đây, chiếc xe tăng đầu tiên của người Mỹ đã bốc cháy dưới hỏa lực của Quân giải phóng kể từ khi họ đặt chân đến miền Nam Việt Nam. Trên 10 máy bay và 18 chiến xa loại M113 cùng hàng trăm lính Mỹ đã bị chôn vùi trên mảnh đất này. Cuộc chạm trán đầu tiên có quy mô ấy đã làm cho người Mỹ sững sờ. Họ không thể nào tin được rằng với hỏa lực thô sơ của Quân giải phóng mà có thể làm cháy rụi gần hai chục chiếc xe tăng và trên 10 chiếc máy bay "loại xịn" của họ. Gần 30 năm sau xảy ra cuộc "đụng đầu lịch sử" ấy, có một cựu binh Mỹ trở lại nơi đã từng làm cho ông bạt vía kinh hồn và thú nhận: "Lòng quả cảm của một dân tộc quyết tâm đứng lên bảo vệ Tổ quốc mình đã thắng mọi vũ khí tối tân nhất. Các ông thắng là đúng". Phải trải qua hơn một phần tư thế kỷ ám ảnh bởi cuộc chiến tranh, người cựu binh ấy mới nói được cái điều chân lý mà trước khi khoác bộ quân phục trên người để qua Việt Nam gần 30 năm trước, ông luôn nghĩ rằng lúc nào người Mỹ cũng



victory (chiến thắng). Tôi là kẻ hậu sinh, làm sao có đủ từng trải để cảm nhận hết nỗi đau mất nước đã kết thành sức mạnh vô bờ của thế hệ cha anh. Tôi hỏi ông Phạm Văn Cúc, Anh hùng lực lượng vũ trang, người trực tiếp tham gia trận đánh Vạn Tường lịch sử, một câu tò mò: "Thưa chú, lúc ấy mình chưa có súng B40 làm sao có thể bắn cháy xe tăng bằng súng trường được?!" Kỷ niệm của 30 năm trước như hiện về trong ông: "Bằng lựu đạn, bộc phá và một trái tim dũng cảm". Ông cất nghĩa thêm: "Không dũng cảm sao được, lần đầu chúng tôi nhìn thấy xe tăng, súng trên xe nó nhả đạn như vãi trấu. Để diệt nó không có cách nào khác là xông thẳng tới, leo lên tháp pháo rồi quăng lựu đạn vào trong xe. Cứ mỗi xe tăng giặc bị cháy, có ít nhất 12 chiến sĩ hy sinh!". Tôi nhắm nhanh một phép tính, để có ngân ấy xác xe tăng Mỹ nằm lại trên đất Vạn Tường, các anh đã phải đổi trên 200 chiến sĩ. Cái giá máu xương ấy đâu có ít! Những người lính Mỹ sống sót trong trận Vạn Tường năm ấy hẳn là suốt đời phải sợ cho cái việc "xông thẳng" mà ông Cúc đã kể ở trên!

Tôi không nhớ đây là lần thứ mấy tôi đến đất Vạn Tường. Nhưng có một lần cách đây ba năm rồi mà cho đến bây giờ vẫn còn ám ảnh mãi trong tôi về những gì còn lại của những người lính già đã ngã xuống trong trận chiến thắng Vạn Tường. Những nắm mộ nằm dọc dài trên những sườn đồi. Các anh yên nghỉ trên những

đôi hoang ấy gần 30 năm, rồi sau mới có dịp được đưa về nghĩa trang. Nhân dân trong vùng kể rằng, sau ngày 19-8-1965, bộ đội rút quân, số anh em nằm lại, nhân dân đã lấp vùi vàng lớp đất rồi chạy giặc. Tôi đã bắt gặp phía sau những lớp đất lấp vùi ấy vài chiếc dép caosu, vài chiếc lược và chiếc gương tròn đã ngả màu của đất. Những kỷ vật ấy đã từng theo các anh vượt Trường Sơn rồi vĩnh viễn nằm lại nơi này. Hàng chục ngôi mộ không để lại một dòng địa chỉ. Nhưng tôi biết các anh ra đi khi tuổi đời hãy còn rất trẻ, khi mà những lo toan phức tạp ở đời, những buồn vui trần thế vẫn chưa nếm trải.

Tháng Tám, nắng râm cả lá bạch đàn ở đất Vạn Tường. Cả một vùng đất đỏ mênh mông tịnh không một bóng cây. Ai đã từng gắn bó với Vạn Tường trong những năm chiến tranh, những gì còn đọng lại trong họ ngoài đạn bom ra, có lẽ không gì khác là cái nắng vùi vùi của một vùng quê khắc nghiệt vào loại nhất tỉnh Quảng Ngãi. Đến Vạn Tường vào tháng này rất ngại, nhất là những người chỉ quen ngồi xe máy lạnh. Chỉ có một cụ già đã gần độ tuổi "cổ lai hy" có tên là Phùng Tấn Long, Hội Cựu chiến binh huyện Bình Sơn là không ngại ngần gì khi nghe tôi đề nghị về đất Vạn Tường. Lúc xảy ra trận Vạn Tường, ông là thiếu úy thông tin "rất đẹp trai và hào hoa" (theo lời ông kể). Ông dẫn tôi đi hầu như tất cả những nơi quyết chiến với giặc Mỹ. Ký ức của 30 năm trước như còn nóng hổi trong ông. Ông kể: "Sau trận Ba

Gia (tháng 5-1965), Công trường 1 (tức Trung đoàn 1 thuộc Quân khu V) rút quân về khu đông Bình Sơn để an dưỡng và huấn luyện. Đơn vị chọn Vạn Tường (xã Bình Hải) làm chỗ trú quân. Thời ấy, Vạn Tường có rất nhiều cây xanh, lại ở gần biển và là vùng giải phóng nên bộ đội rất an tâm. Bấy giờ Mỹ vừa đặt chân đến đất Chu Lai (Quảng Nam - Đà Nẵng) và phát hiện ở Vạn Tường có một đơn vị chủ lực Quân giải phóng. Thế là chúng quyết tâm "tóm gọn" chúng ta. Rạng sáng ngày 18-8-1965, đột ngột pháo từ các căn cứ quân sự ở Chu Lai, Bình Liên tới tấp bắn vào đất Vạn Tường. Pháo dứt là đã thấy hàng chục chiếc xe tăng từ ngoài biển lù lù tiến vào. Trận đánh khá bất ngờ. Đỡ một cái là cuộc chiến tranh đã rèn cho những người lính lúc nào cũng trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Cả trung đoàn lập tức dàn trận và sẵn sàng nhả đạn khi có lệnh. Thú thật lần đầu nhìn thấy chiếc xe tăng Mỹ, anh em cũng lo, nhưng hầu như tất cả ai cũng dặn lòng mình: "Phải đánh cho bọn Mỹ biết tay Quân giải phóng". Chiếc xe tăng đầu tiên vừa bò lên khỏi mặt biển đã bị "ăn đòn". Trước hỏa lực dữ dội của giặc, anh em lui về phía sau cánh đồng Đưng thuộc xã Bình Hòa. Bọn giặc càng tiến sâu vào đất liền càng bị đánh đau. Chỗ này thấy xe tăng bốc cháy, chỗ kia thấy máy bay Mỹ rơi. Cả trung đoàn quần nhau với Mỹ hơn một ngày mới chịu rút quân. Hàng trăm tên giặc phơi xác trên đất Vạn Tường. Có thể nói,

trận đánh này đã báo hiệu phút lâm chung của quân đội Mỹ trên đất Việt Nam. Ông kể một thôi làm tôi cũng rùng rục bầu máu nóng. Ông hạ giọng đến lặng người: "Nghĩ mà thương cho anh em nằm lại, không còn được thấy cái ngày này".

## 2. Và một thời hòa bình

Cái ngày này ấy là sự trở lại của người lính sau 30 năm để nhìn thấy xác xe tăng đã thắm màu thời gian, hay cái ngày mà Vạn Tường chuẩn bị trở thành thành phố? Có lẽ cả hai. Tôi cùng ông đến thôn Lộc Tự, bên này đồng Đưng để nhìn hai xác xe tăng còn lại. Ngành Văn hóa - Thông tin Quảng Ngãi đã cho xây tường rào để bảo vệ di tích lịch sử này. Nhưng Vạn Tường không chỉ có khốc liệt của chiến tranh, mà suốt 20 năm qua, người dân nơi đây còn trải qua một cuộc chiến tranh khác không có tiếng súng. Đó là nghèo khó. Và để chiến thắng nó cũng không phải dễ dàng.

Tất cả các xã khu đông huyện Bình Sơn đều chịu chung một cảnh là thiếu nước. Có lẽ đó là nguyên nhân đầu tiên dẫn đến nghèo khó. Những ngọn núi lúp xúp không một bóng cây cứ trải dài mút mắt. Đất ở đây là đất đỏ nhưng không phải badan, chỉ cần đào xuống chừng 20 phân là gặp đá ong - vật liệu thay đá, gạch để xây nhà ở vùng đất này. Những năm đỉnh hạn, nhiều đám cưới phải tạm hoãn vì thiếu nước. Trong những nơi

thiếu nước ấy thì Vạn Tường, Bình Hải được xếp đầu số. Mỗi năm chỉ làm được một mùa bắp hoặc khoai lang vào mùa mưa, còn mùa nắng này chỉ ngồi trong nhà mà nhìn ra trông trời. Chủ tịch xã Bình Hải, Bùi Huy Ty đưa ra mấy con số làm tôi phải giật mình: "Trên chín ngàn miệng ăn của xã chỉ trông vào 41 ha đất canh tác cây lúa một vụ, nhưng năng suất chỉ 25 tạ/ha. Với diện tích trồng lúa như thế, dân số như thế, thì thật khó nói đến bình quân lương thực đầu người". Bởi vì, "nói ra nó kỳ lắm" như lời anh Ty nói. Trừ số diện tích gò đồi, 384 ha còn lại là trồng bắp và khoai. Hèn chi "tối ăn khoai đi ngủ, sáng ăn củ đi làm" là phải thôi. Năm 1990, để chữa căn bệnh trầm kha về nước, tỉnh Quảng Ngãi đã đầu tư 200 triệu đồng cho Vạn Tường để khoan 6 cái giếng, mỗi giếng sâu chừng trên trăm mét. Với sáu giếng nước này, người ta hy vọng sẽ tưới cho vài ba chục hécta đất ở Vạn Tường. Nước có đấy, dân ai cũng mừng, nhưng nguồn nước ấy vĩnh viễn chỉ nằm trong lòng đất. Bởi vì sản lượng thu được từ cây bắp, cây mía bơm nước ấy, tính giá thành cao hơn gấp nhiều lần ra chợ mua. Đất Vạn Tường như một cái thùng không đáy, đổ bao nhiêu nước vào đó cho vừa? Giá như có điện để bơm nước lên cũng đỡ, đảng này phải bơm bằng máy dầu cho nên giá thành rất cao. Người ta đang chờ nguồn điện quốc gia về đây. Đạo xây dựng Nghĩa trang liệt sĩ Vạn Tường, người ta phải thồ, phải chở nước từ nơi khác đến,

khác nào dân công thời Điện Biên. Tôi hỏi anh Ty: "Khắc nghiệt thế làm sao sống nổi?". Anh cười: "Chẳng lẽ chết à? Toàn xã có 20% hộ đói, chủ yếu là các hộ neo đơn và trong diện chính sách. Số này phải trợ cấp. Những gia đình còn lại, nếu đói thì "gối phải bò". Nói vậy chứ cái khó nó ló cái khôn. Chẳng hạn như 500 gia đình ở thôn Thanh Thủy đã bắt đầu học nghề trồng cây hành nước của dân đảo Lý Sơn. Đây là vùng tương đối thấp, sát biển nên dễ đào giếng. Hai năm qua, nhiều gia đình ở đây thu nhập trên 10 triệu đồng/năm từ cây hành nước. Hoặc như 700 gia đình ở thôn Phước Thiện đầu tư mua sắm ghe thường đi câu mực, câu tôm ngoài biển có thu nhập khá". Tôi đã nhìn thấy cánh đồng hành nước xanh um giữa cái nắng đổ lửa ở Thanh Thủy và cũng đã nhìn thấy những cột ăngten của máy thu hình thấp thoáng trong những rặng dừa ở Phước Thiện. Điều đó đã kiểm chứng lời nói của anh Ty là xác tín. Nhưng dạo một vòng quanh thôn Phước Thiện, thôn khá giả của vùng đất Bình Hải, tôi thất vọng quá chừng. Có lẽ đây là xã đồng bằng duy nhất ở Quảng Ngãi không xây được chợ. Hàng trăm người chen nhau mua bán trong đất cát mịn mù. Dân đi chợ mua bán trong cát bụi đã đành, gần 1.500 em học sinh tiểu học của 41 lớp phải học trong cát bụi của 16 phòng học do dân tự làm, nay cũng xập xệ lắm rồi. Năm học tới đây, các em lại phải tiếp tục học ba ca. Hầu như ngành giáo dục đầu tư

để xây dựng trường lớp ở đây không đáng là bao. Ngay cả trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân xã cũng phải mượn tạm nhà của Hợp tác xã mua bán để làm việc từ bao năm nay, nói chi đến xây trường. Bao khó khăn chồng chất, nhưng người dân nơi đây vẫn lao động quên mình và vẫn mơ về một thành phố tương lai.

### **3. Thành phố tương lai**

Ngày 29-7-1995, Thủ tướng Võ Văn Kiệt một lần nữa đặt chân đến Dung Quất. Thủ tướng cũng đã đến Vạn Tường, nơi sẽ xây dựng thành phố cùng với Khu công nghiệp phức hợp Dung Quất. Sự kiện đó gần như khép lại một chuỗi dài mong đợi của người dân nơi đây. Theo thiết kế của những người làm dự án Dung Quất, Vạn Tường sẽ là thành phố hiện đại bậc nhất, sẽ có những tòa nhà cao tầng quay mặt ra Biển Đông. Từ Vạn Tường, một con đường cao tốc dài gần 10 km chạy đến Khu công nghiệp và Cảng biển Dung Quất. Cũng từ đây sẽ có một con đường cao tốc khác chạy về hướng đông nam qua khu du lịch nổi tiếng Sơn Mỹ, ba vạn dân sẽ cư trú ở thành phố này. Người ta bắt đầu mở những tuyến đường trên đất (chứ không phải trên giấy) ở vùng Dung Quất. Một dự án cung cấp nước sạch được lấy từ nguồn nước sông Trà Bồng cũng được phác thảo. Dân Vạn Tường sẽ không phải lo thiếu nước uống. Sáu giếng bơm nước hiện nay biết đâu sẽ thành nơi tham quan lý thú?

Tôi cứ miên man nghĩ về một thành phố tương lai mà tôi có dịp nghe báo cáo và xem trong các dự án giữa cái nắng như đổ lửa trên đất Vạn Tường. Trước mặt tôi là hàng trăm ngôi mộ trong nghĩa trang liệt sĩ trắng lóa trong nắng trưa. Gió biển thốc từng cơn, cuốn theo lớp bụi mù trời. Tôi nhìn khuôn mặt đẫm mồ hôi của người cựu binh già Phùng Tấn Long. Cũng như tôi, hình như ông đang mơ về một thành phố tương lai mà chưa hẳn đến lúc ấy, ông còn sống để nhìn thấy nó.

*Vạn Tường, tháng 8-1995*



# HƯỚNG MỞ CHO VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG\*

**Trần Danh Lâm**  
**Phan Lợi**

Với Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và nổi bật trong Quyết định số 148/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, có tầm nhìn xuyên suốt đến năm 2020, Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đã được xác định, bao gồm năm tỉnh, thành phố là Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định. Kỳ vọng chung, nhằm "phát huy tiềm năng, vị trí địa lý, các lợi thế so sánh của vùng, từng bước phát triển Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung thành một trong những vùng phát triển năng động của cả nước, bảo đảm vai trò hạt nhân tăng trưởng và thúc đẩy phát triển khu vực miền Trung và Tây Nguyên". Vào năm 2005, năm đầu thực hiện có chiều sâu trong cuộc sống những văn bản quan trọng ấy, bao vấn đề đang đặt ra trước Đảng bộ, chính

---

\* Xem báo *Nhân Dân cuối tuần*, tháng 11-2004.

quyền, nhân dân, các lực lượng vũ trang năm tỉnh. Chính trong bối cảnh đó, luôn khơi dậy niềm tin đi tới trước, một sức xuân mới - từ trong ý nghĩ và cách thức chỉ đạo - đang bật dậy thật sự trên vùng đất này.

Không phải ngẫu nhiên Bộ Chính trị và Chính phủ quan tâm sâu sắc đến thế! Miền Trung nói chung (gồm 14 tỉnh suốt từ Thanh Hóa đến Bình Thuận) là vùng đất gian khó, có nhiều cống hiến to lớn trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Vùng đất này cũng đã có nhiều bước tiến khá dài trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần cho "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Song, cách mạng là sự nghiệp không ngừng. Nhìn thẳng vào sự thật, miền Trung vẫn còn nhiều khó khăn, yếu kém. Kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Nhiều thế mạnh chung trong vùng, nhất là với năm tỉnh kinh tế trọng điểm chưa khai thác hết. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Kinh tế biển chưa được phát huy. Công nghiệp phát triển chưa bền vững. Du lịch, dịch vụ chưa khai thác tốt. Trụ cột chính của nền kinh tế trong khu vực vẫn là nông nghiệp; thường bị lũ lụt và hạn hán đe dọa. Bình quân thu nhập của dân cư trên địa bàn thấp hơn nhiều lần so với các vùng kinh tế trọng điểm khác. Tỷ lệ đói nghèo còn cao. Một bộ phận lớn nhân dân còn có cuộc sống khó khăn. Công tác quy hoạch thể hiện nhiều bất cập. Nguồn nhân lực bị chi

phối mạnh và rất không đều. Cơ sở hạ tầng tuy đã được cải thiện; nhưng chưa đủ mức tạo nên lực bật chung tại chỗ. Đặc biệt, vùng này thiếu hẳn một hệ thống chính sách đồng bộ, đủ mạnh, bảo đảm sự liên kết nội tại trong vùng. Trong khi đó, dù nhìn từ bất cứ phương diện nào, miền Trung vẫn là địa bàn chiến lược quan trọng. Vậy, giữa rất nhiều cái khó và tiềm lực vật chất có hạn của đất nước, phải mở thế lên từ đâu? Đâu mới là đòn bẩy cho cả vùng? Trả lời cho những câu hỏi chứa đựng tâm nhìn những thập niên đầu thế kỷ ấy, chính là vùng kinh tế trọng điểm này đây...

Mục tiêu, yêu cầu phát triển trung ương dành cho năm tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm khát khao đạt tới thật sự to lớn. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm từ nay đến năm 2010 phải đạt khoảng 1,2 lần; giai đoạn tiếp theo đến năm 2020 phải đạt khoảng 1,25 lần so với tốc độ tăng trưởng bình quân của cả nước. Tỷ lệ đóng góp của vùng trong GDP của đất nước từ 5% như hiện tại, lên khoảng 5,5% vào năm 2010 và đạt 6,5% vào năm 2020. Giá trị xuất khẩu bình quân đầu người/năm từ 149 đôla Mỹ năm 2005 lên 375 đôla Mỹ năm 2010 và 2.530 đôla Mỹ vào năm 2020. Tốc độ đổi mới công nghệ đạt bình quân 20%/năm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2010 phải đạt khoảng 50%. Đến năm 2010, tỷ lệ đô thị hóa của vùng kinh tế trọng điểm này là 40%. Mỗi năm giải quyết từ 60 đến 70 ngàn chỗ làm việc mới. Kéo

tỷ lệ lao động không có việc làm xuống 5% hoặc thấp hơn thế. Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 15,5% (năm 2005) xuống dưới 8,8% (năm 2010) và giảm mạnh, còn khoảng 2% (năm 2020). Bên cạnh đó, bảo đảm an ninh - chính trị, trật tự - xã hội, môi trường bền vững; và tăng mức đóng góp của vùng kinh tế trọng điểm trong thu ngân sách của cả nước từ 4,6% như hiện nay lên khoảng 6% vào năm 2010 và 7% vào năm 2020... Trung ương và Chính phủ cũng đã chỉ ra những giải pháp chủ yếu, cơ bản; yêu cầu các bộ, ngành và năm tỉnh nói trên cùng phối hợp thực hiện, bao hàm trong đó nhiều nhiệm vụ mới có tính đột phá, cả về điều chỉnh quy hoạch, tạo ra cơ chế - chính sách phát triển tối ưu cho khu vực này. Việc phát triển nguồn nhân lực, xác định trách nhiệm trực tiếp và phối hợp của các địa phương, các cơ quan chức năng ở trung ương cũng được văn bản trên tính tới, trong quan điểm "trọng điểm của trọng tâm", "của cả nước, vì cả nước", nhằm phát triển nhanh và vững Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung vừa trước mắt, vừa lâu dài.

Giờ đây, để biến khả năng sớm thành hiện thực, vào năm mới quyết định mới cả trong tư duy, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân, các lực lượng vũ trang năm tỉnh, thành phố Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đang suy nghĩ những gì giữa bối cảnh ấy? Dễ, nhưng khó. Dễ, bởi từ lâu, đã có tâm lý thường chờ đợi ở ngân sách trung ương, chờ ở thể lên chung của đất nước. Khó,

bởi đây là lần đầu trong lịch sử phát triển kinh tế - xã hội mỗi vùng đất, mỗi tỉnh, thành phố trong vùng này phải sớm tìm ra những giải pháp hay mang tính đột phá nhất, để kịp hòa mình với xu thế chung trong vùng và bung mở riêng được một số nội lực - bản sắc. Đặt ra yêu cầu khách quan ấy, bởi nhìn chung, địa phương nào trong khu vực này cũng có những lợi thế và khó khăn tương tự nhau. Xác định lợi thế, phát triển lợi thế so sánh và đẩy nhanh kỳ được tốc độ chính trên địa bàn mình, giờ đây quan trọng hơn bao giờ hết! Khó, còn ở chỗ: cần minh bạch hóa và bảo đảm sự thắng thế cho một trong hai lối tư duy. Hoặc đầu tư dàn trải, mỗi tỉnh, thành phố trong khu vực mỗi nơi một ít, vì đều khó như nhau. Hoặc phải đầu tư trước và mạnh cho một số các địa bàn có khả năng, lợi thế phát triển hơn cả; sau đó, khi kinh tế đã phát triển hơn, mới điều tiết qua ngân sách, bổ sung cho các địa phương khác. Lắng nghe nhiều ý kiến trong Hội nghị triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW và Thông báo số 155-TB/TW của Bộ Chính trị, do các Ủy viên Bộ Chính trị: Nguyễn Tấn Dũng, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ; Trương Tấn Sang, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương đồng chủ trì tại Đà Nẵng, trong hai ngày 6 và 7-11-2004 với lãnh đạo 14 tỉnh, thành phố miền Trung, xem ra, luồng tư tưởng thứ hai có sức thuyết phục hơn. Vì, nếu vẫn nặng tình, chấp nhận đầu tư theo kiểu "mẻ vùng rơi vãi", thì rồi chúng

ta lại phải trả giá, tương tự như cách làm đã cũ. Và, ngay trong năm tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm cũng sẽ khó tạo ra sức bật nổi trội, kéo theo! Có lẽ, đã đến lúc các bộ, ngành, trực tiếp là các địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm nên thống nhất sớm với nhau hai vấn đề then chốt nhất và cùng đồng tâm, hiệp lực gắng sức làm nhanh.

*Thứ nhất*, nên căn cứ vào mục 1 Điều 3 của Quyết định số 148/2004/QĐ-TTg để dồn vốn các loại và huy động nội lực sẵn có để giải quyết thật tập trung những tâm điểm vấn đề đã đề cập trong đó. Ở đây, bốn "điểm nhấn": Khu kinh tế mở Chu Lai (Quảng Nam), Khu kinh tế Dung Quất (Quảng Ngãi), Khu khuyến khích phát triển kinh tế - thương mại Chân Mây (Thừa Thiên - Huế), Khu kinh tế Nhơn Hội (Bình Định) có đòi hỏi khách quan là phải sớm được đẩy nhanh tốc độ đầu tư xây dựng, thu hút nhiều đầu tư, để "sau năm 2010... trở thành những hạt nhân, trung tâm phát triển của vùng". Còn thấy rõ hơn vai trò động lực, "đầu kéo" của Đà Nẵng trong dãy các đô thị trên khu vực này. Nếu Đà Nẵng chưa được đầu tư mạnh, tương xứng với vị thế đã được xác định trong Nghị quyết số 33/2003 của Bộ Chính trị, thì không chỉ các tỉnh nghèo phụ cận, mà cả các thành phố lớn như Huế, Quy Nhơn cũng bị ảnh hưởng, khó thực hiện tốt "chức năng thương mại, dịch vụ và giao dịch, các trung tâm du lịch của cả khu vực

miền Trung, Tây Nguyên". Ngược lại, nếu được đầu tư nhanh, chỉ đạo đúng mục tiêu, Đà Nẵng sẽ phát huy tốt hơn vai trò động lực, vai trò "thành phố biển - trung tâm vùng", thể hiện rõ khả năng "đầu mối giao thông quan trọng" (xuyên Việt, xuyên Á), trung chuyển và vận tải quốc tế của miền Trung, Tây Nguyên và các nước trong khu vực sông Mê Kông. Hiện tại, Khu khuyến khích phát triển kinh tế - thương mại Chân Mây đã quy hoạch khu vực thương mại khoảng 1.000 ha (gắn liền với tiến độ phát triển cảng Chân Mây); từng bước phát triển Khu công nghiệp Chân Mây; thành phố mới Chân Mây; theo hướng là một trung tâm thông tin quốc tế, dịch vụ thương mại, du lịch, tài chính, ngân hàng và một số ngành kỹ thuật trình độ cao. Về thực chất, Khu kinh tế mở Chu Lai là sự thể nghiệm trên thực tế các thể chế, chính sách mới; tạo môi trường đầu tư phù hợp với thông lệ quốc tế; mở thêm xu thế hội nhập vào khu vực và toàn cầu. Đến nay, giai đoạn I trong tổng diện tích quy hoạch Khu kinh tế mở này là 27.040 ha đã định hình. Đã có 106 dự án đầu tư trong và ngoài nước đăng ký, với tổng vốn trên 1,2 tỷ USD. Trong đó, có 23 dự án nước ngoài. Thực tế đã có 44 dự án được cấp phép, đang triển khai hoặc bước đầu hoạt động, với tổng vốn khoảng 179 ngàn USD. Khu kinh tế Dung Quất vừa rút gọn quy hoạch, chỉ còn lại 10.300 ha. Trọng tâm vẫn là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, với trung

tâm phát triển là công nghiệp lọc dầu - hóa dầu - hóa chất. Riêng vốn ngân sách tỉnh cũng đã rót được vào đây khoảng 450 tỷ đồng. Hàng chục nhà đầu tư trong và ngoài nước, với nhiều dự án lớn nhỏ, đã và đang đến đây triển khai nhiều dự án, tạo nên khí sắc mới cho một khu kinh tế. Khu kinh tế Nhơn Hội mới định hình, quy mô được xác định khoảng 12.000 ha. Cũng đa chức năng, dự kiến đan xen các yếu tố kinh tế với xã hội; lấy thương mại, dịch vụ - du lịch và sản xuất làm hai "cánh kéo" để phát triển. Đồng thời, lồng ghép "khu trong khu" (khu phi thuế quan và khu thuế quan) trong một Khu kinh tế Nhơn Hội thống nhất. Tuy xác định và triển khai có phần chậm, nhưng bù lại, hiện tại tốc độ xây dựng ở khu kinh tế này đã được đẩy lên rất nhanh, nếu nhìn từ cầu vượt đầm Thị Nại. Rõ ràng, khi thành phố Đà Nẵng và bốn điểm nhấn ấy "bật" lên được, chắc chắn sẽ kéo theo sự phát triển đồng bộ, có chiều sâu và đa dạng trong khu vực.

*Thứ hai*, hiện nay, rất cần sự liên kết nội tại giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung với nhau, triển khai theo hướng chia sẻ lợi thế, cùng chung lợi ích xã hội và nâng cao được hiệu quả kinh tế. Khi thực hiện được, điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Bởi nó sẽ xóa mờ ranh giới hành chính, giải tỏa tình trạng bị địa hình - thiên nhiên cô lập hóa, gia tăng lợi ích cho các địa phương và thắt chặt thêm khối



đoàn kết trong vùng. Chưa có cơ chế mẫu cho sự liên kết mới này. Song, trước mắt, chắc chắn có thể thực hiện được trên ba phương diện chính. Hoặc liên kết theo thế mạnh - lợi thế. Chẳng hạn, trong khi Cảng Kỳ Hà (thuộc Khu kinh tế mở Chu Lai, Quảng Nam) chưa được nạo vét, Quảng Nam có thể xuất - nhập hàng hóa, thiết bị số lượng lớn qua cảng Đà Nẵng. Vừa qua, việc Ủy ban nhân dân hai tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam họp bàn chia sẻ kinh nghiệm thu hút đầu tư và nương nhờ lợi thế của nhau (xoay quanh sân bay, bến cảng, đường vành đai...) giữa hai khu kinh tế liền kề, là Chu Lai và Dung Quất, sự thật là rất hữu ích, tạo được lòng tin giữa hai tỉnh và giảm đi chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng trong tương lai. Hoặc liên kết theo ngành hàng. Nguồn mía phía nam Quảng Nam có thể đưa vào Quảng Ngãi để chế biến. Lượng hải sản rất lớn ở phía nam Quảng Ngãi cũng có thể đưa vào Quy Nhơn để chế biến, vì thuận hơn trên hải trình khi các tàu đánh cá trở về Quảng Ngãi. Bình Định không nhất thiết phải có sức đẩy mạnh sản xuất các ngành nhựa gia dụng, hóa chất cơ bản, khi chính thành phố Đà Nẵng đang dư thừa hàng này. Cũng có thể liên kết theo kiểu cùng đầu tư phát triển. Ở hướng này, khả năng liên kết rất rộng, cũng dễ mở về chiều sâu. Từ các lĩnh vực huy động vốn, vay tín dụng, bảo hiểm... đến việc xây dựng các công trình mới. Chi phí đầu tư trong xây dựng các công trình

thủy nông - thủy lợi chắc sẽ thấp đi rất nhiều, nếu tại địa bàn giáp ranh, các tỉnh cùng nhau chia sẻ, nối thông các nguồn nước tưới, tiêu. Trong thực tế, nhiều vùng nguyên liệu nông nghiệp, cây công nghiệp ở khá gần nhau; nhưng lâu nay, do tình trạng cát cứ, rơi rớt tâm lý cục bộ, những lợi thế "trời cho" ấy đã không thể khai thác, hoặc khai thác không triệt để...

Nhìn tới tương lai, Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đang đứng trước cơ hội hiếm có. Kịp thời nắm bắt, vận dụng sáng tạo, với Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, đây là một cơ hội ngàn vàng. Trong ý nghĩa phát triển nhanh kinh tế - xã hội; giữ vững an ninh - quốc phòng; đọng đầy trong ý nghĩa cách mạng của vùng đất; đây còn là mùa xuân lớn chứa đựng những sắc xuân, tiếp bật dậy thế và lực mới trên một dải đất tuy còn gian khó nhưng rất đổi yêu thương, luôn tỏa sáng phẩm chất anh hùng...

# DUNG QUẤT - ĐIỂM ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC ĐỂ MIỀN TRUNG CẤT CÁNH TRONG THẾ KỶ XXI

*Đại tá Cao Minh*

**TS. Lê Văn Yên**

## **1. Những quyết định mang tầm chiến lược**

Qua kinh nghiệm phát triển kinh tế của các nước và tổng kết thực tiễn đổi mới ở Việt Nam, Đảng và Chính phủ ta đã rút ra kết luận: Để phát triển kinh tế tốt, mở rộng giao lưu và hội nhập với khu vực và quốc tế, một trong những huyết mạch có tiềm năng to lớn và mang ý nghĩa quyết định, đó là đường hàng hải và hệ thống cảng biển của nó, đặc biệt là các cảng biển nước sâu có khả năng đón nhận các tàu có trọng tải lớn, với sức chứa khổng lồ của các kho, bãi dịch vụ, công suất bốc dỡ lớn, hiện đại, bảo đảm cho nhiệm vụ trung chuyển quốc tế và khu vực.

Với vị trí chiến lược đặc biệt, vùng bờ biển nước ta dài hơn 3.200 km, có vùng thềm lục địa rộng lớn, Việt Nam có đầy đủ điều kiện để thực hiện việc bố trí chiến

lược phát triển kinh tế vùng duyên hải. Xuất phát từ quan điểm chỉ đạo bao trùm của Đảng ta là: Bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa các vùng khác nhau của đất nước, phát triển kinh tế phải gắn với phát triển xã hội (chống quan điểm chỉ chú trọng lợi ích kinh tế, mà coi nhẹ lợi ích xã hội; chống việc tập trung phát triển ở những vùng thuận lợi, mà quên đi các vùng khó khăn, nghèo nàn, lạc hậu), Đảng và Nhà nước ta đã chọn vị trí Dung Quất để xây dựng cảng biển nước sâu, xây dựng nhà máy lọc dầu, xây dựng khu công nghiệp và xác định Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Đường lối đổi mới toàn diện của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước và Chính phủ ta đã động viên, khuyến khích các nhà khoa học nhập cuộc với nhiệt tình và sức sáng tạo cao. Từ tháng 2-1992, nhóm nhà khoa học vật lý hải dương học ở Phân viện Vật lý tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam do Tiến sĩ Trương Đình Hiến và Kỹ sư Bùi Quốc Nghĩa dẫn đầu đã quyết định thực hiện một chương trình nghiên cứu ở duyên hải miền Trung. Nhóm đã tiến hành nghiên cứu suốt dải bốn tỉnh ven biển với 12 cửa biển, vũng vịnh. Đó là Quy Nhơn, Đề Gi, An Dũ, Tam Quan (Bình Định); Sa Huỳnh, Trà Câu, Cửa Đại, Sa Kỳ và vũng Dung Quất (Quảng Ngãi); cửa Kỳ Hà (Quảng Nam); vịnh Đà Nẵng (thành phố Đà Nẵng);

vũng Chân Mây (Thừa Thiên - Huế). Tháng 9-1992, sau khi phân tích các kết quả nghiên cứu, hai nhà khoa học Trương Đình Hiến và Bùi Quốc Nghĩa đã phát hiện khu vực vũng Dung Quất và vũng Chân Mây... có đủ các điều kiện ưu việt để xây dựng thành công cảng biển nước sâu và khu công nghiệp lớn. Các kết quả nghiên cứu phát hiện này được lần lượt báo cáo, trình bày lên lãnh đạo địa phương, Chính phủ và nhận được sự quan tâm, đánh giá cao của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Chính phủ, cũng như sự ủng hộ của các tập đoàn tư vấn quốc tế lớn.

Sau kết quả khảo sát, thị sát của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Chính phủ, đặc biệt là chuyến thị sát ngày 19-9-1994 của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại khu vực vịnh Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi và chỉ thị cho các bộ, ngành liên quan phối hợp với tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục khảo sát lập quy hoạch khu công nghiệp tập trung, Nhà máy lọc dầu số 1 và Khu công nghiệp Dung Quất (nay là Khu kinh tế Dung Quất). Trên cơ sở cách nhìn và đánh giá khách quan, khoa học và cách mạng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã nhất trí với đề xuất của các cơ quan trung ương và địa phương về chọn địa điểm xây dựng Cảng biển nước sâu mới đầu tiên và xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 ở Dung Quất (Quảng Ngãi). Ngày 11-4-1996, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số

207/TTg về việc phê duyệt Quy hoạch chung Khu công nghiệp Dung Quất, trong đó xác định rõ: "Khu công nghiệp Dung Quất là khu lọc và hóa dầu đầu tiên của cả nước; là khu tập trung nhiều ngành công nghiệp có quy mô lớn, gắn với Cảng biển nước sâu Dung Quất và sân bay quốc tế Chu Lai; là trung tâm kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và có ý nghĩa quan trọng về quốc phòng". Tại kỳ họp thứ 2, ngày 5-12-1997, Quốc hội khóa X đã ra Nghị quyết số 07/1997/QH10 về Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất.

Đến ngày 13-8-2004, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 148/2004/QĐ-TTg, về phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020, thực hiện đối với năm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bao gồm: Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định... với nhiệm vụ chủ yếu là: Phát triển Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung thành một trong những vùng phát triển năng động của cả nước, bảo đảm vai trò hạt nhân tăng trưởng và thúc đẩy phát triển khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Cùng với việc đưa vào hoạt động sân bay Chu Lai, việc ký kết gói thầu số 1 + 4 dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất và việc Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định

số 50/2005/QĐ-TTg ngày 11-3-2005 về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi là cột mốc quan trọng, đánh dấu sự phát triển của Khu kinh tế Dung Quất đã chuyển sang một giai đoạn mới. Một sự kiện quan trọng nhất đối với quá trình hình thành và phát triển là ngày 18-6-2005 lễ Công bố Khu kinh tế Dung Quất được tổ chức. Đây là sự kiện quan trọng có ý nghĩa to lớn thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội miền Trung. Tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XI có Nghị quyết hợp ý Đảng, lòng dân làm nô nức không chỉ cán bộ, nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, mà cả đối với miền Trung và đồng bào cả nước, đã khẳng định Nhà máy lọc dầu Dung Quất cần phải được triển khai mạnh hơn, làm quyết liệt hơn để hoàn thành việc xây dựng và có dầu cho đất nước vào đầu năm 2009. Đặc biệt gần đây, ngày 16-6-2006, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 139/2006/QĐ-TTg về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Khu kinh tế Dung Quất đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020. Quyết định trên đã và đang là động lực rất quan trọng, là điều kiện quyết định thúc đẩy sự phát triển tiến lên của Khu kinh tế Dung Quất. Quyết định này xác định rõ quan điểm phát triển là: "Đầu tư phát triển Khu kinh tế Dung Quất phải được đặt trong tổng thể phát

triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi, Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và của cả nước; phát triển Khu kinh tế Dung Quất nhằm mở rộng thị trường, từng bước hội nhập các nước trong khu vực và thế giới; xây dựng Khu kinh tế Dung Quất thành khu kinh tế tổng hợp, phát triển đa ngành, đa lĩnh vực, trọng tâm là công nghiệp lọc dầu, hóa dầu, hóa chất và một số ngành công nghiệp mũi nhọn, có quy mô lớn và lợi thế đầu tư khai thác hiệu quả Cảng nước sâu Dung Quất; phát triển Khu kinh tế Dung Quất phải bảo đảm hiệu quả tổng hợp về kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng và bảo vệ môi trường; tập trung xây dựng cơ sở vật chất toàn diện, đồng bộ và có tính bền vững cao, xây dựng đô thị mới hiện đại, văn minh. Áp dụng thí điểm các cơ chế, chính sách để phát triển các loại hình có lợi thế trong sản xuất, kinh doanh và các hoạt động đầu tư xây dựng tại Khu kinh tế Dung Quất; cơ chế chính sách áp dụng tại Khu kinh tế Dung Quất phải thực sự ưu đãi và khuyến khích mạnh đầu tư trong và ngoài nước, bảo đảm tính ổn định lâu dài, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật hiện hành và ngày càng hoàn thiện, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập, phù hợp với các xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế". Có thể khẳng định rằng, đây là quyết định



rất cơ bản của Trung ương trong việc phát triển Khu kinh tế Dung Quất để đưa miền Trung cất cánh trong thế kỷ XXI.

Từ Cảng biển nước sâu Dung Quất đến Cảng biển nước sâu Chân Mây và Nhơn Hội cũng lần lượt được nghiên cứu, đề xuất và đều đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt xây dựng thành cảng biển nước sâu và các khu công nghiệp, thương mại lớn ở dọc duyên hải miền Trung.

## **2. Dung Quất - điểm đột phá chiến lược**

Trong lịch sử chiến tranh cách mạng, cũng như kinh nghiệm xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, cần xác định những chiến trường và vùng trọng điểm, những điểm đột phá chiến lược để tập trung nhân tài, vật lực, binh lực, chỉ đạo, chỉ huy để giành thắng lợi quyết định, có ý nghĩa đột phá cho từng chiến trường, từng khu vực và cả nước. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, đó là Điện Biên Phủ; trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đó là Buôn Ma Thuột.

Bước vào thời kỳ thực hiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, hội nhập khu vực và quốc tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, phải đột phá vào vùng duyên hải, đồng bằng để xóa bỏ đói nghèo, lạc hậu, tiến lên giàu mạnh cho

vùng rừng núi, vùng sâu, vùng xa. Dung Quất và ven biển miền Trung đã và đang đảm nhiệm vai trò lịch sử mới này.

Trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đất nước, thực hiện đường lối đổi mới, cũng đã có những đột phá chiến lược quan trọng như: xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp; xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới về cơ chế chính sách, xây dựng nền kinh tế mở; từng bước hội nhập nền kinh tế quốc tế; giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất, tiếp tục đổi mới toàn diện. Với những đột phá chiến lược trên, nền kinh tế Việt Nam đã khởi sắc, giành được những thành tựu quan trọng và có ý nghĩa lịch sử.

Căn cứ vào vị trí, tính chất, lợi thế của từng địa phương, từng khu kinh tế trong vùng trọng điểm và ý đồ chiến lược thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cùng với việc hình thành hai khu kinh tế trọng điểm ở phía Bắc và phía Nam, trong Quyết định số 148/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã xác định Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung với vai trò, nhiệm vụ của từng khu kinh tế, của từng tỉnh và thành phố như sau:

- Thành phố Đà Nẵng có vai trò là điểm trung tâm của khu vực... với các nhiệm vụ cơ bản như: trung tâm công nghiệp thương mại, du lịch và dịch vụ của miền Trung; thành phố cảng, đầu mối giao thông quan trọng

(cảng biển, sân bay quốc tế, giao thông xuyên Việt, xuyên Á) về trung chuyển và vận tải quốc tế của miền Trung - Tây Nguyên và các nước khu vực sông Mê Kông...

- Khu kinh tế mở Chu Lai, xây dựng và phát triển nhằm thử nghiệm các thể chế, chính sách mới, tạo môi trường đầu tư, phù hợp với thông lệ quốc tế cho các loại hình kinh doanh trong và ngoài nước, qua đó có thêm kinh nghiệm cho hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.

- Khu kinh tế, thương mại Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên - Huế) là khu khuyến khích phát triển kinh tế - thương mại, xây dựng trung tâm thông tin quốc tế, cùng hệ thống dịch vụ như: dịch vụ thương mại, du lịch, tài chính, ngân hàng, và các ngành nghề khác với trình độ và văn minh thương mại cao. Từng bước phát triển khu công nghiệp Chân Mây và thành phố mới Chân Mây.

- Khu kinh tế tổng hợp Nhơn Hội (tỉnh Bình Định), nhằm tạo thêm động lực với vị trí hạt nhân làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Chú ý đẩy mạnh vai trò trung tâm thương mại và giao dịch quốc tế của thành phố Đà Nẵng, Huế, Quy Nhơn để đảm nhận chức năng dịch vụ - thương mại của cả khu vực miền Trung, Tây Nguyên và là cửa ngõ cho phát triển hành lang Đông - Tây.

- Đối với Khu kinh tế Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi),

đẩy nhanh sự hình thành và phát triển khu kinh tế làm động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa miền Trung và cả nước. Xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất thành một khu kinh tế tổng hợp, đa ngành với các chính sách ưu đãi, khuyến khích ổn định lâu dài, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài yên tâm đầu tư vốn vào phát triển sản xuất kinh doanh. Phát triển công nghiệp lọc dầu - hóa dầu, hóa chất; từng bước phát triển các ngành công nghiệp cơ khí đóng và sửa chữa tàu biển, luyện cán thép, sản xuất xi măng, sản xuất container...; đẩy nhanh các hạng mục trong Dự án cảng Dung Quất với 10 bến cảng dầu khí, khu cảng tổng hợp, đê chắn sóng, đê chắn cát; phát triển hệ thống giao thông liên khu, liên vùng để phát huy vai trò của Cảng Dung Quất. Tổ chức giải phóng mặt bằng, sắp xếp lại các khu dân cư, khu tái định cư. Tập trung đầu tư công trình thủy lợi lớn hồ chứa nước, cung ứng nước cho Khu công nghiệp Dung Quất.

Với việc Cảng biển nước sâu Dung Quất đưa vào sử dụng bến số 1, Nhà máy lọc dầu được khởi động mới, với quyết tâm mới cùng với triển khai xây dựng Nhà máy đóng tàu, Nhà máy thép và hoạt động của Khu công nghiệp Bình Chánh... đã và đang thúc đẩy sự chuyển động mạnh mẽ các khu kinh tế trong Vùng kinh tế

trọng điểm miền Trung, đã và đang phát huy vai trò đột phá chiến lược của Khu kinh tế Dung Quất.

Xây dựng trung tâm thương mại, phát triển du lịch. Phát triển các lĩnh vực xã hội, công cộng. Xây dựng bệnh viện, trường đào tạo lao động kỹ thuật, trường mẫu giáo, nhà trẻ, trường phổ thông cơ sở, trường trung học phổ thông Vạn Tường. Xây dựng các cơ sở văn hóa, thể thao. Xây dựng đô thị Vạn Tường có quy mô 12 vạn dân với các chức năng là đô thị công nghiệp, dịch vụ, du lịch...

Trải qua gần 10 năm triển khai, khởi động xây dựng, Dung Quất đã và đang tạo ra thế mới, lực mới, vận hội mới để tăng tốc đầy triển vọng, chẳng những cho Dung Quất, mà cho cả Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, cho Trung Bộ và cả nước với niềm tin mới.

Thế mới, lực mới, vận hội mới đó là đã và đang hình thành mặt bằng rộng lớn chưa từng có ở đông - bắc huyện Bình Sơn: từ Cầu Cháy đến Dốc Sỏi trên quốc lộ kéo thẳng ra Vịnh biển Dung Quất, bao quanh đến Vịnh biển Việt Thanh. Đó là Khu đại công nghiệp Dung Quất. Trong Khu đại công nghiệp này đã xây dựng những cơ sở hạ tầng quan trọng đã và đang phát huy tác dụng đó là:

- Bến số 1, Cảng biển nước sâu Dung Quất, đã và đang hoạt động, tàu có trọng tải lớn ra vào cảng, thu

thuế qua cảng tăng theo mỗi năm. Hiện nay đang được xây dựng mở rộng để phục vụ vận chuyển vật liệu xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 và phục vụ xuất nhập khẩu khi vận hành.

- Mặt bằng của thành phố Vạn Tường, cùng với hệ thống đường cao tốc dọc ngang; điện, nước, bu chính viễn thông đã và đang được xây dựng; nghiên cứu quy hoạch kiến trúc thành phố theo hướng hiện đại, tiên tiến, văn minh, trên cơ sở cất cánh của một vùng đất trong thời đại mới đô thị hóa.

- Nhà máy đóng tàu lớn nhất Việt Nam, Nhà máy thép đang khẩn trương xây dựng để sớm đưa vào hoạt động. Các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng đã và đang sản xuất, phục vụ cho yêu cầu xây dựng của Khu kinh tế. Đã hình thành Khu công nghiệp Sài Gòn - Bình Chánh ở phía tây Khu công nghiệp, đang sản xuất có hiệu quả.

- Trường Dạy nghề Dung Quất sớm được xây dựng, đã đào tạo được một số khoa ban đầu, mở ra nhiều triển vọng cho việc bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực cho Dung Quất. Cùng với Trường Dạy nghề mới ở Dung Quất, hệ thống trường đại học cũng được nâng cấp mở rộng ở Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn và sẽ xây dựng thêm ở Quảng Ngãi. Các trường này có thể liên kết, hỗ trợ lẫn nhau, có thể liên kết với Trường đại học Tây Nguyên và

Đà Lạt cùng nhau phát triển, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của toàn khu vực miền Trung.

- Từ Cảng biển nước sâu Dung Quất tạo thành một *hệ thống cảng biển nước sâu* trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, gồm các cảng biển mới và nâng cấp, mở rộng như: Đà Nẵng, Kỳ Hà, Sa Kỳ, Quy Nhơn... Sức mạnh của một hệ thống được liên kết các cảng biển sẽ mạnh lên nhiều lần.

- Đã và đang *hình thành một Khu đại công nghiệp* ở duyên hải miền Trung với những Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế tổng hợp Nhơn Hội, Khu kinh tế mở Chu Lai, Khu công nghiệp - thương mại Chân Mây... thu hút mạnh các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước. Ngành công nghiệp không khó nhiều triển vọng với lợi thế cảnh quan đẹp, nhiều di tích di sản văn hóa dân tộc và thế giới, truyền thống lịch sử vẻ vang; các khu công nghiệp mới đã và đang xây dựng, trong đó có Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất - Nhà máy lọc dầu đầu tiên của cả nước... Có thể hình thành hệ thống du lịch với nhiều loại hình phong phú, thu hút ngày càng đông đảo khách trong nước và quốc tế. Do đó, rất cần có một chiến lược liên kết chặt chẽ với sự đầu tư thống nhất, hoàn chỉnh, phối hợp trong toàn Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

- Đã *hình thành chuỗi đô thị duyên hải* ở Vùng

kinh tế trọng điểm miền Trung với thành phố Đà Nẵng là trung tâm đang trên đà phát triển nhanh, mạnh. Cùng với thành phố Huế, Quy Nhơn được nâng cấp, mở rộng, thành phố Quảng Ngãi mới hình thành và sẽ hình thành một chuỗi thị xã, thị trấn, thị tứ... mới trên trục quốc lộ 1A, từ Huế tới Quy Nhơn.

- *Đã hình thành thế liên hoàn, liên kết mới về kinh tế, văn hóa, xã hội và Tây Nguyên* bao la, với đường 19 nối Quy Nhơn - Gia Lai; từ Dung Quất với đường 24 nối Quảng Ngãi - Plâyku - Lào cùng các nước khác trong khu vực.

Trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có thế và lực quan trọng và to lớn là Quân khu V, giàu truyền thống chiến đấu trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ; đoàn kết gắn bó keo sơn với nhân dân các dân tộc, bao gồm đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên và cực nam Trung Bộ. Quân khu V đặc biệt giỏi về công tác vận động quần chúng xây dựng cơ sở cách mạng, cơ sở kháng chiến trong vùng đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên và Khu VI. Quân khu V còn có sức mạnh và kinh nghiệm về sản xuất tự túc ngay trong chiến tranh và làm kinh tế kinh doanh quy mô tập trung công nghiệp trên các địa bàn chiến lược quan trọng, kết hợp chặt chẽ kinh tế - quốc phòng với vận động quần chúng góp phần xây dựng cơ sở đảng, hệ thống chính trị ở những vùng yếu,



vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt nhiều kết quả. Nếu được phát huy mạnh mẽ, có sự liên kết, phối hợp chặt chẽ trong một thể trận chung của Quân khu V sẽ tạo ra một thể trận mới mạnh mẽ về kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh - quốc phòng.

- Bao trùm là thể trận lòng dân của Khu kinh tế Dung Quất, của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, và toàn vùng đối với sự nghiệp cách mạng mới: công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tạo ra thế và lực mới quan trọng bước đầu đã làm thay đổi cục diện ở vùng đất này, công đầu phải ghi nhận là công sức của nhân dân, thể hiện ý Đảng - lòng dân là một. Nhân dân tiếp tục hy sinh vì sự nghiệp Khu kinh tế Dung Quất. Tuy còn nhiều gian khổ, khó khăn, nhân dân đã vui vẻ giao nhà cửa, đất đai, ruộng vườn, mồ mả tổ tiên để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đã có 17.438 hộ được bồi thường và 770 hộ được di chuyển hoàn toàn với 3.594 nhân khẩu chuyển đi nơi khác... Tuy ngổn ngang trăm bề lo âu, nhưng nhân dân cũng cảm nhận được rằng, khi có khu kinh tế ra đời, cuộc sống sẽ được đổi thay; trước mắt là có việc làm, tuy là lao động chân tay, giản đơn như làm thợ xây, đào đất, đập đá... nhưng có thêm thu nhập. Đến nay, khoai, sắn không còn là món chủ lực của bữa ăn hằng ngày. Nhân dân đã có nhiều xe máy để đi lại (thay vì trước đây cả ba

thôn ở Dung Quất có 1 - 2 chiếc xe đạp cũ kỹ, vài con ngựa), có hệ thống đường sá hiện đại chạy khắp Khu kinh tế Dung Quất. Trong khu vực nhỏ như khu vực cảng Dung Quất, thành phố Vạn Tường... người xa quê nhiều năm về có khi lạc đường (trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 chỉ có một con đường duy nhất của "Tây" đắp, chạy từ Cầu Cháy xuống cửa Sa Cần để thu thuế quan). Nhân dân còn được dùng điện, nước sạch...; đời sống văn hóa cũng khởi sắc. Đó là những thay đổi bước đầu, tuy còn nhiều mặt hạn chế, nhưng với thế trận lòng dân được giữ vững và phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã làm thay đổi rõ rệt vùng đất này, là một sự đổi đời sâu sắc, Khu kinh tế Dung Quất nói riêng và cả Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nói chung.

Hiện nay, với đà tăng cường tốc độ xây dựng để đưa Nhà máy lọc dầu Dung Quất vào hoạt động sản xuất vào năm 2009; đồng thời triển khai xây dựng một số nhà máy công nghiệp nặng có quy mô lớn, gắn với Cảng biển nước sâu Dung Quất như Nhà máy đóng tàu và sửa chữa tàu biển giai đoạn 2, Nhà máy luyện cán thép... từng bước trở thành hạt nhân tăng trưởng, trung tâm công nghiệp - đô thị - dịch vụ của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Đứng trước sự phát triển lớn mạnh về kinh tế ấy,

Đảng bộ và nhân dân Khu kinh tế Dung Quất rất phấn khởi và tin tưởng. Tuy nhiên, các cấp lãnh đạo và nhân dân đang đứng trước những khó khăn: gần 20.000 hộ dân với 142 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, 1.927 gia đình liệt sĩ, 502 thương binh và hàng nghìn người có công và bao nhiêu gia đình khó khăn khác phải di chuyển đến những nơi khác; trình độ văn hóa thấp, việc làm khó khăn; vốn liếng, kỹ thuật để chuyển đổi cơ cấu làm ăn thiếu thốn... Hiện tại còn phải giải quyết các khó khăn về cuộc sống trước mắt và lâu dài cho người dân trong Khu kinh tế Dung Quất này, kiến nghị Đảng, Nhà nước, Chính phủ tiếp tục đổi mới cách làm, đổi mới chính sách, tạo được những điều kiện cơ bản thuận lợi cho người dân trong Khu kinh tế Dung Quất có cuộc sống ổn định, văn minh và hiện đại.

Với những thế mới, lực mới đã và đang được tạo ra trong quá trình xây dựng và phát triển của Khu kinh tế Dung Quất và các khu kinh tế khác trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, với những thành công, cũng như những tồn tại và bài học kinh nghiệm trong thời gian qua, đã tạo ra những vận hội mới, để cả Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, trước hết là Khu kinh tế Dung Quất bước vào thời kỳ tăng tốc, phát huy thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn, vượt qua mọi thách thức, tập trung chỉ đạo, tranh thủ sự ủng hộ của các ngành, các

cấp từ trung ương đến địa phương và đơn vị, tập trung mọi nguồn lực với quyết tâm và khí thế tiến công cao, chúng ta có thể hoàn thành dứt điểm mục tiêu đột phá chiến lược đưa Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất vào vận hành đúng thời gian quy định, đáp ứng lòng mong đợi của đồng bào cả nước và bạn bè quốc tế, để Khu kinh tế Dung Quất cùng toàn Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung bước vào thời kỳ phát triển nhảy vọt trong thế kỷ XXI.

*Phần thứ tư*

## PHỤ LỤC



# I- CÁC QUYẾT ĐỊNH

## QUYẾT ĐỊNH

### CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Số 207/TTg, ngày 11 tháng 4 năm 1996

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung Khu công nghiệp Dung Quất**

### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30-9-1992,

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch chung Khu công nghiệp Dung Quất do Bộ trưởng Bộ Xây dựng trình (Tờ trình số 16/BXD-KTQH ngày 7-3-1996) với những nội dung chính như sau:

## **1. Về tính chất Khu công nghiệp**

Khu công nghiệp Dung Quất là khu lọc và hóa dầu đầu tiên của cả nước; là khu tập trung nhiều ngành công nghiệp có quy mô lớn, gắn với Cảng biển nước sâu Dung Quất và sân bay quốc tế Chu Lai; là trung tâm kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và có ý nghĩa quan trọng về quốc phòng.

## **2. Về quy mô**

Căn cứ vào quỹ đất của toàn khu vực, kết hợp với việc khai thác Cảng biển nước sâu Dung Quất (từ mũi Kỳ Hà thuộc Quảng Nam - Đà Nẵng đến mũi Co Co thuộc Quảng Ngãi) và sân bay Chu Lai. Khu công nghiệp Dung Quất được xây dựng chủ yếu trên địa bàn Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi và một số khu vực thuộc phía nam huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng với quy mô khoảng 14.000 ha.

## **3. Về quản lý môi trường, cảnh quan**

Bố cục không gian chung của toàn khu vực phải phù hợp với việc khai thác địa hình và có các biện pháp bảo đảm môi trường trong sạch.

## **4. Về quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật**

Cần bảo đảm phát triển các công trình giao thông



như cảng biển, ga cập tàu, công trình kho bãi phục vụ cho Nhà máy lọc dầu, cảng nước sâu và cảng chuyên dùng khác, bảo đảm yêu cầu cấp nước, cấp điện, thoát nước, thông tin liên lạc phục vụ sản xuất của Khu công nghiệp và sinh hoạt của thành phố Vạn Tường.

### **5. Về chủ trương đầu tư giai đoạn đầu**

Từ nay đến năm 2000 xây dựng Nhà máy lọc dầu 6,5 triệu tấn năm và có một số công trình khác, các công trình hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ, khu dân cư để phục vụ cho giai đoạn xây dựng này.

### **6. Về tổ chức quản lý Khu công nghiệp Dung Quất**

Giao cho Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chủ trì làm việc với các bộ và địa phương có liên quan để thống nhất phương án trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

**Điều 2.** Giao cho Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Điều lệ quản lý quy hoạch xây dựng Khu công nghiệp Dung Quất làm cơ sở cho việc quản lý xây dựng, bảo đảm xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt và các quy định của Nhà nước.

**Điều 3.** Các Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng; các Bộ trưởng: Xây

dụng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Bộ trưởng - Trưởng  
Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ; Thủ trưởng các bộ,  
ngành khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành  
Quyết định này.

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**VÕ VĂN KIỆT**

**NGHỊ QUYẾT  
CỦA QUỐC HỘI  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

***Khóa X kỳ họp thứ 2***

(Từ ngày 21 tháng 11 năm 1997 đến  
ngày 12 tháng 12 năm 1997)

**Số 07/1997/QH10**

**Về dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất**

**QUỐC HỘI**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992,

Căn cứ Nghị quyết số 05/1997/QH10 của Quốc hội khóa X tại kỳ họp thứ 2 về Tiêu chuẩn các công trình quan trọng quốc gia trình Quốc hội xem xét, quyết định chủ trương đầu tư,

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 399 KTN ngày 17-11-1997 của Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số 44/KHCNMT ngày 20-11-1997 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội và ý kiến của các đại biểu Quốc hội về Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất,

## QUYẾT NGHỊ:

### Điều 1:

Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất là công trình quan trọng quốc gia.

Đồng ý chủ trương đầu tư xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất với công suất thiết kế 6,5 triệu tấn dầu thô/năm.

### Điều 2:

Giao Chính phủ tổ chức thực hiện Dự án và lưu ý một số điểm sau:

- Bảo đảm việc xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất phù hợp với quy hoạch phát triển ngành dầu khí, trong đó có kế hoạch nâng cao công suất lọc dầu để phát triển công nghiệp hóa dầu; phù hợp với quy hoạch phát triển tổng thể của Khu công nghiệp Dung Quất và quy hoạch phát triển kinh tế miền Trung.

- Trong tính toán báo cáo nghiên cứu khả thi, cần đặc biệt chú ý hiệu quả kinh tế - xã hội của Dự án, trình độ công nghệ, bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường.

- Có kế hoạch thích hợp huy động các nguồn vốn để bảo đảm thực hiện Dự án đúng tiến độ và giảm bớt ảnh hưởng đến sự cân đối ngân sách và các dự án đầu tư quan trọng khác.

- Thực hiện tốt việc giải phóng mặt bằng và tái định cư.

- Hằng năm Chính phủ báo cáo Quốc hội tình hình thực hiện Dự án.

**Điều 3:**

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày Quốc hội thông qua.

*Nghị quyết này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 5-12-1997.*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**NÔNG ĐỨC MẠNH**

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**  
**Số 148/2004/QĐ-TTg, ngày 13 tháng 8 năm 2004**  
**Về phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội**  
**Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung**  
**đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25-12-2001,  
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu  
tư tại Công văn số 7349/BKH-CLPT ngày 1-12-2003,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt Phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 thực hiện đối với năm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm: Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định nhằm phát huy tiềm năng, vị trí địa lý và các lợi thế so sánh của vùng, từng bước**

phát triển Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung thành một trong những vùng phát triển năng động của cả nước, bảo đảm vai trò hạt nhân tăng trưởng và thúc đẩy phát triển khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

## **Điều 2. Mục tiêu phát triển chủ yếu**

1. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm giai đoạn 2006 - 2010 đạt khoảng 1,2 lần, giai đoạn 2011 - 2020 đạt khoảng 1,25 lần tốc độ tăng trưởng bình quân cả nước. Tăng tỷ lệ đóng góp của vùng trong GDP của cả nước từ 5% hiện nay lên khoảng 5,5% vào năm 2010 và 6,5% vào năm 2020.

2. Tăng giá trị xuất khẩu bình quân đầu người/năm từ 149 đôla Mỹ năm 2005 lên 375 đôla Mỹ năm 2010 và 2.530 đôla Mỹ năm 2020.

3. Tăng mức đóng góp của vùng trong thu ngân sách của cả nước từ 4,6% năm 2005 lên 6% năm 2010 và 7% năm 2020.

4. Đẩy nhanh tốc độ đổi mới công nghệ đạt bình quân 20%/năm trong tiến trình hiện đại hóa, nâng cao dần tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2010 đạt khoảng 50%.

5. Phấn đấu đến năm 2010 đạt tỷ lệ đô thị hóa của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung là 40%. Giảm và giữ không tăng tỷ lệ lao động không có việc làm xuống 5% và tiếp tục kiểm soát dưới mức an toàn cho phép là

4% đến năm 2020, phấn đấu mỗi năm giải quyết hơn 60 - 70 nghìn chỗ làm việc mới.

6. Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 15,5% năm 2005 xuống dưới 8,8% năm 2010 và khoảng 2% năm 2020.

7. Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự xã hội và môi trường bền vững ở đô thị và nông thôn.

**Điều 3. Nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu thúc đẩy phát triển các ngành và lĩnh vực then chốt.**

### **1. Nhiệm vụ mới có tính đột phá**

- Đẩy mạnh tốc độ đầu tư xây dựng các Khu kinh tế mở Chu Lai (tỉnh Quảng Nam), Khu kinh tế Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi) và Khu khuyến khích phát triển kinh tế - thương mại Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên - Huế), quy hoạch xây dựng Khu kinh tế Nhơn Hội (tỉnh Bình Định) để sau năm 2010 các khu kinh tế này từng bước trở thành những hạt nhân, trung tâm phát triển của vùng.

- Đẩy mạnh vai trò trung tâm thương mại, dịch vụ và giao dịch quốc tế của thành phố Đà Nẵng, Huế, Quy Nhơn để đảm nhận chức năng thương mại, dịch vụ và giao dịch, trung tâm du lịch của cả khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

- Hình thành các trung tâm du lịch là: Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn và vùng phụ cận miền Trung và Tây Nguyên.



- Hoàn thành việc xây dựng các công trình lớn về kết cấu hạ tầng để gắn kết khu vực này với các vùng lân cận, góp phần thực hiện chương trình hành lang Đông - Tây của tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, gắn với nhiệm vụ phát triển khu tam giác biên giới ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia; trong đó, Đà Nẵng có vai trò là điểm trung tâm của khu vực. Hoàn thành xây dựng đường hầm qua đèo Hải Vân và đường tránh phía tây qua thành phố Huế; hoàn thành trước năm 2007 tuyến đường cao tốc Đà Nẵng - Chu Lai - Quảng Ngãi, Đà Nẵng - Huế - Quảng Trị (trong đường cao tốc Bắc - Nam).

- Hình thành trung tâm đào tạo đa ngành chất lượng cao ở Huế.

*Đối với thành phố Đà Nẵng:* từng bước đầu tư xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trở thành thành phố biển - trung tâm của miền Trung có quy mô dân số khoảng 1 triệu người vào năm 2010 và gần 2 triệu người vào năm 2020, với các nhiệm vụ cơ bản như: trung tâm công nghiệp, thương mại, du lịch và dịch vụ của miền Trung; thành phố cảng, đầu mối giao thông quan trọng (cảng biển, sân bay quốc tế, giao thông xuyên Việt, xuyên Á) về trung chuyển và vận tải quốc tế của miền Trung, Tây Nguyên và các nước khu vực sông Mê Kông; xây dựng khu sinh dưỡng công nghiệp (nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, công nghệ cho các xí nghiệp công nghiệp), trung tâm tài chính, ngân hàng,

chúng khoán và bư chính viễn thông của khu vực miền Trung; một trong những trung tâm văn hóa, giáo dục, đào tạo, trung tâm khoa học công nghệ của miền Trung; một trong những địa bàn giữ vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng khu vực miền Trung, Tây Nguyên và cả nước.

. Ngoài Đà Nẵng thực hiện đầu tư phát triển các đô thị khác như xây dựng Huế trở thành thành phố Festival, thành phố Quy Nhơn thành đô thị trung tâm phía nam của vùng và các đô thị Hội An, Tam Kỳ, Quảng Ngãi theo hướng hình thành các trung tâm đô thị hiện đại, văn minh.

*Đối với Khu kinh tế mở Chu Lai (tỉnh Quảng Nam):* xây dựng và phát triển Khu kinh tế mở Chu Lai nhằm thử nghiệm các thể chế, chính sách mới, tạo môi trường đầu tư, phù hợp các thông lệ quốc tế cho các loại hình kinh doanh của các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, qua đó có thêm kinh nghiệm cho hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.

Áp dụng các mô hình động lực mới cho phát triển kinh tế, khắc phục những yếu kém và ách tắc trong chính sách và cơ chế quản lý kinh tế hiện hành trong khi chưa có điều kiện thực hiện trên phạm vi cả nước.

Phát triển Khu kinh tế mở Chu Lai theo mô hình "khu trong khu" - bao gồm các khu vực chủ yếu là: Khu thương mại tự do gắn với một phần cảng Kỳ Hà. Hoạt

động của khu này gồm các hoạt động sản xuất hàng xuất khẩu và hàng phục vụ tại chỗ, thương mại hàng hóa, các hoạt động dịch vụ, xúc tiến thương mại; các khu công nghiệp; các khu giải trí đặc biệt, khu vực dành cho du lịch; khu dân cư hành chính.

*Đôi với Khu kinh tế Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi):* đã được quy hoạch trên diện tích 10.300 ha, bảo đảm vận hành có hiệu quả tổ hợp lọc - hóa dầu, hoàn chỉnh các hạng mục hạ tầng căn bản.

Đẩy nhanh sự hình thành và phát triển khu kinh tế làm động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa miền Trung và cả nước. Xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất trở thành một khu kinh tế tổng hợp đa ngành với các chính sách ưu đãi, khuyến khích, ổn định lâu dài, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài yên tâm đầu tư vốn vào phát triển sản xuất kinh doanh trong khung pháp lý hiện hành và ngày càng hoàn thiện. Phát triển công nghiệp lọc dầu - hóa dầu - hóa chất. Từng bước phát triển các ngành công nghiệp cơ khí, đóng sửa chữa tàu biển, luyện cán thép, sản xuất xi măng, sản xuất container...; sản xuất hàng tiêu dùng. Thu hút đầu tư và các doanh nghiệp vào kinh doanh, sản xuất trong các khu công nghiệp Bình Chánh, Bình Đông. Đẩy nhanh các hạng mục trong Dự án cảng Dung Quất với 10 bến cảng dầu khí, khu cảng tổng hợp, đê chắn sóng, đê chắn cát. Phát

triển hệ thống giao thông liên khu, giao thông liên vùng để phát huy vai trò của cảng Dung Quất. Tổ chức giải phóng mặt bằng, sắp xếp lại các khu dân cư, khu tái định cư. Tập trung đầu tư công trình thủy lợi lớn hồ chứa nước, cung ứng nước cho Khu công nghiệp Dung Quất. Xây dựng trung tâm thương mại, phát triển du lịch. Phát triển các lĩnh vực xã hội, công cộng: xây dựng bệnh viện 300 giường. Hoàn thành trường đào tạo lao động kỹ thuật 1.000 học viên/năm. Xây dựng trường mẫu giáo, nhà trẻ, trường phổ thông cơ sở, Trường trung học phổ thông Vạn Tường. Xây dựng các cơ sở phục vụ cho văn hóa, thể thao. Hình thành và phát triển đô thị Vạn Tường và đô thị Dốc Sỏi. Xây dựng đô thị Vạn Tường có quy mô 12 vạn dân với các chức năng là đô thị công nghiệp, dịch vụ, du lịch. Đô thị Dốc Sỏi giữ vai trò phụ trợ cho cụm công nghiệp phía tây và là một trong những điểm nút giao thông (đường bộ, đường sắt ra cảng và nhà máy lọc dầu).

*Đối với Khu khuyến khích phát triển kinh tế - thương mại Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên - Huế); trước mắt, tập trung phát triển khu vực thương mại Chân Mây có diện tích khoảng 1.000 ha gắn với phát triển cảng Chân Mây theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về khu khuyến khích phát triển kinh tế - thương mại. Trong giai đoạn 2006 - 2010, xây dựng trung tâm thông tin quốc tế, cùng hệ thống dịch vụ như dịch vụ thương mại, du lịch, tài chính, ngân hàng và các ngành*

nghe khác với trình độ và văn minh thương mại cao. Từng bước phát triển Khu công nghiệp Chân Mây và thành phố mới Chân Mây.

*Khu kinh tế tổng hợp Nhơn Hội* (tỉnh Bình Định): với diện tích khoảng 10 nghìn ha nằm độc lập với đất liền, trong tương lai sẽ phát triển thành khu kinh tế tổng hợp Nhơn Hội, tạo thêm động lực với vị trí hạt nhân làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Diện tích xây dựng khoảng 5.000 ha, được quy hoạch như sau: khu công nghiệp tập trung khoảng 1.000 ha với các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp vật liệu xây dựng, cơ khí đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, hóa dầu, điện tử và vật liệu điện, công nghiệp dệt, da, may mặc xuất khẩu, xây dựng tổng kho trung chuyển... Khu đô thị mới Nhơn Hội với diện tích khoảng 500 ha, dự kiến quy mô dân số vào năm 2010 khoảng 80 nghìn dân. Khu đô thị mới này được xây dựng theo hướng đô thị hiện đại hướng biển. Khu cảng nước sâu và các công trình dịch vụ cảng khoảng 450 ha. Khu du lịch Nhơn Hội được xây dựng khoảng 500 ha. Diện tích còn lại là để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khu kinh tế tổng hợp.

## **2. Về điều chỉnh quy hoạch**

### *a) Về công nghiệp*

- Chuyển đổi cơ cấu sản phẩm công nghiệp theo

hướng hình thành những sản phẩm công nghiệp chế biến chủ lực: công nghiệp lọc - hóa dầu; công nghiệp chế biến thủy sản; công nghiệp cơ khí, điện tử; công nghiệp hàng tiêu dùng, công nghiệp vật liệu xây dựng... với trình độ công nghệ hiện đại, năng suất và chất lượng cao bảo đảm năng lực cạnh tranh của sản phẩm... Phát triển công nghiệp hỗ trợ để nâng cao giá trị quốc gia của các sản phẩm thế mạnh trong vùng.

- Từ nay đến năm 2010, tập trung đầu tư hoàn chỉnh và khai thác có hiệu quả các khu công nghiệp đã và đang được triển khai xây dựng với tổng diện tích khoảng 2.200 ha.

#### *b) Về du lịch và các dịch vụ khác*

- Tăng cường đầu tư và quảng bá phát triển du lịch. Phát huy lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, các điểm giàu tính lịch sử, văn hóa để phát triển du lịch thành một trong những ngành kinh tế chủ lực. Sớm hình thành các khu du lịch tổng hợp giải trí thể thao biển Cảnh Dương - Hải Vân - Non Nước làm trọng điểm phát triển du lịch trong khu vực, góp phần hình thành trung tâm dịch vụ lớn của khu vực và cả nước. Phối hợp giữa các tỉnh trong vùng nhằm hình thành một mạng lưới không gian du lịch trong vùng du lịch miền Trung và cả nước, gắn du lịch trong vùng với các tuyến du lịch của hành lang Đông - Tây và của cả nước.

- Đẩy mạnh vai trò trung tâm thương mại và giao dịch quốc tế của thành phố Đà Nẵng, Huế, Quy Nhơn để đảm nhận chức năng dịch vụ thương mại của cả khu vực miền Trung và Tây Nguyên và là cửa ngõ cho phát triển hành lang Đông - Tây.

- Phát triển các dịch vụ chất lượng cao như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, y tế, giáo dục... để Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung trở thành một trong những trung tâm dịch vụ lớn của cả nước và quốc tế.

### *c) Về nông, lâm, thủy sản*

- Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp và thủy sản theo hướng tăng cường khả năng phòng tránh thiên tai, phát triển nông nghiệp bền vững, phát triển nông nghiệp kết hợp với lâm nghiệp vườn đồi tạo cảnh quan, môi trường cho du lịch.

- Bố trí lại cơ cấu cây trồng, vật nuôi cho phù hợp tự nhiên, địa hình để nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích canh tác, tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa nông sản.

- Rà soát quy hoạch và đầu tư khai thác tiềm năng đất đai, nước ngầm một cách hợp lý trong xây dựng các vùng nuôi trồng thủy sản trên vùng đất cát ven biển, bảo đảm phát triển sản xuất bền vững gắn với bảo vệ môi trường. Nâng cao năng lực đánh bắt xa bờ, phát triển nuôi trồng thủy sản ở vùng có điều kiện phục vụ nhu cầu sản xuất, đời sống và xuất khẩu.

#### *d) Phát triển kết cấu hạ tầng*

Đẩy mạnh đầu tư kết cấu hạ tầng theo hướng hình thành bộ khung kết cấu hạ tầng để phát triển kinh tế - xã hội, sớm hoàn thành xây dựng các công trình đường bộ, cảng biển.

- *Giao thông đường bộ*, bảo đảm thông suốt, thuận lợi trong mọi tình huống, gắn kết Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung với các vùng, các địa phương trong cả nước, giữa các tỉnh trong vùng; đường nối liền các cảng biển, sân bay, đô thị ven biển với các huyện phía Tây và với đường Hồ Chí Minh. Bảo đảm kết nối giao thông đường bộ giữa Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung với các quốc gia trong khu vực trong chương trình phát triển tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS).

Nâng cấp đường 19 và các tuyến đường ngang từ đường 19 nối với các khu công nghiệp, các vùng nông nghiệp và khu dịch vụ. Trước mắt, cải tạo nâng cấp đoạn Km 5 + 500 đến Km 11 (ngã ba Ông Thọ - thị trấn Tuy Phước) thành đường cấp III đồng bằng. Xây dựng hoàn chỉnh trước năm 2007 tuyến đường ngang nối từ đường Hồ Chí Minh xuống quốc lộ 1A, qua Trà My (Quảng Nam), xuống Tam Kỳ và qua Trà Bồng (Quảng Ngãi) xuống Khu kinh tế Dung Quất. Xây dựng hoàn chỉnh trước năm 2010 tuyến đường ven biển từ Đà Nẵng qua Hội An, Khu kinh tế mở Chu Lai, Khu kinh tế Dung Quất đến Sa Huỳnh (Quảng Ngãi) để vừa phát triển



kinh tế - xã hội vùng dọc ven biển, vừa gắn với quốc phòng - an ninh, đồng thời nâng cao đời sống người dân. Hoàn thành Dự án xây dựng đường hầm qua đèo Hải Vân vào năm 2005 và hoàn chỉnh hệ thống giao thông đường bộ trước năm 2007. Tiếp tục xây dựng mạng lưới đường nông thôn liên huyện, liên xã, liên thôn xóm bằng nhiều nguồn vốn ngân sách kết hợp với huy động trong dân. Phấn đấu đến năm 2005, 100% số huyện có đường bê tông trải nhựa đến trung tâm huyện lỵ; đến năm 2008, 100% xã miền núi có đường ô tô đến trung tâm xã.

- *Đường sắt*: nâng cấp và đưa các đoạn đường sắt Thống Nhất chạy qua các thị xã, thành phố ra bên ngoài song song với các đường bộ. Xây dựng các cầu vượt, cầu dân sinh ở các đoạn có đường bộ cắt ngang đường sắt. Đầu tư, hiện đại hóa hệ thống ga đường sắt trên địa bàn. Đầu tư các tuyến đường sắt chuyên dụng gắn các cảng biển với hệ thống đường sắt quốc gia.

- *Cảng biển*: phát triển hệ thống cảng biển cùng với hệ thống hạ tầng khác trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Cải tạo nâng cấp cảng Tiên Sa, đưa năng lực thông qua lên 4 triệu tấn/năm vào năm 2010. Từ nay đến năm 2010, xây dựng mới Cảng nước sâu Liên Chiểu (giai đoạn I) có công suất 2 triệu tấn/năm và tiếp tục giai đoạn II nâng công suất lên 8,5 triệu tấn/năm cho thời kỳ tiếp theo. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các cảng

Dung Quất, Kỳ Hà, Quy Nhơn sớm đi vào khai thác ở quy mô lớn vào năm 2005 là điều kiện quan trọng để bảo đảm phát triển Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế mở Chu Lai, Khu kinh tế Nhơn Hội, cảng Quy Nhơn (Bình Định) công suất hiện tại đạt trên 2,5 triệu tấn. Dự kiến đến năm 2010 tăng thêm bốn bảo đảm lượng hàng thông qua khoảng 4 triệu tấn/năm. Phần đầu đến năm 2010 hoàn chỉnh xây dựng các cảng này bảo đảm cho sự phát triển mạnh của các khu kinh tế trong giai đoạn tiếp theo. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cảng Chân Mây, Quy Nhơn bảo đảm phát triển thành công Khu khuyến khích phát triển thương mại Chân Mây, Khu kinh tế Nhơn Hội là những hạt nhân quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của Thừa Thiên - Huế, Bình Định nói riêng và toàn vùng nói chung.

- *Sân bay*: đầu tư phục hồi và nâng cấp sân bay Chu Lai giai đoạn I phục vụ khoảng 0,5 triệu lượt hành khách và khoảng 500 tấn hàng hóa/năm đáp ứng nhu cầu giao thương cho phát triển của các Khu kinh tế mở Chu Lai và Khu kinh tế Dung Quất. Hướng lâu dài xây dựng thành sân bay quốc tế trung chuyển của vùng và khu vực. Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp và mở rộng sân bay Đà Nẵng để thực sự xứng đáng là sân bay quốc tế của miền Trung. Nâng cấp và khai thác có hiệu quả các sân bay đang hoạt động thường xuyên như sân bay Đà Nẵng, Phú Bài, Phù Cát.

- *Bưu chính viễn thông*: đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng thông tin của khu vực có công nghệ hiện đại, thông lượng lớn, tốc độ và chất lượng cao, hoạt động hiệu quả, an toàn tạo điều kiện đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội cũng như an ninh, quốc phòng của khu vực. Mật độ điện thoại bình quân từ 5,64 máy/100 dân hiện nay (năm 2002) lên 20 - 22 máy/100 dân vào năm 2010. Hệ thống truyền dẫn tiếp tục được cáp quang hóa và ngầm hóa các tuyến còn lại, giảm tối đa dây cáp đồng.

- *Cấp điện*: trong giai đoạn từ nay đến năm 2010 tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống truyền tải điện, bảo đảm cung cấp đủ năng lượng điện cho các hoạt động kinh tế - xã hội của vùng. Xây dựng và nâng cao chất lượng của mạng 220 KV trên địa bàn bao gồm cả đường dây và hệ thống các trạm biến áp. Đầu tư xây dựng các tuyến trục 220 KV Đà Nẵng - Dung Quất, Đà Nẵng - Thành Mỹ. Xây dựng đường dây 500 KV Đà Nẵng - Dung Quất - Plâyku. Triển khai đầu tư xây dựng thủy điện Dakring 100 MW; thủy điện Dakre 30 MW; thủy điện Nước Trong 10 MW. Triển khai xây dựng một số nhà máy thủy điện độc lập nằm trên thượng nguồn sông Trà Khúc. Cải tạo và mở rộng mạng lưới điện phân phối trong vùng.

- *Cấp, thoát nước và thủy lợi*: từ nay đến năm 2010 hoàn thành dứt điểm các dự án cấp nước đô thị. Chuẩn bị giai đoạn II các dự án thoát nước ở Đà Nẵng, Huế, Quy Nhơn và thị xã Quảng Ngãi. Hoàn thành đúng tiến độ các dự án cấp nước cho các khu công nghiệp, khu kinh tế. Kiểm soát chặt chẽ việc đầu tư xây dựng các công trình thoát nước công nghiệp và xử lý nước thải công nghiệp ở các khu công nghiệp, khu kinh tế.

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2020, chú trọng phát triển thủy lợi, xây dựng các hồ chứa lớn, vừa và nhỏ, gắn với bố trí lại cơ cấu mùa vụ, cây trồng, khắc phục cơ bản hạn hán về mùa khô. Hoàn thành các dự án khôi phục hệ thống thủy lợi chống lũ; phát triển các công trình thủy lợi kết hợp với phòng tránh lũ như hồ Tả Trạch (Thừa Thiên - Huế); A Vương, Phú Ninh (Quảng Nam); Nước Trong, Thạch Nham, mở rộng thêm hồ Chóp Vung, Núi Ngang và chống ngập úng ở lưu vực sông Thoa (Quảng Ngãi); hồ Định Bình (Bình Định)... Ngoài ra, tiếp tục nghiên cứu giải quyết hạn hán ở vùng sông Hương 12.000 ha; vùng Quế Sơn (Quảng Nam) 3.000 ha; vùng Đức Phổ (Quảng Ngãi) 2.000 ha; Bắc Bình Định 2.000 ha, Nam Bình Định 8.000 ha.

- *Bảo vệ môi trường*: xây dựng chính sách và biện pháp đồng bộ để giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường một cách chủ động và có hiệu quả. Thành lập quỹ hỗ trợ ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm. Xây dựng quy chế và

kiểm tra nghiêm ngặt bảo vệ môi trường và giữ gìn cảnh quan thiên nhiên. Đặc biệt chú ý bảo vệ môi trường khu công nghiệp, đô thị; bảo vệ môi trường ven biển. Chú trọng tới việc phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai.

*d) Phát triển lĩnh vực văn hóa - xã hội và y tế*

Phát huy giá trị các hoạt động văn hóa truyền thống trong vùng, tiếp tục đầu tư nhằm bảo vệ các di tích lịch sử, văn hóa và cách mạng, trước hết là những di sản văn hóa thế giới như Huế, Hội An, Mỹ Sơn. Xây dựng Huế trở thành thành phố Festival, mang bản sắc lễ hội truyền thống, gắn với sinh hoạt văn hóa cộng đồng của Việt Nam và tạo điều kiện hội nhập với các dân tộc trên thế giới. Nâng cấp các nhà văn hóa khu vực, phục vụ nhu cầu văn hóa ngày càng nâng cao của cộng đồng.

Thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu; thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của chương trình quốc gia về phòng, chống bệnh xã hội và bệnh dịch nguy hiểm.

Tăng cường trang, thiết bị kỹ thuật cho hệ thống phòng bệnh, khám chữa bệnh từ cấp xã, phường đến tuyến tỉnh theo hướng chăm sóc y tế ở cấp xã, huyện và từng bước chuyên sâu y tế cấp tỉnh. Mở rộng đào tạo cán bộ y tế và có chính sách khuyến khích bác sĩ và cán bộ về cơ sở (tuyến xã).

### **3. Cơ chế, chính sách phát triển**

*a) Về đầu tư:* thực hiện tốt các cơ chế, chính sách ưu tiên đã ban hành và áp dụng cho các Khu kinh tế mở Chu Lai (ban hành theo Quyết định số 108/2003/QĐ-TTg ngày 5-6-2003); áp dụng thêm những chính sách ưu đãi cho Khu kinh tế Dung Quất và Khu kinh tế Nhơn Hội. Áp dụng các cơ chế, chính sách ưu tiên cho Khu khuyến khích phát triển kinh tế - thương mại Chân Mây. Nghiên cứu những chính sách cụ thể về quản lý đất đai (bảo đảm sử dụng hợp lý) cho việc đổi đất lấy hạ tầng. Nghiên cứu vận dụng và hoàn thiện hệ thống chính sách tài chính nhằm xúc tiến và thu hút đầu tư cho phát triển các khu công nghiệp trên cơ sở Quy chế quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất ban hành theo Nghị định số 36/NĐ-CP ngày 24-4-1997 của Chính phủ.

#### *b) Cơ chế, chính sách phát triển doanh nghiệp*

Đẩy mạnh cải cách hành chính tạo điều kiện thông thoáng nhằm hỗ trợ sự phát triển của các doanh nghiệp trên địa bàn; tạo dựng môi trường sản xuất kinh doanh rõ ràng, thống nhất, cạnh tranh bình đẳng không phân biệt thành phần kinh tế. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ 3 về sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn. Đẩy mạnh công tác xúc tiến doanh nghiệp vừa và nhỏ theo tinh thần Nghị định số 90/2001/NĐ-CP

ngày 23-11-2001 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nghiên cứu quy hoạch và hỗ trợ đầu tư hình thành những cụm công nghiệp tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ có điều kiện sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

### *c) Chính sách phát triển khoa học công nghệ*

Sắp xếp và củng cố (đầu tư chiều sâu) hệ thống các trường đại học, các cơ sở nghiên cứu khoa học trên địa bàn theo hướng cơ cấu lại hệ thống ngành nghề đào tạo, nghiên cứu. Hình thành những tổ chức kết nối giữa các trường đào tạo, các trung tâm nghiên cứu với các hoạt động kinh tế trên địa bàn, đặc biệt là trong nghiên cứu chuyển giao công nghệ. Gắn các hoạt động nghiên cứu với các hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn. Phối hợp với các cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ, đào tạo ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh trong việc nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ.

## **Điều 4. Phát triển nguồn nhân lực**

### **1. Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao**

Đầu tư theo các bước đi thích hợp để các đại học vùng ở Đà Nẵng, Huế trở thành cơ sở đào tạo đa ngành, trung tâm nghiên cứu khoa học hướng vào phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực miền Trung.

Từng bước nâng cấp các trường đại học của vùng theo quy hoạch mạng lưới các trường đại học đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Xây dựng Trường đại học Phạm Văn Đồng (Quảng Ngãi) vào năm 2010.

## **2. Đào tạo lực lượng lao động lành nghề**

Phấn đấu đến năm 2005, tỷ lệ số lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề và hướng nghiệp là 13 - 15% và đến năm 2010 đạt 18 - 20%. Mở rộng quy mô và chất lượng giáo dục chuyên nghiệp theo hai hướng: mở rộng quy mô ngành nghề phổ cập để đáp ứng nhu cầu học nghề trong xã hội; đào tạo chất lượng cán bộ kỹ thuật có trình độ cao, đào tạo công nhân lành nghề bậc cao trong các trường trọng điểm; kết hợp chặt chẽ giữa phổ thông và chuyên nghiệp, dạy nghề để đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề. Tiến hành quy hoạch, sắp xếp hệ thống mạng lưới trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề trên địa bàn phù hợp với yêu cầu cơ cấu nhân lực và phát triển kinh tế vùng. Xây dựng một số trung tâm dạy nghề kỹ thuật cao nhằm đào tạo công nhân kỹ thuật cho các khu công nghiệp. Trước mắt, xây dựng Trường Dạy nghề Dung Quất, trường dạy nghề kỹ thuật cao do Chính phủ Hàn Quốc tài trợ tại Quảng Ngãi.

**Điều 5.** Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân thuộc các tỉnh, thành phố Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung có trách nhiệm



kiểm tra, theo dõi thực hiện phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung một cách chặt chẽ, xây dựng kế hoạch 5 năm, hàng năm, chương trình và dự án đầu tư phát triển phù hợp.

Ban Điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư kết hợp các bộ, ngành có liên quan, uỷ ban nhân dân các địa phương tiến hành rà soát lại quy hoạch phát triển trên toàn địa bàn một cách thiết thực và có hiệu lực cao. Trước hết, tập trung sức rà soát lại quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả vùng kinh tế trọng điểm, đặc biệt là rà soát quy hoạch phát triển đô thị, các hành lang kinh tế, các khu công nghiệp, hệ thống cảng biển...

Rà soát quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh nhằm điều chỉnh quy hoạch phù hợp với tình hình phát triển mới. Sau khi tiến hành rà soát các quy hoạch tổng thể, các ngành, các địa phương cần triển khai sớm các quy hoạch chi tiết, bảo đảm thông báo kịp thời các quy hoạch các cấp và mọi người dân.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương liên quan triển khai các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm.

Các bộ, ngành trung ương có trách nhiệm phối hợp, giúp đỡ các tỉnh, thành phố thuộc Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung trong quá trình rà soát, tổ chức thực

hiện các chương trình và dự án đã đề ra, bảo đảm sự thống nhất giữa quy hoạch từng tỉnh, thành phố với quy hoạch vùng và cả nước.

**Điều 6.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 1018/1997/QĐ-TTg ngày 29-11-1997 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung giai đoạn từ nay đến năm 2010.

**Điều 7.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và các bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**PHAN VĂN KHẢI**

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**  
Số 50/2005/QĐ-TTg, ngày 11 tháng 3 năm 2005  
**Về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động**  
**Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25-12-2001,  
Căn cứ kết luận của Bộ Chính trị tại Thông báo số  
155-TB/TW ngày 9-9-2004 của Ban Chấp hành Trung  
ương,

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Khu kinh tế Dung Quất trên cơ sở Khu công nghiệp Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi.

**Điều 2.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Dung Quất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau

15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**PHAN VĂN KHẢI**

# **QUY CHẾ**

## **Hoạt động của Khu kinh tế Dung Quất**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 50/2005/QĐ-TTg  
ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ)

### *Chương I*

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1:** Quy chế này quy định hoạt động, một số chính sách và quản lý nhà nước đối với Khu kinh tế Dung Quất; quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng tại Khu kinh tế Dung Quất.

#### **Điều 2:**

1. Khu kinh tế Dung Quất là khu vực có ranh giới địa lý xác định thuộc lãnh thổ và chủ quyền của quốc gia nhưng có không gian kinh tế riêng biệt, với môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi và bình đẳng bao gồm: các khu chức năng, các công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội, các công trình dịch vụ và tiện ích công

cộng với các chính sách ưu đãi, khuyến khích, ổn định lâu dài và cơ chế quản lý thông thoáng tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài yên tâm đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong khung pháp lý hiện hành và ngày càng hoàn thiện.

2. Khu kinh tế Dung Quất có phạm vi diện tích khoảng 10.300 ha đất thuộc tỉnh Quảng Ngãi bao gồm các xã Bình Chánh, Bình Thạnh, Bình Đông, Bình Thuận, Bình Trị, Bình Hải và một phần diện tích đất của các xã Bình Phước, Bình Hòa và Bình Phú của huyện Bình Sơn, có ranh giới địa lý được xác định như sau:

- a) Phía đông giáp Biển Đông;
- b) Phía tây giáp xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi;
- c) Phía bắc giáp huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam;
- d) Phía nam giáp các xã: Bình Long, Bình Hiệp, Bình Phú, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

**Điều 3:** Mục tiêu phát triển chủ yếu của Khu kinh tế Dung Quất:

1. Xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất trở thành khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực với trọng tâm là phát triển công nghiệp lọc dầu - hóa dầu - hóa chất, các ngành công nghiệp có quy mô lớn bao gồm: công nghiệp cơ khí, đóng và sửa chữa tàu biển, luyện cán thép, sản xuất xi măng, sản xuất container và

các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến và xuất khẩu; gắn với việc phát triển và khai thác có hiệu quả Cảng biển nước sâu Dung Quất, sân bay quốc tế Chu Lai và đô thị công nghiệp - dịch vụ Vạn Tường, đô thị Dốc Sỏi.

2. Đẩy mạnh tốc độ đầu tư xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất cùng với Khu kinh tế mở Chu Lai để sau năm 2010, các khu kinh tế này từng bước trở thành những hạt nhân tăng trưởng, trung tâm đô thị - công nghiệp - dịch vụ của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và làm động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa khu vực miền Trung và cả nước; là một đầu mối giao lưu quốc tế quan trọng, góp phần mở rộng thị trường khu vực miền Trung và Tây Nguyên và trở thành cầu nối với thị trường Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan.

3. Tạo việc làm, thúc đẩy đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong vùng; góp phần tạo ra những sản phẩm có thương hiệu, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao.

4. Khai thác có hiệu quả các lợi thế về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý kinh tế và chính trị trong giao thương, dịch vụ quốc tế và trong nước để thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực; tạo sự lan tỏa ra các vùng xung quanh, tiến tới thu hẹp khoảng cách phát triển với các vùng khác trong cả nước.

**Điều 4:** Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khuyến khích và bảo hộ các tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia đầu tư và hoạt động kinh doanh tại Khu kinh tế Dung Quất trong các lĩnh vực: đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng và đô thị, phát triển công nghiệp, kinh doanh thương mại, tài chính, ngân hàng, dịch vụ, du lịch, vận tải, bảo hiểm, vui chơi, giải trí, giáo dục - đào tạo, y tế, nhà ở, cảng biển, xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và các hoạt động sản xuất, kinh doanh khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

**Điều 5:**

1. Quyền của tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại Khu kinh tế Dung Quất gồm:

a) Được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thuê đất, thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong Khu kinh tế Dung Quất của doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng theo



quy định tương ứng của pháp luật về đất đai để xây dựng nhà xưởng và các công trình kiến trúc phục vụ sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ;

b) Thuê hoặc mua nhà xưởng, kho bãi xây sẵn trong Khu kinh tế Dung Quất để phục vụ sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng ký kết với doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng;

c) Sử dụng có trả tiền đối với các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong Khu kinh tế Dung Quất bao gồm: hệ thống đường giao thông, cảng biển, cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc, xử lý nước thải và chất thải... và các dịch vụ chung khác trong Khu kinh tế Dung Quất theo hợp đồng ký kết với các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng;

d) Được hưởng các chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định tại Quy chế này;

đ) Được hưởng các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về đất đai, khuyến khích đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài và các văn bản quy phạm pháp luật khác của pháp luật Việt Nam và theo quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

2. Nghĩa vụ của tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức,

cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại Khu kinh tế Dung Quất gồm:

a) Tuân thủ các quy định của Quy chế này, quy hoạch chi tiết các khu chức năng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Điều lệ doanh nghiệp; sử dụng đất đúng mục đích được giao hoặc được thuê, được thuê lại;

b) Tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp các công trình kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trên diện tích đất do tổ chức và cá nhân trong Khu kinh tế Dung Quất sử dụng;

c) Trả tiền thuê đất, tiền thuê lại đất, tiền thuê hoặc mua nhà xưởng, kho bãi, tiền sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong Khu kinh tế Dung Quất cho các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng theo hợp đồng ký kết;

d) Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân trong nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh trong Khu kinh tế Dung Quất đăng ký hoạt động với Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất;

đ) Thực hiện chế độ báo cáo tình hình hoạt động định kỳ hằng tháng, hằng quý và hằng năm cho Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất;

e) Thực hiện các nghĩa vụ về thuế, hải quan, bảo vệ môi trường và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 6:**

1. Các tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức và cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong Khu kinh tế Dung Quất (gọi chung là doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng) có các quyền:

a) Được Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất cho thuê đất hoặc giao lại đất có thu tiền sử dụng đất, giao lại đất không thu tiền sử dụng đất theo quy định tương ứng của pháp luật về đất đai để đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong Khu kinh tế Dung Quất;

b) Được chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cho thuê đất, cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong Khu kinh tế Dung Quất cho các tổ chức và cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam để đầu tư vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong Khu kinh tế Dung Quất theo quy định tương ứng của pháp luật về đất đai;

c) Thu tiền sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong Khu kinh tế Dung Quất do doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng đầu tư theo hợp đồng ký kết với bên thuê;

d) Xây dựng nhà xưởng, kho bãi trong Khu kinh tế Dung Quất để bán hoặc cho thuê;

đ) Định giá cho thuê đất, giá cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, tiền sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong Khu kinh tế Dung Quất theo thỏa thuận của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất; định giá cho thuê hoặc bán nhà xưởng, kho bãi và tiện dịch vụ;

e) Được phép cho các tổ chức kinh tế, người Việt

Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có khả năng về tài chính và kinh nghiệm gọi vốn đầu tư thuê, thuê lại một phần hoặc toàn bộ diện tích đất chưa cho thuê được để cho thuê lại đất, gọi vốn đầu tư theo quy định tương ứng của pháp luật về đất đai;

g) Được hưởng các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng trong Khu kinh tế Dung Quất có nghĩa vụ:

a) Xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong Khu kinh tế Dung Quất theo đúng quy hoạch chi tiết, thiết kế và tiến độ đã được phê duyệt;

Trường hợp đất được Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất giao lại có thu tiền sử dụng đất, giao lại không thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê theo quy định tương ứng của pháp luật về đất đai để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong Khu kinh tế Dung Quất mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm hơn 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư, kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa mà không được Ban

Quản lý Khu kinh tế Dung Quất cho phép gia hạn thì Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất quyết định thu hồi đất mà không bồi thường về đất.

b) Duy tu, bảo dưỡng các công trình kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong Khu kinh tế Dung Quất nhằm bảo đảm chất lượng công trình;

c) Tuân thủ các quy định của Quy chế này, quy hoạch chi tiết các khu chức năng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; sử dụng đất đúng mục đích được giao hoặc được thuê;

d) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng, hằng quý, hằng năm cho Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất;

đ) Thực hiện các nghĩa vụ về thuế, hải quan và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## *Chương II*

### **TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA KHU KINH TẾ DUNG QUẤT**

#### **Điều 7:**

1. Khu kinh tế Dung Quất bao gồm khu bảo thuế và các khu chức năng khác như các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu cảng và dịch vụ hậu cần cảng, khu

dân cư, khu đô thị, khu du lịch - dịch vụ và khu hành chính (sau đây gọi chung là các khu chức năng khác).

Quy mô, vị trí của từng khu chức năng được xác định trong Quy hoạch tổng thể xây dựng Khu kinh tế Dung Quất do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Để bảo đảm chất lượng quy hoạch phát triển dài hạn phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất được phép thuê công ty tư vấn nước ngoài tham gia quá trình quy hoạch phát triển Khu kinh tế Dung Quất và quy hoạch chi tiết các khu chức năng như: khu đô thị, khu du lịch - dịch vụ, khu bảo thuế.

#### **Điều 8:**

1. Khu bảo thuế thuộc Khu kinh tế Dung Quất là khu vực được xác định trong Quy hoạch tổng thể xây dựng Khu kinh tế Dung Quất và Quy hoạch sử dụng đất chi tiết.

2. Khu bảo thuế được ngăn cách với các khu chức năng khác trong Khu kinh tế Dung Quất và nội địa Việt Nam bằng hệ thống tường rào, có cổng và cửa ra vào, bảo đảm sự kiểm soát của các cơ quan chức năng có liên quan. Trong khu bảo thuế có cơ quan hải quan để giám sát, kiểm tra, làm thủ tục hải quan hàng hóa ra, vào. Trong khu bảo thuế không có dân cư (kể cả người nước ngoài) cư trú thường xuyên hoặc tạm trú.

3. Hoạt động của khu bảo thuế bao gồm các loại hình sản xuất, kinh doanh chủ yếu như:

a) Sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp hàng xuất khẩu, hàng nhập khẩu và hàng phục vụ tại chỗ;

b) Thương mại hàng hóa (bao gồm cả xuất khẩu, nhập khẩu, chuyển khẩu, tạm nhập - tái xuất, phân phối, cửa hàng và siêu thị bán lẻ, cửa hàng và siêu thị miễn thuế);

c) Thương mại dịch vụ (phân loại, đóng gói, vận chuyển giao nhận hàng hóa quá cảnh, bảo quản, kho tàng, kho ngoại quan, bưu chính, viễn thông, tài chính, ngân hàng, vận tải, bảo hiểm, vui chơi, giải trí, nhà hàng ăn uống);

d) Xúc tiến thương mại (hỗ trợ triển lãm, các cửa hàng giới thiệu sản phẩm, các chi nhánh và văn phòng đại diện của các công ty trong nước và nước ngoài và các tổ chức tài chính - ngân hàng) và các hoạt động thương mại khác.

### **Điều 9:**

1. Việc quan hệ trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa khu bảo thuế với nước ngoài và giữa các tổ chức kinh tế trong khu bảo thuế với nhau được xem như việc quan hệ trao đổi giữa nước ngoài với nước ngoài và không phải làm thủ tục hải quan. Các tổ chức kinh tế hoạt động trong khu bảo thuế được xuất khẩu ra nước ngoài và nhập khẩu từ nước ngoài tất cả hàng hóa, dịch vụ



mà pháp luật Việt Nam không cấm xuất khẩu và nhập khẩu.

2. Đối với khu cảng chuyên dùng, cảng thương mại và cảng tổng hợp Dung Quất, cho phép tàu nước ngoài được trực tiếp vào cảng lấy hàng, không phải làm thủ tục xuất nhập cảnh đối với người, chỉ làm thủ tục đối với tàu tại phao số 0.

### **Điều 10:**

1. Quan hệ trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa khu bảo thuế với các khu chức năng khác (trừ khu chế xuất) trong Khu kinh tế Dung Quất và nội địa Việt Nam được xem như quan hệ trao đổi giữa nước ngoài với Việt Nam và phải tuân theo các quy định hiện hành của pháp luật về hải quan và về thuế xuất, nhập khẩu. Quan hệ trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa khu bảo thuế với khu chế xuất trong Khu kinh tế Dung Quất được xem như quan hệ trao đổi giữa nước ngoài với nước ngoài.

2. Các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại các khu chức năng khác trong Khu kinh tế Dung Quất và nội địa Việt Nam chỉ được nhập từ khu bảo thuế hàng hóa, dịch vụ mà Việt Nam không cấm nhập khẩu hoặc hạn chế nhập khẩu và được bán vào khu bảo thuế những hàng hóa, dịch vụ mà Việt Nam không cấm xuất khẩu.

## **Điều 11:**

1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong các trường hợp sau đây không thuộc diện chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

a) Hàng hóa từ nước ngoài nhập khẩu vào khu bảo thuế;

b) Hàng hóa từ khu bảo thuế xuất khẩu ra nước ngoài;

c) Hàng hóa từ khu bảo thuế chuyển sang hoặc bán cho khu chế xuất hoặc doanh nghiệp chế xuất trong lãnh thổ Việt Nam;

d) Hàng hóa không thuộc diện chịu thuế xuất khẩu có xuất xứ từ nội địa Việt Nam đưa vào khu bảo thuế (trừ hàng hóa quy định tại khoản 2 Điều này).

2. Hàng hóa thuộc diện chịu thuế xuất khẩu có xuất xứ từ nội địa Việt Nam đưa vào khu bảo thuế để xuất khẩu ra nước ngoài mà không qua sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp thành sản phẩm tại khu bảo thuế phải nộp thuế xuất khẩu, làm thủ tục xuất khẩu theo quy định hiện hành và chịu sự kiểm tra, giám sát của hải quan.

3. Hàng hóa có xuất xứ từ nước ngoài và không thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu hoặc hạn chế nhập khẩu từ khu bảo thuế nhập vào các khu chức năng khác (trừ khu chế xuất) trong Khu kinh tế Dung Quất và nội địa Việt Nam phải nộp thuế nhập khẩu, làm thủ

tục nhập khẩu theo quy định hiện hành và chịu sự kiểm tra, giám sát của hải quan.

4. Hàng hóa được sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu bảo thuế có sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài khi nhập vào các khu chức năng khác (trừ khu chế xuất) trong Khu kinh tế Dung Quất và nội địa Việt Nam chỉ phải nộp thuế nhập khẩu đối với phần nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài cấu thành trong sản phẩm, hàng hóa đó và phải làm thủ tục nhập khẩu theo quy định hiện hành và chịu sự kiểm tra, giám sát của hải quan.

5. Hàng hóa, dịch vụ được sản xuất, tiêu thụ trong khu bảo thuế và hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từ nước ngoài vào khu bảo thuế không phải chịu thuế giá trị gia tăng. Hàng hóa, dịch vụ từ nội địa Việt Nam và các khu chức năng khác trong Khu kinh tế Dung Quất đưa vào khu bảo thuế được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 0%. Hàng hóa, dịch vụ từ khu bảo thuế đưa vào nội địa Việt Nam và các khu chức năng khác (trừ khu chế xuất) trong Khu kinh tế Dung Quất phải chịu thuế giá trị gia tăng với thuế suất theo quy định hiện hành.

6. Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được sản xuất, tiêu thụ trong khu bảo thuế hoặc được nhập khẩu từ nước ngoài vào khu bảo thuế không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

7. Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ khu bảo thuế đưa vào các khu chức năng khác (trừ khu chế xuất) trong Khu kinh tế Dung Quất và nội địa Việt Nam phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

8. Nguyên liệu sản xuất, vật tư hàng hóa do các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong khu bảo thuế nhập từ nước ngoài nhưng không sử dụng hết và các thứ phẩm còn có giá trị thương mại được phép bán vào các khu chức năng khác (trừ khu chế xuất) trong Khu kinh tế Dung Quất và nội địa Việt Nam sau khi hoàn tất thủ tục hải quan và nộp thuế nhập khẩu theo quy định hiện hành.

9. Các dự án đầu tư để sản xuất hàng hóa xuất khẩu và vận chuyển hàng hóa quá cảnh thực hiện theo các quy định chung.

### *Chương III*

#### ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

**Điều 12:** Các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài được quyền lựa chọn thực hiện các dự án đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất (trừ những dự án thuộc danh mục lĩnh vực cấm đầu tư, những dự án có ảnh hưởng xấu về an ninh quốc gia, văn hóa xã hội, gây ô

nhằm môi trường nghiêm trọng theo quy định của pháp luật Việt Nam).

**Điều 13:** Các dự án đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất được hưởng các ưu đãi áp dụng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và khu kinh tế theo quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các pháp luật thuế khác.

**Điều 14:**

1. Tất cả các dự án đầu tư của các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài trong Khu kinh tế Dung Quất được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% được áp dụng trong 15 năm, kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp bốn năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho chín năm tiếp theo; được hưởng các ưu đãi về các loại thuế khác áp dụng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, các pháp luật thuế khác và các ưu đãi khác theo điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

2. Các dự án đầu tư sản xuất trong Khu kinh tế

Dung Quất của các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện và bán thành phẩm mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất không đạt tiêu chuẩn chất lượng trong năm năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất.

3. Giảm 50% thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, kể cả người Việt Nam và người nước ngoài làm việc tại Khu kinh tế Dung Quất.

4. Ngoài những ưu đãi được hưởng theo quy định tại Quy chế này, các dự án đầu tư của các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài trong Khu kinh tế Dung Quất thuộc các lĩnh vực công nghệ cao đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28-8-2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế khu công nghệ cao được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án.

5. Ngoài những ưu đãi được hưởng theo quy định tại Quy chế này, các dự án đầu tư của các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài trong Khu kinh tế Dung Quất có quy mô lớn và có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển ngành, lĩnh vực hoặc phát triển kinh tế - xã hội của vùng được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

**Điều 15:** Các doanh nghiệp trong nước thuộc các thành phần kinh tế có dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh tại Khu kinh tế Dung Quất thuộc đối tượng được hưởng các loại hình tín dụng ưu đãi của Nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

**Điều 16:** Các tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú tại Việt Nam, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các tổ chức và cá nhân nước ngoài được đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu chức năng để cho thuê, cho thuê lại hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã xây dựng hạ tầng trong Khu kinh tế Dung Quất theo quy định tương ứng của pháp luật về đất đai. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài được mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở trong Khu kinh tế Dung Quất. Người nước ngoài thường trú tại Việt Nam và các nhà đầu tư nước ngoài được mua nhà ở và được thuê đất ở trong Khu kinh tế Dung Quất.

**Điều 17:** Áp dụng chính sách một giá đối với hàng hóa, dịch vụ và tiền thuê đất cho các tổ chức và cá nhân, không phân biệt trong nước và nước ngoài có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Khu kinh tế Dung Quất.

## *Chương IV*

# SỬ DỤNG ĐẤT TRONG KHU KINH TẾ DUNG QUẤT

### **Điều 18:**

1. Toàn bộ diện tích đất, mặt nước dành cho đầu tư xây dựng và phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu cảng và dịch vụ hậu cần cảng và khu bảo thuế trong Khu kinh tế Dung Quất đã được xác định trong Quy hoạch tổng thể xây dựng Khu kinh tế Dung Quất do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và quy hoạch sử dụng đất chi tiết do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giao một lần cho Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất để tổ chức triển khai xây dựng và phát triển. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi chỉ đạo thực hiện việc thu hồi đất đối với diện tích đất được quy hoạch để xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu cảng và dịch vụ hậu cần cảng và khu bảo thuế trong Khu kinh tế Dung Quất.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi chỉ đạo thực hiện việc thu hồi diện tích đất, mặt nước theo kế hoạch sử dụng đất chi tiết đã được phê duyệt đối với diện tích đất, mặt nước sử dụng cho các khu chức năng còn lại và các mục đích khác trong Khu kinh tế Dung Quất để giao cho Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất



theo kế hoạch sử dụng đất chi tiết hàng năm và năm năm của Khu kinh tế Dung Quất đã được phê duyệt để tổ chức triển khai xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất, mặt nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi để giao cho Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất thực hiện việc giao lại đất có thu tiền sử dụng đất, giao lại đất không thu tiền sử dụng đất và cho thuê đất cho người có nhu cầu sử dụng đất và tái định cư cho các hộ gia đình bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất quản lý quỹ đất, mặt nước đã được giao và chịu trách nhiệm về việc sử dụng có hiệu quả quỹ đất, mặt nước và mục đích sử dụng đất, bảo đảm thực hiện đúng Quy hoạch tổng thể xây dựng Khu kinh tế Dung Quất đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Quy hoạch sử dụng đất chi tiết, kế hoạch sử dụng đất chi tiết đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt.

4. Đối với trường hợp giao lại đất và cho thuê đất mà không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất: trên cơ sở giá đất và mức miễn, giảm tiền sử dụng đất; mức miễn, giảm tiền

thuê đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định và các quy định của pháp luật về khuyến khích đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất quyết định mức thu tiền sử dụng đất, mặt nước, tiền thuê đất, mặt nước; mức miễn, giảm tiền sử dụng đất, mặt nước; mức miễn, giảm tiền thuê đất, mặt nước theo từng dự án đầu tư nhằm bảo đảm khuyến khích đầu tư.

5. Đối với trường hợp giao lại đất có thu tiền sử dụng đất và cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất: trên cơ sở phương án tài chính và giá có sự thỏa thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất quyết định giao lại và cho thuê đất đã được bồi thường, giải phóng mặt bằng cho người có nhu cầu sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

6. Các tổ chức và cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được giao đất hoặc thuê đất; các tổ chức và cá nhân nước ngoài, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được thuê đất để thực hiện dự án đầu tư trong Khu kinh tế Dung Quất và có các quyền, nghĩa vụ tương ứng với hình thức được giao đất, thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

**Điều 19:** Nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đến hàng rào các khu chức năng trong Khu kinh tế Dung Quất, hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng trong các khu chức năng và tái định cư cho các hộ gia đình bị thu hồi đất, hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình xử lý nước thải và chất thải tập trung của các khu chức năng theo các chương trình mục tiêu hỗ trợ đầu tư quốc gia.

**Điều 20:**

1. Các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài trước khi xây dựng các công trình phục vụ sản xuất, kinh doanh, các công trình kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong Khu kinh tế Dung Quất phải có hồ sơ xin phép Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất theo quy định của pháp luật về xây dựng. Thời gian xem xét, quyết định của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất trong bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Việc quản lý xây dựng các công trình phục vụ sản xuất, kinh doanh, các công trình kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong Khu kinh tế Dung Quất được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

*Chương V*  
**MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KHÁC**

**Điều 21:**

1. Nhà nước dành vốn đầu tư thích đáng từ ngân sách và tín dụng ưu đãi, hỗ trợ cho đầu tư và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội và các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng quan trọng, cần thiết để bảo đảm cho sự hoạt động và phát triển của Khu kinh tế Dung Quất.

2. Việc chi đầu tư xây dựng cơ bản cho hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội và các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng quy định tại khoản 1 Điều này do Trung ương quản lý và cân đối từ nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của ngân sách trung ương theo các chương trình mục tiêu theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

3. Cho phép áp dụng các phương thức huy động vốn sau đây để đầu tư và phát triển Khu kinh tế Dung Quất:

a) Trong thời hạn 15 năm đầu, kể từ khi Quyết định này có hiệu lực thi hành, ngân sách nhà nước cân đối hằng năm không thấp hơn toàn bộ nguồn thu ngân sách trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất cho yêu cầu đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội và các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng quan trọng,

phục vụ chung cho Khu kinh tế Dung Quất theo các chương trình mục tiêu;

b) Phát hành trái phiếu Chính phủ đối với những dự án đầu tư xây dựng hạ tầng có quy mô lớn, có vai trò then chốt đối với sự phát triển của Khu kinh tế Dung Quất theo quy định về phát hành trái phiếu Chính phủ để huy động vốn đầu tư;

c) Ưu tiên việc sử dụng các nguồn vốn ODA và vốn tín dụng ưu đãi đầu tư đối với việc xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội, các công trình dịch vụ tiện ích công cộng cần thiết của Khu kinh tế Dung Quất và các trợ giúp kỹ thuật khác;

d) Được phép thu hút vốn đầu tư theo các hình thức BOT, BT, BTO và các hình thức khác phù hợp với quy định hiện hành;

đ) Được phép huy động vốn từ quỹ đất theo quy định của pháp luật về đất đai để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội phục vụ chung cho Khu kinh tế Dung Quất.

e) Huy động vốn đầu tư trực tiếp của các tổ chức, cá nhân trong nước; vốn ứng trước của các đối tượng có nhu cầu sử dụng hạ tầng, vốn của các doanh nghiệp có chức năng xây dựng và kinh doanh công trình hạ tầng kỹ thuật. Mở rộng hình thức tín dụng đồng tài trợ của các tổ chức tín dụng và huy động mọi nguồn vốn dưới các hình thức khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 22:** Cho phép các ngân hàng thương mại nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh với nước ngoài, ngân hàng nước ngoài và các tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động theo Luật các Tổ chức tín dụng được mở chi nhánh trong Khu kinh tế Dung Quất để thực hiện các chức năng tín dụng bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ đối với các hoạt động kinh tế trong Khu kinh tế Dung Quất theo quy định hiện hành.

**Điều 23:**

1. Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc, hoạt động đầu tư kinh doanh tại Khu kinh tế Dung Quất và các thành viên gia đình họ được cấp thị thực xuất nhập cảnh có giá trị nhiều lần có thời hạn phù hợp với thời hạn làm việc, hoạt động đầu tư và kinh doanh tại Khu kinh tế Dung Quất và được cư trú, tạm trú có thời hạn trong Khu kinh tế Dung Quất.

Bộ Công an hướng dẫn công an tỉnh Quảng Ngãi thực hiện khoản này.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất được cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc, hoạt động đầu tư kinh doanh tại Khu kinh tế Dung Quất theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn

Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất thực hiện khoản này.

**Điều 24:**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất tổ chức thực hiện tốt các chính sách tái định cư, định canh và chính sách xã hội, giải quyết công ăn việc làm để bảo đảm đời sống của nhân dân và điều kiện sinh hoạt, làm việc cho người lao động trong Khu kinh tế Dung Quất như:

a) Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy hoạch và đầu tư xây dựng các khu dân cư tái định cư gắn liền với việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật và xã hội thiết yếu;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi chịu trách nhiệm tạo quỹ đất mới và hỗ trợ kỹ thuật sản xuất để bảo đảm cho các hộ gia đình tái định cư có cuộc sống được cải thiện hơn và ổn định lâu dài với sự phối hợp của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất;

c) Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi chịu trách nhiệm chỉ đạo và tạo điều kiện xây dựng các khu nhà ở chung cư cho chuyên gia, cán bộ, công nhân lao động làm việc, đầu tư kinh doanh tại Khu kinh tế Dung Quất thuê hoặc mua với sự phối hợp của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất;

d) Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi chịu trách nhiệm bảo đảm các điều kiện việc làm, ăn, ở, sinh hoạt, học tập, chăm sóc sức khỏe cho người lao động và người dân trong Khu kinh tế Dung Quất.

2. Nhà nước hỗ trợ xúc tiến đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất và quảng bá môi trường đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất cho các nhà đầu tư tiềm năng trong nước và nước ngoài.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các cơ quan nhà nước có liên quan thực hiện cải cách các thủ tục hành chính liên quan tới các lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, đấu thầu, thuế, hải quan, quản lý lao động và doanh nghiệp trong Khu kinh tế Dung Quất.

4. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức tuyên truyền, giáo dục nhận thức tư tưởng cho cán bộ, nhân dân địa phương về Khu kinh tế Dung Quất để tiếp tục ủng hộ, tham gia vào quá trình xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất.

**Điều 25:** Các tổ chức và cá nhân có công vận động nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vận động các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài và các dự án đầu tư trong nước vào Khu kinh tế Dung Quất được thưởng theo Quy chế do Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất ban hành với ý kiến chấp thuận của Bộ Tài chính.



## Chương VI

### QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

#### ĐỐI VỚI KHU KINH TẾ DUNG QUẤT

##### Điều 26:

1. Thủ tướng Chính phủ tập trung chỉ đạo việc đầu tư xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất, giải quyết những vấn đề vướng mắc phát sinh trong quá trình xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất và ban hành các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất.

2. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thương mại, Xây dựng, Giao thông - Vận tải, Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình ban hành các quy định hướng dẫn về hoạt động của các khu chức năng trong Khu kinh tế Dung Quất.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất xây dựng và ban hành Quy chế phối hợp chung về các vấn đề như: quản lý quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất, quản lý đất đai (trình tự, thủ tục giao đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng), tái định cư, tái định canh, quản lý hoạt động của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động sản xuất,

kinh doanh hàng hóa và dịch vụ tại Khu kinh tế Dung Quất.

### **Điều 27:**

1. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập trên cơ sở cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban Quản lý Khu công nghiệp Dung Quất và được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với mô hình quản lý Khu kinh tế Dung Quất.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất là cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp về đầu tư xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất trực thuộc Thủ tướng Chính phủ để giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thực hiện việc xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất theo Quy chế hoạt động, quy hoạch, kế hoạch và tiến độ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất là một đầu mối kế hoạch và ngân sách trực thuộc Trung ương (đơn vị dự toán cấp I), được quyết định thu chi ngân sách thuộc các lĩnh vực đầu tư phát triển, hành chính sự nghiệp, các chương trình mục tiêu và các lĩnh vực khác do Thủ tướng Chính phủ giao.

4. Bộ trưởng Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất.

**Điều 28:** Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có trách nhiệm:

1. Thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước đối với Khu kinh tế Dung Quất trên địa bàn lãnh thổ và có trách nhiệm tham gia vào quá trình quản lý đối với Khu kinh tế Dung Quất thông qua việc chỉ đạo các sở, ban, ngành của tỉnh giải quyết tại chỗ các công việc thuộc chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh theo thẩm quyền.

2. Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất lập Quy hoạch tổng thể xây dựng và đầu tư phát triển dài hạn Khu kinh tế Dung Quất và lập danh mục các dự án đầu tư dài hạn trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

3. Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết, kế hoạch sử dụng đất chi tiết trong Khu kinh tế Dung Quất; tiến hành thu hồi đất và giao đất cho Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất để tổ chức triển khai xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 18 của Quy chế này.

4. Quy định giá đất và mức miễn, giảm tiền sử dụng đất; mức miễn, giảm tiền thuê đất trong Khu kinh tế Dung Quất đối với trường hợp giao lại đất, cho thuê đất mà không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất và thỏa thuận phương

án tài chính và giá đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất.

5. Chỉ đạo và tổ chức để các cấp chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng của tỉnh phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng; phân định phạm vi trách nhiệm, xây dựng chương trình hành động và phân công các bộ phận theo dõi, quản lý địa bàn trên từng lĩnh vực đối với Khu kinh tế Dung Quất.

6. Ban hành các chính sách ưu đãi và khuyến khích cụ thể phù hợp với các quy định hiện hành để thực hiện việc ưu tiên tuyển dụng và sử dụng lao động tại chỗ; hỗ trợ đào tạo nghề đối với lực lượng lao động ở địa phương; tạo điều kiện cho lực lượng lao động ở địa phương có thể vào làm việc tại các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Dung Quất; khuyến khích và thu hút lao động có chuyên môn cao, tay nghề giỏi từ các địa phương khác về làm việc tại Khu kinh tế Dung Quất; hỗ trợ xây dựng nhà ở cho công nhân; hỗ trợ xây dựng các khu tái định cư; hỗ trợ xúc tiến đầu tư - thương mại; hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh quá trình đầu tư và phát triển Khu kinh tế Dung Quất.

7. Tạo điều kiện cho Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Quy chế này; phối hợp với các bộ, ngành

liên quan để tổ chức quản lý Khu kinh tế Dung Quất phát triển nhanh và bền vững.

**Điều 29:** Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan giúp Thủ tướng Chính phủ theo dõi tình hình thực hiện việc xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất theo Quy chế hoạt động, quy hoạch, kế hoạch và tiến độ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định những kiến nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất.

**Điều 30:**

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực và hành chính lãnh thổ đối với Khu kinh tế Dung Quất; uỷ quyền và hướng dẫn cho Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về các lĩnh vực đầu tư xây dựng, quy hoạch, quản lý tài nguyên và môi trường, quản lý và phát triển đô thị, quản lý đất đai, lao động, xuất nhập khẩu và một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật và theo Quy chế này theo nguyên tắc "một cửa, tại chỗ" nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài trong Khu

kinh tế Dung Quất và các yêu cầu đầu tư phát triển của Khu kinh tế Dung Quất.

2. Đối với những lĩnh vực không phân cấp, không uỷ quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, các bộ, cơ quan ngang bộ và Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với Khu kinh tế Dung Quất bằng cách tổ chức các đơn vị trực thuộc nằm trong Khu kinh tế Dung Quất và có quy chế phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất để thực hiện thẩm quyền được giao.

## *Chương VII*

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 31:** Những quy định khác liên quan đến hoạt động, quyền và nghĩa vụ của các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong Khu kinh tế Dung Quất không quy định trong Quy chế này, được thực hiện theo các điều khoản tương ứng của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp Nhà nước, Luật Hợp tác xã, Luật Hải quan, Luật Đất đai, Luật Thương mại, các pháp luật thuế khác và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

**Điều 32:** Những ưu đãi dành cho các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ Khu kinh tế Dung Quất theo Quy chế này được phép áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài đã có hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất trước ngày ban hành Quy chế này cho thời gian ưu đãi còn lại kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành. Các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại Khu kinh tế Dung Quất đã hết thời hạn được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về khuyến khích đầu tư trong nước, về đầu tư nước ngoài và về các pháp luật thuế không được hưởng các ưu đãi đầu tư theo quy định của Quy chế này.

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**PHAN VĂN KHẢI**

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**  
**Số 139/2006/QĐ-TTg, ngày 16 tháng 6 năm 2006**  
**Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể**  
**phát triển kinh tế - xã hội Khu kinh tế Dung Quất**  
**đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25-12-2001,  
Căn cứ Quyết định số 50/2005/QĐ-TTg ngày  
11-3-2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập  
và ban hành Quy chế hoạt động Khu kinh tế Dung  
Quất, tỉnh Quảng Ngãi,

Căn cứ Tờ trình số 1339/TTr-UB ngày 23-6-2005  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Tờ trình số  
07/TTr-BQL ngày 23-6-2005; Văn bản số 488/BQL ngày  
20-9-2005 và Văn bản số 694/BQL ngày 18-11-2005 của  
Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất,

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư  
tại Công văn số 8823 BKH/TĐ&GSDT ngày 21-12-2005  
về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế -



xã hội Khu kinh tế Dung Quất đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Khu kinh tế Dung Quất đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

### **1. Quan điểm phát triển**

a) Đầu tư phát triển Khu kinh tế Dung Quất phải được đặt trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi, Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và của cả nước.

b) Phát triển Khu kinh tế Dung Quất nhằm mở rộng thị trường, từng bước hội nhập các nước trong khu vực và thế giới.

c) Xây dựng Khu kinh tế Dung Quất thành Khu kinh tế tổng hợp, phát triển đa ngành, đa lĩnh vực; trọng tâm là công nghiệp lọc dầu, hóa dầu, hóa chất và một số ngành công nghiệp mũi nhọn, có quy mô lớn và lợi thế đầu tư, khai thác hiệu quả Cảng nước sâu Dung Quất.

d) Phát triển Khu kinh tế Dung Quất phải bảo đảm hiệu quả tổng hợp về kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng và bảo vệ môi trường.

đ) Tập trung xây dựng cơ sở vật chất toàn diện, đồng bộ và có tính bền vững cao; xây dựng đô thị mới hiện đại, văn minh. Áp dụng thí điểm các cơ chế, chính sách để phát triển các loại hình có lợi thế trong sản xuất, kinh doanh, và các hoạt động đầu tư xây dựng tại Khu kinh tế Dung Quất.

e) Cơ chế chính sách áp dụng tại Khu kinh tế Dung Quất phải thực sự ưu đãi và khuyến khích mạnh đầu tư trong và ngoài nước, bảo đảm tính ổn định lâu dài, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật hiện hành và ngày càng hoàn thiện, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập, phù hợp với xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế.

## **2. Mục tiêu phát triển**

a) Mục tiêu chung:

- Tập trung đẩy mạnh việc đầu tư phát triển Khu kinh tế Dung Quất, trọng tâm là phát triển công nghiệp lọc dầu, hóa dầu, hóa chất, các ngành công nghiệp nặng, cảng biển nước sâu có quy mô lớn, theo hướng phát triển tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực.

- Đầu tư xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất để cùng với Khu kinh tế mở Chu Lai, sau năm 2010, các khu kinh tế này từng bước trở thành hạt nhân tăng trưởng, trung tâm công nghiệp - đô thị - dịch vụ

của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và là động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa khu vực miền Trung và cả nước.

- Góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

b) Mục tiêu phát triển đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020:

- Những ngành, lĩnh vực được tập trung đầu tư phát triển tại Dung Quất:

+ Hoàn thành xây dựng và đưa Nhà máy lọc dầu Dung Quất vào hoạt động sản xuất năm 2009; đồng thời, triển khai xây dựng một số nhà máy hóa dầu, hóa chất, hình thành cụm liên hợp lọc - hóa dầu, hóa chất khoảng 600 ha.

+ Xây dựng một số nhà máy công nghiệp nặng có quy mô lớn, gắn với Cảng biển nước sâu Dung Quất như Nhà máy đóng và sửa chữa tàu biển giai đoạn II, Nhà máy luyện cán thép... Hình thành cụm liên hợp công nghiệp tàu thủy, cụm công nghiệp luyện cán thép.

+ Ưu tiên và thu hút mạnh các dự án đầu tư sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến xuất khẩu; tạo ra kim ngạch xuất khẩu đạt bình quân trên 200 triệu USD/năm.

+ Đầu tư xây dựng và khai thác Cảng nước sâu Dung Quất, gắn với ngành công nghiệp và dịch vụ hậu cần cảng.

+ Từng bước đầu tư phát triển và hình thành Khu đô thị Vạn Tường và Khu đô thị Dốc Sỏi.

+ Hoàn thành đầu tư và khai thác Khu du lịch Thiên Đàng; đầu tư phát triển một bước Khu du lịch sinh thái Vạn Tường.

+ Khuyến khích, thu hút đầu tư phát triển các dịch vụ tài chính, ngân hàng, thương mại, viễn thông, dịch vụ cảng...

- Tiếp tục đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng và dịch vụ tiện ích:

+ Hạ tầng kỹ thuật: xây dựng kè chắn cát và đê chắn sóng cảng Dung Quất; các tuyến giao thông trục chính, quan trọng; hệ thống cầu cảng cá và kè sông Trà Bồng; hệ thống cấp, thoát nước Khu công nghiệp phía Tây, Khu công nghiệp phía Đông. Từng bước đầu tư phát triển hệ thống Cảng biển nước sâu Dung Quất theo Quyết định số 707/2002/QĐ-TTg ngày 26-8-2002 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Hạ tầng khu công nghiệp, dịch vụ, du lịch, nhà ở: Phân khu công nghiệp Sài Gòn - Dung Quất, Phân khu công nghiệp Sài Gòn - Quảng Ngãi và Phân khu công nghiệp nhẹ, Cụm công nghiệp điện tử; Khu đô thị Dốc Sỏi, các khu chung cư cho cán bộ và công nhân, đô thị Khu trung tâm phía bắc Vạn Tường và Khu dân cư - chuyên gia, các khu du lịch sinh thái.

+ Hạ tầng xã hội và môi trường: xây dựng Trung

tâm văn hóa - thể thao; Trường phổ thông quốc tế; các công viên, lâm viên; Trung tâm phòng cháy chữa cháy; các khu tái định cư; trụ sở làm việc của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất; Trung tâm hỗ trợ kỹ thuật nông nghiệp; khu xử lý chất thải rắn, hệ thống thoát nước mưa và xử lý nước thải; trồng rừng phòng hộ bảo vệ môi trường sinh thái, tạo điều kiện phát triển bền vững.

+ Tập trung phát triển và đáp ứng nguồn nhân lực: tiếp tục xây dựng, nâng quy mô và chất lượng đào tạo của Trường Đào tạo nghề Dung Quất.

c) Mục tiêu đầu tư phát triển theo từng giai đoạn:

- Giai đoạn 2006 - 2010:

+ Về thu hút đầu tư: tổng vốn đầu tư đăng ký đạt khoảng trên 5,5 - 6,0 tỷ USD; trong đó vốn đầu tư thực hiện đạt khoảng 60 - 70%.

+ Giá trị sản xuất công nghiệp đạt khoảng trên 35.000 tỷ đồng.

+ Kim ngạch xuất khẩu đạt trên 120 triệu USD/năm.

+ Thu ngân sách đạt khoảng trên 2.000 tỷ đồng vào năm 2010 (theo phương án Nhà máy lọc dầu hoàn thành và vận hành 100% công suất trước năm 2010).

+ Giải quyết việc làm cho khoảng 15.000 - 20.000 lao động.

+ Hàng hóa qua cảng Dung Quất đạt khoảng 20 triệu tấn.

- Giai đoạn 2011 - 2015:

+ Về thu hút đầu tư: tổng vốn đầu tư đăng ký đạt khoảng trên 8 tỷ USD.

+ Giá trị sản xuất công nghiệp đạt gấp hơn 1,6 lần năm 2010.

+ Kim ngạch xuất khẩu đạt trên 300 triệu USD/năm.

+ Giải quyết việc làm cho khoảng trên 30.000 - 40.000 lao động.

+ Hàng hóa qua cảng Dung Quất đạt trên 28 triệu tấn vào năm 2015.

- Dự báo mục tiêu phát triển đến năm 2020:

+ Về thu hút đầu tư: tổng vốn đầu tư đăng ký đạt khoảng trên 10 tỷ USD.

+ Giá trị sản xuất công nghiệp đạt gấp hơn 2 lần năm 2010.

+ Kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 400 triệu USD/năm.

+ Giải quyết việc làm cho trên 50.000 lao động.

+ Hàng hóa qua cảng Dung Quất đạt khoảng 34 triệu tấn.

### **3. Phương hướng phát triển các ngành và lĩnh vực đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020**

a) Về phát triển công nghiệp: tập trung phát triển một số ngành công nghiệp chủ yếu sau:

- Công nghiệp lọc dầu và hóa dầu - hóa chất:

+ Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào vận hành

Nhà máy lọc dầu Dung Quất vào năm 2009, đạt công suất 6,5 triệu tấn dầu thô/năm; đồng thời, chuẩn bị hướng mở rộng việc đầu tư chế biến dầu chua.

+ Phát triển công nghiệp hóa dầu, hóa chất, bao gồm: Nhà máy Polypropylene, Nhà máy Cacbon Black, Nhà máy sản xuất chất tẩy rửa, Nhà máy sản xuất gas hóa lỏng, Nhà máy Sợi tổng hợp Polystyren, Nhà máy sản xuất soda, Nhà máy sản xuất hóa chất cơ bản, Nhà máy sản xuất lớp caosu, Nhà máy Methyl Tertiary Butyl Ether, Nhà máy sản xuất sợi tổng hợp, Nhà máy sản xuất khí công nghiệp, Tổng kho xăng dầu. Tổng diện tích khoảng 350 - 400 ha; dự kiến vốn đầu tư khoảng 850 triệu USD - 1,0 tỷ USD.

- Công nghiệp cơ khí, luyện kim; hình thành cụm công nghiệp thép: sản xuất phôi thép và các sản phẩm từ thép; sản xuất linh kiện và lắp ráp ô tô; sản xuất động cơ xăng đa dụng, động cơ diesel, bồn chứa khí; sản xuất container và các loại thiết bị nặng...; phát triển công nghiệp đóng và sửa chữa tàu thủy loại lớn, cùng các nhà máy phụ trợ để hình thành cụm công nghiệp liên hợp tàu thủy.

- Công nghiệp vật liệu xây dựng: phát triển sản xuất xi măng và bê tông, gốm sứ vệ sinh, tấm lợp trần và đồ nội thất bằng nhựa, ống nhựa PVC, các sản phẩm kết cấu thép xây dựng và trang trí nội thất.

- Công nghiệp nhẹ và công nghiệp chế biến thực phẩm: phát triển các ngành công nghiệp dệt may, da

giày, điện - điện tử từ các ngành chế biến sản phẩm từ nông, lâm, thủy sản, đồ gỗ xuất khẩu...

b) Phát triển dịch vụ hậu cần cảng biển, thương mại và dịch vụ, du lịch:

- Phát triển dịch vụ cảng biển và hình thành khu bảo thuế:

+ Tập trung phát triển dịch vụ hậu cần cảng biển như hệ thống kho bãi, các cảng cạn, công nghiệp bốc xếp vận tải biển, vận tải biển gắn với cảng.

+ Phát triển Khu bảo thuế với các hoạt động chủ yếu được quy định tại Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 10, các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 11 trong Quyết định số 50/2005/QĐ-TTg ngày 11-3-2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi. Dự kiến xây dựng Khu bảo thuế I với diện tích khoảng 200 ha gắn với cảng biển Dung Quất, Khu bảo thuế II với diện tích khoảng 200 ha gắn với phía nam sân bay Chu Lai.

- Phát triển thương mại và dịch vụ: xây dựng một trung tâm thương mại tại Khu đô thị Vạn Tường và khu thương mại tại Khu đô thị Dốc Sỏi. Đẩy mạnh phát triển các loại hình dịch vụ tổng hợp như: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm dịch vụ...

- Phát triển du lịch:

+ Phát triển các tuyến du lịch giữa Khu kinh tế Dung Quất với các khu vực khác; tạo ra nhiều loại hình



du lịch như du lịch nghỉ dưỡng biển, du lịch sinh thái, thăm quan di tích lịch sử, cách mạng.

+ Xây dựng các khu vui chơi, giải trí, điểm thăm quan du lịch; tăng cường xây dựng cơ sở vật chất của ngành du lịch. Tập trung phát triển Khu du lịch Vạn Tường giai đoạn I (đến năm 2010) với diện tích 250 ha, Khu du lịch sinh thái Thiên Đường - Khe Hai với diện tích 170 ha.

c) Phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản:

- Phát triển nông nghiệp với các ngành sản xuất hướng vào cung cấp nguyên liệu, rau quả, thực phẩm chất lượng cao cho Khu kinh tế Dung Quất. Đầu tư khai hoang, tạo quỹ đất sản xuất; xây dựng Trung tâm hỗ trợ kỹ thuật nông nghiệp để hỗ trợ kỹ thuật, giống cho các hộ dân tái định cư và nhân dân trong vùng.

- Đẩy nhanh công tác trồng rừng phòng hộ và rừng chắn cát ven biển.

- Phát triển ngành thủy sản theo hướng áp dụng giống mới và công nghệ tiên tiến; đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt và nước lợ thành ngành sản xuất hàng hóa với quy mô phù hợp. Chú trọng tới giải pháp quy hoạch và có biện pháp bảo vệ tài nguyên biển trong khu vực.

- Tạo điều kiện giải quyết việc làm và nâng cao đời sống dân cư, nhất là các hộ dân tái định cư trong Khu kinh tế Dung Quất; từng bước mở rộng và phát triển các

ngành, các lĩnh vực dịch vụ để góp phần chuyển đổi ngành nghề, cơ cấu kinh tế cho dân cư trong Vùng.

d) Phát triển một số lĩnh vực xã hội:

- Đến năm 2010, tỷ lệ lao động có trình độ từ công nhân kỹ thuật trở lên chiếm 35 - 40% so với tổng số lao động của Khu kinh tế và phấn đấu đến năm 2015 đạt tỷ lệ từ 60 đến 65%.

- Phát triển giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực: đa dạng hóa các loại hình đào tạo; từng bước thành lập một số trường chuyên nghiệp và dạy nghề. Mở rộng, nâng cấp Trường Đào tạo nghề Dung Quất thành Trường Cao đẳng nghề để đáp ứng nhu cầu nhân lực tại chỗ. Có chính sách ưu đãi nhằm thu hút các chuyên gia, cán bộ quản lý và lao động kỹ thuật giỏi đến làm việc tại Khu kinh tế Dung Quất; cho phép nước ngoài mở Trường phổ thông quốc tế...

- Tập trung xây dựng bệnh viện quy mô 300 giường (giai đoạn I: 100 giường).

- Tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh Trung tâm văn hóa - thể thao đa năng; khuyến khích và cho phép các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vào các lĩnh vực văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí theo quy định của pháp luật. Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả Đài thu phát truyền hình Dung Quất.

- Xây dựng các công trình tiện ích xã hội như: Trường phổ thông quốc tế, Trung tâm phòng cháy, chữa cháy, Trung tâm hỗ trợ phát triển nông nghiệp, Lâm

viên Vạn Tường, Công viên văn hóa Vạn Tường và các công trình xã hội, văn hóa khác.

đ) Xây dựng, phát triển điểm dân cư và đô thị:

- Khu đô thị Vạn Tường: xây dựng đô thị Vạn Tường trở thành thành phố công nghiệp và dịch vụ; được quy hoạch theo tiêu chuẩn hiện đại. Quy mô thành phố khoảng 2.400 ha, bao gồm các phân khu chức năng sau: Khu dân cư chuyên gia 178 ha, Khu trung tâm phía bắc 180 ha, Khu trung tâm phía nam 817 ha, Khu du lịch sinh thái 432 ha... Tại đây sẽ từng bước đầu tư phát triển các lĩnh vực như hạ tầng đô thị, nhà ở, các dịch vụ về y tế, giáo dục, tài chính, thương mại...

- Khu đô thị Dốc Sỏi: lập quy hoạch chi tiết và từng bước xây dựng hạ tầng đô thị Dốc Sỏi trở thành đô thị phụ trợ phía tây Khu kinh tế Dung Quất, gắn với thị trấn Châu Ô (huyện lỵ Bình Sơn).

- Hệ thống các khu dân cư: từ nay đến năm 2010, tiến hành triển khai đầu tư và hoàn thành việc xây dựng hạ tầng cho năm khu dân cư tập trung: Khu tây bắc thành phố Vạn Tường, Khu phía đông sông Trà Bồng, Khu phía tây sông Trà Bồng, Khu Dốc Sỏi và Khu Bình Thuận.

- Các khu nghĩa trang: chủ yếu mở rộng ở phía tây quốc lộ 1 và thí điểm xây dựng nghĩa trang nhân dân.

e) Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng:

- Phát triển Cảng nước sâu Dung Quất:

Hệ thống cảng Dung Quất bao gồm Khu cảng Dầu

khí, Khu cảng Tổng hợp, Khu cảng chuyên dùng, Khu cảng thương mại phục vụ cho Khu bảo thuế và cảng trung chuyển container quốc tế; các hạng mục khác như đê chắn sóng dài 1.600m, kè chắn cát dài 1.700m, kè sông Cửa Đầm và sông Trà Bồng, nạo vét khu quay tàu và luồng tàu và các dịch vụ phụ trợ, hậu cần cảng.

Cảng Dung Quất được đầu tư xây dựng để bảo đảm khối lượng hàng hóa thông qua khoảng 20 triệu tấn/năm vào năm 2010 và khoảng 34 triệu tấn/năm vào năm 2020.

+ Khu cảng Dầu khí: lượng hàng hóa thông qua là 6,1 triệu tấn dầu sản phẩm/năm và xây dựng 1 bến phao để nhập dầu thô cho tàu dầu có trọng tải từ 80.000 tấn đến 110.000 tấn tại vịnh Việt Thanh.

+ Khu cảng Tổng hợp được chia thành hai phân khu cảng: phân khu cảng Tổng hợp 1 ở ngay sau Khu cảng Dầu khí; bảo đảm cho các tàu có trọng tải từ 5.000 tấn đến 50.000 tấn ra vào. Phân khu cảng Tổng hợp 2 ở phía nam vịnh Dung Quất, bên tả sông Đập.

+ Khu cảng Chuyên dùng: gắn với Khu công nghiệp liên hợp tàu thủy, khu xây dựng Nhà máy Luyện cán thép và các Nhà máy Công nghiệp nặng.

+ Khu cảng Thương mại: phục vụ cho Khu bảo thuế và một cảng trung chuyển container quốc tế nằm tại vị trí giữa Khu cảng Chuyên dùng và Khu cảng Tổng hợp 2.

- Phát triển mạng lưới giao thông đường bộ, đường sắt:

+ Đường bộ: từ nay đến năm 2010, tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn thành các tuyến đường đang triển khai đầu tư và các tuyến đường đã quy hoạch. Xây dựng đường Dung Quất nối với đường Hồ Chí Minh theo hướng Trà My - Trà Bồng - Bình Long - Ngã ba Nhà máy lọc dầu - cảng Dung Quất, quy hoạch và xây dựng tuyến đường Trị Bình - cảng Dung Quất, xây dựng tuyến đường ven biển Vạn Tường nối với tuyến Dung Quất - Sa Huỳnh, xây dựng một số tuyến đường trục chính của đô thị Vạn Tường.

+ Đường sắt: xây dựng tuyến đường sắt nhánh nối cảng Dung Quất với tuyến đường sắt Bắc - Nam và Ga hàng hóa Trị Bình.

- Phát triển hệ thống cấp điện:

Nguồn cung cấp điện cho Khu kinh tế Dung Quất lấy từ lưới điện quốc gia 500/220 KV từ Pleiku (Gia Lai) và Cầu Đỏ (Đà Nẵng) dẫn đến trạm giảm áp chính trong khu vực 220/110 KV; từ các trạm này, điện 110 KV được dẫn đến các trạm 110/22 KV để cấp điện cho Khu kinh tế Dung Quất.

- Phát triển hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải và chất thải rắn:

+ Cấp nước: nguồn nước lấy từ Nhà máy nước Dung Quất; giai đoạn đầu công suất 15.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; tiếp tục triển khai đầu tư mở rộng, nâng công suất để đáp ứng nhu cầu cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt phù

hợp với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của Khu kinh tế Dung Quất.

Hoàn thành việc xây dựng hồ chứa Nước Trong và nghiên cứu xây dựng thêm các hồ chứa trên sông Trà Khúc để bổ sung nước cho Thạch Nham và cấp nước cho Khu kinh tế Dung Quất; phấn đấu công suất cấp nước đạt 115.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Bảo đảm cấp nước sinh hoạt là 150 lít/người/ngày đêm, với tỷ lệ hộ được cấp nước sạch đạt 85%. Cấp nước cho công nghiệp khoảng từ 50 đến 60 m<sup>3</sup>/ha/ngày.

+ Thoát nước, xử lý nước thải và chất thải rắn: xây dựng hệ thống thoát nước thải được dẫn theo các trục đường phía bắc, phía đông, phía nam thuộc các Khu công nghiệp phía Đông, phía Tây, Khu lọc, hóa dầu và hệ thống thoát nước của đô thị Vạn Tường. Xây dựng các trạm xử lý nước thải tập trung tại Khu công nghiệp phía Đông, phía Tây và Khu lọc, hóa dầu và Khu đô thị Vạn Tường. Nước thải được quy hoạch tách riêng nước mưa, nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp để xử lý. Các nhà đầu tư sản xuất, kinh doanh phải xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn A trước khi xả ra sông, biển. Quản lý và xử lý nước thải, chất thải rắn phải bảo đảm tiêu chuẩn về giữ gìn vệ sinh môi trường.

- Xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp:

Tập trung hoàn thành việc đầu tư xây dựng và mở rộng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Phân khu Công nghiệp

Sài Gòn - Dung Quất từ 118 ha lên 170 ha; hạ tầng kỹ thuật Cụm liên hợp lọc, hóa dầu, hóa chất 600 ha; Phân khu Công nghiệp nặng 600 ha; Phân khu Công nghiệp Sài Gòn - Quảng Ngãi 133 ha; Phân khu Công nghiệp nhẹ 200 ha; Cụm công nghiệp công nghệ cao khoảng 100 ha đến năm 2010.

- Phát triển hệ thống giao thông công cộng như xe buýt, xe điện...

g) Bảo vệ môi trường và phát triển công nghệ

- Quy hoạch và xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn, nước thải cho từng cơ sở sản xuất và toàn Khu kinh tế Dung Quất. Hoàn thành việc xây dựng Trung tâm quan trắc - giám sát môi trường. Đầu tư trồng mới khoảng 4.000 ha rừng phòng hộ và tạo cảnh quan môi trường. Xây dựng quy chế và kiểm tra nghiêm ngặt việc bảo vệ môi trường. Xây dựng, tổ chức hệ thống quản lý môi trường gắn với hệ thống quan trắc môi trường quốc gia. Tăng cường năng lực quản lý môi trường; giám sát, quan trắc môi trường trong giai đoạn xây dựng và trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới công nghệ sản xuất, áp dụng có hiệu quả các tiêu chuẩn quốc tế. Thực hiện tốt việc bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp. Phát triển các dịch vụ kỹ thuật, tăng cường công tác quản lý nhà nước về đăng ký chất lượng sản phẩm.

#### 4. Định hướng phát triển theo không gian

- Quy hoạch sử dụng đất của các phân khu chức năng: các khu công nghiệp, khu cảng và dịch vụ gắn với cảng, các khu bảo thuế, khu đô thị Vạn Tường, đô thị Bắc Sơn, khu du lịch - dịch vụ, khu hành chính.

- Định hướng sử dụng đất đến năm 2010 và đến năm 2015:

Tổng diện tích quy hoạch phát triển Khu kinh tế Dung Quất đến năm 2015 khoảng 10.300 ha. Kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2006 - 2015, cụ thể như sau:

STT	Loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích sử dụng đất đến năm 2010		Diện tích sử dụng đất đến năm 2015	
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ %	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) + (4/3)	(6)	7 - (6/3)
	<b>Tổng diện tích</b>	<b>10.300,00</b>				
1	<b>Đất quy hoạch đầu tư phát triển</b>	<b>9.540,40</b>	<b>6.975,35</b>	<b>73,11</b>	<b>9.312,80</b>	<b>97,61</b>
1	Đất công nghiệp	2.287,90	1.873,10	81,87	2.247,00	98,21
2	Đất đô thị	970,70	427,68	44,06	887,60	91,44
3	Đất khu bảo thuế và khu phi thuế quan	480,00	288,00	60,00	480,00	100,00
4	Đất du lịch sinh thái	767,00	388,00	50,59	692,00	90,22
5	Đất đầu tư xây dựng cảng	212,00	118,27	55,79	212,00	100,00
6	Đất đồi núi và đất ven biển có khả năng PT trồng rừng phòng hộ	3.800,00	3.000,00	78,95	3.800,00	100,00



7	Đất phát triển các khu dân cư	400,60	267,40	66,75	372,00	92,86
8	Đất hạ tầng giao thông	622,20	612,90	98,51	622,20	100,00
II	Đất khác	759,60			759,60	
1	Đất sản xuất nông nghiệp	400,00			400,00	
2	Đất các khu dân cư ổn định	220			220	
3	Đất ao, hồ, đầm	139,6			139,6	

Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng đất theo quy định tại Điều 18, Quyết định số 50/2005/QĐ-TTg ngày 11-3-2005 của Thủ tướng Chính phủ.

### **5. Danh mục các công trình quan trọng và các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư giai đoạn 2006 - 2010 và giai đoạn 2011 - 2015**

(Chi tiết xem Phụ lục kèm theo).

### **6. Nhu cầu, nguồn vốn và phân kỳ vốn đầu tư**

a) Nhu cầu vốn đầu tư: ước tính tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng của Khu kinh tế giai đoạn 2006 - 2015 khoảng 17.533 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư, bao gồm: vốn ngân sách nhà nước và có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, vốn huy động từ quỹ đất, vốn của các doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác.

**Tổng hợp dự kiến các nguồn vốn đầu tư hạ tầng của Khu kinh tế Dung Quất giai đoạn 2006 - 2015:**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

STT	Giai đoạn đầu tư	Tổng cộng	Vốn ngân sách nhà nước và có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước	Vốn của các doanh nghiệp
1	Giai đoạn 2006 - 2010	10.282	4.216	6.067
2	Giai đoạn 2011 - 2015	7.250	2.058	5.192
	<b>Tổng cộng</b>	<b>17.532</b>	<b>6.274</b>	<b>11.259</b>

**Phân kỳ vốn ngân sách nhà nước và có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước đầu tư kết cấu hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất giai đoạn 2006 - 2010 và 2011 - 2015:**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

STT	Giai đoạn đầu tư	Kế hoạch huy động các loại nguồn vốn					Tổng cộng
		Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ODA (Triệu USD ≈ Tỷ đồng)	Vốn từ quỹ đất	Vốn trái phiếu Chính phủ	Vốn tín dụng ưu đãi	
1	Giai đoạn 2006 - 2010	1.549	62,5 ≈ 988	250	1.012	417	4.216
2	Giai đoạn 2011 - 2015	855	10,0 ≈ 158	465	600		2.058
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.384</b>	<b>72,5 ≈ 1.146</b>	<b>715</b>	<b>1.612</b>	<b>417</b>	<b>6.274</b>

## **7. Giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện Quy hoạch**

### *a) Giải pháp huy động vốn đầu tư:*

- Dự kiến nguồn thu trên địa bàn đến năm 2010 khoảng trên 2.000 tỷ đồng; nguồn vốn này, ngân sách nhà nước sẽ cân đối cho đầu tư phát triển Khu kinh tế theo kế hoạch hàng năm. Trong những năm đầu, để giải quyết khó khăn về vốn đầu tư, ngân sách nhà nước cấp bổ sung có mục tiêu hoặc tạm ứng vốn để đáp ứng yêu cầu cho đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng và dịch vụ của Khu kinh tế Dung Quất.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vốn tại khu kinh tế cho một số lĩnh vực theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết.

- Huy động mọi nguồn vốn như: vốn trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công trình, vốn ODA, vốn tín dụng ưu đãi, vốn quỹ đất,... để đầu tư đồng bộ và sớm hoàn thiện hạ tầng, tiện ích của Khu kinh tế với tốc độ cao và hiệu quả.

### *b) Giải pháp về hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển:*

- Trước mắt, cần tập trung thể chế hóa các cơ chế, chính sách ưu đãi áp dụng cho Khu kinh tế được quy định

tại các Quyết định số 50/2005/QĐ-TTg ngày 11-3-2005 và số 72/2005/QĐ-TTg ngày 5-4-2005 của Thủ tướng Chính phủ bằng các thông tư, hướng dẫn, phân cấp, uỷ quyền của các bộ, ngành trung ương và của Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi để các cơ chế, chính sách này sớm phát huy trong thực tế.

- Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất nghiên cứu, xây dựng đề trình cơ quan có thẩm quyền quyết định một số cơ chế, chính sách thí điểm phù hợp với yêu cầu phát triển Khu kinh tế Dung Quất trong từng giai đoạn, nhất là về quản lý đầu tư phát triển hệ thống cảng Dung Quất, các dự án cần áp dụng chính sách ưu đãi đặc biệt, cơ chế, chính sách thu hút nhân tài và huy động các nguồn lực cho phát triển khu kinh tế...

- Cho phép nhà đầu tư triển khai xây dựng cảng chuyên dùng gắn với các dự án đầu tư công nghiệp nặng có 100% vốn nước ngoài, để phục vụ mục tiêu dự án. Việc xây dựng cảng chuyên dùng, các nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ trình tự, thủ tục và các điều kiện do pháp luật Việt Nam quy định.

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ nhà ở đối với chuyên gia và người lao động làm việc tại Khu kinh tế Dung Quất.

**Điều 2.** Quy hoạch được phê duyệt sẽ là cơ sở cho việc điều chỉnh, lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch chuyên ngành (quy hoạch xây dựng; quy

hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành khác), các dự án đầu tư thuộc Khu kinh tế Dung Quất theo quy định.

Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất căn cứ những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển Khu kinh tế Dung Quất nêu trong báo cáo Quy hoạch đã được phê duyệt chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và các bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch theo quy định:

a) Quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch chi tiết các khu chức năng; quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực để bảo đảm sự phát triển tổng thể và đồng bộ Khu kinh tế Dung Quất. Trước mắt, trong hai năm 2006 - 2007 cần hoàn chỉnh các quy hoạch sau:

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất; trong đó, cần điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp phía Đông, Khu công nghiệp phía Tây, Khu đô thị Dốc Sỏi, trong phạm vi diện tích khoảng 10.300 ha, bảo đảm phù hợp với nội dung tại Quyết định số 50/2005/QĐ-TTg ngày 11-3-2005 của Thủ tướng Chính phủ.

- Lựa chọn tư vấn nước ngoài tham gia chỉnh lý và hoàn thiện Quy hoạch chi tiết Khu bảo thuế, Khu dịch vụ hậu cần cảng Dung Quất, Khu đô thị và Khu du lịch Vạn Tường.

- Triển khai xây dựng quy hoạch phát triển các lĩnh vực: quy hoạch phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; quy hoạch phát triển dịch vụ, thương mại; quy hoạch lao động, đào tạo và sử dụng lao động.

b) Xây dựng Quy chế hoạt động của Khu bảo thuế, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Các công trình, dự án đầu tư phát triển thuộc Khu kinh tế Dung Quất.

**Điều 3.** Giao các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phối hợp và hỗ trợ Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất triển khai các vấn đề: nghiên cứu lập, điều chỉnh, bổ sung các Quy hoạch nêu trên; nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách thí điểm và điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu phát triển Khu kinh tế Dung Quất trong từng giai đoạn để bảo đảm thực hiện tốt những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển Khu kinh tế Dung Quất nêu trong báo cáo Quy hoạch và tại Quyết định này.

Đẩy nhanh tiến độ đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất vùng và quan trọng đối với sự phát triển của Khu kinh tế Dung Quất đã được quyết định đầu tư. Nghiên cứu, xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan dự kiến sẽ được đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất và tác động cho sự phát

triển của Khu kinh tế Dung Quất tỉnh Quảng Ngãi và Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 5.** Các bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**PHAN VĂN KHẢI**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG VÀ**  
**CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ**  
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 139/2006/QĐ-TTg  
 ngày 16 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)

**1. Danh mục công trình và dự án ưu tiên  
 nghiên cứu đầu tư giai đoạn 2006 - 2010**

STT	Danh mục	Năng lực thiết kế	Kế hoạch bố trí các nguồn vốn đầu tư					Tổng cộng
			Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ODA	Vốn quỹ đất	Vốn trái phiếu CP	Vốn tín dụng ưu đãi	
			(tỷ đồng)	(triệu USD ≈ tỷ đồng)	(tỷ đồng)	(tỷ đồng)	(tỷ đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	<b>TỔNG VỐN ĐẦU TƯ</b>		1.549,1	62,5 ≈ 987,5	250,0	1.012,0	417,0	4.215,6
I	Các dự án đang triển khai đầu tư, còn phải tiếp tục bố trí vốn từ năm 2006 (trong Kế hoạch 2006 - 2010)		675,1	9,5 ≈ 150,1			117,0	942,2
1	Xây dựng các tuyến đường trục vào Khu công nghiệp Dung Quất - phía Đông	11 km	20,0					
2	Xây dựng các tuyến đường Khu công nghiệp Dung Quất - phía Tây	19,7 km	106,0					



Xây dựng đường giao thông nối Dung Quất - sân bay Chu Lai - cảng Kỳ Hà	9,9 km	100,0				
Xây dựng Kê chắn cát cảng Dung Quất (giai đoạn I)	1,70 km	77,0				
Xây dựng Trạm Thu - Phát truyền hình Dung Quất		4,7				
Xây dựng Bệnh viện Dung Quất (giai đoạn I)	100 gg	35,0	2,5			
Xây dựng Trung tâm đào tạo lao động kỹ thuật Khu công nghiệp Dung Quất (Trường đào tạo nghề Dung Quất)	2.000 h/s	21,0	5,0			
Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao đô thị Vạn Tường	12,5 ha	43,0				
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư trong Khu kinh tế Dung Quất	109 ha	82,0				
Xây dựng các nghĩa trang trong Khu kinh tế Dung Quất	20 ha	9,4				
Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom và xử lý nước thải Khu dân cư và chuyên gia đô thị Vạn Tường	10 km	50,0				
Xây dựng Khu xử lý chất thải rắn Khu kinh tế Dung Quất	42.000 T/năm	20,0	2,0			
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Phân khu công nghiệp Sài Gòn - Dung Quất	170 ha	65,0			39,0	

Khu kinh tế Dung Quất (nguồn vốn Chương trình 661)	1.200 ha	12,0					
Xây dựng Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật Nông nghiệp Dung Quất	4 ha	10,0					
Dự án đấu tư đến bù - giải tỏa và san lấp mặt bằng khu hậu cần cảng Dung Quất	168 ha					78,0	
<b>Các dự án sẽ thực hiện đầu tư từ năm 2006 (trong kế hoạch 2006 - 2010)</b>		<b>874,0</b>	<b>53,0 = 837,4</b>	<b>250,0</b>	<b>1.012,0</b>	<b>300,0</b>	<b>3.273,4</b>
Xây dựng đường giao thông trục ven biển đô thị Vạn Tường (gắn với trục đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh)	10,3 km	70,0 (50% vốn ngân sách nhà nước)		70,0 (50% vốn quỹ đất)			Tổng vốn đầu tư 140 tỷ
Xây dựng đường giao thông trục chính trung tâm phía Bắc đô thị Vạn Tường	5,8 km	60,0 (50% vốn ngân sách nhà nước)		60,0 (50% vốn quỹ đất)			Tổng vốn đầu tư 120 tỷ
Xây dựng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống tuyen Trung tâm phía Bắc đô thị Vạn Tường	10 km	60,0	10,0				
Xây dựng Trung tâm Phòng cháy - chữa cháy Khu kinh tế Dung Quất	5 ha	30,0	4,0				
Xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải khu vực Tây - Nam của Khu công nghiệp phía Tây Dung Quất	7 km	30,0					

6	Xây dựng Trụ sở Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất	3 ha	40,0					
7	Xây dựng hệ thống kè và cầu cảng cá cho dân tái định cư dọc sông Trà Bồng	1 km	50,0					
8	Thiết bị Trung tâm Quan trắc - Giám sát môi trường Khu kinh tế Dung Quất	1,1 ha		2,0				
9	Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải phía đông Khu kinh tế Dung Quất	5.054 ha	150,0	20,0				
10	Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải phía tây Khu kinh tế Dung Quất	2.100 ha	100,0	15,0				
11	Đầu tư xây dựng hạ tầng trục khu hậu cần Cảng (giai đoạn I)	100 ha	70,0 (50% vốn ngân sách nhà nước)		70,0 (50% vốn quỹ đất)			Tổng vốn đầu tư 140 tỷ
12	Dự án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất (theo Quyết định số 50/2005/QĐ-TTg)	10.300 ha	4,0	2,0				
13	Dự án Đền bù - giải tỏa mặt bằng các dự án đầu tư đến năm 2010	1.200 ha					300,0	
14	Xây dựng Đoạn tuyến giao thông Bình Long - Ngã ba Nhà máy lọc dầu - cảng Dung Quất	20,3 km				512,0		

15	Xây dựng đường giao thông Trị Bình - cảng Dung Quất (giai đoạn I)	15 km				500,0	Tổng vốn đầu tư 1.100 tỷ
16	Xây dựng các tuyến đường trục Nam Chu Lai Khu công nghiệp phía Tây - Dung Quất (giai đoạn I)	14 km	160,0				Tổng vốn đầu tư 260 tỷ
17	Xây dựng Hạ tầng trục Khu du lịch sinh thái Vạn Tường (giai đoạn I)	200 ha	50,0 (50% vốn ngân sách nhà nước)		50,0 (50% vốn quỹ đất)		Tổng vốn đầu tư 100 tỷ

## 2. Danh mục dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư thời kỳ 2011 - 2015

STT	Danh mục	Năng lực thiết kế	Kế hoạch bố trí các nguồn vốn đầu tư					Tổng cộng
			Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ODA	Vốn quỹ đất	Vốn trái phiếu CP	Vốn tín dụng ưu đãi	
			(tỷ đồng)	(triệu USD ≈ tỷ đồng)	(tỷ đồng)	(tỷ đồng)	(tỷ đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	<b>TỔNG VỐN ĐẦU TƯ</b>		835,0	10,0 ≈ 158,0	465,0	600,0		2.058,0
1	Xây dựng Kè chắn cát cảng Dung Quất (giai đoạn II)	1,70 km	150,0					
2	Mở rộng Trường đào tạo nghề và nâng cấp thành Trường Cao đẳng nghề Dung Quất	3.500 h/s	40,0					
3	Xây dựng Sân vận động (Trung tâm Văn hóa - Thể thao thành phố Vạn Tường)	10.000 chỗ	30,0 (50% vốn ngân sách nhà nước)		30,0 (50% vốn quỹ đất)			Tổng vốn đầu tư 60 tỷ

4	Xây dựng hạ tầng các khu dân cư trong Khu kinh tế Dung Quất (yêu cầu tái định cư từ 2011 đến 2015)	100 ha	60,0 (50% vốn ngân sách nhà nước)			90,0 (50% vốn quỹ đất)		
5	Xây dựng các nghĩa trang trong Khu kinh tế Dung Quất	20 ha	20,0					
6	Đầu tư xây dựng các tuyến đường trục chính Trung tâm phía Nam đô thị Vạn Tường	10 km	100,0 (50% vốn ngân sách nhà nước)			100,0 (50% vốn quỹ đất)		
7	Xây dựng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống tuynen Trung tâm phía Nam đô thị Vạn Tường	10 km	90,0	10,0				
8	Xây dựng Công viên văn hóa và Quảng trường đô thị Vạn Tường	18 ha	45,0 (50% vốn ngân sách nhà nước)			45,0 (50% vốn quỹ đất)		
9	Đầu tư xây dựng hạ tầng trục khu hậu cần Cảng (giai đoạn II)	100 ha	100,0 (50% vốn ngân sách nhà nước)			100,0 (50% vốn quỹ đất)		
10	Xây dựng đường giao thông Trị Bình - cảng Dung Quất (giai đoạn II)	15 km					600,0	
11	Hạ tầng trục khu du lịch sinh thái Vạn Tường (giai đoạn II)	232 ha	100,0 (50% vốn ngân sách nhà nước)			100,0 (50% vốn quỹ đất)		
12	Xây dựng các tuyến đường trục Nam Chu Lai Khu công nghiệp phía Tây - Dung Quất (giai đoạn II)	14 km	100,0					

**3. Danh mục các công trình, dự án hạ tầng do các doanh nghiệp đầu tư khai thác nhằm đồng bộ hóa hệ thống hạ tầng của Khu kinh tế Dung Quất**

STT	Danh mục	Công suất thiết kế	Các nguồn vốn đầu tư		Tổng vốn đầu tư
			Tỷ VNĐ	Triệu USD ≈ Tỷ VNĐ	Tỷ VNĐ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>A</b>	<b>CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2010</b>		<b>4.850</b>	<b>77 ≈ 1.217</b>	<b>6.067</b>
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thiết yếu chung của Khu kinh tế Dung Quất		564	37 ≈ 585	1.149
1	Dự án hệ thống cấp điện cho Khu kinh tế Dung Quất:	300 km	364	30 ≈ 474	838
	- Đường dây 500 KV Pleiku - Dung Quất			30 ≈ 474	474
	- Lưới và trạm hệ thống 220 KW		168		168
	- Lưới và trạm hạ thế 110 KW		136		136
	- Lưới và trạm hạ thế 22 KW		60		60
2	Dự án hệ thống cấp nước (giai đoạn II)	50.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	200		200
3	Dự án hạ tầng BCVT			7 ≈ 111	111

II	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các PKCN và KCN		2.156	40 ≈ 632	2.788
1	Phân KCN Sài Gòn - Quảng Ngãi	130 ha	195		195
2	Phân Khu CN nhẹ Thiên Đàng	110 ha	165		165
3	Khu bảo thuế	288 ha	576		576
4	HTKT sân bay Chu Lai mở rộng về phía Dung Quất	110 ha	220		220
5	Hệ thống Cảng tổng hợp và Cảng chuyên dùng	Tàu 3 vạn DWT	1.000	40 ≈ 632	1632
III	Đầu tư xây dựng hạ tầng các khu đô thị, khu dân cư		1.000		1.000
1	Đô thị Vạn Tường	200 ha	500		500
2	Đô thị Đốc Sỏi	50 ha	125		125
3	Xây dựng các khu chung cư, khu dịch vụ và nhà ở công nhân	150 ha	375		375
IV	Đầu tư xây dựng hạ tầng các khu du lịch		925		925
1	Khu du lịch sinh thái Thiên Đàng - Khe Hai	170 ha	425		425
2	Khu du lịch sinh thái Vạn Tường	200 ha	500		500

<b>V</b>	<b>Đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, y tế, giáo dục, môi trường</b>		<b>205</b>		<b>205</b>
1	Đầu tư xây dựng Trường phổ thông quốc tế Khu kinh tế Dung Quất	6 ha	65		65
2	Đầu tư xây dựng Hệ thống Cấp truyền hình (lại Vạn Tường)		20		20
3	Đầu tư xây dựng Hệ thống xử lý chất thải rắn Khu kinh tế Dung Quất		100		100
4	Đầu tư trồng và chăm sóc rừng phòng hộ, môi trường	2.800 ha	20		20
<b>B</b>	<b>CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015</b>		<b>3.565</b>	<b>103 ≈ 1.627</b>	<b>5,192</b>
1	Đầu tư mở rộng hoàn chỉnh Cảng thương mại và dịch vụ hậu cần Cảng (đạt công suất thiết kế quy hoạch được duyệt)	100 ha		100 ≈ 1.580	1.580
2	Nâng cấp hệ thống lưới điện và các trạm biến áp đồng bộ từ mạch đơn sang mạch kép		150		150
3	Đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp	370 ha	740		740



4	Đầu tư mở rộng hạ tầng cấp nước cho Khu kinh tế Dung Quất đạt 100.000 m <sup>3</sup> /ngày	MR 50.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	300		300
5	Đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Vạn Tường	350 ha	875		875
6	Đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Dốc Sỏi	100 ha	250		250
7	Đầu tư hạ tầng du lịch sinh thái Vạn Tường	232 ha	750		750
8	Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng bưu chính viễn thông			3 ≈ 47	47
9	Đầu tư xây dựng các hạ tầng thiết yếu khác		500		500
	<b>TỔNG CỘNG (A+B)</b>		<b>8.415</b>	<b>180 ≈ 2. 844</b>	<b>11.259</b>

\* Vị trí, diện tích chiếm đất, quy mô công trình; tổng mức và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và chuẩn xác trong bước lập và trình duyệt dự án đầu tư.

## II- NHẬN XÉT VÀ NHỮNG DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC CẤP PHÉP

### NHẬN XÉT CHUNG VỀ ĐẦU TƯ VÀO KHU KINH TẾ DUNG QUẤT

#### 1. Ưu điểm

- Chi phí đầu tư về thuê đất, thuê nhân công, dịch vụ rẻ.

- Được hưởng các chính sách ưu đãi đầu tư vượt trội áp dụng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo hướng mở cửa và hội nhập. Đặc biệt, thực hiện cơ chế "một cửa" bước đầu đã và đang tạo ra môi trường thuận lợi cho nhà đầu tư.

- Có vị trí địa lý thuận lợi về giao thông đường bộ, hàng hải cũng như hàng không: nằm bên quốc lộ 1A, tuyến đường sắt Bắc - Nam, quốc lộ 24 nối với các tỉnh Tây Nguyên và các nước thuộc tiểu vùng sông Mê Kông, cạnh sân bay Chu Lai, cách tuyến nội hải 30 km và các tuyến hàng hải quốc tế 90 km. Dung Quất có thể được

xem là vị trí tâm điểm của Việt Nam và của Đông Nam Á, là điều kiện tốt để phát triển sản xuất kinh doanh.

- Có Cảng biển nước sâu Dung Quất với một hệ thống hạ tầng cảng biển đang hình thành thuận lợi cho sự phát triển của các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp hóa dầu - hóa chất và các ngành công nghiệp khác.

- Hệ thống cơ sở hạ tầng giai đoạn một đã hoàn thiện cơ bản và đang đầu tư xây dựng giai đoạn hai nhằm bảo đảm cung cấp điện, nước, đường giao thông đến hàng rào nhà máy.

- Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất đang được đẩy mạnh tiến độ thi công cùng với Nhà máy đóng tàu Dung Quất và một số dự án lớn như luyện cán thép, chế tạo thiết bị nặng, hóa dầu - hóa chất... đang trong giai đoạn khẩn trương chuẩn bị đầu tư là tiền đề quan trọng tạo cho Khu kinh tế Dung Quất sức hấp dẫn về thu hút vốn đầu tư trong giai đoạn hiện nay.

## **2. Những khó khăn vướng mắc cần tháo gỡ**

- Cả nước đã và đang xuất hiện nhiều khu kinh tế với cơ chế, chính sách tương tự như Khu kinh tế Dung Quất, đặt ra cho Dung Quất nhiều thách thức trong thu hút đầu tư.

- Trước mắt, khả năng đáp ứng nguồn nhân lực tại chỗ còn hạn chế (thiếu đội ngũ lao động kỹ thuật có tay nghề cao và lao động quản lý giỏi).

- Cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư cho Khu kinh tế Dung Quất đi vào thực tiễn còn chậm, nhiều điểm còn chưa hợp lý (như giá đất, cơ chế quản lý một cửa, quản lý tài nguyên, môi trường...).

- Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư vẫn còn nhiều bất cập. Nguồn vốn ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ nên không đủ nguồn vốn để xây dựng các khu tái định cư một cách đồng bộ, đáp ứng yêu cầu của nhân dân trong vùng giải tỏa để thực hiện dự án. Đặc biệt, Nhà nước chưa có chính sách đầu tư hậu tái định cư (như tạo quỹ đất mới để sản xuất, chính sách hỗ trợ và giải quyết việc làm cho hộ dân tái định cư...) nên phần lớn diện hộ dân phải di dời tái định cư gặp nhiều khó khăn.

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước bố trí đầu tư xây dựng hạ tầng tại Khu kinh tế Dung Quất hàng năm rất hạn chế; các nguồn vốn khác như vốn huy động từ quỹ đất, nguồn thu trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất trong 15 năm đầu được bổ sung cho yêu cầu đầu tư hạ tầng còn chưa rõ hành lang; trong khi đó yêu cầu về đầu tư cho hạ tầng thiết yếu, quan trọng đòi hỏi rất cấp thiết và bức xúc (như đường giao thông, cảng biển, các khu tái định cư, các hạ tầng dịch vụ tiện ích); đặc biệt là, Nhà nước thiếu hẳn cơ chế - chính sách đầu tư và giải quyết nhà ở cho công nhân lao động trong Khu kinh tế.

# CÁC DỰ ÁN

## 1. Những dự án đã được cấp phép đầu tư

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Mặt hàng chủ yếu	Diện tích (ha)	Số vốn VND (tỷ đồng)	Số LĐ sẽ làm	Thời gian bắt đầu hoạt động
1	Nhà máy chế tạo thiết bị Dung Quất	Tổng công ty Lilama	Thép	6,42	62,00	300	2002
2	Dự án phân KCN Sài Gòn - Dung Quất	CT phát triển HT Dung Quất	Cung cấp mặt bằng	110,00	128,00	30	2003
3	NM nước Dung Quất giai đoạn 1	Tổng công ty Vinacorex	Nước	16,80	44,80	49	2000
4	NM SX cấu kiện bê tông Phan Vũ	CT cổ phần Phan Vũ	Bê tông	6,40	60,00	41	2002
5	NM SX gạch Block	CT xây dựng 72	Gạch	3,50	8,30	40	2002
6	NM SX gạch Dung Quất 2	CT xây dựng và đầu tư KCN	Gạch	4,00	11,20	135	2002
7	Dự án khu SX phụ trợ	CT Thiết kế và xây dựng đầu khí	Điều hành các dự án của nhà máy lọc dầu	4,00	15,30	40	2005
8	NM SX bê tông Dung Quất	CT đầu tư phát triển	Bê tông	1,00	20,00	30	2002
9	Dự án SX nguyên liệu giấy	CT nguyên liệu giấy Dung Quất	Nguyên liệu giấy	5,20	36,00	162	2003
10	NM chế biến lâm sản xuất khẩu	CT xây lắp & VLXD 5	Đảm gỗ	3,60	36,00	130	2004
11	DA Kho vật tư Nông - Lâm nghiệp	CT Vật tư kỹ thuật Nông - Lâm nghiệp		1,50	7,80		

12	DA dịch vụ và chế biến thức ăn nhanh	CT dịch vụ du lịch Dầu khí	Kinh doanh nhà hàng, dịch vụ du lịch	0,90	4,00	31	2003
13	NM SX than lọc nước thải và bê tông khô	CT cổ phần Vicoximex	Than	4,00	30,00	30	2003
14	NM may Dung Quất	CT may Phương Đông	May mặc	2,80	40,00	1.200	2004
15	Khu nhà ở công nhân	CT PHTT Dung Quất	(40) phòng	1,15	5,00	15	2005
16	NM bê tông ly tâm ứng lực	CT CP bê tông ly tâm Dung Quất	Bê tông	3,00	55,80	180	2005
17	NM CB thực phẩm và nước giải khát	CT cổ phần Vạn Lý	Mực tằm ăn liền	3,10	35,00	97	2005
18	DA NM chế biến gỗ	CT Nông - Lâm sản XK Quảng Ngãi		3,35	37,00		
19	NM Lọc dầu số 1 Dung Quất	TCT Dầu khí Việt Nam		151,00	40.000,00		
20	NM đóng, sửa chữa tàu biển	TCT Tàu thủy Việt Nam		118,3	6.198,00		
21	ĐT&KD HT Khu chuyên gia Vạn Tường 1	CT đầu tư xây dựng Thiên Tân		8,10	19,00	20	2000
22	NM sản xuất Sơn xây dựng	CT cổ phần Vạn Lý	Sơn	2,00	34,70		
23	Khu hậu cần cảng Dung Quất	CT PHTT Dung Quất		113,00	85,00		
24	NM rượu - bia Thành Đô	CT cổ phần Thành Đô	Rượu - bia	2,60	30,00	120	2006
25	NM SX chế biến khoáng sản xuất khẩu	CT TNHH Viên Hoàng		5,50	30,30		
26	NM chế biến sản phẩm gỗ xuất khẩu	CT cổ phần Hùng Văn	Gỗ	3,00	31,80	60	2006
27	NM chế biến gỗ và lâm sản Kim Thành Lưu	CT CNTT TMXD tổng hợp Kim Thành Lưu	Chế biến gỗ và trang trí nội thất	3,10	35,80	103	2006

Khu du lịch sinh thái Thiên Đàng	CT TNHH Thiên Đàng		106,9	199,90		
NM chế biến gỗ xuất khẩu	CT CP SXTMDV XNK Dung Quất	Gỗ	3,90	31,50		
NM chế biến gỗ xuất khẩu Tam Minh	CT TNHH SXTM & ĐT Tam Minh	Gỗ	2,80	30,10	2.000	2006
NM CB gỗ XK Tân Thành - Dung Quất	CT TNHH Chế biến gỗ Tân Thành - Dung Quất	Gỗ	5,38	70,80	50	2006
Hệ thống cấp nước mở rộng GD 1	TCT XNK XD Việt Nam		1,90	13,10		
NM May xuất khẩu Việt - Mỹ	CT TNHH may mặc XK Việt - Mỹ		3,00	64,50		
Bến số 2 - Cảng TH Dung Quất	CT CP Hàng hải Hà Nội		9,5	339,00		
Đầu tư KD khách sạn - dịch vụ Ngọc Linh	CT TNHH TM & ĐT Ngọc Linh		1,28	18,74		
Khu dịch vụ dầu khí tổng hợp	CT dịch vụ kỹ thuật dầu khí (PTSC)		8,00	97,50		
NM chế tạo thiết bị và kết cấu thép	CT TNHH kỹ thuật Chiến Thắng		3,10	49,00		
NM SX cấu kiện thép và dây điện	CT TNHH Minh Thành Tín		1,34	28,50		
HTVP - Kho ngoại quan và các DV hậu cần cảng	CT TNHH TM&GN Quốc tế Đà Nẵng - Dung Quất		5,70	75,00		
NM chế biến lâm sản XK Hiệp Long	CT TNHH TM Hiệp Long		6,00	142,70		
NM chế biến gỗ XK Thành Hưng	CT TNHH Thành Hưng		3,00	43,40		
NM sản xuất bao bì Carton Thành Đô	CT cổ phần Thành Đô		0,30	30,00		
DA kho bãi HH và chế biến gỗ	CT nông sản thực phẩm Quảng Ngãi		3,60	22,00		
NM chế biến đường thô và kho bãi	CT đường Quảng Ngãi		5,40	31,50		

45	Khu KS - Văn phòng cho thuê	CT TNHH Đức Long - Dung Quất		2,10	71,70		
46	NM chế biến khoáng sản và các chế phẩm hóa phẩm hóa học từ sa khoáng	CT TNHH Mai Linh C		3,20	54,00		
47	Kho bãi và phương tiện thiết bị phục vụ vận tải đa phương thức	CT Vận tải đa phương thức		5,50	90,00		
48	Nhà máy may xuất khẩu Việt - Nhật	CT TNHH may mặc xuất khẩu Việt - Nhật	May mặc	3,20	47,70		2006
49	Khu du lịch khách sạn và căn hộ cho thuê	CT TNHH Thương mại và Dịch vụ giải trí Mùa Thu		4,90	87,15		
50	Khu dịch vụ Dung Quất	CT cổ phần Hoàng Mai		1,40	22,90		
51	Khu Thương mại, dịch vụ Tổng hợp Dung Quất	Công ty TNHH Tân Dung Quất		2,00	15,00		
52	DV vận tải hành khách bằng ô tô buýt	Công ty xe khách miền Trung		0,68	50,00		
53	NM bê tông và cấu kiện bê tông đúc sẵn	CT đầu tư và phát triển hạ tầng		2,50	475,00		
54	DA đầu tư Bến số 1 - Cảng Tổng hợp	CT cổ phần Gemadept		11,00	600,00		
55	Khu du lịch sinh thái Đức Long	CT TNHH Đức Long - Dung Quất		19,00	193,00		
56	Nhà máy sản xuất nhựa Polypropylen (PP)	Liên doanh TCT Dầu khí Việt Nam		15,00	2.508,00		
57	Công ty TNHH ADEN Services miền Trung Việt Nam	Công ty TNHH Aden	Dịch vụ nhà khách, phòng nghỉ	1,70	2,40	83	2005
	<b>Tổng cộng</b>				<b>50.113,50</b>		



## 2. Những dự án đã đàm phán và đã được chấp thuận đầu tư

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Diện tích (ha)	Vốn đầu tư VNĐ (tỷ đồng)
1	Kinh doanh hạ tầng KCN	Công ty CP Nam Thái Bình Dương	133	125,00
2	NM SX và sửa chữa Container	Công ty TNHH XD & PTHT Nguyễn Hưng	5,4	120,00
3	ĐTGD khu nhà biệt thự thành phố Vạn Tường	Công ty PTCS hạ tầng Quảng Ngãi	11,24	67,80
4	Khu trung bày và dịch vụ Hoa Lâm	Công ty CP Ôtô xe máy Hoa Lâm	0,6	4,00
5	Nhà máy sản xuất nhựa tổng hợp Composite	DNTN XNK R.O.K.Y	1,9	32,00
6	Khu DV công cộng	Công ty TNHH Thượng Hải	1	15,00
7	XD & KD kết cấu hạ tầng Khu bảo thuế	Công ty Liên doanh C.P.K Bentham	200	300,00
8	Khu Du lịch	Tổng Công ty Du lịch Hà Nội	14,2	190,00
9	Khu Du lịch Vạn Tường 1	Công ty XD số 1 - Tổng Công ty XD Hà Nội	7,5	100,00
10	Khu DV, Du lịch sinh thái Nhà vườn cao cấp	Chi nhánh Công ty CP 658 tại Quảng Ngãi	7,6	80,00
11	Nhà máy luyện thép lò cao	Tập đoàn Tycoon Worldwide Group	450	17.094,00
12	Khu sản xuất cây giống & hỗ trợ trồng cây	Công ty CP Dịch vụ và Môi trường DQ	10	15,00

13	Đầu tư HTKT & Xây dựng Nhà biệt thự	Công ty TNHH Thịnh Nhật Nam	5,4	51,00
14	Nhà máy chế tạo máy JIANG DONG	Công ty CP Jiang Hoai Jiang Su (Trung Quốc)	2,8	56,00
15	Khu du lịch sinh thái	Công ty TNHH Xuyên Thái Bình Dương	10	100,00
16	Nhà máy chế biến gỗ & XK Lưu Nguyên	Công ty TNHH Hoàn Vũ	3	45,00
17	Nhà máy chế biến Gỗ & Lâm sản XK (mở rộng)	Công ty TNHH Kim Thành Lưu	3	30,00
18	Nhà máy sản xuất giấy vệ sinh	Công ty Liên doanh CP Hải Nam	5	160,00
19	NM SX vòng đệm cơ khí & DV kỹ thuật	Công ty TNHH KT-TM Bách Việt	2	50,00
20	Khu Thương mại & dịch vụ Hải Định	Công ty TNHH Thanh Định	8,7	22,00
21	NM liên hợp công nghiệp Doosan	Công ty công nghiệp nặng và XD Doosan	110	3.840,00
22	Khu du lịch sinh thái Trường Xuân	Công ty TNHH Trường Xuân	10	60,00
23	Khu khách sạn & Văn phòng cho thuê	Công ty TNHH Dung Bằng	1,3	20,00
24	Nhà máy chế biến gỗ và sản xuất đồ gỗ Dung Quất	Công ty TNHH TM Hứa Nguyên	3	41,00
25	Nhà máy cơ khí và bảo trì thiết bị dầu khí	Công ty CP Xây lắp dầu khí miền Nam	1,7	25,00
26	Nhà máy nghiền Clinker	CT Cổ phần XD - vật liệu và Đầu tư Đại Việt	8,73	240,00
27	Kho chứa và trạm xuất LPG cho xe bồn	Công ty chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí	4	150,00
28	NM sản xuất thiết bị hàn, kết cấu thép và khí công nghiệp	Công ty TNHH Hàn và khí công nghiệp DEC	3,47	45,00
29	NM sản xuất thức ăn gia súc Dung Quất	Công ty TNHH Phú Lộc	2	48,00

30	NM chế biến tinh dầu thực vật Dung Quất	Công ty TNHH Thanh Tân	1,85	40,00
31	NM chế tạo thiết bị Amigos - Dung Quất	Công ty Amigos	10	192,00
32	NM sản xuất nhựa Polystyren (PS)	Tổng công ty hóa chất Việt Nam	12	816,00
33	Nhà máy sản xuất phân bón Dung Quất	Công ty TNHH Trúc Mai	2,5	40,00
34	NM dịch vụ kỹ thuật công nghiệp	Công ty cổ phần khoan và dịch vụ khoan dầu khí	3	45,00
35	Khu dân cư và chuyên gia NMLD Dung Quất	Công ty cổ phần đầu tư Phan Vũ	12,5	99,00
36	Khu du lịch sinh thái Mai Ninh	Công ty TNHH ĐT & TM Mai Ninh	10	85,00
37	Kho bãi hàng hóa Thuận Yên	Công ty TNHH XD TM & DV Thuận Yên	2	20,00
38	Nhà hàng Hòa Bình	Công ty cổ phần Du lịch Quảng Ngãi	0,47	10,00
39	Trung tâm khách sạn, nhà hàng và khu vui chơi giải trí	Công ty TNHH Vạn Năm	1	18,00
40	Nhà máy sản xuất cọc bê tông Dong Hun	Công ty Dong Hun	15	825,00
41	Khu du lịch Vạn Quỳnh	Công ty Xây dựng Đầu tư và Thương mại Thăng Lợi	2	35,00
<b>Tổng cộng</b>				<b>25.350,80</b>

### 3. Dự kiến những dự án lớn sắp đến

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Diện tích (ha)	Số vốn (triệu USD)
1	NM sản xuất chất tẩy rửa công nghiệp (LAB)	TCT Dầu khí Việt Nam		100,00
2	NM nghiền Clinker	TCT Xi măng Việt Nam		15,00
3	NM luyện phôi thép			200,00
4	Dự án đầu tư khai thác du lịch thành phố Vạn Tường		200,00	80,00
5	Hạ tầng kỹ thuật KCN nhẹ - phía Tây		200,00	30,00
6	Hạ tầng kỹ thuật Phân KCN Việt - Mỹ	CT Dịch vụ hàng hải Việt - Mỹ	133,00	
7	Hạ tầng Khu bảo thuế (giai đoạn I)		114,00	
8	Mở rộng Nhà máy nước Dung Quất	TCT Vinaconex		

# **NHÀ MÁY ĐÓNG TÀU DUNG QUẤT**

*(Thuộc Công ty Công nghiệp tàu thủy Dung Quất)*

1. Diện tích đất sử dụng: 485 ha.
  - Sử dụng cho nhà máy là: 120 ha.
  - Sử dụng cho sáu nhà máy phụ trợ: 270 ha.
  - Làm du lịch sinh thái: 90 ha (ở Vạn Tường).
  - Làm câu lạc bộ cho thủy thủ: 5 ha.
2. Khởi công xây dựng: ngày 17-2-2003.
3. Công suất:
  - Đóng tàu chở dầu có trọng tải lớn từ 100.000 tấn đến 400.000 tấn tải trọng.
  - Cứ 3 tháng đóng xong 1 con tàu có trọng tải 100.000 tấn tải trọng.
  - Từ tháng 5-2006 bắt đầu sản xuất và dự định đến tháng 8-2006 sẽ đóng tàu 100.000 tấn.
4. Công nghệ:

Theo công nghệ của Ba Lan và Hàn Quốc.
5. Công nhân lao động:
  - Có khoảng 10.000 công nhân có tay nghề. Trong

đó khoảng 1.000 cán bộ công nhân có trình độ từ cao đẳng đến đại học.

Đây là *nhà máy đóng tàu lớn nhất Việt Nam và có công nghệ hoàn thiện nhất.*

# DUNG QUẤT - ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG TỔ HỢP LỘC - HÓA DẦU, PHƯƠNG ÁN KINH TẾ VÀ LỢI THẾ CẠNH TRANH\*

## I- VỀ ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG TỔ HỢP LỘC - HÓA DẦU DUNG QUẤT

Khu Dung Quất là địa điểm để xây dựng tổ hợp lộc - hóa dầu vừa qua đã được một đoàn chuyên viên của tập đoàn LG tiến hành khảo sát. Nhiều yếu tố và điều kiện đã được kiểm tra như điều kiện khí hậu, địa lý, đường sá, kết cấu đất, địa điểm cảng, di dân, rà phá bom mìn, nguồn vật liệu xây dựng và phương thức vận chuyển, nguồn cung cấp điện, nước. Có thể kết luận rằng về mặt kỹ thuật, Dung Quất là một địa điểm có thể xây dựng thành công tổ hợp lộc - hóa dầu và so với Khu tổ hợp Hồ Nam của tập đoàn LG thì *Dung Quất có nhiều điểm mạnh hơn như sau:*

- Diện tích lớn để có thể xây dựng một tổ hợp công

---

\* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

nghiệp, không chỉ riêng lọc - hóa dầu mà cả các ngành công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ khác.

- Biển nước sâu kề ngay địa điểm xây dựng.
- Khí hậu ôn hòa.
- Có nguồn nước ngọt kề ngay địa điểm xây dựng.
- Có thể sử dụng nguồn điện từ đường điện 220 KV sẵn có.

Không chỉ các điểm trên, mà *một loạt các nhân tố kinh tế - xã hội khác cũng cần được cân nhắc khi đánh giá địa điểm Dung Quất như sau:*

- Vì Dung Quất nằm ở chính giữa Việt Nam, nên việc xây dựng khu công nghiệp tại đây sẽ có đóng góp to lớn cho sự phát triển kinh tế lâu dài của cả nước. Đồng thời, sự phát triển của khu vực này sẽ có vai trò rất quan trọng trong việc cân bằng kinh tế giữa hai miền Nam và Bắc Việt Nam.

- Vùng Dung Quất có ưu thế về giao lưu trong tương lai với Lào, Campuchia và Thái Lan vì nằm rất gần các nước này, cho phép xuất khẩu các sản phẩm lọc - hóa dầu với các điều kiện thuận lợi hơn.

- Khu Dung Quất nằm ở chính giữa Việt Nam, khoảng cách vào Nam và ra Bắc bằng nhau, nên về mặt lưu thông sản phẩm trên toàn đất nước có nhiều thuận lợi.

Nhằm giảm bớt chi phí xây dựng hạ tầng, tập đoàn LG dựa trên kinh nghiệm tích lũy được từ Nhà máy lọc dầu Hồ Nam của mình và có *một số ý kiến như sau:*



- Giảm thiểu và loại trừ những đoạn đê chắn sóng không cần thiết.

- Dịch địa điểm xây dựng nhà máy lọc dầu về phía nam để giảm lượng cát san lấp.

- Sử dụng hệ thống rót dầu không bện thay cho cảng cố định để tiếp nhận dầu thô.

- Sử dụng tối đa việc vận chuyển thiết bị vào địa điểm xây dựng bằng tàu, xà lan, vì nếu sử dụng đường bộ giá thành sẽ rất cao.

## II- PHƯƠNG ÁN KINH TẾ CỦA CẢNG DẦU KHÍ DUNG QUẤT

### 1. Lợi thế cạnh tranh của Nhà máy lọc dầu Dung Quất

Lợi thế cạnh tranh của Nhà máy lọc dầu Dung Quất phần lớn bắt nguồn từ phương án xây dựng và năng suất của phương tiện cảng dầu khí. Việt Nam bây giờ là thành viên của ASEAN. Sản phẩm dầu lọc từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất gửi đến Hà Nội hay thành phố Hồ Chí Minh phải hoàn toàn cạnh tranh được với sản phẩm dầu lọc nhập từ Xingapo vào hai thành phố đó. Việt Nam được ASEAN cho phép hưởng chế độ thuế nhập khẩu ngoại lệ cho các sản phẩm chiến lược như dầu lọc, nhưng việc áp dụng chế độ thuế này không phải là một chất xúc tác tích cực cho nền kinh tế Việt Nam.

Để đạt được lợi thế cạnh tranh của nhà máy lọc dầu, việc xác định kết cấu cảng tuyệt đối quan trọng, nó được dựa vào hai yếu tố chính:

*a) Chi phí vận tải thấp*

Chi phí vận tải tỷ lệ nghịch với kích thước tàu. Do vậy, phải cố gắng xây dựng một cảng có khả năng tiếp nhận tàu chở dầu càng lớn càng tốt. Điều này áp dụng cho cả tàu chở hàng nhập khẩu và xuất khẩu.

*b) Chi phí bốc dỡ thấp*

Chi phí thuê tàu tại cảng chủ yếu là việc giam giữ tàu mà chi phí hằng ngày là từ 20.000 USD đến 50.000 USD tùy theo tàu lớn nhỏ. Việc giảm thời gian giữ tàu từ khi tàu vừa đến cảng gặp phao tiêu cho đến khi rời cảng, sẽ hạ giá thành vận chuyển và đạt được lợi thế cạnh tranh của nhà máy lọc dầu. Việc giảm thời gian neo đậu được thực hiện qua các thông số sau đây:

- Không mất thời gian chờ thủy triều lên khi vào cảng;
- Không mất thời gian chờ thời tiết tốt để neo tàu;
- Dễ dàng vào bến neo đậu, bến này được định hướng thuận chiều gió chính;
- Nối nhanh với khoang chứa dầu của tàu bằng các tay cần bơm hút dầu tự động;
- Đường ống nối bến tàu với kho chứa dầu phải có đường kính lớn;

- Tốc độ bơm các sản phẩm dầu lọc phải nhanh;
- Cán bộ, công nhân viên được rèn luyện tốt góp phần tiết kiệm thời gian.

Việc tối ưu hóa những yếu tố trên sẽ giúp cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất cạnh tranh được với các nhà máy lọc dầu ở Đông Nam Á.

## 2. Định dạng các loại tàu sẽ cập cảng

### a) Việc cung ứng dầu thô, các loại tàu chở dầu

Đoàn tàu trên thế giới gồm 3.200 chiếc tàu chở dầu với tải trọng chết từ 10.000 DWT đến 450.000 DWT. Các tàu chở dầu được phân loại rõ ràng theo kích thước, được chia thành nhiều nhóm nhỏ với khả năng tiếp nhận được biểu diễn bằng số thùng (được làm tròn số) và phân số trên triệu thùng:

Loại	Dung lượng tàu dầu tính bằng thùng	Phân số trên triệu thùng	Trọng tải chết tấn metric	Phần trăm trên thế giới	Độ mặn nước tối đa m tính tròn
1	250.000	1/4	35.000	14%	13
2	500.000	1/2	70.000	10%	14
3	660.000	2/3	90.000	12%	15
4	1.000.000	1	135.000	18%	18
5	1.660.000	5/3	220.000	3%	20
6	2.000.000	2	270.000	30%	22
7	2.330.000	7/3	310.000	6%	23
8	Cho đến 3.330.000	10/3	Cho đến 450.000	7%	25

Loại thứ 1, 2 và 3 gồm phần lớn các tàu chở sản phẩm dầu lọc; từ loại thứ 4 trở đi là các loại tàu chở dầu thô. Nhà máy lọc dầu Dung Quất (6.500.000 tấn/năm) sẽ do các tàu cỡ 135.000 DWT (1 triệu thùng) cung ứng dầu mỗi tuần một lần một cách dễ dàng. Việc xây dựng cảng để tiếp các tàu loại 5, 6 và 7 là không cần thiết. Việc tiếp nhận tàu loại 6 thí dụ 270.000 DWT sẽ đòi hỏi việc gia tăng đáng kể các phương tiện cảng và kho chứa dầu lọc cũng phải được tăng gấp đôi. Kết luận, chúng tôi có lời khuyên nên chọn cỡ tàu 135.000 DWT có độ mớn nước 18m.

*b) Vận tải các sản phẩm dầu lọc*

Kích thước các tàu đó thay đổi tùy theo điểm giao hàng:

- Ở miền Bắc Việt Nam, có ba cảng được xét đến:

Cảng hiện có Hải Phòng: DWT tối đa là 5.000; độ mớn nước tối đa (m) là 5.

Cảng hiện có Đình Vũ: DWT tối đa là 25.000; độ mớn nước tối đa (m) là 9.

Cảng hiện có Cái Lân: DWT tối đa là 50.000; độ mớn nước tối đa (m) là 12.

- Ở miền Nam Việt Nam, chúng ta phải xét đến:

Cảng hiện có Cát Lái: DWT tối đa là 25.000; độ mớn nước tối đa (m) là 9.

Cảng hiện có Sài Gòn: DWT tối đa là 25.000; độ mớn nước tối đa (m) là 9.

Cảng tương lai Cái Mép: DWT tối đa là 60.000; độ mớn nước tối đa (m) là 13.

Cảng tương lai Vũng Tàu: DWT tối đa là 90.000; độ mớn nước tối đa (m) là 15.

Việc xuất khẩu ra nước ngoài thông thường được thực hiện bằng tàu có tải trọng từ 60.000 đến 90.000 DWT với độ mớn nước từ 13 đến 15m. Kết luận, nên dùng loại tàu có tải trọng tối đa 90.000 DWT với độ mớn nước 15m.

*c) Việc tiếp nhận các thiết bị nặng cho việc xây dựng nhà máy lọc dầu*

Việc xây dựng nhà máy lọc dầu sẽ cần một phương tiện ở gần bên để tiếp nhận các tàu chở các vật nặng cho đến 500 tấn. Những chiếc tàu này được trang bị thiết bị bốc dỡ hàng nặng riêng. Sau khi dỡ hàng xuống bến, việc vận chuyển từ bến tàu đến nhà máy được thực hiện trên các xe móc nhiều bánh có khả năng chở được loại hàng nặng đó. Kích thước trung bình của tàu chở hàng đa mục đích là 20.000 DWT, tối đa là 30.000 DWT. Độ mớn nước tối đa là 10m.

### **3. Các phương án xây dựng cơ bản về cảng Dung Quất**

Có hai phương án được đề nghị bởi Bouygues Offshore:

### *Phương án I:*

Dầu thô được nhận qua hệ thống SPM gồm hai phao đặt ngoài khơi và được dẫn vào bờ bằng một đường ống 3.500m. Sản phẩm dầu lọc được xuất khẩu qua cầu cảng đơn nhánh mà tàu có thể cập được hai mặt, cầu cảng này được bảo vệ bởi một đê chắn sóng trong vịnh Dung Quất. Vị trí của đê chắn sóng cho phép các tàu có độ mớn nước 15m vào cảng không lệ thuộc vào thủy triều.

### *Phương án II:*

Việc giao nhận dầu thô và các sản phẩm dầu lọc được thực hiện qua cầu cảng đơn nhánh mà tàu có thể cập được hai mặt, cầu cảng này được bảo vệ bởi một đê chắn sóng trong vịnh Dung Quất. Vị trí của đê chắn sóng cho phép các tàu có độ mớn nước 18m vào cảng không lệ thuộc vào thủy triều. Hệ thống SPM không cần thiết nữa.

Trong cả hai phương án, một cầu cảng dành cho tàu chở thiết bị phục vụ cho việc xây dựng nhà máy được xây gần bờ phía đông bắc của vịnh. Cầu cảng này phải sẵn sàng 8 tháng sau khi giao thầu nhà máy.

## **4. Xác định các phương tiện**

### *a) Phao SPM*

Phương tiện này là một bộ gồm hai phao SPM cố

diễn được neo bằng tám sợi cáp và dây xích. Phao này phải nằm ở biển có độ sâu ít nhất 22m để các tàu 135.000 DWT có thể ra vào. Các phao phải cách nhau gần 2 km. Chúng được nối với các đường ống dưới biển bằng một PLEM (ống góp ở đầu đường ống) được lắp đặt dưới mỗi phao.

### *b) Cầu tàu*

Phương tiện này là một cầu tàu đơn nhánh được đặt theo hướng đông bắc để đối phó với gió thường thổi trong khu vực. Các tàu dầu có thể neo ở hai bên của cầu tàu. Thiết bị chính là đường ống và các cần bơm hút dầu. Tàu có thể được tiếp liệu trong khi neo đậu.

Trong phương án 2, một trong hai mặt của cầu tàu đơn nhánh được trang bị thêm một giàn tay cần hút để tiếp nhận dầu thô.

Cầu tàu được bảo vệ bởi một đê chắn sóng dài 1.500m. Cầu tàu đơn nhánh này được nối vào đê chắn sóng.

### *c) Cầu tàu phục vụ cho việc xây dựng nhà máy lọc dầu*

Cầu tàu này phải phù hợp với những điều kiện sau đây:

- Phải sẵn sàng cho hoạt động, 8 tháng sau khi việc xây dựng nhà máy lọc dầu được giao thầu, nghĩa là khi bắt đầu tiếp nhận các thiết bị nặng.

- Phải chịu được tải trọng 10 tấn trên  $1m^2$ .
- Phải tiếp nhận được các tàu hàng từ 25.000 đến 30.000 DWT, tức là có độ mớn nước 10m.
- Phải hoàn thành xây dựng cầu tàu trước khi hoàn tất đê chắn sóng.

Cầu tàu bằng thép lắp nhanh kiểu Delong là hệ thống duy nhất có thể đáp ứng những điều kiện trên. Tập đoàn Delong, sở hữu bằng sáng chế Delong, là chi nhánh 100% của Bouygues Offshore. Delong có nhiều công trình trên toàn thế giới. Một trong các cầu tàu của cảng Cam Ranh là cầu tàu Delong. Bouygues Offshore nếu được PetroVietnam yêu cầu sẽ sẵn sàng đệ trình dự toán cho cầu tàu loại này.

Đông bắc của vịnh Dung Quất là vị trí tối ưu cho cầu tàu này. Chỗ độ sâu 11m khi triều thấp chỉ cách bờ 400m. Từ vùng đặt cầu tàu vào đến bờ thì đáy biển cạn. Đường đê nối liền cầu tàu và bờ sẽ được xây với giá thấp. Cuối cùng, khu vực kho chứa gần cầu tàu có thể xây dựng với khối lượng san lấp tối thiểu.

Cầu tàu có thể được coi như là một phương tiện tạm thời phục vụ cho việc xây dựng nhà máy lọc dầu. Các đường cong biểu diễn độ sâu của nước trong vùng xây dựng cảng này rất thuận lợi cho một cảng container nước sâu.

Kích thước tiêu chuẩn của tàu chở container do các xưởng đóng tàu đưa ra đã đạt đến một năng suất là 5.000 và 6.000 TEU (đơn vị tương đương container 20")



và có độ môn nước là 14 và 15m (loại Post Panamax). Cảng của Việt Nam ngày nay chỉ tiếp nhận được tàu container 500 TEU. Trong việc phát triển cảng này, hai bến đậu cho các loại tàu 6.000 TEU cuối cùng có thể được triển khai ở vị trí đặc biệt đông bắc của vịnh Dung Quất. Độ sâu nước ở đầu mút của đê chắn sóng nhất thiết phải có được luồng vào ở mức nước sâu 17m khi triều thấp thích ứng với tương lai của vùng này mai sau.

## **5. Phương án so sánh giá**

Vì chưa có kết quả khảo sát địa chất nào vào thời điểm tiến hành nghiên cứu này nên Bouygues Offshore chưa thể đưa ra được một dự toán về ngân sách chính xác. Tuy nhiên, một vài ý cụ thể có thể được xác định về mặt so sánh các phương án. Phao cấp dầu (SPM) hầu hết được dùng cho việc xuất dầu thô tại nơi khai thác. Khi được dùng cho việc cung ứng dầu cho nhà máy lọc dầu, những điểm đặc trưng khác phải được xét đến.

*a) Những đặc điểm của hệ thống SPM khi được sử dụng cho việc cung ứng dầu cho nhà máy lọc dầu*

Về việc cung ứng dầu thô cho nhà máy lọc dầu, những chi phí đầu tư và điều hành sau đây sẽ phát sinh với hệ thống SPM:

*Hai phao SPM thay vì một:*

Bắt buộc phải lắp đặt hai phao thay vì một cái.

Khu vực này bị chi phối bởi các cơn bão to và thiệt hại có thể xảy ra cho hệ thống neo đậu trong cơn bão, và thường là đối với các ống mềm (các vòi đáy hay các vòi nổi). Cứ hai năm thì mỗi phao này phải được lên ụ để bảo trì. Việc tháo phao, đưa lên ụ và lắp ráp trở lại sẽ kéo dài ít nhất là 60 ngày. Do đó, một phao thứ hai sẵn sàng để đưa vào hoạt động là cần thiết để bảo đảm an toàn cho nhà máy sản xuất.

*Nơi chứa dầu thô phù trợ trên bờ:*

Việc neo tàu và nối ống từ tàu dầu vào SPM không thể thực hiện trong điều kiện biển động. Tình hình biển động phải được xét đến một cách đầy đủ trong kế hoạch xây dựng nhà máy. Một nơi dự trữ an toàn phụ phải được tính đến và cộng thêm vào giá thành của hệ thống cầu cảng. Thí dụ, một nơi chứa phụ với sức chứa 200.000m<sup>3</sup> dầu thô, thì giá sẽ là từ 15 đến 20 triệu USD, tính luôn cả chi phí dọn mặt bằng, làm móng, rào chắn, đi ống, hệ thống bơm tăng áp và hệ thống phòng cháy chữa cháy.

*Phụ phí vận chuyển:*

Thời gian trung bình cho một con tàu neo đậu để dỡ xuống 135.000 tấn dầu thô là 38 giờ tại một phao của hệ thống SPM. Thời gian cần thiết cho cùng một hoạt động như vậy ở một nền cầu tàu cố định chỉ có 19 giờ, tức có một nửa thời gian của trường hợp trên. Cho rằng

phí giữ tàu quá hạn giao kèo là 1.500 USD/giờ thì phụ phí sẽ vào khoảng 30.000 USD cho mỗi chiếc tàu dầu thô cập bến, nghĩa là 1,5 triệu USD mỗi năm. Theo chúng tôi, những đặc điểm trên của hệ thống SPM cần phải xét đến về mặt vốn đầu tư và chi phí hoạt động.

*b) So sánh giá thành giữa phương án 1 và phương án 2*

Việc bố trí cho tàu chở dầu thô loại 135.000 DWT neo đậu tại cảng (phương án 2) gồm:

*Phí tăng thêm vào giá thành của phương án 1:*

- Đầu của dề chắn sóng phải hơi dịch lên phía bắc để cho các tàu có độ mớn nước là 18m (thay vì 15m) có thể ra vào được. Lượng vật liệu xây dựng do đó cũng sẽ tăng lên một cách thích hợp.

- Việc trang bị thêm 4 cần hút 16 inches cho một trong hai mặt của cầu cảng đơn nhánh cập 2 mặt này.

- Việc trang bị thêm một đường ống 48" x 7,7 km trên đất liền nối bến cảng với nhà máy.

*Phí giảm đi so với giá thành của phương án 1:*

- Bớt đi việc lắp đặt hai phao SPM trang bị đầy đủ.

- Giảm đi được một đường ống 1,0 km x 32" (900m trên đất liền, 500m ven bờ, 2.600m ngoài khơi).

- Giảm đi được một nơi chứa an toàn phụ trợ trên bờ (với sức chứa 200.000m<sup>3</sup>).

- Giảm đi phí neo tàu quá hạn giao kèo trong 15 năm.

- Giảm đi phí bảo trì và đại tu các phao trong 15 năm.

Vào giai đoạn này của việc nghiên cứu, không ai có thể nói phương án nào sẽ có giá thành thấp hơn khi mà chi phí đầu tư và chi phí hoạt động được kết hợp lại với nhau. Tuy nhiên, về cảng nước sâu mà nói, địa hình của Dung Quất có một ưu thế duy nhất là nơi mà các tàu có độ mớn nước từ 18m trở lên có thể ra vào được. Nếu không có những quyết định đầu tư ngay từ bây giờ nhằm giữ gìn lợi thế này thì chắc chắn sẽ làm thiệt hại đến tương lai kinh tế của địa phương.

### III. MỘT SỐ CA KHÚC



# Quảng Ngãi đất mẹ ngoan cường

Nhạc và lời TRƯƠNG QUANG LỤC

*Nhịp vừa - Tình cảm tha thiết*

The musical score is written in a single system with a treble clef and a 2/4 time signature. It consists of eight staves of music. The lyrics are written below the notes. The key signature changes from one sharp (F#) to two sharps (F# and C#) in the final two staves. The lyrics are as follows:

Anh từng nói với em về Quảng Ngãi  
Như ngàn tiếng hát ru từ thuở nhỏ

Đất anh hùng sinh du kích Ba Tơ Trong kháng  
Sóng sông Trà âm vang mãi tim ta Luôn thôi

chiến từ núi rừng sông bãi Không cho quân giặc  
thúc trả mối thù Sơn Mỹ Ta ghi sâu nợ

chiếm bao giờ  
máu không nhòa (nhạc

Quảng Ngãi ơi! Còn nhớ  
Quảng Ngãi ơi! Lòng sắt

chãng những ngày thu rực rỡ Đổ bóng cờ từ An  
son đầu nhà tan cửa nát Lòng vững bền một niềm

Tân đến Sa Huỳnh lộng gió Quảng Ngãi ta  
tin đến cách mạng ngời sáng Quảng Ngãi ta

dó!  
dó!

Đất mẹ bao thân thương Tiếng hát bờ  
Sống ngày đêm kiên gan Vang khắp Bình



xe ven sông Tra Khúc Tiếng hát quật khởi đêm ngày không  
Sơn lan vô Mộ Đức Tiếng trống đồng khởi giông rền bốn



dứt Mùa cá chuồn đầy bến Diên Niên nổi sóng Những con  
phù Mùa nắng vàng đẹp lắm khơi trong mắt má Đón anh



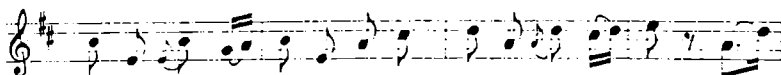
thuyền trông ngóng đón chờ anh **ĐK** - Râm rập như  
vẻ hợp sức giữ làng quê



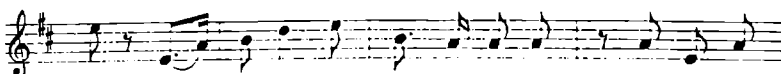
sóng (là hò hời lơ) Đoàn quân giải phóng (là hò hời lơ hời lơ hò



lơ) Các anh về đây quê hương chào đón Ngọn cờ chiến



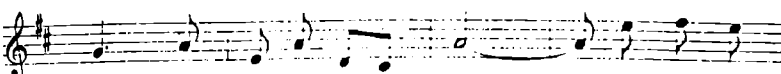
thắng (là hời hò lơ) Vờn bay trong nắng (là hời hò lơ hò



lơ hò lơ ở hời lơ) Vàng câu ca ta chào quê



hương (ơ) trăm mến ngàn thương Núi Ấn sông



Trà mai này sẽ nở hoa Sông núi anh



hùng sáng ngồi trong lòng ta



# Nụ cười Dung Quất

Nhạc TRƯƠNG QUANG LỤC  
Lời NGUYỄN TRUNG HIẾU

*Slow surf*

The musical score is written on a single staff in treble clef with a key signature of two sharps (F# and C#) and a common time signature (C). The tempo is marked 'Slow surf' and the dynamics are 'mp'. The score consists of ten lines of music, each with corresponding Vietnamese lyrics. The lyrics describe a scene of a boat on the sea, with a person looking out at the horizon and reflecting on life. The lyrics are: 'Nắng như quai hàm hấp biển xa mờ Cát vòng (Đã bao) năm nhọc nhằn đời thân còng Vãn bên lên cỏ cây khô xám lụi Đã bao đời bao kiếp trôi qua Bồng sáng gan ngày đêm xe cát biển Những con người trụ bám nơi đây Có biết rục niềm vui thiết tha Đẹp lắm cảnh biển sâu hiền hòa Đã bao... rằng đời dang đổi thay Nhà máy giờ mọc lên từng ngày ...máy giờ mọc lên từng ngày Tôi yêu Dung Quất của tôi Đất cần ...yêu Dung Quất của tôi Bống hải khô giờ đây trẻ lại Qua bao giông tố vượt lên Đã dẫn âu lượn trên biển rộng Bay quanh bao chuyến tàu đi Suốt ngày xanh trong suốt mắt em Tôi đã thấy sao động đêm vang liếng sóng vui Tôi đã thấy quê mình... cả trời mây cao rộng Em ngỡ ngàng hồi hộp lúc trăng lên Tôi... ..rộn lời ca ân tình Sáng nụ cười Dung Quất thắm tươi Đã bao...'

# Vạn Tường thành phố biển

Nhạc TRƯỜNG QUANG LỤC

Thơ NGUYỄN TRUNG HIẾU

Thong thả - Trầm hùng

The musical score is written in a 2/4 time signature with a key signature of one flat (B-flat). It consists of five systems of music, each with a vocal line and a piano accompaniment line. The lyrics are written in Vietnamese and are placed below the vocal line. The score includes various musical notations such as notes, rests, and dynamic markings.

Linh xứng  
Núi Ấn uy nghi soi bóng nước lòng  
Tốp ca  
Con đường cao tốc trải vắt ngang

Nhà máy lọc dầu hay máy quản nước  
sông  
Hàng đường ngát xanh mát cát tình

Thanh thoát bờ xe vọng tiếng ru trưa  
trong  
Tiếng gà cuối xóm hòa tiếng thổi

Nhịp cùng tiếng máy xôn xao rộn rã Tiếng trẻ con vui hát  
dưa  
Tiếng trẻ con vui hát

dưới bóng dừa Núi Ấn uy... ..dừa  
dưới bóng dừa ...dừa

Nhanh hơn  $\overset{3}{\text{triple}}$   $\overset{3}{\text{triple}}$   $\overset{3}{\text{triple}}$  Mạnh

( Nhạc ..... ) **Tốp ca** Thấp thoáng

Vạn Tượng thành phố biển Ba năm từ độ

cúc anh về Vùng đất hoang xưa thành bến cảng

Nhà nhà lớp lớp bãi sân xe

Nhớ ngày kháng chiến lắm gian

nan Máy đặt trên vai vượt dặm ngàn

Nơi máy dừng chân là trận địa Ngày ấy qua

rồi thả sức máy reo vang Ngày ấy qua rồi thả

sức máy reo vang ...vang

Thả sức máy reo vang



## IV- PHỤ LỤC ẢNH





**Đồng chí Nông Đức Mạnh đến thị sát Dung Quốc**



**Đồng chí Đỗ Mười đi thị sát Dung Quất**



**Đồng chí Lê Đức Anh thăm đồng bào, cán bộ chiến sĩ huyện Ba Tư (Quảng Ngãi)**



**Đồng chí Võ Văn Kiệt thị sát vịnh Dung Quất**





**Đồng chí Trần Đức Lương đến thị sát nơi xây dựng Bến số 1  
cảng Dung Quất**



**Đồng chí Phan Văn Khải và đồng chí Ngô Xuân Lộc đến  
thăm Mẹ Việt Nam Anh hùng Nguyễn Thị Đây**



Đồng chí Phan Văn Khải và đồng chí Ngô Xuân Lộc  
thị sát Dung Quất



Đồng chí Phạm Thế Duyệt đến thị sát Dung Quất và n  
xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1



**Đồng chí Nông Đức Mạnh thăm công nhân cảng Dung Quất**



**Đồng chí Nông Đức Mạnh thăm và làm việc tại Dự án  
Nhà máy lọc dầu Dung Quất**



**Đồng chí Nông Đức Mạnh thăm trường dạy nghề Dung**



**Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng phát biểu chỉ đạo tại Lễ. Khởi công gói thầu EPC 1+2+3+4 Nhà máy lọc dầu Dung Qu**



## Đồng chí Lê Khả Phiêu thăm Trường dạy nghề Dung Quất

Ngày 14 - 5 - 1994.

Thưa Ủy ban Quản lý Sản xuất (và là đồng chí kiêm Tổng Giám đốc) là tôi được Ủy ban Quản lý Sản xuất mời đi thăm trường dạy nghề Dung Quất. Tôi rất vui mừng được đi thăm trường này.

Trong thời gian ngắn thăm và nói chuyện với các đồng chí lãnh đạo trường dạy nghề Dung Quất, tôi đã được nghe các đồng chí nói về tình hình dạy nghề ở địa phương này. Tôi thấy trường dạy nghề này có nhiều thuận lợi và khó khăn. Các đồng chí nói rằng, trường dạy nghề này có nhiều thuận lợi, như: có nhiều máy móc, thiết bị dạy nghề, có nhiều đồng chí giảng dạy, có nhiều đồng chí học sinh. Tuy nhiên, các đồng chí cũng nói về một số khó khăn, như: thiếu kinh phí, thiếu cơ sở vật chất, thiếu đồng chí giảng dạy, thiếu đồng chí học sinh. Tôi rất vui mừng được đi thăm trường này.

*(Signature)*

Lê Khả Phiêu  
Ủy ban Quản lý Sản xuất



**Đồng chí Trần Đức Lương thăm Trường dạy nghề Dung Quất**



**Đồng chí Trương Quang Được thăm và làm việc tại công trường xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất (Lãnh đạo công ty Lũng Lỗ - Bộ Quốc phòng đơn vị thi công gọi thầu EPC 5A- đề chuẩn sống)**



**Tiến sĩ Trương Đình Hiến ( bên trái), kỹ sư Bùi Quốc Nghĩa, hai tác giả của công trình “Cảng biển nước sâu và Khu Công nghiệp Dung Quất”**



Lễ động thổ công trình xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất



Lễ khởi công gói thầu EPC 1+2+3+4 Nhà máy lọc dầu Dung Quất





**Quang Cảnh Bến số 1 - Cảng Dung Quất**



**Toàn cảnh Đồi Cây Sấu và một góc mặt bằng Nhà máy  
lọc dầu Dung Quất**



Ống thép nhập về cảng Dung Quất để  
xây dựng nhà máy lọc dầu



Vận chuyển vật tư xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung



**Bốc dỡ và vận chuyển vật tư xây dựng Nhà  
máy lọc dầu Dung Quất**



**ty dịch vụ kỹ thuật Dầu khí (PTSC) bốc dỡ hàng hóa, vật  
tư tại Bến số 1 cảng Dung Quất**



**Mô hình mặt bằng, tổng thể Nhà máy đóng  
tàu Dung Quất (VINASHIN)**



**Quang cảnh Nhà máy đóng tàu Dung Quất**



**Lễ động thổ khởi công xây dựng Nhà máy đóng tàu Dung Quất**



**Lễ khởi công đóng tàu chiếc tàu đầu tiên của Nhà máy đóng tàu Dung Quất**



**Mô hình tàu Dung Quất 01 của Nhà máy đóng tàu VINASH**



**Ngày đầu thi công mặt bằng gói thầu EPC 3  
(Khu bể chứa sản phẩm)**



hi công tường rào gói thầu EPC 3 (Khu bể chứa sản phẩm)



Khai thác đá phục vụ thi công gói thầu EPC 5A

## Gói thầu EPC 5A - Nhà máy lọc dầu Dung Quất( Đê chắn sóng)



**Xử lý nền đất yếu của Đê chắn sóng (các phương tiện thi công của Nhà thầu Ballas Ham - Hà Lan)**





**Tập kết phương tiện thi công gói thầu 5B**



**Phương tiện cơ giới của Công ty dịch vụ kỹ thuật  
Dầu khí (PTSC) tại cảng Dung Quất**



**Trường dạy nghề Dung Quất**



**Bệnh viện Quốc Tế Dung Quất**



# QUY HOẠCH CHUNG KHU KINH TẾ DUNG QUẤT

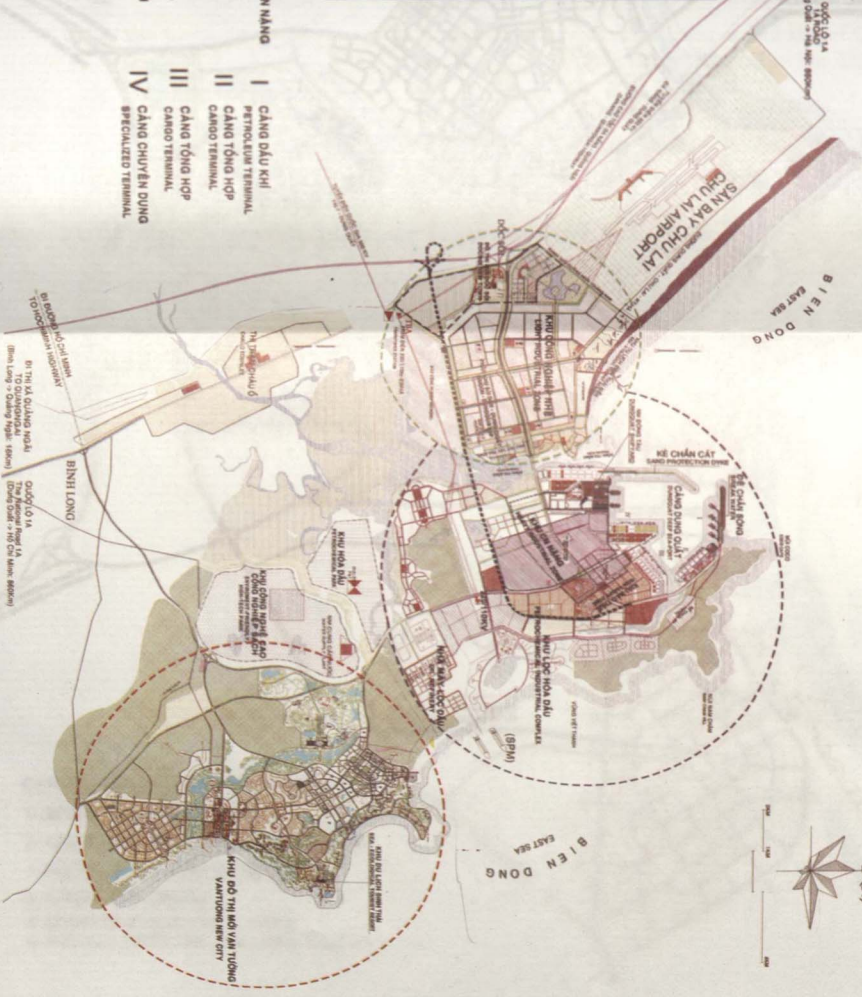
## MASTER PLAN OF DUNGQUAT ECONOMIC ZONE

ĐƯỜNG SỐ 1  
 ĐƯỜNG SỐ 2  
 ĐƯỜNG SỐ 3  
 ĐƯỜNG SỐ 4  
 ĐƯỜNG SỐ 5  
 ĐƯỜNG SỐ 6  
 ĐƯỜNG SỐ 7  
 ĐƯỜNG SỐ 8  
 ĐƯỜNG SỐ 9  
 ĐƯỜNG SỐ 10  
 ĐƯỜNG SỐ 11  
 ĐƯỜNG SỐ 12  
 ĐƯỜNG SỐ 13  
 ĐƯỜNG SỐ 14  
 ĐƯỜNG SỐ 15  
 ĐƯỜNG SỐ 16  
 ĐƯỜNG SỐ 17  
 ĐƯỜNG SỐ 18  
 ĐƯỜNG SỐ 19  
 ĐƯỜNG SỐ 20  
 ĐƯỜNG SỐ 21  
 ĐƯỜNG SỐ 22  
 ĐƯỜNG SỐ 23  
 ĐƯỜNG SỐ 24  
 ĐƯỜNG SỐ 25  
 ĐƯỜNG SỐ 26  
 ĐƯỜNG SỐ 27  
 ĐƯỜNG SỐ 28  
 ĐƯỜNG SỐ 29  
 ĐƯỜNG SỐ 30  
 ĐƯỜNG SỐ 31  
 ĐƯỜNG SỐ 32  
 ĐƯỜNG SỐ 33  
 ĐƯỜNG SỐ 34  
 ĐƯỜNG SỐ 35  
 ĐƯỜNG SỐ 36  
 ĐƯỜNG SỐ 37  
 ĐƯỜNG SỐ 38  
 ĐƯỜNG SỐ 39  
 ĐƯỜNG SỐ 40  
 ĐƯỜNG SỐ 41  
 ĐƯỜNG SỐ 42  
 ĐƯỜNG SỐ 43  
 ĐƯỜNG SỐ 44  
 ĐƯỜNG SỐ 45  
 ĐƯỜNG SỐ 46  
 ĐƯỜNG SỐ 47  
 ĐƯỜNG SỐ 48  
 ĐƯỜNG SỐ 49  
 ĐƯỜNG SỐ 50  
 ĐƯỜNG SỐ 51  
 ĐƯỜNG SỐ 52  
 ĐƯỜNG SỐ 53  
 ĐƯỜNG SỐ 54  
 ĐƯỜNG SỐ 55  
 ĐƯỜNG SỐ 56  
 ĐƯỜNG SỐ 57  
 ĐƯỜNG SỐ 58  
 ĐƯỜNG SỐ 59  
 ĐƯỜNG SỐ 60  
 ĐƯỜNG SỐ 61  
 ĐƯỜNG SỐ 62  
 ĐƯỜNG SỐ 63  
 ĐƯỜNG SỐ 64  
 ĐƯỜNG SỐ 65  
 ĐƯỜNG SỐ 66  
 ĐƯỜNG SỐ 67  
 ĐƯỜNG SỐ 68  
 ĐƯỜNG SỐ 69  
 ĐƯỜNG SỐ 70  
 ĐƯỜNG SỐ 71  
 ĐƯỜNG SỐ 72  
 ĐƯỜNG SỐ 73  
 ĐƯỜNG SỐ 74  
 ĐƯỜNG SỐ 75  
 ĐƯỜNG SỐ 76  
 ĐƯỜNG SỐ 77  
 ĐƯỜNG SỐ 78  
 ĐƯỜNG SỐ 79  
 ĐƯỜNG SỐ 80  
 ĐƯỜNG SỐ 81  
 ĐƯỜNG SỐ 82  
 ĐƯỜNG SỐ 83  
 ĐƯỜNG SỐ 84  
 ĐƯỜNG SỐ 85  
 ĐƯỜNG SỐ 86  
 ĐƯỜNG SỐ 87  
 ĐƯỜNG SỐ 88  
 ĐƯỜNG SỐ 89  
 ĐƯỜNG SỐ 90  
 ĐƯỜNG SỐ 91  
 ĐƯỜNG SỐ 92  
 ĐƯỜNG SỐ 93  
 ĐƯỜNG SỐ 94  
 ĐƯỜNG SỐ 95  
 ĐƯỜNG SỐ 96  
 ĐƯỜNG SỐ 97  
 ĐƯỜNG SỐ 98  
 ĐƯỜNG SỐ 99  
 ĐƯỜNG SỐ 100



- CHỮ THÍCH (LEGENDS):**
- ĐẤT PHÁT TRIỂN CN LỘC HÒA ĐÀU, CN NANG
  - ПЕТРОХИМІКАЛ ь HEAVY INDUSTRY AREA
  - ĐẤT PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP NHẹ
  - LIGHT INDUSTRY AREA
  - ĐẤT PHÁT TRIỂN DÂN CƯ ả VỞ THỊ
  - ĐẤT ĐẤT XANH, CÔNG VIÊN ь DU LỊCH
  - GREEN PARKS ả TOURISM LAND
  - MẶT NƯỚC
  - WATER

- I CẢNG ĐẦU KHI  
PETROCHEMICAL TERMINAL
- II CẢNG TỔNG HỢP  
CANO TERMINAL
- III CẢNG TỔNG HỢP  
CANO TERMINAL
- IV CẢNG CHUYÊN DỤNG  
SPECIALIZED TERMINAL



ĐƯỜNG SỐ 1  
 ĐƯỜNG SỐ 2  
 ĐƯỜNG SỐ 3  
 ĐƯỜNG SỐ 4  
 ĐƯỜNG SỐ 5  
 ĐƯỜNG SỐ 6  
 ĐƯỜNG SỐ 7  
 ĐƯỜNG SỐ 8  
 ĐƯỜNG SỐ 9  
 ĐƯỜNG SỐ 10  
 ĐƯỜNG SỐ 11  
 ĐƯỜNG SỐ 12  
 ĐƯỜNG SỐ 13  
 ĐƯỜNG SỐ 14  
 ĐƯỜNG SỐ 15  
 ĐƯỜNG SỐ 16  
 ĐƯỜNG SỐ 17  
 ĐƯỜNG SỐ 18  
 ĐƯỜNG SỐ 19  
 ĐƯỜNG SỐ 20  
 ĐƯỜNG SỐ 21  
 ĐƯỜNG SỐ 22  
 ĐƯỜNG SỐ 23  
 ĐƯỜNG SỐ 24  
 ĐƯỜNG SỐ 25  
 ĐƯỜNG SỐ 26  
 ĐƯỜNG SỐ 27  
 ĐƯỜNG SỐ 28  
 ĐƯỜNG SỐ 29  
 ĐƯỜNG SỐ 30  
 ĐƯỜNG SỐ 31  
 ĐƯỜNG SỐ 32  
 ĐƯỜNG SỐ 33  
 ĐƯỜNG SỐ 34  
 ĐƯỜNG SỐ 35  
 ĐƯỜNG SỐ 36  
 ĐƯỜNG SỐ 37  
 ĐƯỜNG SỐ 38  
 ĐƯỜNG SỐ 39  
 ĐƯỜNG SỐ 40  
 ĐƯỜNG SỐ 41  
 ĐƯỜNG SỐ 42  
 ĐƯỜNG SỐ 43  
 ĐƯỜNG SỐ 44  
 ĐƯỜNG SỐ 45  
 ĐƯỜNG SỐ 46  
 ĐƯỜNG SỐ 47  
 ĐƯỜNG SỐ 48  
 ĐƯỜNG SỐ 49  
 ĐƯỜNG SỐ 50  
 ĐƯỜNG SỐ 51  
 ĐƯỜNG SỐ 52  
 ĐƯỜNG SỐ 53  
 ĐƯỜNG SỐ 54  
 ĐƯỜNG SỐ 55  
 ĐƯỜNG SỐ 56  
 ĐƯỜNG SỐ 57  
 ĐƯỜNG SỐ 58  
 ĐƯỜNG SỐ 59  
 ĐƯỜNG SỐ 60  
 ĐƯỜNG SỐ 61  
 ĐƯỜNG SỐ 62  
 ĐƯỜNG SỐ 63  
 ĐƯỜNG SỐ 64  
 ĐƯỜNG SỐ 65  
 ĐƯỜNG SỐ 66  
 ĐƯỜNG SỐ 67  
 ĐƯỜNG SỐ 68  
 ĐƯỜNG SỐ 69  
 ĐƯỜNG SỐ 70  
 ĐƯỜNG SỐ 71  
 ĐƯỜNG SỐ 72  
 ĐƯỜNG SỐ 73  
 ĐƯỜNG SỐ 74  
 ĐƯỜNG SỐ 75  
 ĐƯỜNG SỐ 76  
 ĐƯỜNG SỐ 77  
 ĐƯỜNG SỐ 78  
 ĐƯỜNG SỐ 79  
 ĐƯỜNG SỐ 80  
 ĐƯỜNG SỐ 81  
 ĐƯỜNG SỐ 82  
 ĐƯỜNG SỐ 83  
 ĐƯỜNG SỐ 84  
 ĐƯỜNG SỐ 85  
 ĐƯỜNG SỐ 86  
 ĐƯỜNG SỐ 87  
 ĐƯỜNG SỐ 88  
 ĐƯỜNG SỐ 89  
 ĐƯỜNG SỐ 90  
 ĐƯỜNG SỐ 91  
 ĐƯỜNG SỐ 92  
 ĐƯỜNG SỐ 93  
 ĐƯỜNG SỐ 94  
 ĐƯỜNG SỐ 95  
 ĐƯỜNG SỐ 96  
 ĐƯỜNG SỐ 97  
 ĐƯỜNG SỐ 98  
 ĐƯỜNG SỐ 99  
 ĐƯỜNG SỐ 100

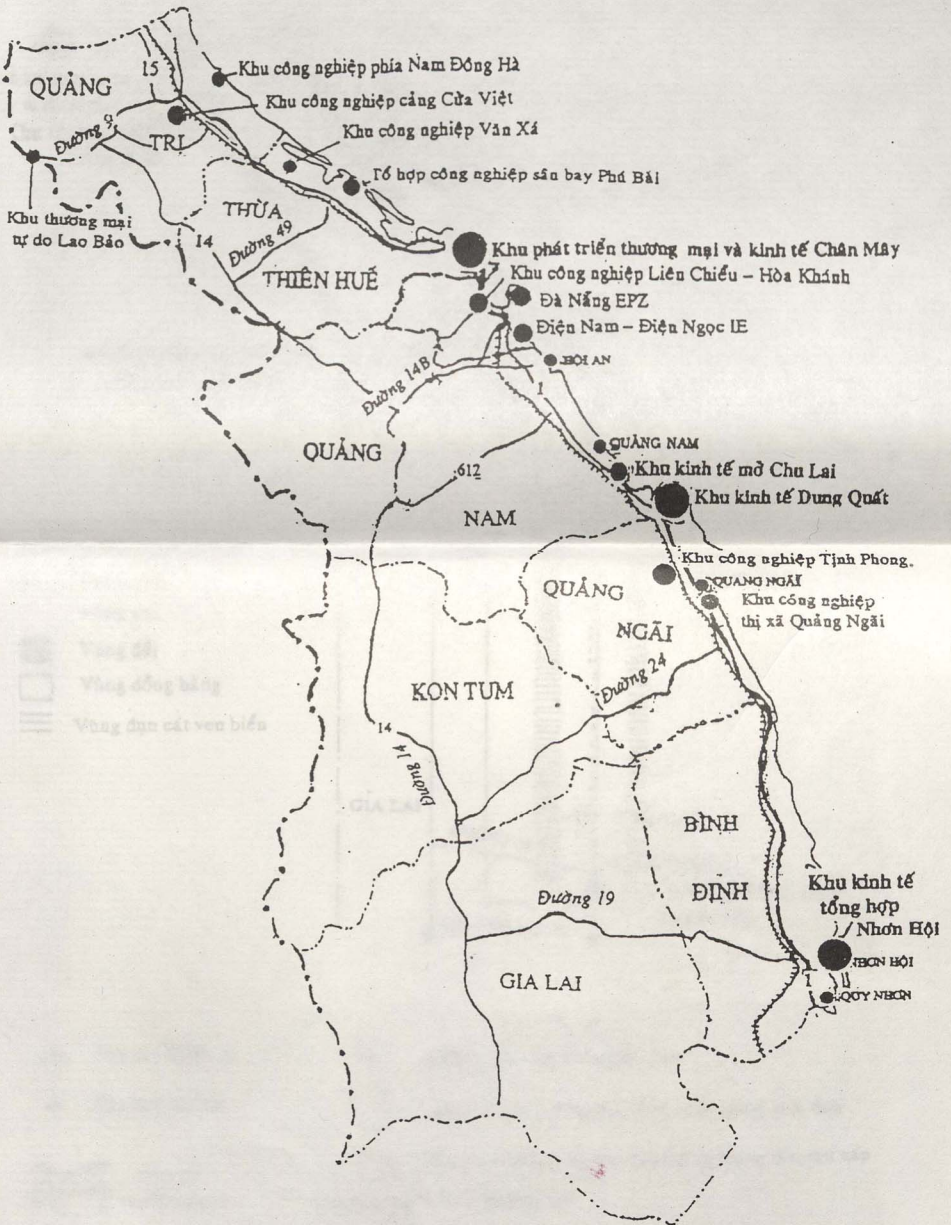
# QUY HOẠCH CHUNG THÀNH PHỐ VẠN TƯỜNG VANTUONG NEW CITY MASTER PLAN



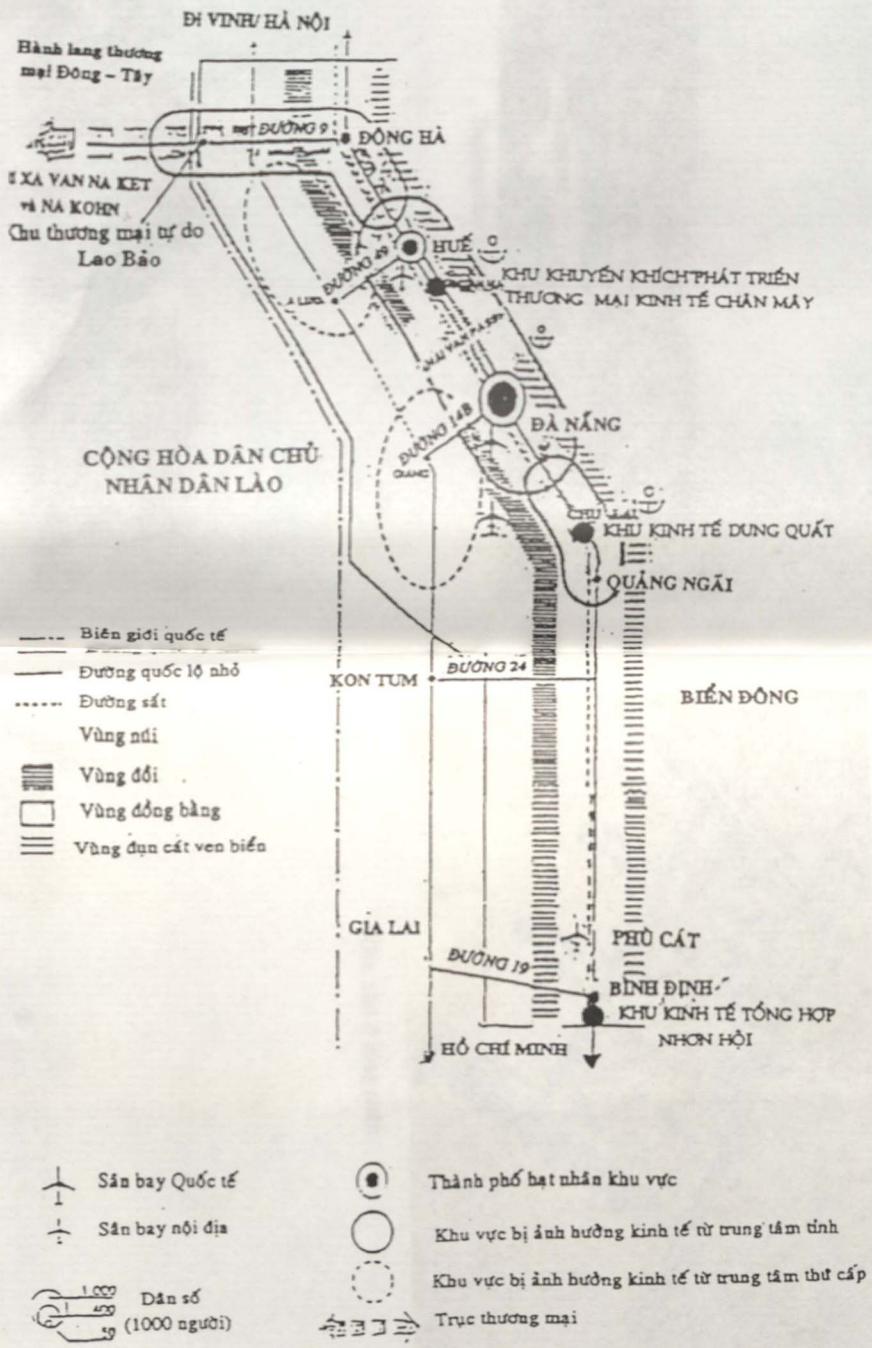
## CATEGORIZED STRUCTURE OF VT NEW CITY

- 1- RESIDENTIAL AREAS: 900ha
- 2- ADMINISTRATIVE & PUBLIC AREAS: 200ha
- 3- GREEN & PARK AREAS: 120ha
- 4- FOREST PARK: 380ha
- 5- SEA-ECOLOGICAL AREA: 420ha
- 6- NATURAL LAND (hills, Agro-land...): 380ha

HÌNH 1. HỆ THỐNG CHUỖI CÁC ĐÔ THỊ VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỌC MIỀN DUYÊN HẢI VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG

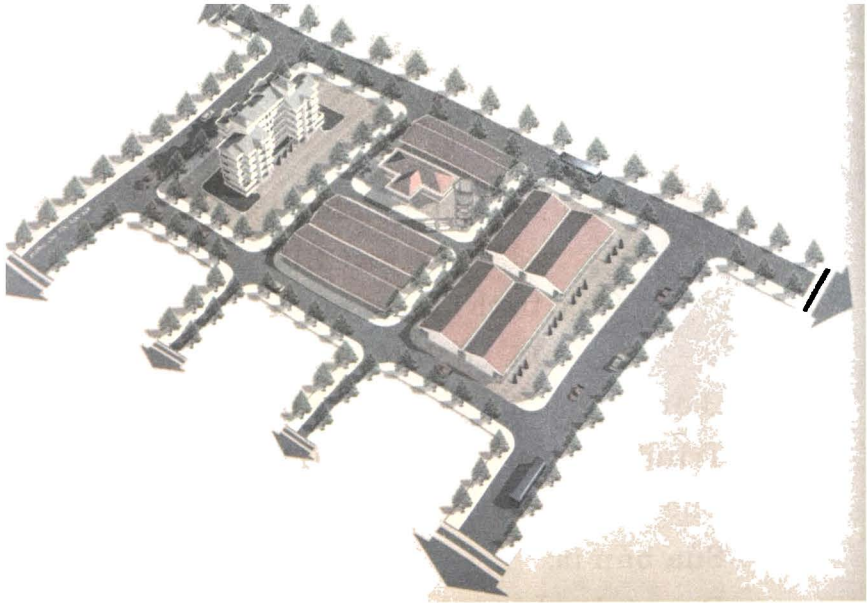


HÌNH 2. CƠ CẤU KHÔNG GIAN DỰ KIẾN HÌNH THÀNH ĐẠI ĐÔ THỊ SINH ĐÔI HUẾ - ĐÀ NẴNG TRONG VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG









**Khu nhà ở công nhân**

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. LÊ MINH NGHĨA

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. LÊ VĂN YÊN

Biên tập nội dung: TRIỆU THỊ LỮ

Trình bày bìa: ĐƯỜNG HỒNG MAI

Chế bản vi tính: BÙI THỊ TÁM

Sửa bản in: LỮ - HIỀN

Đọc sách mẫu: TRIỆU THỊ LỮ

3. 33 (V)

Mã số: \_\_\_\_\_

CTQG - 2006

---

In 1.000 cuốn, khổ 15 x 22cm, tại Xí nghiệp in Tổng hợp Bến Tre.  
Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 159-2006/CXB/588-474/NXBCTQG.  
Quyết định xuất bản số 357-QĐ/NXBCTQG, ngày 23-8-2006.  
In xong và nộp lưu chiểu tháng 9 năm 2006.





Thư viện tỉnh Quảng Ngãi



DCN.000605

# Dùng Quạt

## TIỀN VÀO THẺ KỶ XXI

Sưu Thị Quảng Ngãi



DÙNG QUẠT VÀO THẺ

900001 12/30/2006

65.000 Đ

DN SÁCH TH

NHÀ SÁCH NGUYỄN VĂN CỬ

288B AN DƯƠNG VƯƠNG, Q.5, TP HCM- ĐT: 8392516

GIÁ: 65.000Đ